



NGUYỄN THỊ LY KHA (Chủ biên)

NGUYỄN THỊ THU HUYỀN – TRỊNH CAM LY – PHẠM THỊ KIM OANH

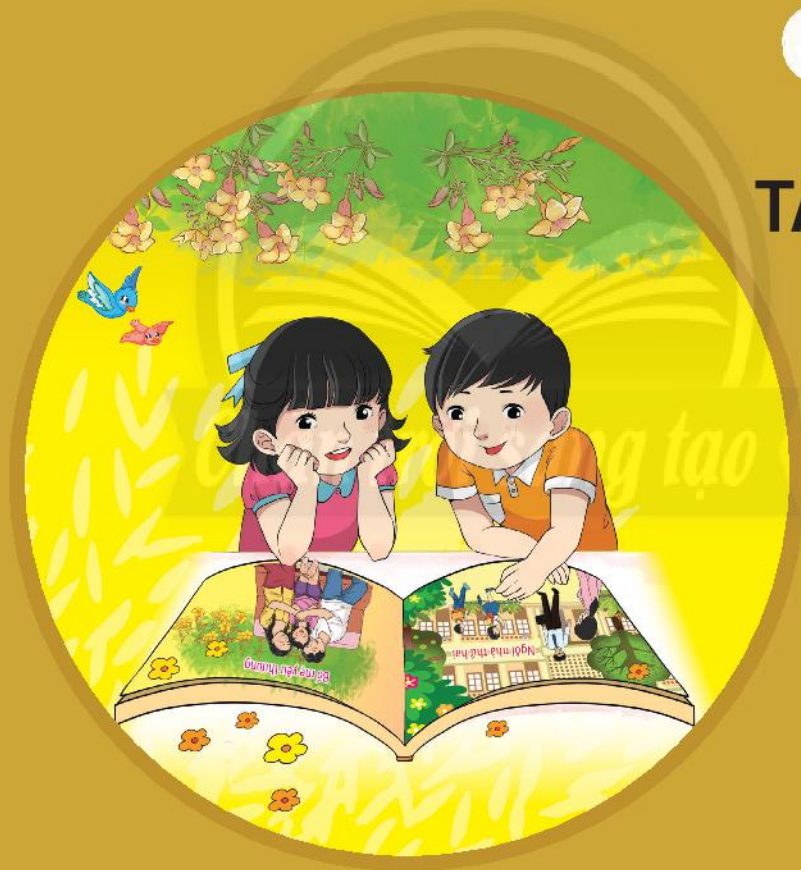
BÙI THANH TRUYỀN – NGUYỄN THỊ XUÂN YẾN

TIẾNG VIỆT

Sách giáo viên



TẬP MỘT



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

NGUYỄN THỊ LY KHA (Chủ biên)
NGUYỄN THỊ THU HUYỀN – TRỊNH CAM LY – PHẠM THỊ KIM OANH
BÙI THANH TRUYỀN – NGUYỄN THỊ XUÂN YẾN

Tiếng Việt

Sách giáo viên



TẬP MỘT

Chân trời sáng tạo



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM



LỜI NÓI ĐẦU

Các thầy cô giáo kính mến!

Sách giáo viên **Tiếng Việt 2** là tài liệu hướng dẫn giảng dạy kèm theo sách học sinh, vở bài tập, vở tập viết Tiếng Việt 2 thuộc bộ sách *Chân trời sáng tạo*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam. Sách được biên soạn với mục đích giới thiệu một phương án dạy học các bài trong sách học sinh Tiếng Việt 2 theo *Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 môn Ngữ văn cấp Tiểu học*.

Sách giáo viên **Tiếng Việt 2** gồm hai tập, trình bày phương án tổ chức hoạt động cho các nội dung dạy học, tương ứng với từng bài học trong hai tập sách học sinh. Để tăng tính chủ động cho các thầy cô trong giảng dạy, các bài hướng dẫn cụ thể được biên soạn theo hướng những thiết kế có tính gợi ý, nêu một vài phương án để thầy cô lựa chọn hoặc dựa vào đó để tổ chức các hoạt động phù hợp với thực tế lớp học. Bên cạnh đó, sách còn đưa ra một số lí giải từ góc độ Việt ngữ học và giáo dục ngôn ngữ cho người bản ngữ dưới dạng các lưu ý. Ngoài ra, sách cũng nêu một vài phương án đánh giá năng lực tiếng Việt của học sinh sử dụng tiếng Việt là ngôn ngữ thứ hai và học sinh có nhu cầu đặc biệt học hoà nhập dưới dạng các gợi ý thêm.

Ngoài những phần vừa nêu, ở đầu sách, tác giả có trình bày một số vấn đề chung như *Quan điểm biên soạn, Những điểm mới của sách giáo khoa Tiếng Việt 2*. Trong sách còn có phần phụ lục giúp các thầy cô thuận lợi hơn khi giảng dạy và sử dụng sách với các nội dung: *Nội dung chương trình môn Tiếng Việt lớp Hai, Phân phối chương trình sách giáo khoa Tiếng Việt 2, Mẫu chữ viết hoa và quy trình hướng dẫn viết chữ hoa*.

Cùng với Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, các tác giả đã nỗ lực để có được một tài liệu hướng dẫn giảng dạy môn Tiếng Việt cho học sinh lớp Hai khả thi, chất lượng, hiệu quả. Tuy vậy, cuốn sách chắc vẫn khó tránh khỏi thiếu sót. Các tác giả mong nhận được những góp ý quý báu từ các thầy cô để sách được hoàn thiện hơn trong những lần in sau.

Các tác giả

MỤC LỤC

Lời nói đầu

Trang

3

Phần một – HƯỚNG DẪN CHUNG

6

A. Những vấn đề chung

6

1. Quan điểm biên soạn 6
2. Một số điểm nổi bật 8
3. Cấu trúc sách giáo khoa Tiếng Việt 2 10

B. Hướng dẫn dạy học

13

1. Bài mới 13
2. Bài ôn tập 20

C. Tổ chức hoạt động dạy học

26

1. Dạy nói và nghe 26
2. Dạy đọc 29
3. Dạy viết 31
4. Tổ chức hoạt động vận dụng 34

D. Hướng dẫn kiểm tra, đánh giá

35

1. Kiểm tra, đánh giá thường xuyên 37
2. Kiểm tra, đánh giá định kì 39

E. Một vài nội dung khác

42

1. Nội dung chương trình môn Tiếng Việt lớp Hai 42
2. Phân phối chương trình sách giáo khoa *Tiếng Việt 2, tập một* 46
3. Mẫu chữ viết hoa và quy trình hướng dẫn viết chữ hoa (A đến P) 53

Phần hai – HƯỚNG DẪN CỤ THỂ

58

Chủ điểm 1 EM ĐÃ LỚN HƠN (TUẦN 1 – 2)

58

- | | | |
|-------|-----------------------|----|
| Bài 1 | Bé Mai đã lớn | 58 |
| Bài 2 | Thời gian biểu | 61 |
| Bài 3 | Ngày hôm qua đâu rồi? | 66 |
| Bài 4 | Út Tin | 70 |

Chủ điểm 2 MỖI NGƯỜI MỘT VẼ (TUẦN 3 – 4)

75

- | | | |
|-------|-----------------------|----|
| Bài 1 | Tóc xoăn và tóc thẳng | 75 |
| Bài 2 | Làm việc thật là vui | 78 |
| Bài 3 | Những cái tên | 83 |
| Bài 4 | Cô gió | 87 |

Chủ điểm 3	BỐ MẸ YÊU THƯƠNG (TUẦN 5 – 6)	92
Bài 1	Bọ rùa tìm mẹ	92
Bài 2	Cánh đồng của bố	96
Bài 3	Mẹ	101
Bài 4	Con lợn đất	105
Chủ điểm 4	ÔNG BÀ YÊU QUÝ (TUẦN 7 – 8)	111
Bài 1	Cô chủ nhà tí hon	111
Bài 2	Bưư thiếp	114
Bài 3	Bà nội, bà ngoại	118
Bài 4	Bà tôi	122
ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I (TUẦN 9)		127
Ôn tập 1		127
Ôn tập 2		129
Ôn tập 3		131
Ôn tập 4		133
Ôn tập 5		135
Chủ điểm 5	NHỮNG NGƯỜI BẠN NHỎ (TUẦN 10 – 11)	137
Bài 1	Cô chủ không biết quý tình bạn	137
Bài 2	Đồng hồ báo thức	141
Bài 3	Đồ đạc trong nhà	146
Bài 4	Cái bàn học của tôi	149
Chủ điểm 6	NGÔI NHÀ THỨ HAI (TUẦN 12 – 13)	155
Bài 1	Bàn tay dịu dàng	155
Bài 2	Danh sách tổ em	159
Bài 3	Yêu lắm trường ơi!	164
Bài 4	Góc nhỏ yêu thương	167
Chủ điểm 7	BẠN THÂN Ở TRƯỜNG (TUẦN 14 – 15)	173
Bài 1	Chuyện của thước kẻ	173
Bài 2	Thời khoá biểu	176
Bài 3	Khi trang sách mở ra	181
Bài 4	Bạn mới	184
Chủ điểm 8	NGHỀ NÀO CŨNG QUÝ (TUẦN 16 – 17)	189
Bài 1	Mẹ của Oanh	189
Bài 2	Mục lục sách	192
Bài 3	Cô giáo lớp em	197
Bài 4	Người nặn tò he	200
ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I (TUẦN 18)		205
Ôn tập 1		205
Ôn tập 2		208
Đánh giá cuối học kì I		210



HƯỚNG DẪN CHUNG

A. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

Ở phần *Hướng dẫn chung*, sách giáo viên (SGV) nêu những vấn đề có tính chất chung như *Quan điểm biên soạn; Những điểm mới của sách; Cấu trúc sách và các bài học; Tổ chức các hoạt động dạy học; Hướng dẫn kiểm tra, đánh giá*,... trước khi trình bày các phương án dạy học cho từng bài cụ thể.

1. QUAN ĐIỂM BIÊN SOẠN

1.1. Định hướng chung

Bộ sách giáo khoa (SGK) Tiếng Việt (*Chân trời sáng tạo*) được biên soạn nhằm đáp ứng các yêu cầu: (1) Tuân thủ định hướng đổi mới giáo dục phổ thông: chuyển từ chú trọng truyền thụ kiến thức sang giúp học sinh (HS) hình thành, phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực; (2) Bám sát các tiêu chuẩn SGK mới theo Thông tư số 33/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 22/12/2017.

Bộ SGK Tiếng Việt được biên soạn theo chủ trương “một chương trình (CT), một số sách giáo khoa” được quy định tại Nghị quyết 88 của Quốc hội và căn cứ theo Điều 32 Luật Giáo dục (sửa đổi) năm 2019 (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

1.2. Quan điểm giao tiếp và quan điểm tích hợp

Nhóm tác giả quan niệm SGK *Tiếng Việt 2* cần dạy học ngôn ngữ thông qua các hoạt động đọc, viết, nói và nghe trong ngữ cảnh tự nhiên, gần gũi với đời sống thực, khơi gợi được hứng thú của HS thông qua hệ thống ngữ liệu và cách khai thác phù hợp. SGK *Tiếng Việt 2* cần đảm bảo: (1) Sự phù hợp giữa CT, SGK với cách thức học tập, khả năng tham gia hoạt động học tập của HS; (2) Sự phù hợp với các đặc tính cá nhân của HS khi tham gia vào quá trình dạy học ngôn ngữ; (3) Việc tạo môi trường ngôn ngữ chân thật giúp HS hình thành và phát triển năng lực đọc, viết, nói và nghe.

Để đảm bảo quan điểm giao tiếp, SGK *Tiếng Việt 2* tập trung hình thành năng lực giao tiếp tiếng Việt cho HS; tổ chức các hoạt động đọc, viết, nói và nghe có mục đích giao tiếp; tổ chức bài học thành chuỗi hệ thống hoạt động/ bài tập (BT); dạy học kĩ năng ngôn ngữ gắn liền ngữ cảnh chân thực với HS; công nhận, khai thác, vận dụng kinh nghiệm ngôn ngữ, xã hội của HS; ưu tiên việc dạy ý nghĩa của ngôn từ hơn dạy cấu trúc, hình thức ngôn ngữ.

Để đảm bảo quan điểm tích hợp, *Tiếng Việt 2* tích hợp dạy học bốn kĩ năng đọc, viết, nói và nghe; tích hợp dạy ngôn ngữ và dạy văn chương nhằm bồi dưỡng phẩm chất, năng lực sử dụng ngôn ngữ; tích hợp dạy các giá trị văn hoá, giáo dục, phát triển nhân cách; tích hợp phát triển ngôn ngữ và tư duy; tích hợp dạy Tiếng Việt với các môn học và hoạt động giáo dục khác (Đạo đức, Tự nhiên và Xã hội, Âm nhạc, Mỹ thuật, Hoạt động trải nghiệm,...).

SGK *Tiếng Việt 2* tạo điều kiện để giáo viên (GV) tổ chức dạy học và phát triển các kĩ năng ngôn ngữ cho HS trên cùng một ngữ liệu nguồn: từ bài đọc, các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe được rèn luyện và phát triển; liên kết các thể loại văn bản trong trục chủ điểm của bài học. Hoạt động tổ chức cho HS tiếp cận thể loại văn bản (hình thức) được tổ chức gắn kết với hoạt động tổ chức chiếm lĩnh nội dung của văn bản nhằm tạo liên kết về nội dung. Trường liên tưởng được chú ý thể hiện xuyên suốt, GV có thể khai thác qua việc dạy học các bài học.

SGK *Tiếng Việt 2* gia tăng tỉ lệ các văn bản thông tin với các thể loại cơ bản: văn bản thông tin khoa học thường thức; văn bản giới thiệu; văn bản hướng dẫn. Ba thể loại văn bản này góp phần giúp HS nâng cao năng lực đọc hiểu các thể loại văn bản bên cạnh văn bản văn chương.

SGK *Tiếng Việt 2* thiết kế các hoạt động trong một bài học đi từ việc khai thác kinh nghiệm ngôn ngữ, vốn sống để HS rút ra ý nghĩa của việc đọc, viết; tự giác tham gia vào hoạt động đọc viết và vận dụng các điều đã học ở bài học để nói, viết (sáng tạo). Quy trình khép kín và nâng cao này sẽ gia tăng năng lực sử dụng tiếng Việt, năng lực tư duy cho HS.

Theo định hướng đổi mới được quy định trong CT Ngữ văn 2018, sách *Tiếng Việt 2* chuyển tải những thành tựu giáo dục hiện đại qua các bài học, các chủ điểm với những tên gọi gần gũi, thân thuộc với HS, lấy HS làm trung tâm, phát triển và mở rộng dần theo vòng tròn đồng tâm kiểu “lồng xoáy”. Chẳng hạn, các chủ điểm ở học kì I xoay quanh những nội dung gần gũi về bản thân HS, gia đình, trường học,...: *Em đã lớn hơn*, *Mỗi người một vẻ*, *Bố mẹ yêu thương*, *Ông bà yêu quý*, *Những người bạn nhỏ*, *Ngôi nhà thứ hai*, *Bạn thân ở trường*, *Nghề nào cũng quý*. Sang học kì II, nội dung về thế giới xung quanh được mở rộng và nâng cao: *Nơi chốn thân quen*, *Bốn mùa tươi đẹp*, *Thiên nhiên muôn màu*, *Sắc màu quê hương*, *Bác Hồ kính yêu*, *Việt Nam mến yêu*, *Bài ca Trái Đất*.

Mặt khác, các nội dung giáo dục về sự chia sẻ, về những nét đẹp của văn hoá, phong tục tập quán được bố trí, sắp xếp hài hoà gần như trùng với các dịp lễ tết, các hoạt động văn hoá, giáo dục. Chẳng hạn chủ điểm *Em đã lớn hơn* được học ngay sau ngày khai trường; các chủ điểm *Ngôi nhà thứ hai*, *Bạn thân ở trường* được học vào dịp chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam; chủ điểm *Nơi chốn thân quen* và chủ điểm *Bốn mùa tươi đẹp* được học vào dịp tết Nguyên đán; chủ điểm *Bài ca Trái Đất* được học vào dịp hưởng ứng ngày Trái Đất của thế giới,...

Bên cạnh đó, các nội dung giáo dục về bình đẳng giới, giáo dục đạo đức, bồi dưỡng tình yêu quê hương đất nước, giáo dục ý thức về chủ quyền quốc gia, biển đảo, giáo dục lòng biết ơn lãnh tụ, anh hùng dân tộc,... được kết nối, lồng ghép qua các bài đọc hiểu, chính tả, kể chuyện, tập làm văn,...

Các chủ điểm của sách *Tiếng Việt 2* cũng được kế thừa và phát triển trên cơ sở sách *Tiếng Việt 1*. Chẳng hạn, các chủ điểm *Lớp em*, *Những bông hoa nhỏ*, *Bạn cùng học cùng chơi*, *Những người bạn đầu tiên*, *Biển đảo yêu thương*, *Chúng mình thật đặc biệt*,... ở *Tiếng Việt 1* được tiếp tục nâng cao qua các chủ điểm *Em đã lớn hơn*, *Bố mẹ yêu thương*, *Ngôi nhà thứ hai*, *Sắc màu quê hương*, *Việt Nam mến yêu*, *Bài ca Trái Đất*,... Sự kế thừa này thể hiện rõ nguyên tắc đồng tâm xuyên suốt bộ sách, đồng thời tạo điều kiện giúp GV và HS sử dụng sách *Tiếng Việt 2* hiệu quả hơn.

SGK *Tiếng Việt 2* chú trọng phát huy vai trò của kênh hình. Trong sách, việc sử dụng các biểu tượng được tiếp tục trên cơ sở kế thừa ý tưởng từ SGK *Tiếng Việt 1* để “phạm trù hoá” các hoạt động và cấu trúc bài học, đồng thời làm tăng thêm tính hấp dẫn của sách đối với HS. Tuy nhiên, để phù hợp với các hoạt động dạy học ở lớp Hai, các biểu tượng có những thay đổi nhỏ để phù hợp hơn, chẳng hạn biểu tượng cho hoạt động *Khởi động*, *Khám phá và luyện tập*, *Vận dụng*.

SGK *Tiếng Việt 2* được in với giấy chất lượng tốt, nhiều tranh ảnh được đầu tư công phu, nhờ vậy các trang sách có tính thẩm mỹ cao, gây hứng thú với HS. Kèm SHS là SGK, vở bài tập (VBT) (bao gồm các BT chính tả, luyện từ, luyện câu, luyện viết sáng tạo), vở tập viết (VTV) (bao gồm các nội dung viết hoa, rèn luyện kỹ thuật viết) và sách luyện đọc mở rộng (ĐMR) (bao gồm các nội dung rèn luyện, phát triển kỹ năng đọc, viết, nói và nghe (theo CT 2018)).

2. MỘT SỐ ĐIỂM NỔI BẬT

2.1. Kết nối, kế thừa Tiếng Việt 1

Các đặc điểm về cấu trúc, nội dung tư tưởng, quan điểm biên soạn và triết lý giáo dục trong sách giáo khoa *Tiếng Việt 2* đã được khẳng định ở sách giáo khoa *Tiếng Việt 1*. Chẳng hạn: cấu trúc các bài học của một chủ điểm, cấu trúc từng bài học; quan điểm giao tiếp và tích hợp trong biên soạn; triết lý dạy chữ – dạy người; ứng dụng những thành tựu của giáo dục học, tâm lý học hiện đại, tâm lý nhận thức, tâm lý ngôn ngữ của HS trong việc lựa chọn hệ thống ngữ liệu, thiết kế BT.

Trong từng ngữ liệu của bài đọc và BT đều hướng tới mục đích giáo dục, chứa đựng triết lý giáo dục: (1) Giáo dục HS biết tôn trọng sự khác biệt, phát huy điểm mạnh, khắc phục điểm hạn chế của bản thân; giáo dục bình đẳng giới; biết yêu quý, tôn trọng mọi người, mọi vật xung quanh (*Em đã lớn hơn*, *Mỗi người một vẻ*); (2) Giáo dục HS “kết nối yêu thương” từ những điều bình thường, giản dị, bằng những việc làm phù hợp lứa tuổi,... (*Bố mẹ yêu thương*, *Ông bà yêu quý*); (3) Giáo dục ý thức về văn hoá truyền thống, ý thức

về quê hương đất nước (*Nơi chốn thân quen, Quê hương tươi đẹp, Việt Nam mến yêu*); (4) Giáo dục ý thức về cuộc sống hiện đại, về môi trường (*Bốn mùa tươi đẹp, Thiên nhiên muôn màu, Bài ca Trái Đất*),...

2.2. Thiết kế nội dung theo mạch chủ điểm và theo trình tự

Nội dung ngữ liệu để hình thành, phát triển các phẩm chất và năng lực được thiết kế thành các chủ điểm với năm nội dung lớn theo mạch nhìn từ bản thân HS mở rộng ra thế giới xung quanh. Cụ thể như sau:

- ♦ Bản thân
- ♦ Gia đình
- ♦ Nhà trường
- ♦ Quê hương đất nước
- ♦ Thiên nhiên và môi trường.

Mỗi nội dung được học trong bốn tuần liên tục và gắn liền với việc hình thành kỹ năng, rèn luyện phẩm chất, rèn luyện năng lực chung, năng lực đặc thù. Chẳng hạn, mạch nội dung **Bản thân** gồm chủ điểm *Em đã lớn hơn* (với các bài học – bài đọc: *Bé Mai đã lớn, Thời gian biểu, Ngày hôm qua đâu rồi?, Út Tin*) và chủ điểm *Mỗi người một vẻ* (với các bài học – bài đọc: *Tóc xoăn và tóc thẳng, Làm việc thật là vui, Những cái tên, Cô giáo*). Tiếp theo là mạch nội dung **Gia đình** gồm chủ điểm *Bố mẹ yêu thương* (với các bài học – bài đọc: *Bọ rùa tìm mẹ, Cánh đồng của bố, Mẹ, Con lợn đất*) và chủ điểm *Ông bà yêu quý* (với các bài học – bài đọc: *Cô chủ nhà tí hon, Bùn thiếp, Bà nội, bà ngoại, Bà tôi*),... Đồng thời các hoạt động mở rộng vốn từ (MRVT), rèn luyện nghi thức lời nói, kỹ năng viết câu, đoạn,... cũng gắn với mạch nội dung trên. Ví dụ (VD): nội dung luyện tập làm thời gian biểu gắn với chủ điểm *Em đã lớn hơn*; nội dung giới thiệu/ tả một đồ vật thân quen gắn với chủ điểm *Những người bạn nhỏ*,...

Năm nội dung trên tương ứng và tích hợp hàng ngang với nội dung của các môn học khác như *Tự nhiên và Xã hội, Đạo đức, Hoạt động trải nghiệm, Mỹ thuật, Âm nhạc*,... Chẳng hạn, các văn bản thông tin về xã hội, thế giới tự nhiên, môi trường đều có sự kết nối chặt chẽ với CT và tài liệu dạy học môn *Tự nhiên và Xã hội, Hoạt động trải nghiệm*; hoặc nội dung giáo dục đạo đức, nhân cách trong các bài học cũng được xem xét trong mối quan hệ mật thiết với CT và tài liệu dạy học môn *Đạo đức, Mỹ thuật, Âm nhạc*,...

2.3. Thiết kế chủ điểm, bài học theo nguyên tắc liên kết tích hợp

Mỗi chủ điểm/ bài học đều được xây dựng trên một cấu trúc khép kín, liên kết, tích hợp theo cả trục ngang và trục dọc các nội dung, kỹ năng trong từng tuần học, bài đọc và BT, đảm bảo liên kết phần bài học và phần thực hành – luyện tập – vận dụng, giữa các tuần trong một mạch nội dung, và giữa các nội dung lớn với nhau. Chẳng hạn, chủ điểm

Nơi chốn thân quen với các bài học – bài đọc: *Khu vườn tuổi thơ*, *Con suối bên tôi*, *Con đường làng*, *Bên cửa sổ dẫn dắt và giáo dục HS từ việc biết yêu quý những gì gần bó, gần gũi, thân quen đến yêu quê hương, đất nước, cội nguồn dân tộc.*

2.4. Thiết kế các hoạt động rèn luyện kỹ năng trên cơ sở đặc điểm tâm lý nhận thức của học sinh

Các hoạt động hình thành và rèn luyện kỹ năng đọc, viết, nói và nghe được thiết kế, tính toán theo ma trận nhằm đảm bảo tính tiến trình theo hướng tăng dần về số lượng, chất lượng, độ khó. Chẳng hạn, kỹ năng kể chuyện được thiết kế từ *nghe – kể đến xem – kể, đọc – kể*; hoặc hoạt động ĐMR bắt đầu từ nêu tên văn bản, tên tác giả, nguồn của văn bản đọc, chi tiết thích nhất đến việc nêu nội dung, bài học được rút ra, đánh giá về bài/ truyện đọc; từ chia sẻ với bạn đến việc biết hỏi lại điều mình muốn bạn nói rõ hơn,...

2.5. Thiết kế quy trình khép kín cho các hoạt động rèn luyện và phát triển kỹ năng

Bên cạnh việc chú ý tính tích hợp, liên kết chặt chẽ giữa ngữ liệu đọc với việc phát triển các kỹ năng nói, nghe, đọc, viết, mỗi kỹ năng riêng biệt còn được chú ý thiết kế theo một quy trình hướng dẫn quá trình nhận thức khép kín cho người học nhằm đảm bảo tính phù hợp với khả năng tiếp nhận của HS, tính trọn vẹn của một kỹ năng, hướng đến việc HS tự khám phá, tự làm chủ quy trình thực hiện một kỹ năng ngôn ngữ.

3. CẤU TRÚC SÁCH GIÁO KHOA TIẾNG VIỆT 2

3.1. Cấu trúc chung

Theo quy định của CT Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018, môn Tiếng Việt cấp Tiểu học, SGK *Tiếng Việt 2*, bộ sách *Chân trời sáng tạo* biên soạn cho 35 tuần thực học, tổng cộng 350 tiết, chia thành hai tập:

- ♦ *Tập một*: dành cho học kì I, gồm 18 tuần với 16 tuần dạy bài mới (8 chủ điểm), một tuần ôn tập giữa học kì và một tuần ôn tập, kiểm tra đánh giá cuối học kì.
- ♦ *Tập hai*: dành cho học kì II, gồm 17 tuần với 15 tuần dạy bài mới (7 chủ điểm), một tuần ôn tập giữa học kì và một tuần ôn tập, kiểm tra đánh giá cuối học kì.

Mỗi tập sách gồm *Kí hiệu dùng trong sách*, *Lời nói đầu*, *Mục lục* và các bài học được sắp xếp theo chủ điểm. Cuối sách có bảng *Một số thuật ngữ dùng trong sách* và *Bảng tra cứu tên riêng nước ngoài*.

3.2. Cấu trúc chủ điểm

– *Về thời lượng*: Mỗi chủ điểm gồm hai tuần học, mỗi tuần 10 tiết, mỗi buổi hai tiết, có thể xếp vào giờ chính khoá của mỗi buổi sáng. Các trường học hai buổi/ ngày có thể xếp thêm hai tiết/ tuần vào giờ tự học buổi chiều để tạo điều kiện cho HS củng cố các kỹ năng đã học buổi sáng và MRVT.

– *Về số bài và kiểu bài*: Mỗi chủ điểm có bốn bài đọc hiểu kèm theo các nội dung thực hành luyện tập các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe. Cuối mỗi bài đều có phần *Vận dụng*.

– *Về loại thể văn bản*: Mỗi chủ điểm có bốn văn bản, được sắp xếp cân đối về tỉ lệ giữa văn bản thơ, truyện, miêu tả và thông tin. Tuy nhiên, để phù hợp với đặc điểm tiếp nhận của HS, “màu sắc” thông tin ở một vài văn bản thông tin không hoàn toàn “khách quan, trù tượng” như một văn bản thông tin chính danh. Bốn thể loại văn bản này cũng được sắp xếp cân đối ở yêu cầu ĐMR. Bên cạnh các văn bản văn học hiện đại còn có văn bản văn học dân gian như truyện cổ tích, ngụ ngôn, ca dao, đồng dao, vè. Ngoài một số văn bản văn học thiếu nhi Việt Nam đặc sắc, một số văn bản văn học nước ngoài do các dịch giả nổi tiếng chuyển ngữ cũng được lựa chọn để tăng tính thú vị cho bộ sách.

3.3. Cấu trúc bài học

Mỗi chủ điểm có bốn bài học. Trong đó, bài 1 và bài 3 được phân bố trong bốn tiết, bài 2 và bài 4 được phân bố trong sáu tiết.

3.3.1. Cấu trúc bài học bốn tiết

♦ *Phần 1*: KHỞI ĐỘNG

– Mở đầu bài học đều là hoạt động khởi động nhằm kết nối trải nghiệm của người học với bài học và văn bản đọc.

– Phần khởi động gồm (các) câu lệnh và thường kèm tranh ảnh để khơi gợi hứng thú cho HS, giúp HS kết nối với bài học từ những trải nghiệm về văn hoá, xã hội, ngôn ngữ sẵn có.

♦ *Phần 2*: KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

① **Đọc**

* *Văn bản đọc và tranh minh hoạ*:

– Phần văn bản đọc và tranh minh hoạ bài đọc được trình bày dưới phần khởi động.

– Kèm theo phần văn bản đọc có thể có phần giải nghĩa từ khó vừa giúp HS nâng cao năng lực đọc trôi chảy vừa tạo điều kiện để HS nắm nội dung bài đọc.

* *Cùng tìm hiểu*: Sau phần văn bản đọc và tranh minh hoạ bài đọc là các câu hỏi hướng dẫn tìm hiểu bài bao gồm câu hỏi đọc hiểu nội dung và câu hỏi đọc hiểu hình thức.

* *Cùng sáng tạo/ĐMR*: Sau hoạt động *Cùng tìm hiểu* là hoạt động *Cùng sáng tạo* (ở bài 1 và bài 3) trong sự gắn kết nội dung và kĩ năng với bài đọc hoặc hoạt động ĐMR (ở bài 2 và bài 4) nhằm giúp HS rèn luyện kĩ năng đọc hiểu, nâng cao khả năng sử dụng tiếng Việt và bồi dưỡng hứng thú đọc sách.

② **Tập viết**: Nội dung tập viết được bố trí trong suốt hai học kì, gồm: luyện viết chữ hoa; luyện viết câu ứng dụng.

③ **Luyện từ**: Các BT, câu hỏi để rèn luyện và phát triển kĩ năng sử dụng từ.

④ **Luyện câu:** Các BT, câu hỏi để rèn luyện và phát triển kĩ năng viết câu.

♦ **Phần 3: VẬN DỤNG**

Vận dụng trong phạm vi bài học và vận dụng vào thực tiễn cuộc sống: giúp HS vận dụng các nội dung đã học vào thực tế đời sống kết hợp phát triển ngôn ngữ cho HS với những hình thức thông dụng, được các em yêu thích như chơi trò chơi, hát, vẽ,... Việc tích hợp ngôn ngữ với vận động, âm nhạc, vẽ,... sẽ tạo thêm điều kiện cho HS rèn luyện kĩ năng sử dụng tiếng Việt.

3.3.2. Cấu trúc bài học sáu tiết

♦ **Phần 1: KHỞI ĐỘNG**

Tương tự bài học bốn tiết.

♦ **Phần 2: KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP**

① **Đọc:** Tương tự bài học bốn tiết.

② **Chính tả:** HS được luyện tập chính tả (nhìn – viết, nghe – viết), làm BT chính tả để tránh lỗi chính tả thường gặp do đặc điểm ngữ âm địa phương hoặc do đặc điểm của chữ quốc ngữ. Nội dung nhìn – viết, nghe – viết và các BT rèn luyện các trường hợp chính tả có quy tắc, chính tả ngữ nghĩa (*d/gi*) và chính tả phương ngữ không chỉ được kết nối bằng nội dung liên quan chủ điểm mà còn được kết nối bằng hiện tượng chính tả được rèn luyện.

③ **Luyện từ:** Tương tự bài học bốn tiết.

④ **Luyện câu:** Tương tự bài học bốn tiết.

⑤ **Nói và nghe (tuần lễ)/ Kể chuyện (tuần chẵn)**

– *Nói và nghe:* Bao gồm các BT rèn kĩ năng nói và nghe theo nghi thức, nói và nghe tương tác.

– *Kể chuyện:* Bao gồm các nội dung hướng dẫn, gợi ý cho hoạt động kể chuyện theo các hình thức: nghe – kể, xem – kể, đọc – kể như: tên truyện, tranh minh hoạ kèm câu/ từ ngữ gợi ý/ câu hỏi về nội dung và ý nghĩa của truyện; kĩ năng kể (kể từng đoạn, kể toàn bộ, kể phân vai).

⑥ **Rèn luyện kĩ năng viết đoạn:** Phần này bao gồm các bài học, BT thực hành viết, như: dựa vào gợi ý viết 4 – 5 câu thuật lại một sự việc đã chứng kiến hoặc tham gia; tả hoặc giới thiệu một đồ vật gần gũi, quen thuộc; nói/ viết về tình cảm với người thân hoặc sự việc; đặt tên cho một bức tranh; viết thời gian biểu, bưu thiếp, tin nhắn, lời cảm ơn, lời xin lỗi.

♦ **Phần 3: VẬN DỤNG**

– *Hoạt động ĐMR:* Được thiết kế hàng tuần với thể loại, nội dung thay đổi theo chủ điểm và theo mạch kiến thức; gợi ý: bố trí sau bài đọc văn bản thông tin và văn bản

miêu tả. GV hướng dẫn trước cho HS cách tìm và đọc văn bản. HS thực hiện việc tìm kiếm và đọc văn bản ngoài giờ học, trong giờ học. HS chia sẻ văn bản đã đọc và viết vào *Phiếu đọc sách* theo hướng dẫn của GV.

– *Vận dụng trong phạm vi bài học và vận dụng vào thực tiễn cuộc sống*: Tương tự bài học bốn tiết.

B. HƯỚNG DẪN DẠY HỌC

Do đặc điểm của nội dung dạy học *Tiếng Việt 2*, ở phần *Hướng dẫn chung*, tài liệu trình bày: (1) Gợi ý tổ chức dạy học bài học mới, (2) Gợi ý tổ chức dạy học bài ôn tập.

Kiểu bài học mới hay bài ôn tập đều có mục tiêu bài học. Mục tiêu bài học là kết quả HS đạt được trong và sau mỗi bài học. Mục tiêu của từng bài học, tiết học được trình bày trong các bài soạn ở cuốn sách này được tác giả biên soạn thiết kế theo yêu cầu cần đạt về kĩ năng đọc, viết, nói và nghe cho HS lớp Hai mà CT đã nêu. Do đó, bên cạnh việc dựa vào các bài học ở SHS, dựa vào CT, GV cần dựa trên thực tế phẩm chất, năng lực của HS để có thể linh hoạt điều chỉnh mục tiêu sao cho phù hợp với HS lớp mình giảng dạy. Chẳng hạn, nếu thực tế HS trên mức chuẩn tối thiểu, thì GV sẽ nâng mục tiêu; nếu HS chưa đạt chuẩn tối thiểu, GV sẽ tìm cách điều chỉnh để giúp HS đạt chuẩn tối thiểu.

Để thuận tiện cho GV, phần mục tiêu bài học của tài liệu này sẽ được thiết kế theo dạng mục tiêu hoạt động. Các mục tiêu sẽ được đánh số thứ tự. Về cơ bản, thứ tự của các mục tiêu tương ứng với thứ tự của các hoạt động¹.

Để mục tiêu ở mỗi chủ điểm, mỗi bài học không gây cảm giác “cồng kềnh”, tránh được sự “trùng lặp nhàm chán”, **phần mục tiêu phẩm chất**, như bồi dưỡng ở HS *lòng yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm, trung thực* sẽ được viết ở phần mở đầu mỗi chủ điểm. Cũng nhằm tránh trùng lặp, **phần mục tiêu về năng lực chung**, như phát triển ở HS *năng lực giao tiếp và hợp tác* qua hoạt động nhóm và cả lớp; *năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo* qua các hoạt động chính của mỗi bài học (khởi động, khám phá, luyện tập và vận dụng); *năng lực tự chủ và tự học* qua hoạt động học cá nhân, được trình bày và được thể hiện tích hợp trong các hoạt động và mục tiêu hoạt động.

1. BÀI MỚI

I. MỤC TIÊU

1. Trao đổi được với bạn về:

- Những nội dung mà tên chủ điểm gợi ra².
- Những phán đoán về nội dung mà tên bài học, bài đọc và tranh minh họa gợi ra.

¹ Chọn cách viết mục tiêu theo hoạt động, tác giả nhằm tránh tình trạng trùng lặp trong diễn đạt mà những cách viết khác khó tránh được. Ngoài ra cách viết này giúp người đọc thấy được các hoạt động cũng như trình tự các hoạt động trong một bài dạy học.

² Hoạt động này chỉ có ở bài 1 của chủ điểm. Các bài học tiếp theo chỉ khai thác tên bài học và tên bài đọc – tên văn bản đọc.

2. Đọc trơn bài đọc, ngắt nghỉ đúng chỗ có dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; nêu được nội dung, ý nghĩa của bài đọc, biết liên hệ bản thân.

3. Viết được chữ hoa, câu ứng dụng; viết được đoạn chính tả nhìn – viết hoặc nghe – viết; phân biệt đúng chính tả có quy tắc; giải được BT về những hiện tượng chính tả phương ngữ thường gặp; sử dụng đúng dấu câu.

4. Xác định và sử dụng được từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm để tạo câu, mở rộng, hệ thống hoá và tích cực hoá vốn từ (MRVT theo chủ điểm).

5. Đặt được câu theo yêu cầu bài học.

6. Thực hiện được hoạt động nói và nghe theo nghi thức lời nói, theo tình huống; kể lại được một câu chuyện (đã nghe/ đọc/ xem).

7. Nói, viết được 4 – 5 câu về một chủ đề theo gợi ý.

8. Chia sẻ được văn bản đã đọc; thực hành một nội dung liên quan bài học.

*** Lưu ý:** Các mục tiêu 6, 7, 8 chỉ có ở bài sáu tiết.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SHS, vở tập viết (VTV), vở bài tập (VBT), SGK.
- Một số tranh ảnh, mô hình hoặc vật thật (nếu có) dùng minh hoạ.
- Máy chiếu/ bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, băng hình, video (nếu có).
- Bảng phụ ghi nội dung cần chú ý luyện đọc.
- Sách, báo có truyện, bài thơ, văn, bài đọc cho hoạt động ĐMR¹.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1, 2²

A. Khởi động³

– HS nghe GV giới thiệu tên chủ điểm (nếu là bài đầu của chủ điểm); HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, hỏi đáp về những sự vật, hiện tượng có liên quan theo gợi ý và câu hỏi/ câu lệnh ở phần khởi động.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới.

B. Khám phá và luyện tập

1. Đọc

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu.

¹ HS tự chuẩn bị và mang tới lớp theo hướng dẫn của GV ở cuối tiết học trước, dùng ở bài sáu tiết.

² Sự phân chia nội dung các tiết ở SGK chỉ mang tính gợi ý. Tùy thuộc vào đối tượng HS và điều kiện thực tế địa phương, GV có thể linh hoạt thời gian tổ chức các hoạt động.

³ Tùy thực tế bài học, thực tế HS, GV chủ động tổ chức hoặc không tổ chức việc kiểm tra bài cũ – cho HS thực hiện một vài nhiệm vụ nhằm ôn lại nội dung bài học trước.

– HS nghe GV hướng dẫn đọc và đọc một số từ khó do ảnh hưởng của biến thể phương ngữ; hướng dẫn cách ngắt nghỉ theo logic ngữ nghĩa.

– HS đọc thành tiếng bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp.

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích và nghe GV giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó. (Việc xác định từ khó đọc tùy thuộc vào đối tượng HS và tình hình thực tế khi GV tổ chức hoạt động học tập trên lớp. GV có thể dự đoán trước các từ khó đọc với từng đối tượng/ nhóm đối tượng HS trong lớp để chủ động tổ chức hoạt động này. Hoạt động này có thể thực hiện chung trước lớp, cũng có thể thực hiện trong nhóm.)

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS. (Khi HS trả lời, GV hướng dẫn HS cách dùng từ ngữ, cụm từ chính thêm vào từ ngữ của mình để tránh đọc lại câu hỏi.)

– HS nêu nội dung bài đọc, liên hệ bản thân (Tuỳ bài cụ thể và tuỳ vào thực tế HS, GV có thể gợi ý hoặc không gợi ý để hướng dẫn HS rút ra nội dung bài đọc và liên hệ bản thân).

1.3. Luyện đọc lại

– HS nêu cách hiểu của mình về nội dung bài. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV đọc lại đoạn cần luyện đọc thêm (GV đã chọn và ghi bảng phụ).

– HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn luyện đọc thêm.

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

1.4. Luyện tập mở rộng

– HS tham gia các hoạt động luyện tập mở rộng từ bài đọc (nếu bài đọc là văn bản truyện hoặc văn bản thơ).

– HS chia sẻ bài đã đọc và ghi *Phiếu đọc sách* (nếu bài đọc là văn bản thông tin hoặc văn bản miêu tả).

TIẾT 3, 4

2. Viết

*** Bài học bốn tiết**

2.1. Luyện viết chữ hoa

– HS quan sát mẫu chữ hoa, xác định chiều cao, độ rộng, cấu tạo nét.

– HS quan sát GV viết mẫu và nêu quy trình viết chữ hoa.

– HS viết chữ hoa vào bảng con.

– HS tô và viết chữ hoa vào VTV.

2.2. Luyện viết câu ứng dụng

- HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu ứng dụng.
- HS nghe GV nhắc lại quy trình viết chữ hoa và cách nối từ chữ viết hoa sang chữ viết thường.
- HS quan sát cách GV viết chữ có chữ cái viết hoa.
- HS viết chữ có chữ cái viết hoa và câu ứng dụng vào VTV.

2.3. Luyện viết thêm

- HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu ca dao/ thơ (được dùng làm ngữ liệu cho luyện viết thêm).
- HS viết chữ hoa, tiếng có chữ cái viết hoa và câu ca dao/ thơ vào VTV.

2.4. Đánh giá bài viết

- HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn.
- HS nghe GV nhận xét một số bài viết.

* Bài học sáu tiết

2.1. Nhìn – viết/ Nghe – viết

- HS đọc đoạn thơ/ văn, trả lời câu hỏi về nội dung của đoạn thơ/ văn.
- HS đánh vần một số tiếng/ từ khó đọc, dễ viết sai do ảnh hưởng của phương ngữ.
- HS nhìn viết hoặc nghe GV đọc từng cụm từ ngữ của từng dòng thơ/ câu văn và viết vào VBT. (GV hướng dẫn HS: lùi một ô khi viết chữ đầu đoạn văn; lùi vào 3 – 4 ô đầu mỗi dòng thơ, nếu viết thơ/ vè/ đồng dao 3 – 4 – 5 chữ; lùi vào hai ô đầu mỗi dòng sáu chữ, lùi một ô đầu mỗi dòng tám chữ, nếu viết ca dao, đồng dao, thơ (thể lục bát). Không bắt buộc HS viết những chữ hoa chưa học.)

- HS nghe GV đọc lại bài viết, tự đánh giá phần viết của mình và của bạn.
- HS nghe GV nhận xét một số bài viết.

2.2. Luyện tập chính tả có quy tắc

- HS xác định yêu cầu của BT.
- HS nhắc lại quy tắc.
- HS thực hiện BT vào VBT.
- HS đổi bài viết cho bạn bên cạnh, giúp bạn soát lỗi.
- HS nghe bạn nhận xét bài viết.
- HS nghe GV nhận xét một số bài viết.

2.3. Luyện tập chính tả ngữ nghĩa/ phương ngữ

– HS đọc yêu cầu của BT.

– HS quan sát tranh gợi ý đính kèm từng BT (nếu có).

+ Đối với BT chính tả ngữ nghĩa (phân biệt *d/gi*), GV hướng dẫn HS đặt từ trong ngữ cảnh để tìm hiểu nghĩa và hình thức chữ viết tương ứng.

+ Đối với BT chính tả phương ngữ, GV hướng dẫn HS lựa chọn theo vùng phương ngữ và lỗi mình thường mắc phải do phương ngữ: BT dành cho phương ngữ Bắc trong khung nền vàng nhạt; BT dành cho phương ngữ Nam trong khung nền xanh da trời.

– HS thực hiện BT vào VBT.

– HS đọc lại bài/ câu/ đoạn đã điền.

– HS đổi bài viết cho bạn bên cạnh, giúp bạn soát lỗi.

– HS nghe bạn nhận xét bài viết.

– HS nghe GV nhận xét một số bài viết.

3. Luyện từ¹

– HS xác định yêu cầu của BT 3, quan sát mẫu/ tranh đính kèm (nếu có).

– HS tìm từ ngữ theo yêu cầu trong nhóm nhỏ. Chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS giải nghĩa các từ ngữ tìm được (nếu cần).

– HS nghe GV nhận xét kết quả.

4. Luyện câu

– HS xác định yêu cầu của BT 4.

– HS đặt câu/ lựa chọn dấu câu/ lựa chọn hoặc tìm từ ngữ cần điền theo yêu cầu BT trong nhóm đôi.

– HS nói trước lớp câu/ dấu câu/ từ ngữ để hoàn thành câu theo yêu cầu BT.

– HS nghe bạn và GV nhận xét bài làm của mình.

– HS viết vào VBT nội dung mình đã làm.

– HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.

TIẾT 5, 6

** Tuần lễ*

5. Nói và nghe

5.1. Nói và đáp lời theo nghi thức

– HS xác định yêu cầu của BT 5a, quan sát tranh (nếu có).

¹ Tùy bài cụ thể, mỗi mục luyện từ (3) hay luyện câu (4) có thể gồm một hoặc hai BT nhỏ.

- HS thực hiện BT.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

5.2. Nói và đáp lời theo tình huống

- HS xác định yêu cầu của BT 5b, đọc các tình huống.
- HS trả lời một số câu hỏi/ câu lệnh.
- HS phân vai để nói và đáp lời phù hợp với mỗi tình huống trong nhóm hai hoặc ba (tùy vào yêu cầu của BT).
- Một số nhóm HS nói và đáp trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

* Tuần chẵn

5. Kể chuyện¹

5.1. Nghe GV kể chuyện

- HS quan sát tranh, đọc tên truyện và phán đoán nội dung câu chuyện.
- HS nghe GV kể chuyện lần thứ nhất (có thể dùng tệp ghi âm giọng kể) để kiểm tra phán đoán. GV vừa kể vừa dùng các câu hỏi kích thích sự phỏng đoán, trí tò mò nhằm thu hút sự tập trung chú ý của HS.
- HS trao đổi về phán đoán của mình sau khi nghe câu chuyện.
- HS nghe GV kể chuyện lần thứ hai (có thể dùng tệp ghi âm giọng kể hoặc kết hợp ghi âm giọng kể với tranh, ảnh động minh hoạ) kết hợp quan sát từng tranh minh hoạ để ghi nhớ nội dung từng đoạn của câu chuyện.

5.2. Kể từng đoạn của câu chuyện

- HS quan sát tranh và câu/ câu hỏi/ từ ngữ gợi ý để kể lại từng đoạn của câu chuyện trước lớp.
- HS kể từng đoạn của câu chuyện trong nhóm nhỏ. (GV hướng dẫn HS sử dụng ánh mắt, cử chỉ khi kể; phân biệt giọng các nhân vật.)
- Nhóm HS kể nối tiếp từng đoạn của câu chuyện trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét phần kể chuyện.

5.3. Kể toàn bộ câu chuyện

- HS kể toàn bộ câu chuyện trong nhóm đôi.
- Một vài HS kể toàn bộ câu chuyện trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét phần kể chuyện.

¹ Dưới đây là hướng dẫn tiết nghe – kể. Những lưu ý về các bước và cách thức tổ chức dạy học tiết xem – kể, đọc – kể xin xem mục 1.5. Nghe – nói trong kể chuyện, tr.28.

– HS nói về nhân vật em thích và giải thích lí do. Trao đổi với bạn về nội dung câu chuyện.

6. Viết đoạn văn (Tập làm văn)

6.1. Phân tích mẫu

- HS xác định yêu cầu BT 6a, đọc lại bài mẫu và trả lời câu hỏi trong nhóm đôi.
- Một vài HS nói trước lớp.
- HS nhận xét về cách trình bày ở bài mẫu.

6.2. Nói, viết 4 – 5 câu¹ theo mẫu

- HS xác định yêu cầu của BT 6b.
 - HS nói với bạn các nội dung theo gợi ý/ câu hỏi gợi ý về nội dung sẽ viết (theo yêu cầu đề bài).
 - HS viết 4 – 5 câu theo yêu cầu đề bài.
 - Một vài HS đọc bài trước lớp.
 - HS nghe bạn và GV nhận xét.
- (Bài bốn tiết sẽ không có nội dung 5 và 6.)

C. Vận dụng

1. Đọc mở rộng² (được bố trí ở bài đọc thể loại văn bản thông tin – bài 2 trong tuần; và văn bản miêu tả – bài 4 trong tuần)

1.1. Chia sẻ về một truyện/ bài đã đọc

- HS xác định yêu cầu của BT 1a.
- HS chia sẻ với bạn trong nhóm nhỏ về truyện/ bài đã đọc.
- Một vài HS chia sẻ trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

1.2. Viết vào Phiếu đọc sách (trong VBT)

- HS xác định yêu cầu của BT 1b.
- HS viết vào *Phiếu đọc sách* các nội dung theo yêu cầu.
- Một vài HS chia sẻ *Phiếu đọc sách* trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

¹ Lưu ý: viết 4 – 5 câu khác về mức độ so với viết đoạn/ bài có 4 – 5 câu. Với HS lớp Hai, CT yêu cầu “viết 4 – 5 câu”, không yêu cầu viết đoạn/ bài có 4 – 5 câu.

² Những lưu ý về các bước và cách thức tổ chức dạy học tiết ĐMR xin xem mục 2.3. Đọc mở rộng, tr.31.

2. Vận dụng bài học (được bố trí ở bài bốn tiết lẫn bài sáu tiết)

- HS xác định yêu cầu của hoạt động.
- HS làm BT theo nhóm nhỏ.
- HS trưng bày sản phẩm (nếu có), chia sẻ, rút kinh nghiệm.

*** Lưu ý:** Tùy bài cụ thể, HS có thể thực hiện hoạt động này ở lớp hoặc ở nhà; nếu thực hiện ở lớp, GV tổ chức các hoạt động như vừa nêu. Nếu thực hiện ở nhà, GV hướng dẫn trước cho HS cách thức thực hiện.

D. Củng cố, dặn dò

Hoạt động củng cố, dặn dò thuộc một hoạt động – một bước lên lớp mà GV thường thực hiện với tất cả các bài học. Để tránh cảm giác nhàm chán vì trùng lặp, SGV sẽ không đưa mục *Củng cố, dặn dò* vào hướng dẫn từng bài dạy.

*** Lưu ý:** khi kết thúc bài học bốn tiết (bài 1 và 3 của chủ điểm), GV cần hướng dẫn HS cách tìm đọc truyện/ bài thơ/ bài đọc (văn bản thông tin/ bài văn miêu tả) theo chủ điểm được học trong tuần (có trong sách, báo) khi dặn dò và hướng dẫn HS chuẩn bị cho tiết học sau.

2. BÀI ÔN TẬP

Kiểu bài ôn tập gồm ôn tập giữa và cuối mỗi học kì. Kiểu bài này hướng đến việc bồi dưỡng phẩm chất *yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm* thông qua việc ôn lại các bài học ở các chủ điểm được học trước đó/ các chủ điểm được học trong học kì tương ứng. Đồng thời, ở kiểu bài ôn tập, HS được luyện tập các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe, được củng cố và phát triển các năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo. Thêm vào đó, ở bài ôn tập cuối kì còn có đề tham khảo để GV tập luyện cho HS thực hiện kiểm tra, đánh giá kĩ năng đọc, viết, nói và nghe.

2.1. Bài ôn tập giữa học kì

Nội dung ôn tập giữa học kì được phân bố trong năm bài, mỗi bài hai tiết, gồm:

- Ôn tập 1: Luyện tập đọc lưu loát, đọc hiểu văn bản truyện; luyện tập viết chữ hoa.
- Ôn tập 2: Luyện tập đọc lưu loát, đọc hiểu văn bản thông tin; luyện tập chính tả.
- Ôn tập 3: Luyện tập đọc lưu loát, đọc hiểu, học thuộc lòng văn bản thơ; luyện tập kể chuyện.
- Ôn tập 4: Luyện tập đọc lưu loát, đọc hiểu văn bản miêu tả; luyện tập từ và câu.
- Ôn tập 5: Luyện tập đọc lưu loát, đọc hiểu văn bản; luyện tập viết đoạn và ĐMR.

I. MỤC TIÊU

1. Luyện tập lại các truyện/ bài đọc (văn bản thông tin)/ bài thơ/ bài văn miêu tả đã học từ đầu học kì: nhớ lại tên bài đọc dựa vào hình ảnh, cụm từ gợi ý; đọc thành tiếng/ đọc thuộc lòng một đoạn trong bài và trả lời câu hỏi về nội dung đoạn đọc hoặc nội dung bài; trao đổi với bạn về một nội dung em thích.

2. Luyện tập viết chữ hoa, tên riêng/ luyện tập chính tả/ luyện tập kể chuyện/ luyện tập từ và câu/ luyện tập viết đoạn và ĐMR.

3. Phát triển năng lực hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và tính sáng tạo; bồi dưỡng phẩm chất trung thực, tự tin, nhân ái, chăm chỉ¹.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SHS, VTV, VBT, SGV.
- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác. Tranh ảnh SHS phóng to (nếu được).
- Phiếu cho HS bắt thăm đoạn đọc và câu hỏi (nếu có).
- Mẫu chữ viết hoa.
- Thẻ ghi từ ngữ ở BT (nếu có).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

Luyện tập đọc lưu loát, đọc hiểu

1. Nhớ lại tên bài đọc

– HS đọc yêu cầu BT 1, quan sát tranh, trao đổi và thực hiện yêu cầu của BT trong nhóm nhỏ.

– HS chơi tiếp sức: Dựa vào hình ảnh/ từ ngữ gợi ý viết tên bài đọc.

2. Ôn đọc thành tiếng và trả lời câu hỏi

– HS đọc yêu cầu BT 2.

– Nhóm bốn HS bắt thăm, đọc thành tiếng một đoạn trong bài và trả lời câu hỏi về nội dung đoạn đọc hoặc nội dung bài.

– Một số HS đọc bài trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

3. Nói về nhân vật/ chi tiết/ hình ảnh em thích

– HS đọc yêu cầu BT 3.

– HS trao đổi trong nhóm đôi về nhân vật/ chi tiết/ hình ảnh mình thích, lí do thích.

– HS viết vào *Phiếu đọc sách* tên bài/ tên nhân vật, điều em thích nhất.

TIẾT 2

Luyện tập các kỹ năng khác

(Tuỳ bài, nội dung ôn tập sẽ là luyện tập viết chữ hoa/ nghe – viết/ kể chuyện/ từ ngữ, câu/ viết đoạn và ĐMR.)

¹ Mục tiêu này chỉ trình bày ở phần *Hướng dẫn chung*.

1. Bài ôn tập 1

1.1. Luyện viết chữ hoa

– HS quan sát mẫu chữ hoa, xác định chiều cao, độ rộng các chữ (có thể làm theo nhóm chữ).

– HS quan sát GV viết mẫu và nêu quy trình viết 1 – 2 chữ hoa.

– HS viết chữ hoa vào VTV.

1.2. Luyện viết tên riêng

– HS đọc và xác định yêu cầu.

– HS quan sát và nhận xét cách viết các tên riêng.

– HS xác định độ cao các con chữ, vị trí đặt dấu thanh, khoảng cách giữa các tiếng,...

– HS quan sát cách GV viết mẫu.

– HS viết các tên riêng vào VTV.

1.3. Luyện viết thêm

– HS đọc và tìm hiểu nghĩa của ngữ liệu.

– HS viết chữ hoa và câu ca dao vào VTV.

1.4. Đánh giá bài viết

– HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn.

– HS nghe GV nhận xét một số bài viết.

2. Bài ôn tập 2

2.1. Nghe – viết

– HS đọc bài viết, trả lời câu hỏi về nội dung bài viết.

– HS đánh vần một số tiếng/ từ khó đọc, dễ viết sai do ảnh hưởng của phương ngữ.

– HS nghe GV đọc từng dòng và viết bài vào VBT. (GV không bắt buộc HS viết những chữ hoa chưa học.)

– HS nghe GV đọc lại bài viết, tự đánh giá phần viết của mình và của bạn.

– HS nghe GV nhận xét một số bài viết.

2.2. Luyện tập chính tả phương ngữ

– HS xác định yêu cầu của BT.

– HS thực hiện BT vào VBT.

– HS chơi tiếp sức để chữa BT.

– HS giải nghĩa (nếu cần) và đặt câu với từ ngữ vừa điền.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

3. Bài ôn tập 3

(Các bước thực hiện như với hoạt động *Kể chuyện* ở kiểu bài học mới.)

4. Bài ôn tập 4

4.1. Luyện tập về từ ngữ

- HS xác định yêu cầu của BT.
- HS tìm từ ngữ theo yêu cầu trong nhóm nhỏ. Chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS giải nghĩa các từ ngữ tìm được (nếu cần).
- HS nghe GV nhận xét kết quả.

4.2. Luyện tập về câu – dấu câu

4.2.1. Luyện tập về câu

- HS xác định yêu cầu của BT.
- HS đặt câu theo yêu cầu BT trong nhóm đôi.
- HS nói trước lớp câu đặt theo yêu cầu.
- HS nghe bạn và GV nhận xét câu.
- HS viết vào VBT một câu có chứa từ ngữ tìm được ở BT trước.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.

4.2.2. Luyện tập về dấu câu¹

- HS xác định yêu cầu của BT.
- HS đọc đoạn văn, thảo luận trong nhóm đôi thực hiện yêu cầu BT.
- HS chơi tiếp sức điền dấu câu thích hợp vào ô trống.
- HS đọc lại đoạn văn đã điền dấu câu và nêu tác dụng của từng dấu câu.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

5. Bài ôn tập 5

TIẾT 1

5.1. Đọc

- HS đọc yêu cầu BT 1, quan sát tranh, phán đoán nội dung bài đọc trong nhóm nhỏ.
- HS nghe GV giới thiệu bài đọc.
- HS đọc nối tiếp đoạn trong nhóm nhỏ, đọc cả bài trong nhóm đôi.

5.2. Trả lời câu hỏi

- HS đọc yêu cầu BT.
- HS làm bài vào VBT.

¹ Nội dung này chỉ ở bài ôn tập giữa học kì II.

- Một số HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS giải nghĩa một số từ khó (nếu có).
- HS đọc toàn bài.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 2

5.3. Viết đoạn

- HS đọc yêu cầu BT và các câu hỏi gợi ý.
- HS chia sẻ với bạn về các yêu cầu của BT.
- HS thực hiện BT.
- Một vài HS đọc nội dung bài làm cá nhân trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.
- HS trưng bày sản phẩm ở *Góc sản phẩm Tiếng Việt* của lớp.
- HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn.
- HS nghe GV nhận xét một số bài viết.

5.4. Đọc mở rộng

(Các bước thực hiện như với hoạt động ĐMR ở kiểu bài học mới.)

*** Lưu ý:** Khi hướng dẫn HS thực hiện các BT, nhất là các BT đặt câu, viết đoạn, các phỏng đoán khi thực hiện hoạt động đọc hiểu, kể chuyện,..., GV cần khuyến khích, động viên, khơi gợi để HS mạnh dạn nêu suy nghĩ của mình; tránh việc áp đặt, chỉ trích, chê bai; chỉ uốn nắn nếu lời nói, viết của HS vi phạm đạo đức, thuần phong mỹ tục.

2.2. Bài ôn tập, kiểm tra – Đánh giá cuối học kì

Nội dung ôn tập cuối học kì được phân bố trong hai bài, mỗi bài ba tiết, gồm:

- Ôn tập 1: Luyện tập đọc lưu loát, đọc hiểu; viết chữ hoa; từ và câu; nói và nghe; ĐMR.
- Ôn tập 2: Luyện tập đọc lưu loát, đọc hiểu; chính tả; từ và câu; viết 4 – 5 câu.

Bên cạnh nội dung luyện tập các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe, bài ôn cuối kì còn có đề kiểm tra đánh giá để GV tham khảo, gồm các nội dung kiểm tra đánh giá kĩ năng đọc thành tiếng, đọc hiểu, chính tả, viết đoạn, nói và nghe. Nội dung này được gợi ý thực hiện trong bốn tiết, bám sát theo chuẩn yêu cầu cần đạt mà CT đã đề ra.

2.2.1. Bài ôn tập cuối học kì

I. MỤC TIÊU

1. Luyện tập đọc lưu loát, đọc hiểu; viết chữ hoa/ chính tả; từ và câu; nói và nghe; ĐMR và viết đoạn.
2. Phát triển năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo; bồi dưỡng phẩm chất trung thực, tự tin, nhân ái, chăm chỉ.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SHS, VTV, VBT, SGV.
- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác. Tranh ảnh SHS phóng to (nếu được).
- Mẫu chữ viết hoa.
- Phiếu BT.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Đọc

- HS đọc yêu cầu BT, quan sát tranh, phán đoán nội dung bài đọc trong nhóm nhỏ.
- HS nghe GV giới thiệu bài đọc.
- HS đọc nối tiếp đoạn trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài.

TIẾT 2 + TIẾT 3

Luyện tập các kĩ năng khác

Nội dung và các bước tiến hành hoạt động tương tự tiết 2 của Bài ôn tập giữa học kì.

2.2.2. Bài kiểm tra – Đánh giá cuối học kì

Đề kiểm tra, đánh giá năng lực tiếng Việt cuối học kì được sách trình bày với dụng ý để GV tham khảo và cho HS luyện tập các kĩ năng đọc lưu loát, đọc hiểu, chính tả, nói và nghe, viết đoạn dựa vào gợi ý. GV có thể thiết kế dưới dạng *Phiếu BT* hoặc sử dụng *VBT* cho HS luyện tập.

C. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. DẠY NÓI VÀ NGHE

GV hướng dẫn HS cách nắm nội dung nghe, cách hiểu đúng thông điệp mà người nói truyền tải, đánh giá quan điểm của người nói, có thái độ nghe phù hợp, tích cực; tôn trọng người nói, tuân thủ quy tắc luân phiên lượt lời, quy tắc giữ thể diện người nói, người nghe.

Hoạt động dạy nói và nghe được thiết kế trong hoạt động khởi động của bài học, MRVT, hoạt động kể chuyện, hoạt động nói sáng tạo của các bài học và bài viết sáng tạo (tập làm văn).

1.1. Nói và nghe kết nối bài học

Các dạng BT của kiểu bài này chủ yếu gồm: nói về tranh minh họa và kết nối đến những hiểu biết của bản thân về đối tượng được thể hiện trong tranh; trải nghiệm ngữ cảnh đòi hỏi HS thể hiện khả năng sử dụng ngôn ngữ của mình để giải quyết vấn đề. Tùy bài cụ thể, GV có thể tổ chức cho HS:

(1) Nói về tranh minh họa và kết nối đến những hiểu biết của bản thân về đối tượng được thể hiện trong tranh.

(2) So sánh điểm giống và khác nhau giữa các bức tranh: GV tổ chức cho HS quan sát, phát hiện điểm giống và khác nhau giữa các bức tranh. Từ đó, GV đàm thoại gợi mở nhằm giúp HS kết nối điều mình vừa phát hiện với điều sẽ học.

(3) Trải nghiệm ngữ cảnh đòi hỏi HS sử dụng khả năng ngôn ngữ để giải quyết vấn đề: GV hướng dẫn HS đọc nhiệm vụ và thảo luận về cách giải quyết nhiệm vụ. GV tổ chức cho HS trải nghiệm ngôn ngữ để giải quyết nhiệm vụ, từ đó nhận ra nội dung sẽ học.

1.2. Nói và nghe theo nghi thức giao tiếp

Các nghi thức giao tiếp bao gồm: nói và đáp lời chào hỏi, lời chào tạm biệt, lời cảm ơn, lời xin lỗi, lời xin phép, lời chia buồn, lời an ủi, lời chúc mừng,... phù hợp với đối tượng bằng vai và không bằng vai, trong ngữ cảnh thân thuộc ở nhà và ở trường. Khi dạy kiểu bài này, GV chú ý cho HS thực hành các yếu tố thuộc về nghi thức lời nói như nhận diện từ xưng hô thích hợp, nhận biết sự luân phiên lượt lời, chờ đợi đến lượt, có thái độ và hành vi ứng xử phù hợp với ngữ cảnh, biết kết hợp các yếu tố phi ngôn ngữ để hỗ trợ giao tiếp,...

Ở nội dung này, GV có thể tổ chức hoạt động dạy học:

(1) Nói đáp theo tình huống giao tiếp cho sẵn: GV hướng dẫn HS đọc yêu cầu của hoạt động để hiểu rõ tình huống giao tiếp; tổ chức cho HS thảo luận, trao đổi về cách nói đáp theo nghi thức được yêu cầu; hướng dẫn cho HS thực hiện theo cặp/ nhóm nhỏ và tiến hành đánh giá, nhận xét.

(2) Đóng vai nhân vật để nói đáp theo yêu cầu: Kiểu bài này thường gắn với hoạt động nói và nghe. GV hướng dẫn HS đọc yêu cầu của hoạt động để hiểu rõ tình huống giao tiếp. GV tổ chức cho HS thảo luận, trao đổi về cách nói đáp theo nghi thức được yêu cầu. Ở lớp Hai, các nội dung nói và đáp lời chia buồn, lời an ủi, lời xin lỗi thường được thiết kế dạng đóng vai nhân vật.

1.3. Hỏi – đáp tương tác

Các dạng BT này bao gồm: luyện hỏi – đáp theo mẫu gợi ý; luyện hỏi – đáp theo nội dung bài học. GV có thể tổ chức hoạt động dạy học:

(1) Luyện hỏi – đáp theo mẫu gợi ý: GV tổ chức cho HS quan sát và đọc mẫu gợi ý, tổ chức cho HS thực hành theo cặp/ nhóm nhỏ.

(2) Luyện hỏi – đáp theo nội dung bài học: Dạng BT này luôn được sử dụng trong các tiết học, môn học. Tùy bài học cụ thể ở SHS, GV linh động giao các BT cho HS thực hiện.

1.4. Mở rộng vốn từ và phát triển lời nói

Việc dạy MRVT và phát triển lời nói không chỉ được thực hiện ở tiết luyện tập sử dụng từ và câu mà còn được tích hợp và lồng ghép trong các bài học ở các hoạt động đọc văn bản, chính tả và nói – viết sáng tạo. Các dạng BT chủ yếu cho kiểu bài này gồm: MRVT bằng tranh gợi ý; MRVT thông qua bài đọc; MRVT bằng cách tìm từ chỉ khác nhau ở âm đầu hoặc vần; MRVT theo cấu tạo từ, theo trường nghĩa.

Để MRVT và phát triển lời nói cho HS, GV có thể tổ chức:

(1) MRVT và phát triển lời nói bằng tranh gợi ý: HS quan sát tranh tìm từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm, tính chất, nói câu có từ ngữ tìm được.

(2) MRVT và phát triển lời nói thông qua bài đọc: HS đọc một văn bản và tìm những từ ngữ được yêu cầu theo một trường nghĩa nhất định. GV hướng dẫn cho HS đặt câu có chứa các từ ngữ vừa tìm và viết từ và câu vừa đặt vào vở.

(3) MRVT và phát triển lời nói theo cấu tạo từ: Dạng bài này thường cho sẵn một tiếng, yêu cầu HS tìm tiếng ghép với tiếng đã cho để tạo từ mới, đặt câu với từ ngữ tìm được.

(4) MRVT và phát triển lời nói theo nghĩa của từ: Dạng bài này thường cho sẵn từ và nghĩa của từ, như thể từ – thể nghĩa hoặc BT giải ô chữ, giải câu đố, HS dựa vào các dữ kiện đã cho để tìm từ ngữ theo yêu cầu và nói câu có từ ngữ tìm được.

(5) MRVT và phát triển lời nói theo trường nghĩa: Dạng bài này được thiết kế dựa trên lí thuyết trường nghĩa với 3 kiểu nhỏ: ① Tìm từ ngữ chỉ tình cảm/ cảm xúc/ đồ vật/ hoạt động (của các nhân vật có trong tranh,...)/ đặc điểm, công dụng của đồ vật,...; ② Tìm từ ngữ có thể kết hợp với từ đã cho; ③ Nói, viết câu chỉ tình cảm/ cảm xúc/ giới thiệu đồ vật/ thuật hoạt động chứng kiến hoặc tham gia.

1.5. Nghe – nói trong kể chuyện

(1) Dạng bài nghe – kể:

Bước 1: GV tổ chức cho HS hiểu, thực hành, vận dụng một số kĩ năng nghe – nói trong khi kể (sử dụng âm lượng trong khi nói; quy tắc lắng nghe tích cực và phản hồi tích cực; kĩ năng nhận diện lời, hành động của nhân vật và đóng vai; kĩ năng lựa chọn giọng nói phù hợp với giọng nói của nhân vật).

Bước 2: GV cho HS đọc tên câu chuyện, quan sát tranh minh hoạ để phán đoán về nội dung câu chuyện và các yếu tố của truyện như nhân vật, bối cảnh, tình tiết, kết thúc.

Bước 3: GV tổ chức cho HS nghe kể 1 – 2 lần, kèm theo câu hỏi kích thích sự tập trung chú ý lắng nghe của HS, câu/ câu hỏi/ từ ngữ gợi ý giúp HS nắm bắt nội dung chính từng đoạn của câu chuyện (tương ứng với từng tranh minh hoạ).

Bước 4: GV tổ chức cho HS kể từng đoạn, kể toàn bộ câu chuyện kết hợp với việc thực hiện một số kĩ năng nghe – nói trong khi kể.

Bước 5: GV tổ chức cho HS tìm hiểu, liên hệ bài học trong câu chuyện với bản thân. GV tổ chức cho HS tự đánh giá phần trình bày của mình và đánh giá phần trình bày của các bạn.

(2) Dạng bài xem – kể:

Bước 1: GV cho HS đọc tên câu chuyện, phán đoán xem câu chuyện sẽ nói về điều gì.

Bước 2: GV tổ chức cho HS quan sát kĩ từng tranh minh hoạ theo đúng trật tự diễn biến. GV sử dụng câu/ câu hỏi/ từ ngữ gợi ý dưới tranh để giúp HS trả lời về tình tiết chính trong mỗi tranh. Yêu cầu mỗi HS đều phải trả lời được ít nhất một câu. GV có thể sử dụng thêm các câu hỏi phụ; sử dụng các kĩ thuật phát triển lời nói để giúp HS có thể đưa ra các ý kiến, đánh giá, nhận xét, ... về nhân vật/ tình tiết có trong tranh.

Bước 3: GV hướng dẫn HS tập hợp các ý tưởng vừa nói cho từng tranh và ghép nối giữa các bức tranh để kể từng đoạn câu chuyện theo nhóm nhỏ/ trước lớp.

Bước 4: GV tổ chức cho HS tìm hiểu ý nghĩa của câu chuyện, đánh giá về nhân vật/ bài học trong câu chuyện, liên hệ bài học đó với bản thân.

Bước 5: GV cho HS tự đánh giá và đánh giá về phần trình bày của mình và của bạn.

(3) Dạng bài đọc – kể:

Bước 1: GV cho HS đọc lại truyện.

Bước 2: GV tổ chức cho HS quan sát tranh minh hoạ. GV sử dụng câu/ câu hỏi/ từ ngữ gợi ý dưới tranh để giúp HS trả lời về tình tiết chính.

Bước 3: GV tổ chức cho HS kể toàn bộ câu chuyện theo nhóm nhỏ/ trước lớp.

Bước 4: GV tổ chức cho HS tìm hiểu ý nghĩa của câu chuyện, đánh giá về nhân vật/ bài học trong câu chuyện, liên hệ bài học đó với bản thân.

Bước 5: GV cho HS tự đánh giá và đánh giá về phần trình bày của mình và của bạn.

1.6. Dạy nói sáng tạo theo gợi ý

(1) Nói theo câu hỏi/ câu gợi ý: GV tổ chức cho HS đọc và thảo luận về nội dung câu hỏi/ câu gợi ý. HS thảo luận để nêu lên những ý tưởng cho việc trả lời nội dung câu hỏi. HS phân công công việc và thực hiện theo cặp/ nhóm nhỏ (một HS đọc câu hỏi, một HS trả lời và đổi ngược lại).

(2) Giới thiệu về sự vật, hoạt động theo gợi ý: GV tổ chức cho HS đọc yêu cầu của hoạt động. HS nghe GV giới thiệu/ nhắc lại cách giới thiệu về sự vật, hoạt động. HS đọc các câu gợi ý. HS thảo luận trong nhóm về ý tưởng cho từng gợi ý và thực hiện BT.

2. DẠY ĐỌC

2.1. Đọc lưu loát

Bước 1: GV đọc mẫu kết hợp đặt câu hỏi kích thích sự hứng thú, tập trung theo dõi của HS. GV chú ý đọc mẫu kết hợp ánh mắt, cử chỉ, điệu bộ, giọng điệu phù hợp với nội dung và thể loại của văn bản đọc.

Bước 2: GV hướng dẫn HS đọc một số từ khó đọc, cách ngắt nghỉ hơi theo dấu câu/ cụm từ có nghĩa, cách ngắt nhịp (đối với văn bản thơ).

Bước 3: GV tổ chức cho HS đọc thành tiếng theo nhóm nhỏ, đọc luân phiên theo đoạn/ bài (không đọc nối tiếp câu). GV sửa lỗi phát âm theo hướng tiếp cận cá nhân.

Bước 4: GV tổ chức cho HS đọc thầm lại bài đọc để tìm và luyện đọc tiếng khó đọc có trong bài.

Lưu ý: Một vài trường hợp khó có thể tách bạch giữa việc hướng dẫn đọc lưu loát (đọc "từ khó đọc") rồi mới đến đọc hiểu (giải nghĩa từ khó hiểu). Nếu không hiểu nghĩa của từ, HS vẫn có thể đọc sai, nhất là những trường hợp ngưng nghỉ theo logic và ngữ nghĩa, VD: "Con trâu cái bụng tròn to mọng; Ông già đi rất nhanh..."... Tùy vào bài cụ thể và đối tượng dạy học cụ thể, GV có thể lồng ghép hoặc tách hai hoạt động này một cách phù hợp.

2.2. Đọc hiểu

Việc dạy đọc hiểu văn bản không tách rời với hoạt động giải nghĩa từ khó. Như đã nêu ở phần lưu ý về hướng dẫn đọc lưu loát, trừ những trường hợp việc hiểu nghĩa từ liên quan đến ngưng nghỉ theo logic và ngữ nghĩa, phần lớn hoạt động giải nghĩa từ khó gắn với hoạt động đọc hiểu. GV tổ chức cho HS giải thích nghĩa của một số từ khó bằng những cách phù hợp với từng kiểu từ khó khác nhau, khuyến khích cách giải thích nghĩa từ bằng ngữ cảnh trong bài đọc hoặc giải nghĩa từ bằng cách đặt câu.

2.2.1. Dạy học đọc hiểu văn bản văn học

(1) Nhóm BT đọc hiểu nội dung

– Loại BT nhận diện các chi tiết được thể hiện tường minh trong văn bản, trả lời cho các câu hỏi *ai, cái gì, ở đâu, khi nào, làm gì, như thế nào, vì sao,...*

– Loại BT xác định ý khái quát (đại ý) của văn bản dựa vào gợi ý: Đây là kĩ năng khó với HS tiểu học do các em hay bị nhiễu bởi nội dung của từng đoạn. Vì vậy, cách hỗ trợ HS là GV đưa ra các đại ý khác nhau theo hình thức trắc nghiệm để các em lựa chọn. Sau đó, GV đặt câu hỏi hướng dẫn HS giải thích lí do vì sao chọn (căn cứ vào chỗ nào trong bài đọc để chọn ý đó).

(2) Nhóm BT đọc hiểu hình thức

– Loại BT xác định từ ngữ chỉ màu sắc, hình dáng, âm thanh, đặc điểm, hành động,... của đối tượng miêu tả trong bài đọc.

– Loại BT nhận diện các đặc điểm của thể loại văn bản như nhân vật, lời nhân vật,...

(3) Nhóm BT đọc hiểu liên hệ, so sánh, kết nối

– Loại BT kết nối đọc hiểu chi tiết trong văn bản với đọc ngôn ngữ hình ảnh: GV có thể sử dụng phương pháp đàm thoại gợi mở, giúp HS quan sát tranh và nhận ra bức tranh đang vẽ về điều gì/ cảnh gì. Từ đó hướng dẫn HS quay trở lại bài đọc và xác định vị trí từ ngữ/ câu thơ/ câu văn tương ứng với nội dung tranh. GV cũng có thể sử dụng hình thức thi đua ghép tranh giữa các nhóm/ tổ để gia tăng hứng thú tìm hiểu bài.

– Loại BT liên hệ bản thân, đánh giá nhân vật/ chi tiết trong bài đọc, kết nối kinh nghiệm ngôn ngữ và xã hội của HS. VD: “*Em thích nhân vật nào nhất? Vì sao?*”,...

2.2.2. Dạy học đọc hiểu văn bản thông tin

(1) Nhóm BT đọc hiểu nội dung

– Loại BT nhận diện các thông tin nổi bật được thể hiện tường minh trong văn bản, thường được thiết kế dưới dạng câu hỏi tái hiện.

– Loại BT xác định ý khái quát (đại ý) của văn bản (văn bản này viết về điều gì) có gợi ý, hỗ trợ.

(2) Nhóm BT đọc hiểu hình thức

– Loại BT xác định từ ngữ chỉ màu sắc, hình dáng, đặc điểm,... của đối tượng miêu tả trong bài đọc.

– Loại BT nhận biết trình tự của các chi tiết, sự việc trong văn bản. Với dạng BT này, GV cần giúp HS đọc lại bài đọc, xác định vị trí các sự việc được nhắc đến trong câu hỏi, đánh số các sự việc theo trật tự xuất hiện trong bài đọc để trả lời câu hỏi.

– Loại BT nhận diện các đặc điểm của thể loại văn bản như hiểu nghĩa một số tín hiệu đơn giản gắn với hiểu biết của HS.

(3) Nhóm BT đọc hiểu liên hệ, so sánh, kết nối: Liên hệ bản thân, kết nối kinh nghiệm ngôn ngữ và xã hội của HS.

2.3. Đọc mở rộng

Mục đích của hoạt động ĐMR là giúp HS rèn luyện kĩ năng đọc hiểu, đọc độc lập, đọc chia sẻ, góp phần nâng cao văn hoá đọc, bồi dưỡng niềm yêu thích đọc sách. Ở lớp Hai, HS phải đọc 35 văn bản văn học và 18 văn bản thông tin.

Mục tiêu của hoạt động ĐMR là: (1) HS nói được tên bài thơ, bài viết hoặc tên câu chuyện, tên tác giả; tên cuốn sách hoặc tờ báo có bài đọc; (2) nhận ra bài học từ nội dung bài thơ, bài viết hoặc câu chuyện; (3) viết được vào *Phiếu đọc sách* những thông tin chính như tên bài thơ, bài viết hoặc tên câu chuyện, tên tác giả, tên cuốn sách hoặc tờ báo có bài đọc, bài học từ nội dung bài thơ, bài viết hoặc câu chuyện.

Sách *Tiếng Việt 2* thiết kế hoạt động ĐMR theo thời lượng mỗi tuần có một bài ĐMR. Nội dung ĐMR bao gồm HS tìm đọc truyện, bài thơ, bài văn (văn bản miêu tả văn chương), bài đọc (văn bản thông tin), chia sẻ về bài/ truyện đã đọc và viết vào *Phiếu đọc sách* những thông tin cần thiết. GV cần hướng dẫn HS đọc tên sách, tên tờ sách trên góc trái/ phải của bìa sách để tìm được văn bản theo yêu cầu. GV hướng dẫn HS cách tìm bài đọc trong hoạt động dẫn dò ở bài học trước đó. GV có thể thực hiện làm mẫu lại trong một số tiết dạy đầu tiên có hoạt động này. Ở tiết chia sẻ, GV tổ chức cho HS chia sẻ về bài/ truyện đã đọc và viết vào *Phiếu đọc sách* các thông tin cần thiết, gồm các bước sau:

Bước 1: GV tổ chức cho HS đọc và xác định yêu cầu BT (chia sẻ về truyện/ bài thơ/ bài văn/ bài đọc (văn bản thông tin) đã đọc); thực hiện BT theo nhóm nhỏ.

Bước 2: GV tổ chức cho HS xác định và thực hiện yêu cầu viết vào *Phiếu đọc sách*; HS tự đánh giá, chữa lỗi (nếu có).

Bước 3: GV tổ chức cho HS nhắc lại nội dung vừa được nghe từ bạn (nội dung mà em cảm thấy hứng thú); HS nghe GV hướng dẫn chuẩn bị cho tiết học sau.

Trong quá trình tổ chức các hoạt động dạy học, GV có thể linh hoạt lựa chọn thời điểm tổ chức hoạt động ĐMR sao cho phù hợp với điều kiện thực tế địa phương và đối tượng HS. GV có thể cân nhắc phương án tổ chức cho HS chia sẻ kết quả ĐMR ngay sau khi kết thúc hoạt động luyện đọc lại bài đọc.

3. DẠY VIẾT

3.1. Tập viết

Các chữ viết hoa được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái và được tổ chức thực hiện trong các bài đọc văn bản truyện và văn bản thơ. Các câu ứng dụng có nội dung gắn liền với chủ điểm và có chứa chữ cái viết hoa vừa học.

Các bước tổ chức việc dạy viết hoa và viết câu ứng dụng được thực hiện tương tự như các bước dạy kĩ thuật viết theo mẫu ở lớp Một.

3.2. Chính tả

Các dạng bài chính: nhìn – viết, nghe – viết; chính tả có quy tắc và chính tả phương ngữ.

(1) Chính tả nhìn – viết (tập chép): HS thực hành kiểu bài chính tả nhìn – viết đối với dạng văn bản là các đoạn văn, thơ trích từ bài đọc trong SHS hoặc ngoài SHS (theo một tỉ lệ được kiểm soát).

(2) Chính tả nghe – viết: Dạng BT này giúp HS luyện tập khả năng chuyển đổi âm thanh được nghe thành chữ viết đúng chính tả, rèn kĩ năng nghe – hiểu đúng nghĩa của từ, câu, đoạn. GV cần giúp HS đọc lại câu/ đoạn cần viết, đàm thoại gợi mở để giúp HS hiểu đúng nghĩa của từ, câu, đoạn cần viết. Trường hợp đoạn cần viết có tiếng/ từ khó đọc, dễ viết sai do phương ngữ, GV tổ chức cho HS đánh vần, nhận diện tiếng/ từ đó.

(3) Chính tả có quy tắc: Với dạng BT này, GV cho HS nhắc lại quy tắc, thực hiện BT và tự kiểm tra, đánh giá bài làm của mình, của bạn. Với kiểu BT luyện tập phân biệt các vần khó mà HS thường mắc lỗi như eo/oeo, uê/êu, ua/uơ, iu/uyu,... GV có thể cho HS đánh vần, đặt từ vào trong cụm từ hoặc câu để phân biệt. Cuối học kì II có BT tìm/ chọn chữ viết đúng hoặc tìm chữ viết sai có các cặp vần dễ lẫn như vừa nêu; GV cho HS quan sát và đánh vần, tìm những trường hợp tương tự để xác định đúng.

(4) Chính tả phương ngữ: Dạng BT này được thiết kế dưới dạng BT lựa chọn, GV hướng dẫn HS đặt yếu tố cần tìm trong ngữ cảnh; tổ chức thực hiện BT và tự kiểm tra, đánh giá bài làm của mình, của bạn.

(5) Chính tả ngữ nghĩa: Dạng BT này chỉ xảy ra với cặp *d/gi*, được thiết kế dưới dạng BT lựa chọn; GV hướng dẫn HS đặt yếu tố cần tìm trong ngữ cảnh; tổ chức thực hiện BT và tự kiểm tra, đánh giá bài làm của mình, của bạn.

3.3. Viết sáng tạo

Mục đích của kiểu bài viết sáng tạo là giúp HS chuyển đổi ý tưởng được trình bày dưới ngôn ngữ nói trong hoạt động luyện nói sáng tạo thành ngôn ngữ viết và làm quen với việc viết câu/ đoạn. Các dạng bài cho hoạt động này: *viết theo mẫu gợi ý; điền phần thông tin để hoàn thành câu; viết lại ý vừa nói; viết tên cho bức tranh* (HS đã thực hiện ở lớp Một, lên lớp Hai được tiếp tục; SHS sắp xếp kiểu bài này ở những tuần đầu; GV lưu ý hướng dẫn HS hiểu sự khác nhau giữa việc đặt tên cho bức tranh/ ảnh (ngôn ngữ nói) với việc viết tên bức tranh/ ảnh đó. GV đưa mẫu và cho HS phân tích các đặc điểm của mẫu và tổ chức thực hiện đặt tên cho bức tranh); *viết 4 – 5 câu (giới thiệu, tả, thuật, ...) theo gợi ý*.

Theo CT 2018, việc dạy kĩ năng viết chính là sự thể hiện kĩ năng tạo lập văn bản, bao gồm cả dạng nói và viết. Ở lớp Hai, việc dạy kĩ năng viết nhằm chuẩn bị bước đầu cho việc viết theo thể loại. Sách *Tiếng Việt 2* lựa chọn cách dạy kĩ thuật viết dưới dạng hướng dẫn HS nhận thức được quá trình tạo lập văn bản của mình hơn là nhấn mạnh vào kết quả sản phẩm làm văn của các em. Để làm được điều này, sách lựa chọn và phân chia việc viết

đoạn (viết 3 – 4 – 5 câu) của HS thành: 1. *Nhận diện thể loại* (bao gồm nhận diện thể loại và viết nháp); 2. *Luyện tập – thực hành* (bao gồm nói, viết theo thể loại). Tùy theo mỗi thể loại làm văn cần được lĩnh hội, các bước vừa nêu sẽ được phân bổ trong 4 tiết trên lớp. Cụ thể, việc tổ chức dạy học sẽ được tiến hành như sau:

(1) Giai đoạn nhận diện thể loại

Để giúp HS nhận diện đúng thể loại làm văn cần học, sách *Tiếng Việt 2* sử dụng phương pháp học theo mẫu; được bố trí ở tiết 1 và 3. Mỗi tiết nhận diện thể loại, SHS hướng dẫn phân tích mẫu theo những tiêu chí/ gợi ý khác nhau. Theo đó, yêu cầu phân tích mẫu ở tiết 3 sẽ được phát triển so với tiết 1. Thông thường, GV sẽ tiến hành các hoạt động như sau:

Bước 1: GV giúp HS hiểu mục đích và ý nghĩa của thể loại bằng cách liên hệ với phần nội dung bài đọc trước đó; đưa mẫu đến cho HS, tổ chức cho HS đọc bài mẫu.

Bước 2: GV tổ chức cho HS tìm hiểu mẫu bằng hệ thống câu hỏi hoặc BT. GV lưu ý giúp HS xem xét, phân tích mẫu trên phương diện liên quan đến cách thức làm bài văn theo thể loại (mục đích viết, đối tượng viết, cách thức triển khai ý, thể hiện tình cảm/ thái độ của người viết); tránh cách hỏi về nội dung của bài văn mẫu. HS có thể tiến hành bước này theo hình thức toàn lớp, cá nhân hoặc cặp/ nhóm.

Bước 3: Tổ chức cho HS viết nháp theo mẫu hoặc gợi ý, hướng dẫn.

Bước 4: Tổ chức cho HS nhận xét, đánh giá bài viết nháp, rút kinh nghiệm để chuẩn bị cho luyện tập, thực hành.

VD: Bài ***Giới thiệu đồ vật quen thuộc***, chủ điểm Những người bạn nhỏ, *Tiếng Việt 2*, tập một, tr. 88 – 89

6. Giới thiệu về đồ vật quen thuộc

6.1. Phân tích mẫu

– HS xác định yêu cầu của BT 6a, đọc đoạn văn, quan sát tranh và trả lời câu hỏi trong nhóm đôi.

– Một vài HS nói trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

6.2. Giới thiệu đồ vật

– HS xác định yêu cầu của BT 6b.

– HS viết vào VBT 3 – 4 câu giới thiệu về chiếc đèn học dựa vào gợi ý.

– Một vài HS đọc các câu đã viết trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

(2) Giai đoạn luyện tập

Giai đoạn luyện tập được bố trí ở các tiết 2, 4. GV cần có biện pháp giúp HS cảm thấy có nhu cầu viết. Một trong những cách làm chính: tạo ra ngữ cảnh giao tiếp từ đề bài được cho. GV có thể chuyển đổi đề bài trong SGK thành một đề bài có ngữ cảnh giao tiếp cụ thể hơn cho HS trong lớp của mình. Theo đó, GV sẽ tiến hành các hoạt động như sau:

Bước 1: Tìm hiểu đề bài. GV cần giúp HS hình dung đối tượng cần viết trong bài là gì, hoàn cảnh, thời gian liên quan đến đối tượng đó. GV nên diễn đạt đề bài thành một tình huống giao tiếp để các em nảy sinh trạng thái tâm lý muốn trao đổi, thể hiện ý nghĩ của mình về đối tượng đó.

Bước 2: Tìm và phát triển ý. Điều quan trọng nhất trong bước này chính là giúp HS có thói quen động não, suy nghĩ về những đặc điểm, nội dung của đối tượng mà mình muốn nói tới ở bước 1. Một số biện pháp dạy học mà GV có thể sử dụng trong bước này là: HS tự đặt câu hỏi về đối tượng mình muốn nói đến (VD: sử dụng bảng câu hỏi *ai, cái gì, ở đâu, khi nào, như thế nào, tại sao, cảm nghĩ/ tình cảm gì về đối tượng đó*); HS trao đổi với bạn và ghi chép lại những ý tưởng xuống giấy nháp; HS lập sơ đồ tư duy/ sơ đồ cây về sự kiện chi tiết/ sắp xếp các thông tin có liên quan,...).

Bước 3: GV giúp HS nói thành câu trên cơ sở những ý đã ghi chép. Nghe GV và các bạn nhận xét nội dung nói, hướng dẫn phát triển ý,...

Bước 4: HS thực hành viết dựa vào bài nói và những nhận xét của GV và các bạn.

VD: Bài **Luyện tập giới thiệu đồ vật quen thuộc**, chủ điểm Những người bạn nhỏ, *Tiếng Việt 2, tập một*, tr. 97

6. Luyện tập giới thiệu đồ vật quen thuộc

6.1. Phân tích gợi ý

- HS xác định yêu cầu của BT 6a.
- HS nói 3 – 4 câu trong nhóm nhỏ giới thiệu một đồ dùng quen thuộc trong nhà dựa vào gợi ý.
- Một vài HS nói trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

6.2. Viết câu giới thiệu

- HS xác định yêu cầu của BT 6b.
- HS viết 3 – 4 câu giới thiệu một đồ dùng quen thuộc trong nhà vào VBT.
- HS đọc các câu đã viết trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

4. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

Hoạt động vận dụng giúp HS vận dụng các nội dung đã học vào thực tế đời sống kết hợp phát triển ngôn ngữ cho HS với hình thức thông dụng, được các em yêu thích như chơi trò chơi, hát, vẽ,... Việc tích hợp ngôn ngữ, vận động, âm nhạc, vẽ, trong đó ngôn ngữ là chính và là nền tảng nhằm thêm một cơ hội rèn luyện kỹ năng sử dụng tiếng Việt cho HS.

Hoạt động vận dụng được bố trí vào mục cuối cùng của bài học. Tùy bài cụ thể, GV có thể tổ chức cho HS thực hiện các bước: (1) Xác định yêu cầu của hoạt động; (2) Thực hiện yêu cầu theo nhóm nhỏ; (3) Trưng bày sản phẩm, chia sẻ, rút kinh nghiệm. Hoạt động vận dụng cũng có thể được thực hiện linh hoạt, không nhất thiết phải thực hiện cuối bài học mà có thể thực hiện sau khi luyện tập một kĩ năng của bài học.

Hoạt động vận dụng có thể tổ chức ở lớp với các bước và các nội dung như vừa nêu. Tuy nhiên, tùy nội dung bài học, có những hoạt động vận dụng có thể cho HS thực hiện ở nhà. Nếu cho HS thực hiện ở nhà, GV hướng dẫn HS cách thực hiện.

VD: Bài **Cánh đồng của bố**, chủ điểm **Bố mẹ yêu thương**, *Tiếng Việt 2, tập một*, tr. 49

2. Nói câu thể hiện tình cảm của em với bố mẹ hoặc người thân

– HS nghe GV hướng dẫn một vài điều em có thể chia sẻ với người thân:

+ Từ ngữ xưng hô theo đúng vai

+ Từ ngữ chỉ tình cảm của em với người thân

+ Những việc mà người thân đã làm cho em khiến em cảm động

+ ...

– HS thực hành ở nhà.

Trong mỗi bài học, việc phân chia các hoạt động dạy học thành các tiết được thực hiện linh hoạt tùy điều kiện thực tế địa phương và đối tượng HS. Vì vậy, GV cần nghiên cứu kĩ phân phối CT để chủ động xây dựng kế hoạch dạy học cá nhân phù hợp nhất.

D. HƯỚNG DẪN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ¹

Thực hiện CT giáo dục phổ thông 2018, việc đánh giá HS căn cứ theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 4/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo *Ban hành Quy định đánh giá HS tiểu học* có hiệu lực thi hành từ ngày 20/10/2020, thực hiện theo lộ trình 5 năm, áp dụng đối với lớp Hai từ năm học 2021 – 2022.

Theo *Quy định đánh giá HS tiểu học*, môn Tiếng Việt cũng thực hiện *đánh giá thường xuyên* và *đánh giá định kì*.

– **Đánh giá thường xuyên:** là hoạt động đánh giá diễn ra trong tiến trình thực hiện hoạt động dạy học theo yêu cầu cần đạt và biểu hiện cụ thể về các thành phần năng lực của từng môn học, hoạt động giáo dục và một số biểu hiện phẩm chất, năng lực của HS. Đánh giá thường xuyên cung cấp thông tin phản hồi cho GV và HS, để kịp thời điều chỉnh quá trình dạy học, hỗ trợ, thúc đẩy sự tiến bộ của HS theo mục tiêu giáo dục tiểu học.

¹ Mục này chỉ là gợi ý và là một phương án dùng cho đánh giá đối tượng HS đại trà – dựa trên yêu cầu cần đạt của CT. Tùy vào đối tượng HS cụ thể, nhất là HS dân tộc thiểu số, HS học hoà nhập mà GV biên soạn để, xây dựng biểu điểm phù hợp.

– **Đánh giá định kì:** là đánh giá kết quả giáo dục HS sau một giai đoạn học tập, rèn luyện, nhằm xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập, rèn luyện của HS theo yêu cầu cần đạt và biểu hiện cụ thể về các thành phần năng lực của từng môn học, hoạt động giáo dục được quy định trong CT giáo dục phổ thông cấp Tiểu học và sự hình thành, phát triển phẩm chất, năng lực của HS. Môn Tiếng Việt lớp Hai thực hiện đánh giá định kì vào cuối học kì I và cuối học kì II.

Một số phương pháp đánh giá thường được sử dụng trong quá trình đánh giá HS tiểu học đối với môn Tiếng Việt:

– **Phương pháp quan sát:** GV theo dõi, lắng nghe HS trong quá trình giảng dạy trên lớp, có thể sử dụng phiếu quan sát, bảng kiểm tra, nhật kí ghi chép lại các biểu hiện của HS để sử dụng làm minh chứng đánh giá quá trình học tập, rèn luyện của HS, bao gồm:

+ **Quan sát quá trình:** GV cần chú ý đến những hành vi của HS như: sự tương tác (tranh luận, chia sẻ các suy nghĩ, biểu lộ cảm xúc,...) giữa các HS với nhau trong nhóm,... (hào hứng, giơ tay phát biểu trong giờ học hay ngồi im thụ động,...).

+ **Quan sát sản phẩm:** HS phải tạo ra sản phẩm học tập và GV sẽ quan sát, cho ý kiến đánh giá về sản phẩm, giúp các em hoàn thiện sản phẩm.

Một số quan sát được tiến hành có chủ định và định trước, như trong trường hợp GV đánh giá HS khi các em đọc bài tập đọc trong nhóm hoặc trình bày một nội dung trước lớp (nói và nghe tương tác hay nói phục vụ viết sáng tạo,...). Khi HS đọc bài trước lớp, GV có thể theo dõi và lắng nghe xem HS phát âm có rõ ràng không, có thường xuyên ngược lên nhìn trong khi đọc hay không, có thể hiện sự tự tin hay không,... Những quan sát như thế đã được định sẵn nên GV có thời gian để chuẩn bị cho HS và xác định trước từng hành vi cụ thể nào sẽ được quan sát.

– **Phương pháp đánh giá qua hồ sơ học tập, các sản phẩm, hoạt động của HS:** GV đưa ra các nhận xét, đánh giá về các sản phẩm, kết quả hoạt động của HS, từ đó đánh giá HS theo từng nội dung đánh giá có liên quan.

– **Phương pháp vấn đáp:** GV trao đổi với HS thông qua việc hỏi – đáp để thu thập thông tin nhằm đưa ra những nhận xét, biện pháp giúp đỡ kịp thời. Tùy theo vị trí của phương pháp vấn đáp trong quá trình dạy học, cũng như tùy theo mục đích, nội dung của bài học, GV có thể đặt câu hỏi vấn đáp gợi mở, vấn đáp củng cố, vấn đáp tổng kết hay vấn đáp kiểm tra.

– **Phương pháp kiểm tra viết:** GV sử dụng các bài kiểm tra gồm các câu hỏi, BT được thiết kế theo mức độ, yêu cầu cần đạt của CT, dưới hình thức trắc nghiệm, tự luận hoặc kết hợp trắc nghiệm và tự luận để đánh giá mức đạt được về các nội dung giáo dục cần đánh giá.

1. KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ THƯỜNG XUYÊN

– Đánh giá thường xuyên trong quá trình học tập, rèn luyện của HS được thực hiện theo tiến trình nội dung của môn học, trong đó bao gồm cả quá trình vận dụng kiến thức, kĩ năng ở nhà trường, gia đình và cộng đồng.

– Trong đánh giá thường xuyên, GV sử dụng các kĩ thuật quan sát, theo dõi; trao đổi, phỏng vấn; kiểm tra nhanh (phiếu, vở); nhận xét (lời, viết),...

– Trong đánh giá thường xuyên, GV cần lưu ý ghi những nhận xét đáng chú ý nhất vào *Nhật kí đánh giá* (nếu có): những kết quả HS đã đạt được hoặc chưa đạt được; biện pháp cụ thể giúp HS vượt qua khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ; các biểu hiện cụ thể về sự hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất của HS; những điều cần đặc biệt lưu ý để giúp cho quá trình theo dõi, giáo dục đối với cá nhân, nhóm HS trong học tập, rèn luyện.

– Tham gia đánh giá thường xuyên hoạt động học tập, sự tiến bộ và kết quả học tập gồm: GV, HS (tự đánh giá và nhận xét, góp ý bạn qua hoạt động của nhóm, lớp); khuyến khích sự tham gia đánh giá của cha mẹ HS.

– Để thực hiện đánh giá thường xuyên trong quá trình tổ chức dạy học Tiếng Việt, căn cứ vào đặc điểm và yêu cầu cần đạt của bài học, của mỗi hoạt động mà HS phải thực hiện trong bài học, GV tiến hành một số việc như sau:

+ Quan sát, theo dõi, trao đổi, kiểm tra quá trình và từng kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS, nhóm HS theo tiến trình dạy học;

+ Nhận xét bằng lời nói trực tiếp với HS hoặc viết nhận xét vào phiếu, vở của HS về những kết quả đã làm được hoặc chưa làm được; mức độ hiểu biết và năng lực vận dụng kiến thức; mức độ thành thạo các thao tác, kĩ năng cần thiết, phù hợp với yêu cầu của bài học, hoạt động của HS;

+ Quan tâm tiến độ hoàn thành từng nhiệm vụ của HS; áp dụng biện pháp cụ thể để kịp thời giúp đỡ HS vượt qua khó khăn. Do năng lực Tiếng Việt của HS trong cùng một lớp có thể không đồng đều nên có thể chấp nhận sự khác nhau về thời gian, mức độ hoàn thành nhiệm vụ.

– Đối với đánh giá thường xuyên môn Tiếng Việt lớp Hai, cần lưu ý:

+ Đánh giá hoạt động nói và nghe

GV cần tập trung vào các yêu cầu sau:

(1) HS nói đúng chủ đề, nội dung và mục tiêu cần luyện tập.

(2) HS biết điều chỉnh âm lượng giọng nói phù hợp với từng hoàn cảnh (nhóm nhỏ, lớp).

(3) HS biết thể hiện sự quan tâm, chú ý lắng nghe khi bạn nói, có thái độ lắng nghe tích cực.

(4) HS bước đầu biết sử dụng các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ (cơ thể, điệu bộ, gương mặt, giọng nói, cử chỉ,...) khi tham gia hoạt động nói và nghe.

+ Đánh giá hoạt động đọc

Có 2 nội dung đánh giá: đánh giá đọc hiểu và đánh giá đọc lưu loát.

• **Về đọc lưu loát (đọc thành tiếng):** GV dựa trên các tiêu chí sau:

(1) Độ chính xác khi giải mã văn bản đọc (số tiếng đọc đúng/ tổng số tiếng đọc được trong 60 giây).

(2) Tốc độ giải mã văn bản đọc (số tiếng đọc đúng¹ trong 60 giây).

(3) Khả năng ngưng nghỉ hơi ở chỗ có dấu câu.

• **Về đọc hiểu:** GV cần đánh giá các khả năng:

(1) Nhận biết chi tiết, hình ảnh, lời nhân vật, từ ngữ chỉ hình dáng, hành động, màu sắc, âm thanh được thể hiện tường minh trong văn bản.

(2) Chỉ ra được nội dung, chủ điểm của văn bản thông qua gợi ý.

(3) Liên hệ tranh minh hoạ với các chi tiết trong văn bản.

(4) Liên hệ nội dung văn bản với đời sống cá nhân.

GV có thể sử dụng văn bản có độ dài khoảng 60 chữ (học kì I); 70 chữ (học kì II) cho HS đọc thành tiếng; văn bản có độ dài khoảng 160 – 180 chữ (học kì I); 180 – 200 chữ (học kì II) cho HS đọc thầm và trả lời câu hỏi đọc hiểu theo các yêu cầu đánh giá ở trên.

+ Đánh giá hoạt động viết

Có 2 nội dung đánh giá hoạt động viết của HS:

• Đánh giá kĩ thuật viết được thể hiện trong các hoạt động:

(1) Tập viết (viết chữ hoa, viết chữ thường, viết câu ứng dụng).

(2) Chính tả (nhìn – viết, nghe – viết, lớp Hai chủ yếu là nghe – viết).

• Đánh giá kĩ năng viết được thể hiện trong các hoạt động:

(1) Viết sáng tạo dưới các hình thức như viết theo mẫu câu.

(2) Điền phần thông tin còn trống.

(3) Viết theo gợi ý (lớp Hai: viết 3 – 4 – 5 câu). Ở kĩ năng viết này, GV chủ yếu đánh giá dựa trên ý tưởng của HS theo hướng động viên, khuyến khích.

*** Lưu ý:** ❶ Tránh việc chú trọng đánh giá về các lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.

❷ GV cần thể hiện bốn vai trò khi đánh giá bài viết của HS: độc giả; người trợ giúp; người đánh giá; giám khảo.

❸ GV cũng cần tổ chức cho HS tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau.

+ Đánh giá phẩm chất và năng lực chung

¹ Số tiếng đọc đúng: bao gồm số tiếng HS giải mã đúng và số tiếng HS giải mã sai nhưng tự sửa lại trong vòng 3 giây.

GV cần tập trung vào hành vi, việc làm, cách ứng xử, biểu hiện về thái độ, tình cảm của HS trong quá trình tham gia các hoạt động đọc, viết, nói, nghe; thực hiện bằng phương pháp định tính thông qua quan sát, ghi chép, nhận xét bằng lời, nhận xét có ghi chú,...

*** Lưu ý:** Khi kiểm tra, đánh giá, GV cần nhận xét kết quả học tập của HS theo hướng tích cực, cụ thể, đánh giá tiến trình, VD: *Con đã đọc tốt hơn rồi!, Con rất chăm chỉ., Con đã viết đúng và đẹp hơn.; Con cần cố gắng hơn nhé!;* tránh nhận xét tiêu cực hoặc chung chung như: *Chữ nguệch ngoạc, cầu thả., Cần chăm chỉ hơn.; Sai, bạn nào giúp bạn?, Tốt., Rất giỏi., Đáng khen.,...*

2. KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ ĐỊNH KÌ

2.1. Quy trình xây dựng đề kiểm tra định kì

Bước 1: Xác định mục đích đánh giá (đánh giá kết quả học tập, năng lực, phẩm chất nào của HS? Vào thời điểm nào? Đối tượng HS nào?...).

Bước 2: Xây dựng nội dung đánh giá, ma trận đề kiểm tra (dựa vào mục đích đánh giá, chuẩn kiến thức, kĩ năng, nội dung trọng tâm cốt lõi... để xác định các chủ đề nội dung cần đánh giá).

Bước 3: Xây dựng các câu hỏi/ BT (số lượng các câu hỏi, dạng câu hỏi, mức độ dựa trên các chủ đề nội dung cụ thể của bước 2).

Bước 4: Dự kiến các phương án trả lời (đáp án) các câu hỏi/ BT ở bước 3 và thời gian làm bài.

Bước 5: Dự kiến điểm số cho các câu hỏi/ BT (căn cứ vào số lượng câu hỏi/ BT, các mức và mục đích đánh giá, đồng thời phải dự kiến hình dung được các tình huống HS sẽ gặp phải trong khi làm bài kiểm tra để ước tính điểm số).

Bước 6: Điều chỉnh và hoàn thiện đề kiểm tra (Rà soát lại các câu hỏi/ BT, mức độ, điểm số, dựa vào các yêu cầu ở bước 1, bước 2. Nếu có điều kiện – đã xây dựng được ngân hàng câu hỏi/ BT hoặc xác định được các mục đích đánh giá định kì ngay từ đầu năm học thì có thể thử nghiệm kiểm tra các câu hỏi/ BT tương tự trong suốt quá trình dạy học).

2.2. Hướng dẫn biên soạn đề kiểm tra định kì

2.2.1. Bài kiểm tra đọc (10 điểm)

(1) Kiểm tra đọc thành tiếng kết hợp kiểm tra nghe nói (kiểm tra từng cá nhân HS)

*** Mục tiêu:** Nhằm kiểm tra kĩ năng đọc thành tiếng kết hợp kiểm tra kĩ năng nghe nói (HS trả lời 1 câu hỏi về nội dung đoạn, bài đọc).

*** Nội dung kiểm tra:**

– HS đọc một đoạn văn trong các bài tập đọc đã học ở sách *Tiếng Việt 2* hoặc một đoạn văn do GV lựa chọn và chuẩn bị trước (ghi rõ tên bài, đoạn đọc và số trang hoặc in nội dung bài/ đoạn đọc vào phiếu cho từng HS bốc thăm rồi đọc thành tiếng).

– HS trả lời một câu hỏi về nội dung của đoạn đã đọc do GV nêu ra (Có thể ghi câu hỏi ở cuối bài đọc trong phiếu).

** Tiêu chí đánh giá:*

- Đọc vừa đủ nghe, rõ ràng; tốc độ đọc đạt yêu cầu.
- Đọc đúng tiếng, từ (không đọc sai quá 5 tiếng).
- Ngắt nghỉ hơi đúng ở các dấu câu, các cụm từ rõ nghĩa.
- Trả lời đúng câu hỏi về nội dung đoạn đọc.

(2) Kiểm tra đọc hiểu, kết hợp kiểm tra kiến thức tiếng Việt (bài kiểm tra viết cho tất cả HS)

** Mục tiêu:* nhằm kiểm tra kĩ năng đọc hiểu và kiến thức tiếng Việt (kĩ năng về dùng từ và viết câu của HS).

** Phân bố điểm cho các nội dung kiểm tra:* có thể phân bố điểm như sau:

- Đọc hiểu văn bản: khoảng 2/3 tổng số điểm.
- Kiến thức, kĩ năng tiếng Việt: khoảng 1/3 tổng số điểm.

Thông thường, điểm tối đa cho mỗi câu trắc nghiệm (lựa chọn, trả lời ngắn, điền, nối...) là 0,5 điểm, điểm tối đa cho mỗi câu hỏi mở (chủ yếu là câu hỏi ở mức 3) là 1 điểm.

** Phân bố nội dung kiểm tra ở từng mức:* Có thể đưa ra tỉ lệ ở các mức khác nhau phù hợp với yêu cầu đánh giá của từng địa phương, chẳng hạn: mức 1 khoảng 40%; mức 2 khoảng 30%; mức 3 khoảng 30%.

** Thời gian làm bài kiểm tra:* khoảng 35 – 40 phút.

** Một số chỉ dẫn biên soạn đề kiểm tra theo ma trận:*

– Bài đọc hiểu thường gồm một văn bản (truyện, bài văn, bài thơ, văn bản khoa học thường thức), tổng độ dài của các văn bản theo quy định của chương trình, thời gian đọc thầm khoảng 2 – 3 phút (căn cứ vào yêu cầu cần đạt môn Tiếng Việt lớp Hai để tính cho cuối học kì I).

– Câu hỏi trắc nghiệm khách quan: gồm dạng câu hỏi có kèm 3 – 4 phương án trả lời để HS lựa chọn; câu hỏi yêu cầu điền ngắn (điền một từ hoặc cụm từ, điền dấu câu vào chỗ trống), câu hỏi nối cặp đôi, câu hỏi Đúng – Sai phức hợp,...

– Câu hỏi tự luận: yêu cầu HS tự hình thành câu trả lời (một hoặc một vài câu) dùng để nêu ý kiến cá nhân/ giải thích ngắn về một chi tiết trong bài đọc; trình bày cách phân loại hoặc sắp xếp ý trong bài đọc theo yêu cầu; viết câu có các hiện tượng từ vựng, ngữ pháp đã học,...

– Thời gian tính trung bình để HS làm một câu hỏi trắc nghiệm khách quan: 1 phút.

– Thời gian tính trung bình để HS làm một câu hỏi tự luận: từ 2 – 4 phút.

2.2.2. Bài kiểm tra viết (10 điểm)

(1) Kiểm tra viết chính tả (bài kiểm tra viết cho tất cả HS)

* **Mục tiêu:** Nhằm kiểm tra kỹ năng viết chính tả của HS.

* **Nội dung kiểm tra:** GV đọc cho HS cả lớp viết (nghe – viết) một đoạn văn (hoặc thơ) phù hợp với chủ điểm đã học tính đến thời điểm kiểm tra (số chữ theo quy định của CT). Có thể kết hợp kiểm tra chính tả âm/ vần trong trường hợp cần thiết.

* **Thời gian kiểm tra:** khoảng 15 phút.

* **Tiêu chí đánh giá bài viết của HS:**

- Tốc độ đạt yêu cầu.
- Chữ viết rõ ràng, viết đúng mẫu chữ, cỡ chữ.
- Viết đúng chính tả (không mắc quá 5 lỗi).
- Trình bày đúng quy định, viết sạch, đẹp.

(2) Kiểm tra viết đoạn, bài (bài kiểm tra viết cho tất cả HS)

* **Mục tiêu:** Nhằm kiểm tra kỹ năng viết đoạn văn của HS.

* **Nội dung kiểm tra:**

- HS viết theo yêu cầu của đề bài thuộc nội dung CT đã học ở từng học kì.
- Đề kiểm tra viết đoạn, bài đánh giá tổng hợp được những nội dung học tập sau: kỹ năng viết chữ; kỹ năng viết chính tả; kỹ năng dùng từ, đặt câu; kỹ năng viết đoạn văn đơn giản có độ dài khoảng 4 – 5 câu.

– **Hướng dẫn chấm điểm chi tiết** (xác định các mức độ cần đạt theo từng mức điểm tùy theo đề bài cụ thể):

+ **Nội dung (ý):** HS viết được đoạn văn gồm các ý theo đúng yêu cầu/ gợi ý nêu trong đề bài.

+ **Kỹ năng:** đánh giá được các kỹ năng:

- Kỹ năng viết chữ, viết đúng chính tả.
- Kỹ năng dùng từ, đặt câu.
- Tính sáng tạo thể hiện qua bài viết.

* **Lưu ý:** ❶ Điểm số cho từng nội dung kiểm tra, từng tiêu chí đánh giá thực hiện theo hướng dẫn chung đối với lớp Hai.

❷ Để trong sách *Tiếng Việt 2* là một ví dụ để GV dùng cho HS luyện tập, đồng thời dùng tham khảo để biên soạn đề kiểm tra đánh giá kết quả cuối học kì và cuối năm.

E. MỘT VÀI NỘI DUNG KHÁC

1. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH MÔN TIẾNG VIỆT LỚP HAI¹

(Trích CT GDPT môn Ngữ văn – Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, tr.22 – 26)

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
ĐỌC KĨ THUẬT ĐỌC – Đọc đúng các tiếng (bao gồm cả một số tiếng có vần khó, ít dùng). – Thuộc bảng chữ cái tiếng Việt; biết phân biệt tên chữ cái (a, bê, xê,...) và âm (a, bờ, cờ,...) mà chữ cái và con chữ biểu hiện. – Đọc đúng và rõ ràng các đoạn văn, câu chuyện, bài thơ, văn bản thông tin ngắn. – Tốc độ đọc khoảng 60 – 70 tiếng trong 1 phút. Biết ngắt hơi ở chỗ có dấu câu, chỗ ngắt nhịp thơ. – Bước đầu phân biệt được lời nhân vật trong đối thoại và lời người kể chuyện để đọc với ngữ điệu phù hợp. – Biết đọc thầm. – Nhận biết được thông tin trên bìa sách: tranh minh họa, tên sách, tên tác giả, nhà xuất bản. – Điền được những thông tin quan trọng vào <i>Phiếu đọc sách</i>. ĐỌC HIỂU Văn bản văn học Đọc hiểu nội dung – Biết nêu và trả lời câu hỏi về một số chi tiết nội dung trong văn bản như: <i>Ai? Cái gì? Làm gì? Khi nào? Ở đâu? Như thế nào? Vì sao?</i> – Hiểu điều tác giả muốn nói qua văn bản đơn giản dựa vào gợi ý. Đọc hiểu hình thức – Nhận biết được địa điểm, thời gian, các sự việc chính của câu chuyện.	KIẾN THỨC TIẾNG VIỆT 1. Bảng chữ cái tiếng Việt Sự khác nhau giữa tên chữ cái (a, bê, xê,...) và âm (a, bờ, cờ,...). 2. Vốn từ theo chủ điểm Từ chỉ sự vật, hoạt động, tính chất. 3. Công dụng của dấu – Dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than: đánh dấu kết thúc câu. – Dấu phẩy: tách các bộ phận đồng chức trong câu. 4. Hội thoại: lắng nghe, nói theo lượt lời. 5. Đoạn văn – Đoạn văn kể lại một sự việc. – Đoạn văn miêu tả ngắn, đơn giản theo gợi ý. – Đoạn văn nói về tình cảm của mình với những người thân yêu. – Đoạn văn giới thiệu loài vật, đồ vật; văn bản hướng dẫn thực hiện một hoạt động, bưu thiếp, danh sách, mục lục sách, thời khoá biểu, thời gian biểu. 6. Thông tin bằng hình ảnh (Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ)

¹ CT là căn cứ để GV tiến hành các hoạt động giáo dục. Mặc dù GV có thể có hoặc lấy CT từ một nguồn khác, nhưng tác giả vẫn đưa vào đây để giúp GV thuận lợi hơn trong việc theo dõi các nội dung được trình bày ở cuốn sách này.

– Nhận biết được hình dáng, điệu bộ, hành động của nhân vật qua ngôn ngữ và hình ảnh.

– Nhận biết được thái độ, tình cảm giữa các nhân vật thể hiện qua hành động, lời thoại.

– Nhận biết được vần trong thơ.

Liên hệ, so sánh, kết nối

Nêu được nhân vật yêu thích nhất và giải thích được vì sao.

Đọc mở rộng

– Trong một năm học, đọc tối thiểu 35 văn bản văn học có thể loại và độ dài tương đương với các văn bản đã học.

– Thuộc lòng ít nhất 6 đoạn thơ, bài thơ hoặc đoạn văn đã học; mỗi đoạn thơ, bài thơ, đoạn văn có độ dài khoảng 30 – 45 chữ.

Văn bản thông tin

Đọc hiểu nội dung

– Biết nêu và trả lời được câu hỏi về các chi tiết nổi bật của văn bản như: *Ai? Cái gì? Làm gì? Khi nào? Ở đâu? Như thế nào? Vì sao?*

– Dựa vào gợi ý, trả lời được: Văn bản viết về cái gì và có những thông tin nào đáng chú ý dựa vào gợi ý.

Đọc hiểu hình thức

– Nhận biết được một số loại văn bản thông tin đơn giản, thông dụng qua đặc điểm của văn bản: mục lục sách, danh sách học sinh, thời khoá biểu, thời gian biểu, văn bản giới thiệu loài vật, đồ vật hoặc văn bản hướng dẫn thực hiện một hoạt động.

– Nhận biết được trình tự các sự việc, hiện tượng nêu trong văn bản.

Liên hệ, so sánh, kết nối

– Nêu được các thông tin bổ ích đối với bản thân từ văn bản.

– Nhận biết được thông tin cơ bản của văn bản thể hiện qua nhan đề, hình ảnh minh hoạ và chú thích hình ảnh.

KIẾN THỨC VĂN HỌC

1. Đề tài (viết, kể về điều gì).

2. Hình dáng, điệu bộ, lời thoại của nhân vật.

3. Tình cảm, thái độ giữa các nhân vật.

4. Vần trong thơ.

NGŨ LIỆU

1. Văn bản văn học

– Cổ tích, ngụ ngôn, truyện ngắn; đoạn (bài) văn miêu tả.

– Bài thơ, đồng dao, ca dao, vè.

Độ dài của văn bản: truyện khoảng 180 – 200 chữ, bài miêu tả khoảng 150 – 180 chữ, thơ khoảng 70 – 90 chữ.

2. Văn bản thông tin

– Văn bản giới thiệu về loài vật, đồ dùng; văn bản hướng dẫn một hoạt động đơn giản bao gồm cả dạng kí hiệu.

– Danh sách học sinh; mục lục sách; thời khoá biểu; thời gian biểu.

Độ dài của văn bản: khoảng 110 – 140 chữ.

Đọc mở rộng

Trong một năm học, đọc tối thiểu 18 văn bản thông tin có kiểu văn bản và độ dài tương đương với các văn bản đã học.

VIẾT

KĨ THUẬT VIẾT

- Viết thành thạo chữ viết thường, viết đúng chữ viết hoa.
- Viết hoa chữ cái đầu câu, viết đúng tên người, tên địa lí phổ biến ở địa phương.
- Nghe – viết chính tả đoạn thơ, đoạn văn có độ dài khoảng 50 – 55 chữ, tốc độ khoảng 50 – 55 chữ trong 15 phút. Viết đúng một số từ dễ viết sai do đặc điểm phát âm địa phương.
- Trình bày bài viết sạch sẽ, đúng quy định.

VIẾT ĐOẠN VĂN NGẮN

Quy trình viết

- Xác định được nội dung bằng cách trả lời câu hỏi: “Viết về cái gì?”; viết nháp; dựa vào hỗ trợ của giáo viên, chỉnh sửa được lỗi dấu kết thúc câu, cách viết hoa, cách dùng từ ngữ.

Thực hành viết

- Viết được 4 – 5 câu thuật lại một sự việc đã chứng kiến hoặc tham gia dựa vào gợi ý.
- Viết được 4 – 5 câu tả một đồ vật gần gũi, quen thuộc dựa vào gợi ý.
- Viết được 4 – 5 câu nói về tình cảm của mình đối với người thân hoặc sự việc dựa vào gợi ý.
- Viết được 4 – 5 câu giới thiệu về một đồ vật quen thuộc dựa vào gợi ý.
- Biết đặt tên cho một bức tranh.
- Biết viết thời gian biểu, bưu thiếp, tin nhắn, lời cảm ơn, lời xin lỗi.

NÓI VÀ NGHE

NÓI

- Nói rõ ràng, có thói quen nhìn vào người nghe.
- Biết nói và đáp lại lời chào hỏi, chia tay, cảm ơn, xin lỗi, lời mời, lời đề nghị, chúc mừng, chia buồn, an ủi, khen ngợi, bày tỏ sự ngạc nhiên; đồng ý, không đồng ý, từ chối phù hợp với đối tượng người nghe.
- Kể được một câu chuyện đơn giản (có hình ảnh) đã đọc, nghe, xem.
- Nói ngắn gọn về một câu chuyện hoặc bài thơ đã đọc theo lựa chọn của cá nhân (tên văn bản, nội dung văn bản, nhân vật yêu thích).

NGHE

- Có thói quen và thái độ chú ý nghe người khác nói. Đặt được câu hỏi về những gì chưa rõ khi nghe.
- Nghe một bài thơ hoặc bài hát, dựa vào gợi ý, nói một vài câu nêu cảm nhận của mình về bài thơ hoặc bài hát đó.
- Nghe câu chuyện, dựa vào gợi ý, nêu ý kiến về nhân vật chính hoặc một sự việc trong câu chuyện.

NÓI NGHE TƯƠNG TÁC

- Biết trao đổi trong nhóm về các nhân vật trong một câu chuyện dựa vào gợi ý.
- Biết trao đổi trong nhóm về một vấn đề: chú ý lắng nghe người khác, đóng góp ý kiến của mình, không nói chen ngang khi người khác đang nói.

2. PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH SÁCH GIÁO KHOA TIẾNG VIỆT 2, TẬP MỘT

Chủ điểm	Tuần	Bài	Tiết	Nội dung
1. Em đã lớn hơn	1	Bé Mai đã lớn	1, 2	Đọc <i>Bé Mai đã lớn</i>
			3, 4	Viết chữ hoa <i>A</i> , <i>Anh em thuận hoà</i> Từ và câu
		Thời gian biểu	5, 6	Đọc <i>Thời gian biểu</i>
				Nghe – viết <i>Bé Mai đã lớn</i> Bảng chữ cái. Phân biệt <i>c/k</i>
			7, 8	Mở rộng vốn từ <i>Trẻ em</i>
				Nói và đáp lời khen ngợi, lời bày tỏ sự ngạc nhiên
	2	Ngày hôm qua đâu rồi?	1, 2	Đọc <i>Ngày hôm qua đâu rồi?</i>
				Viết chữ hoa <i>Ă, Â, Ăn chậm nhai kĩ</i>
			3, 4	Từ chỉ sự vật Câu kiểu <i>Ai là gì?</i>
		Út Tin	5, 6	Đọc <i>Út Tin</i>
				Nhìn – viết <i>Ngày hôm qua đâu rồi?</i> Bảng chữ cái. Phân biệt <i>g/gh</i>
			7, 8	Mở rộng vốn từ <i>Trẻ em (tiếp theo)</i>
				Nghe – kể <i>Thử tài</i>
			9, 10	Viết thời gian biểu Đọc một bài đọc về trẻ em
2. Mỗi người một vẻ	3	Tóc xoăn và tóc thẳng	1, 2	Đọc <i>Tóc xoăn và tóc thẳng</i>
			3, 4	Viết chữ hoa <i>B</i> , <i>Bạn bè sum họp</i>
				Từ chỉ hoạt động Câu kiểu <i>Ai làm gì?</i>
		Làm việc thật là vui	5, 6	Đọc <i>Làm việc thật là vui</i>
				Nghe – viết <i>Làm việc thật là vui</i> Bảng chữ cái. Phân biệt <i>s/x, en/eng</i>
			7, 8	Mở rộng vốn từ <i>Bạn bè</i> Nói và đáp lời chúc mừng, lời khen ngợi

3. Bố mẹ yêu thương	4	Những cái tên	9, 10	Nói, viết lời cảm ơn Đọc một bài thơ về trẻ em
			1, 2	Đọc <i>Những cái tên</i>
			3, 4	Viết chữ hoa <i>C</i> , <i>Có chí thì nên</i> Viết hoa tên người
			5, 6	Đọc <i>Cô gió</i>
		Cô gió		Nghe – viết <i>Ai dậy sớm</i> Phân biệt <i>ai/ay</i>
			7, 8	Mở rộng vốn từ <i>Bạn bè</i> (tiếp theo)
				Nghe – kể <i>Chuyện ở phố Cây Xanh</i>
			9, 10	Đặt tên cho bức tranh Nói về bức tranh
				Đọc một bài văn về trẻ em
	5	Bọ rùa tìm mẹ	1, 2	Đọc <i>Bọ rùa tìm mẹ</i>
				Viết chữ hoa <i>D, Đ, Đi chào về hỏi</i>
			3, 4	Từ chỉ đặc điểm Câu kiểu <i>Ai thế nào?</i>
				Đọc <i>Cánh đồng của bố</i>
		Cánh đồng của bố	5, 6	Nghe – viết <i>Bọ rùa tìm mẹ</i> Phân biệt <i>ng/ngh; l/n, dấu hỏi/ dấu ngã</i>
			7, 8	Mở rộng vốn từ <i>Gia đình</i> Nói và đáp lời chia tay, lời từ chối
			9, 10	Viết tin nhắn Đọc một truyện về gia đình
	6	Mẹ	1, 2	Đọc <i>Mẹ</i>
				Viết chữ hoa <i>E, Ê, Em là con ngoan</i>
			3, 4	Từ chỉ sự vật Dấu chấm

4. Ông bà yêu quý		Con lợn đất	5, 6	Đọc <i>Con lợn đất</i>
				Nhìn – viết <i>Mẹ</i>
				Phân biệt <i>c/k; iu/ưu, d/v</i>
			7, 8	Mở rộng vốn từ <i>Gia đình (tiếp theo)</i>
				Nghe – kể <i>Sự tích hoa cúc trắng</i>
			9, 10	Luyện tập đặt tên cho bức tranh
				Đọc một bài đọc về gia đình
	7	Cô chủ nhà tí hon	1, 2	Đọc <i>Cô chủ nhà tí hon</i>
			3, 4	Viết chữ hoa <i>G, Gọi dạ bảo vâng</i>
				Từ chỉ hoạt động
		Bưu thiếp	5, 6	Câu kiểu <i>Ai làm gì?</i>
				Đọc <i>Bưu thiếp</i>
				Nhìn – viết <i>Ông tôi</i>
			7, 8	Phân biệt <i>ng/ngh; iu/ưu, g/r</i>
				Mở rộng vốn từ <i>Gia đình (tiếp theo)</i>
				Nói và đáp lời chào hỏi
		Bà nội, bà ngoại	9, 10	Nói, viết lời xin lỗi
				Đọc một bài thơ về gia đình
			1, 2	Đọc <i>Bà nội, bà ngoại</i>
				Viết chữ hoa <i>H, Học thầy, học bạn</i>
			3, 4	Từ chỉ hoạt động, từ chỉ tình cảm
				Câu kiểu <i>Ai thế nào?</i>
	8	Bà tôi	5, 6	Đọc <i>Bà tôi</i>
				Nghe – viết <i>Bà tôi</i>
				Bảng chữ cái
			7, 8	Phân biệt <i>l/n, uôn/uông</i>
				Mở rộng vốn từ <i>Gia đình (tiếp theo)</i>
				Xem – kể <i>Những quả đào</i>
		9, 10		Viết bưu thiếp
				Đọc một bài văn về gia đình

Ôn tập giữa học kì I	9	<i>Ôn tập 1</i>	1, 2	Luyện tập đọc lưu loát và đọc hiểu văn bản truyện
				Luyện tập viết chữ hoa <i>Â, B, C, Đ, Ê, G, H</i>
		<i>Ôn tập 2</i>	3, 4	Luyện tập đọc lưu loát và đọc hiểu văn bản thông tin
				Luyện tập nghe – viết <i>Gánh gánh gồng gồng</i> Luyện tập phân biệt <i>ng/ngh; ch/tr, dấu hỏi/ dấu ngã</i>
		<i>Ôn tập 3</i>	5, 6	Luyện tập đọc lưu loát, đọc hiểu, học thuộc lòng văn bản thơ
				Luyện tập xem – kể <i>Vai diễn của Mít</i>
		<i>Ôn tập 4</i>	7, 8	Luyện tập đọc lưu loát, đọc hiểu văn bản miêu tả
				Luyện tập từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm Luyện tập câu <i>Ai là gì?, Ai làm gì?</i>
		<i>Ôn tập 5</i>	9, 10	Luyện tập đọc lưu loát và đọc hiểu
				Luyện tập viết thư thiệp
				Luyện tập chia sẻ về một truyện em thích
5. Những người bạn nhỏ	10	<i>Cô chủ không biết quý tình bạn</i>	1, 2	Đọc <i>Cô chủ không biết quý tình bạn</i>
				Viết chữ hoa <i>I, Im lặng lắng nghe</i>
			3, 4	Từ chỉ đặc điểm Dấu chấm hỏi
		<i>Đồng hồ báo thức</i>	5, 6	Đọc <i>Đồng hồ báo thức</i>
				Nghe – viết <i>Đồng hồ báo thức</i> Phân biệt <i>c/k; ay/ây, âc/ât</i>
			7, 8	Mở rộng vốn từ <i>Đồ vật</i>
				Nói và đáp lời xin lỗi, lời từ chối
			9, 10	Giới thiệu đồ vật quen thuộc
				Đọc một truyện về đồ vật hoặc con vật
	11	<i>Đồ đạc trong nhà</i>	1, 2	Đọc <i>Đồ đạc trong nhà</i>
				Viết chữ hoa <i>K, Kính thầy yêu bạn</i>
			3, 4	Từ chỉ đặc điểm
				Câu kiểu <i>Ai thế nào?</i>

6. Ngôi nhà thứ hai		Cái bàn học của tôi	5, 6	Đọc <i>Cái bàn học của tôi</i>
				Nghe – viết <i>Chị tẩy và em bút chì</i>
				Phân biệt <i>c/k; d/r, ươn/ương</i>
			7, 8	Mở rộng vốn từ <i>Đồ vật</i> (tiếp theo)
				Xem – kể <i>Con chó nhà hàng xóm</i>
			9, 10	Luyện tập giới thiệu đồ vật quen thuộc
				Đọc một bài đọc về đồ vật hoặc con vật
	12	Bàn tay dịu dàng	1, 2	Đọc <i>Bàn tay dịu dàng</i>
			3, 4	Viết chữ hoa <i>L, Lên rừng, xuống biển</i>
				Từ chỉ đặc điểm
		Danh sách tổ em	5, 6	Dấu chấm than
				Đọc <i>Danh sách tổ em</i>
				Nghe – viết <i>Bàn tay dịu dàng</i>
			7, 8	Bảng chữ cái. Phân biệt <i>ch/tr, ăc/ăt</i>
				Mở rộng vốn từ <i>Trường học</i>
				Nói và đáp lời chia buồn, lời chia tay
		Yêu lắm trường ơi!	9, 10	Luyện tập giới thiệu đồ vật quen thuộc (tiếp theo)
				Đọc một bài thơ về trường học
		Góc nhỏ yêu thương	1, 2	Đọc <i>Yêu lắm trường ơi!</i>
			3, 4	Viết chữ hoa <i>M, Mỗi người một vẻ</i>
				Từ chỉ đặc điểm
			5, 6	Câu kiểu <i>Ai thế nào?</i>
				Đọc <i>Góc nhỏ yêu thương</i>
				Nghe – viết <i>Ngôi trường mới</i>
	13	Góc nhỏ yêu thương	7, 8	Phân biệt <i>g/gh; au/âu, ac/at</i>
				Mở rộng vốn từ <i>Trường học</i> (tiếp theo)
			9, 10	Nghe – kể <i>Loài chim học xây tổ</i>
				Luyện tập giới thiệu đồ vật quen thuộc (tiếp theo)
				Đọc một bài văn về trường học

7. Bạn thân ở trường	14	Chuyện của thước kẻ	1, 2	Đọc <i>Chuyện của thước kẻ</i>
				Viết chữ hoa <i>N, Nghĩ trước nghĩ sau</i>
			3, 4	Từ chỉ sự vật Câu kiểu <i>Ai thế nào?</i>
		Thời khoá biểu		Đọc <i>Thời khoá biểu</i>
			5, 6	Nghe – viết <i>Chuyện của thước kẻ</i> Phân biệt <i>g/gh; ch/tr, ao/au</i>
			7, 8	Mở rộng vốn từ <i>Trường học (tiếp theo)</i>
				Nói và đáp lời chào, lời khuyên bảo
			9, 10	Tả đồ vật quen thuộc
				Đọc một truyện về bạn bè
	15	Khi trang sách mở ra	1, 2	Đọc <i>Khi trang sách mở ra</i>
				Viết chữ hoa <i>O, Ong chăm làm mật</i>
			3, 4	Từ chỉ sự vật Đặt và trả lời câu hỏi <i>Để làm gì?</i>
		Bạn mới	5, 6	Đọc <i>Bạn mới</i>
				Nghe – viết <i>Mỗi người một vẻ</i> Phân biệt <i>g/gh; ay/ây, an/ang</i>
			7, 8	Mở rộng vốn từ <i>Trường học (tiếp theo)</i>
				Đọc – kể <i>Chuyện của thước kẻ</i>
			9, 10	Luyện tập tả đồ vật quen thuộc
				Đọc một bài đọc về bạn bè
8. Nghề nào cũng quý	16	Mẹ của Oanh	1, 2	Đọc <i>Mẹ của Oanh</i>
				Viết chữ hoa <i>Ô, Ơ, Ở hiển gặp lành</i>
			3, 4	Từ chỉ hoạt động Đặt câu hỏi <i>Ở đâu?</i>
		Mục lục sách		Đọc <i>Mục lục sách</i>
			5, 6	Nghe – viết <i>Mẹ của Oanh</i> Phân biệt <i>eo/oeo; d/r, ăc/ăt</i>
			7, 8	Mở rộng vốn từ <i>Nghề nghiệp</i>
				Nói và đáp lời cảm ơn

Ôn tập cuối học kì I	17		9, 10	Luyện tập tả đồ vật quen thuộc (tiếp theo) Đọc một bài thơ về nghề nghiệp
			1, 2	Đọc <i>Cô giáo lớp em</i>
		<i>Cô giáo lớp em</i>		Viết chữ hoa <i>P, Phố xá nhộn nhịp</i>
			3, 4	Từ chỉ người, chỉ hoạt động Đặt câu hỏi Ở đâu?
		<i>Người nặn tò he</i>		Đọc <i>Người nặn tò he</i>
			5, 6	Nghe – viết <i>Vượt qua lốc dữ</i> Phân biệt <i>ng/ngh; s/x, uôc/uôt</i>
			7, 8	Mở rộng vốn từ: <i>Nghề nghiệp</i> (tiếp theo) Đọc – kể <i>Mẹ của Oanh</i>
			9, 10	Luyện tập tả đồ vật quen thuộc (tiếp theo) Đọc một bài văn về nghề nghiệp
		18	Ôn tập 1	Luyện tập đọc lưu loát, đọc hiểu
				Luyện tập viết chữ hoa <i>I, K, L, M, N, P, O</i>
				Luyện tập từ chỉ sự vật, từ chỉ hoạt động Luyện tập câu <i>Ai là gì?, Ai làm gì?</i>
				Luyện tập nói và đáp lời cảm ơn, lời khen ngợi
				Luyện tập chia sẻ bài đọc về người lao động
			Ôn tập 2	Luyện tập đọc lưu loát, đọc hiểu
				Luyện tập nghe – viết <i>Cánh cửa nhớ bà</i> Luyện tập phân biệt <i>c/k, g/gh, ng/ngh; ch/tr, ui/uôi</i>
				Luyện tập dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than
				Luyện tập tả một đồ vật trong nhà
			Đánh giá cuối học kì I	Đọc thành tiếng <i>Cá chuẩn tập bay</i>
				Đọc hiểu <i>Bữa tiệc ba mươi sáu món</i>
				Nghe – viết <i>Bữa tiệc ba mươi sáu món</i> Đấu chấm câu Phân biệt <i>d/gi</i>
				Giới thiệu một đồ dùng học tập
				Nói và nghe <i>Dòng suối và viên nước đá</i>

3. MẪU CHỮ VIẾT HOA VÀ QUY TRÌNH HƯỚNG DẪN VIẾT CHỮ HOA

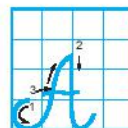
- SGK *Tiếng Việt 2, tập một* giới thiệu các chữ hoa từ A đến P.
- Các chữ hoa đều có độ cao 2,5 ô li, trừ chữ G có độ cao bốn ô li.

3.1. Chữ A

* **Cấu tạo:** gồm nét móc ngược trái, nét móc ngược phải và nét lượn.

* **Cách viết:**

① Đặt bút trên đường kẻ (ĐK) ngang 2 viết một nét móc ngược trái, hơi lượn vòng khi đến điểm dừng trên ĐK dọc 3.



② Không nhấc bút, viết tiếp nét móc ngược phải, dừng bút dưới ĐK ngang 2 và trước ĐK dọc 4.

③ Lia bút đến phía trên ĐK ngang 2, viết nét lượn cắt ngang hai nét móc ngược và dừng bút bên trái ĐK dọc 4, giữa ĐK ngang 2 và 3.

3.2. Chữ Ă

* **Cấu tạo:** gồm nét móc ngược trái, nét móc ngược phải, nét lượn và dấu mũ ngược.

* **Cách viết:**

① Viết như chữ A.

② Lia bút đến ĐK ngang 4, viết nét lượn vòng và dừng bút bên phải ĐK dọc 3.



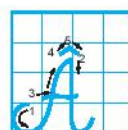
3.3. Chữ Á

* **Cấu tạo:** gồm nét móc ngược trái, nét móc ngược phải, nét lượn và dấu mũ.

* **Cách viết:**

① Viết như chữ A.

② Lia bút đến dưới ĐK ngang 4, viết nét xiên phải, không nhấc bút viết liền mạch nét xiên trái (dấu mũ) và dừng bút dưới ĐK ngang 4, bên phải ĐK dọc 3.

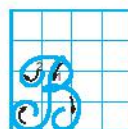


3.4. Chữ B

* **Cấu tạo:** Gồm nét móc ngược trái và nét cong trái, nét cong phải kết hợp với nét thắt.

* **Cách viết:**

① Đặt bút dưới ĐK ngang 4, trước ĐK dọc 3, viết một nét móc ngược trái sát bên phải ĐK dọc 2, hơi lượn vòng khi bắt đầu và dừng bút dưới ĐK ngang 2, trước ĐK dọc 2.



② Lia bút đến điểm trên ĐK ngang 3, sát bên phải ĐK dọc 2, viết nét cong trái, liền mạch viết nét cong phải nhỏ và nét cong phải to kết hợp với nét thắt (cắt ngang nét móc ngược trái giữa ĐK ngang 2 và 3) và dừng bút dưới ĐK ngang 2, trước ĐK dọc 3 (Lưng của nét cong trái chưa tiếp xúc với ĐK dọc 1; Lưng của nét cong phải nhỏ tiếp xúc với ĐK dọc 3; Lưng của nét cong phải to lần sang bên phải ĐK dọc 3).

3.5. Chữ C

* **Cấu tạo:** gồm nét cong trái và nét cong phải.

* **Cách viết:** Đặt bút trên ĐK dọc 2, dưới ĐK ngang 4, viết một nét cong trái nhỏ phía trên ĐK ngang 2, lượn vòng lên chạm ĐK dọc 3 viết tiếp nét cong trái lớn liền mạch với nét cong phải và dừng bút bên phải ĐK dọc 2, dưới ĐK ngang 2 (Chỗ bắt đầu viết nét cong trái lớn phải ngang bằng với điểm đặt bút).

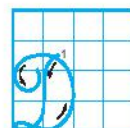


3.6. Chữ D

* **Cấu tạo:** gồm nét móc ngược trái, nét thắt, nét cong phải và nét cong trái.

* **Cách viết:**

① Đặt bút dưới ĐK ngang 4, trước ĐK dọc 3, viết một nét móc ngược trái sát ĐK dọc 2 và hơi lượn vòng khi bắt đầu đến ĐK ngang 1, kết hợp viết nét thắt tiếp xúc với ĐK ngang 1.



② Không nhấc bút, viết liền mạch nét cong phải (Lưng của nét cong phải tiếp xúc với ĐK dọc 3), tiếp tục viết liền mạch nét cong trái và dừng bút tại ĐK ngang 3, trước ĐK dọc 2 (Lưng của nét cong trái tiếp xúc với ĐK dọc 1).

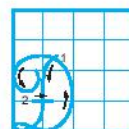
3.7. Chữ Đ

* **Cấu tạo:** gồm nét móc ngược trái, nét thắt, nét cong phải, nét cong trái và nét ngang.

* **Cách viết:**

① Viết như chữ D.

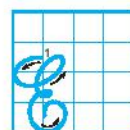
② Lia bút đến điểm trên ĐK ngang 2, trước ĐK dọc 2, viết nét ngang rồi dừng bút sao cho đối xứng qua nét móc ngược trái.



3.8. Chữ E

* **Cấu tạo:** gồm nét cong trái, nét cong phải và nét thắt.

* **Cách viết:** Đặt bút trên ĐK dọc 2, dưới ĐK ngang 4, viết một nét cong trái lưng chạm ĐK dọc 1, lượn vòng lên chưa chạm ĐK dọc 3 viết liền mạch nét cong trái thứ hai kết hợp với nét thắt trên ĐK ngang 2, viết tiếp nét cong trái thứ ba và dừng bút trên ĐK dọc 2, dưới ĐK ngang 2 (Độ cong của nét cong trái thứ ba rõ nét hơn độ cong của nét cong trái thứ hai; Chỗ bắt đầu viết nét cong trái thứ hai phải ngang bằng với điểm đặt bút).



3.9. Chữ Ê

* **Cấu tạo:** gồm nét cong trái, nét cong phải, nét thắt và dấu mũ.

* **Cách viết:**

① Viết như chữ E.

② Lia bút viết dấu mũ ở ĐK ngang 4, giữa ĐK dọc 2 và 3.

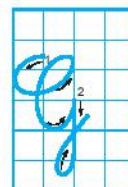


3.10. Chữ G

* **Cấu tạo:** gồm nét cong trái và nét khuyết dưới.

* **Cách viết:**

① Đặt bút trên ĐK dọc 2, dưới ĐK ngang 4 (phía trên), viết một nét cong trái nhỏ (lưng chạm ĐK dọc 1), lượn vòng lên chạm ĐK dọc 3 viết liền mạch nét cong trái lớn, dừng bút tại giao điểm của ĐK ngang 2 (phía trên) và ĐK dọc 3 (Chỗ bắt đầu viết nét cong trái lớn phải ngang bằng với điểm đặt bút).



② Không nhắc bút, viết tiếp nét khuyết dưới và dừng bút trước ĐK dọc 4, dưới ĐK ngang 2 (phía trên).

3.11. Chữ H

* **Cấu tạo:** gồm nét cong trái, nét khuyết dưới, nét khuyết trên, nét móc phải và nét thẳng đứng.

* **Cách viết:**

① Đặt bút trên ĐK ngang 3, trước ĐK dọc 2, viết nét cong trái, hơi lượn lên trước khi dừng dưới ĐK ngang 4 và trên ĐK dọc 2.



② Không nhắc bút, hơi lượn sang trái viết nét khuyết dưới liền mạch với nét khuyết trên, đến gần cuối nét khuyết thì lượn lên viết nét móc phải, dừng bút bên phải ĐK dọc 3, giữa ĐK ngang 1 và 2 (Khoảng cách giữa hai nét khuyết bằng 0,5 ô li, hai đầu khuyết cân đối với nhau).

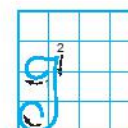
③ Lia bút đến dưới ĐK ngang 3, viết nét thẳng đứng (ngắn) cắt giữa đoạn nối hai nét khuyết.

3.12. Chữ I

* **Cấu tạo:** gồm nét cong trái và nét móc ngược trái.

* **Cách viết:**

① Đặt bút trên ĐK ngang 3, trước ĐK dọc 2, viết nét cong trái, hơi lượn lên trước khi dừng dưới ĐK ngang 4 và bên phải ĐK dọc 2.



② Không nhắc bút, hơi lượn sang trái viết nét móc ngược trái cách bên phải ĐK dọc 2 một li, khi chạm ĐK ngang 1 thì lượn cong lên rồi uốn vào trong, dừng bút bên trái ĐK dọc 2, dưới ĐK ngang 2.

3.13. Chữ K

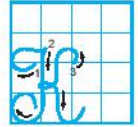
* **Cấu tạo:** gồm nét cong trái, móc ngược trái, móc phải, nét thắt và nét móc ngược phải.

* **Cách viết:**

① Đặt bút trên ĐK ngang 3, trước ĐK dọc 2, viết nét cong trái, hơi lượn lên trước khi dừng dưới ĐK ngang 4, bên phải ĐK dọc 2.

② Không nhắc bút, hơi lượn sang trái viết nét móc ngược trái theo ĐK dọc 2 khi chạm ĐK ngang 1 thì lượn cong lên rồi uốn vào trong, dừng bút bên trái ĐK dọc 2, dưới ĐK ngang 2.

③ Lia bút đến ĐK ngang 3, viết nét móc phải, đến khoảng giữa thân chữ thì lượn vào trong viết nét thắt cắt qua nét ②, liền mạch viết tiếp nét móc ngược phải, dừng bút dưới ĐK ngang 2, bên phải ĐK dọc 3.



3.14. Chữ L

* **Cấu tạo:** gồm nét cong trái, nét lượn dọc, nét thắt và nét lượn ngang.

* **Cách viết:** Đặt bút trên ĐK dọc 2, dưới ĐK ngang 4, viết một nét cong trái phía trên ĐK ngang 2, lượn vòng lên chưa chạm ĐK dọc 3 viết nét lượn dọc theo ĐK dọc 2, viết tiếp liền nét thắt và lượn ngang, dừng bút trên ĐK dọc 3, dưới ĐK ngang 2 (Lung nét cong trái chạm ĐK dọc 1; Chỗ bắt đầu viết nét lượn dọc phải ngang bằng với điểm đặt bút).



3.15. Chữ M

* **Cấu tạo:** gồm nét móc ngược trái, nét thẳng đứng, nét xiên phải, nét móc ngược phải.

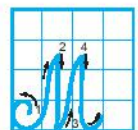
* **Cách viết:**

① Đặt bút dưới ĐK ngang 2, viết một nét móc ngược trái, hơi lượn sang phải, dừng dưới ĐK ngang 4, giữa ĐK dọc 2 và 3.

② Không nhắc bút, viết nét thẳng đứng, cuối nét hơi lượn sang trái một chút, dừng trên ĐK ngang 1.

③ Không nhắc bút, viết nét xiên phải, hơi lượn vòng hai đầu, dừng dưới ĐK ngang 4, bên phải ĐK dọc 3.

④ Không nhắc bút, viết nét móc ngược phải, dừng bút trên ĐK dọc 4, giữa ĐK ngang 1 và 2.



3.16. Chữ N

* **Cấu tạo:** gồm nét móc ngược trái, nét xiên trái và nét móc phải.

*** Cách viết:**

① Đặt bút dưới ĐK ngang 2, viết một nét móc ngược trái, hơi lượn sang phải, dừng dưới ĐK ngang 4, bên phải ĐK dọc 2.



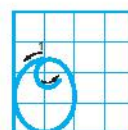
② Không nhấc bút, viết tiếp nét xiên trái, dừng trên ĐK ngang 1, trước ĐK dọc 3.

③ Không nhấc bút, viết nét móc phải, hơi lượn vòng tại điểm bắt đầu và dừng bút trên ĐK ngang 3, trước ĐK dọc 4.

3.17. Chữ O

*** Cấu tạo:** nét cong kín.

*** Cách viết:** Đặt bút trên ĐK dọc 2, giữa hai ĐK ngang 3 và 4, viết nét cong kín. Khi chạm điểm đặt bút thì lượn vòng vào trong và dừng bút bên phải ĐK dọc 2, dưới ĐK ngang 3 (ĐK dọc 2 là trục đối xứng của chữ O và nét lượn vòng.).



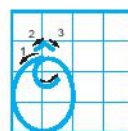
3.18. Chữ Ô

*** Cấu tạo:** gồm nét cong kín và dấu mũ.

*** Cách viết:**

① Viết như chữ O.

② Lia bút viết dấu mũ dưới ĐK ngang 4 và đối xứng qua ĐK dọc 2.



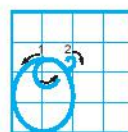
3.19. Chữ Ơ

*** Cấu tạo:** gồm nét cong kín và dấu phụ (nét móc trái nhỏ).

*** Cách viết:**

① Viết như chữ O.

② Lia bút viết nét móc trái dính vào chữ O tại ĐK ngang 3, lưng nét móc trái nhỏ tựa vào ĐK dọc 3.

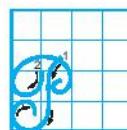


3.20. Chữ P

*** Cấu tạo:** gồm nét móc ngược trái, nét cong trái và nét cong phải.

*** Cách viết:**

① Đặt bút dưới ĐK ngang 4, trước ĐK dọc 3, viết một nét móc ngược trái cách bên phải ĐK dọc 2 một li, hơi lượn vòng khi bắt đầu và dừng bút dưới ĐK ngang 2, trước ĐK dọc 2.



② Lia bút đến điểm giao nhau giữa ĐK ngang 3 và ĐK dọc 2, viết nét cong trái liền mạch với nét cong phải và dừng bút dưới ĐK ngang 3, trước ĐK dọc 3.



HƯỚNG DẪN CỤ THỂ

CHỦ ĐIỂM 1: EM ĐÃ LỚN HƠN (TUẦN 1 – 2)

Chủ điểm *Em đã lớn hơn* hướng đến việc bồi dưỡng cho HS phẩm chất *nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm*; giúp HS nhận thức được mình đã lớn hơn so với năm học lớp Một; bước đầu thể hiện trách nhiệm với bản thân và gia đình bằng cách tham gia làm những việc nhà vừa sức; bước đầu biết quý trọng thời gian, lập thời gian biểu và làm mọi việc theo thời gian biểu.

BÀI 1: BÉ MAI ĐÃ LỚN (tiết 1 – 4, SHS, tr.10 – 12)

I. MỤC TIÊU

1. Nói được với bạn một việc nhà mà em đã làm; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài qua tên bài và tranh minh họa.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; phân biệt được lời của các nhân vật và lời người dẫn chuyện; hiểu nội dung bài đọc: *Những việc nhà Mai đã làm giúp em lớn hơn trong mắt bố mẹ*; biết liên hệ bản thân: *tham gia làm việc nhà*. Kể được tên một số việc em đã làm ở nhà và ở trường.
3. Viết đúng chữ A hoa và câu ứng dụng.
4. Bước đầu làm quen với các khái niệm từ ngữ và câu; tìm và đặt được câu với từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động.
5. Chia sẻ được với bạn cảm xúc của em sau khi làm việc nhà.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Mẫu chữ viết hoa A.
- Tranh ảnh, video clip HS giúp bố mẹ làm việc nhà (nếu có).
- Bảng phụ ghi đoạn từ *Sau đó đến Y như mẹ quét vậy*.
- Thẻ từ ghi sẵn các từ ngữ ở BT 3 để tổ chức cho HS chơi trò chơi.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1, 2

A. Khởi động

- HS nghe GV giới thiệu tên chủ điểm và nêu cách hiểu hoặc suy nghĩ của em về tên chủ điểm *Em đã lớn hơn* (GV khơi gợi để HS nói, không gò ép HS theo mẫu.).
- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, nói với bạn về một việc nhà em đã làm: tên việc, thời gian làm việc,...
- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Bé Mai đã lớn*.
- HS đọc tên bài kết hợp với quan sát tranh minh hoạ để phán đoán nội dung bài đọc: nhân vật (bé Mai, bố mẹ), việc làm của các nhân vật,...

B. Khám phá và luyện tập

1. Đọc

1.1. Luyện đọc thành tiếng

- HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: đọc phân biệt giọng nhân vật: giọng người dẫn chuyện với giọng kể thông thả, nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ hoạt động của Mai; giọng ba vui vẻ, thể hiện sự ngạc nhiên; giọng mẹ: thể hiện niềm vui, tự hào.).
- HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *cách, buộc tóc, túi xách, ...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ và luyện đọc một số câu dài: *Bé lại còn đeo túi xách / và đồng hồ nữa. //; Nhưng / bố mẹ đều nói rằng / em đã lớn. //; ...*
- HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp.

1.2. Luyện đọc hiểu

- HS giải thích nghĩa của một số từ khó, VD: *ngạc nhiên* (lầy lăm lầy, hoàn toàn bất ngờ), *y như* (giống như),...
- HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.
- HS rút ra nội dung bài: *Những việc nhà Mai đã làm giúp em lớn hơn trong mắt bố mẹ*; HS liên hệ bản thân: *biết làm việc nhà, giúp đỡ cha mẹ*.

1.3. Luyện đọc lại

- HS nhắc lại nội dung bài. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc của từng nhân vật và một số từ ngữ cần nhấn giọng.
- HS nghe GV đọc lại đoạn từ *Sau đó đến Y như mẹ quét vôi*.
- HS luyện đọc lời khen của bố với Mai và luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn từ *Sau đó đến Y như mẹ quét vôi*.

- HS khá, giỏi đọc cả bài.

1.4. Luyện tập mở rộng

- HS xác định yêu cầu của hoạt động *Cùng sáng tạo – Hoa chăm chỉ*.
- HS kể tên các việc đã làm ở nhà (nấu cơm, quét nhà, trông em,...) → ở trường (lau bảng, tưới cây, sắp xếp kệ sách/ giày dép,...).
- HS nghe một vài nhóm trình bày trước lớp và nhận xét kết quả.

TIẾT 3, 4

2. Viết

2.1. Luyện viết chữ A hoa

- HS quan sát mẫu chữ A hoa, xác định chiều cao, độ rộng, cấu tạo nét chữ của con chữ A hoa.
- HS quan sát GV viết mẫu và nêu quy trình viết chữ A hoa.
- HS viết chữ A hoa vào bảng con.
- HS tô và viết chữ A hoa vào VTV.

2.2. Luyện viết câu ứng dụng

- HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu ứng dụng “*Anh em thuận hoà.*”.
- HS nghe GV nhắc lại quy trình viết chữ A hoa và cách nối từ chữ A hoa sang chữ n.
- HS quan sát cách GV viết chữ *Anh*.
- HS viết chữ *Anh* và câu ứng dụng “*Anh em thuận hoà.*” vào VTV.

2.3. Luyện viết thêm

- HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu ca dao:

Anh em như thể chân tay

Rách lành đùm bọc, dở hay đỡ đần.

Ca dao

- HS viết chữ A hoa, chữ *Anh* và câu ca dao vào VTV.

2.4. Đánh giá bài viết

- HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn.
- HS nghe GV nhận xét một số bài viết.

3. Luyện từ

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS quan sát tranh, đọc từ và chọn từ phù hợp với từng tranh; chia sẻ kết quả trong nhóm đôi/ nhóm nhỏ.

Lưu ý: *Mớ:* tập hợp gồm một số vật cùng loại được gộp lại thành đơn vị, VD: mua *mớ* rau muống, *mớ* tép.

- HS chơi tiếp sức gắn từ ngữ phù hợp dưới hình.
- HS nghe GV nhận xét kết quả.
- HS tìm thêm một số từ ngữ chỉ người, vật và từ ngữ chỉ hoạt động của người, vật.

4. Luyện câu

- HS xác định yêu cầu của BT 4, quan sát câu mẫu.
- HS đặt câu theo yêu cầu BT trong nhóm đôi.
- HS chơi trò chơi *Truyền điện* để nói miệng câu vừa đặt.
- HS nghe bạn và GV nhận xét câu.
- HS viết vào VBT 1 – 2 câu có chứa một từ ngữ tìm được ở BT 3.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.

C. Vận dụng

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Chia sẻ với bạn suy nghĩ của em sau khi làm việc nhà.*
- 1 – 2 HS nói trước lớp cảm xúc sau khi làm một việc nhà để bạn và GV nhận xét, định hướng cho hoạt động nhóm.
- HS thực hiện hoạt động theo nhóm đôi.
- HS nói trước lớp và chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc về những việc nhà mình đã làm, được người thân khen ngợi, cảm nghĩ khi được khen ngợi.

BÀI 2: THỜI GIAN BIỂU (tiết 5 – 10, SHS, tr.13 – 17)

I. MỤC TIÊU

1. Nói được với bạn những việc em làm trong một ngày; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài qua tên bài và tranh minh họa.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: *Thời gian biểu giúp em có thể thực hiện các công việc trong ngày một cách hợp lý, khoa học*; biết liên hệ bản thân: *lập thời gian biểu để thực hiện các công việc trong ngày.*

3. Nghe – viết đúng đoạn văn; làm quen với tên gọi của một số chữ cái; phân biệt *c/k*.
4. Mở rộng được vốn từ về trẻ em (từ ngữ chỉ hoạt động, tính nết của trẻ em); đặt được câu với từ ngữ tìm được.
5. Bày tỏ được sự ngạc nhiên, thích thú; biết nói và đáp lời khen ngợi.
6. Tự giới thiệu được những điểm chính về bản thân.
7. Chia sẻ được một truyện đã đọc về trẻ em.
8. Bước đầu nhận diện được các bạn trong lớp nhờ đặc điểm riêng.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Tranh ảnh, video clip một số hoạt động của trẻ em (nếu có).
- Thẻ từ ghi sẵn các chữ cái, tên các chữ cái ở BT 2b để tổ chức cho HS chơi trò chơi. Bảng tên chữ cái hoàn thiện.
- HS mang tới lớp ảnh chụp bản thân để tự giới thiệu, truyện đã đọc về trẻ em.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1, 2

A. Khởi động

- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, nói với bạn những việc em làm trong một ngày (có thể kể theo thứ tự hoặc không theo thứ tự), thời gian em dành cho mỗi việc.
- HS đọc tên bài kết hợp với quan sát tranh minh hoạ để phán đoán nội dung bài đọc: nhân vật, sở thích, ước mơ của nhân vật,...
- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Thời gian biểu*.

B. Khám phá và luyện tập

1. Đọc

1.1. Luyện đọc thành tiếng

- HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: giọng thông thả, chậm rãi, rõ thời gian và tên từng việc làm ở mỗi buổi trong ngày).
- HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *trường, nghỉ trưa, chơi, chương trình,...*
- HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp.

1.2. Luyện đọc hiểu

- HS giải thích nghĩa của một số từ khó, VD: *thời gian biểu* (bảng kê thời gian và trình tự làm các công việc khác nhau, thường là trong một ngày), *cầu thủ nhí* (cầu thủ nhỏ tuổi),...

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

– HS nêu nội dung bài đọc, điều rút ra từ bài đọc: *Thời gian biểu giúp em có thể thực hiện các công việc trong ngày một cách hợp lý, khoa học.*

– HS nêu bài học liên hệ bản thân: *lập thời gian biểu để thực hiện các công việc trong ngày.*

1.3. Luyện đọc lại

– HS luyện đọc thời gian biểu một buổi trong nhóm, trước lớp.

– HS đọc nối tiếp thời gian biểu theo buổi.

2. Viết

2.1. Nghe – viết

– HS đọc đoạn văn, trả lời câu hỏi về nội dung của đoạn văn.

– HS đánh vần một số tiếng/ từ khó đọc, dễ viết sai do cấu tạo hoặc do ảnh hưởng của phương ngữ, VD: *thủ, kiêu, túi xách,...* ; hoặc do ngữ nghĩa, VD: *giày*.

– HS nghe GV đọc từng cụm từ ngữ và viết đoạn văn vào VBT. (GV hướng dẫn HS: lùi vào một ô khi bắt đầu viết đoạn văn. Viết dấu chấm cuối câu. Không bắt buộc HS viết những chữ hoa chưa học.).

– HS nghe GV đọc lại bài viết, tự đánh giá phần viết của mình và của bạn.

– HS nghe GV nhận xét một số bài viết.

2.2. Làm quen với tên gọi một số chữ cái

– HS đọc yêu cầu BT và bảng tên chữ cái tr. 14 SHS.

– HS tìm chữ cái phù hợp với tên trong nhóm nhỏ.

– HS chơi trò **Kết bạn** ghép thẻ từ ghi chữ cái phù hợp với thẻ từ ghi tên chữ cái.

– HS đọc lại bảng tên chữ cái đã hoàn thành.

– HS học thuộc bảng chữ cái.

2.3. Luyện tập chính tả – Phân biệt c/k

– HS xác định yêu cầu của BT 2(c).

– HS quan sát tranh, thực hiện BT vào VBT.

– HS nêu kết quả và đặt câu với các từ tìm được.

TIẾT 3, 4

3. Luyện từ

– HS xác định yêu cầu của BT 3.

– HS tìm từ ngữ theo yêu cầu trong nhóm bằng kỹ thuật *Khăn trải bàn*, mỗi HS tìm 1 từ cho nhóm, ghi vào thẻ từ. Chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS giải nghĩa các từ ngữ tìm được (nếu cần).

– HS nghe GV nhận xét kết quả.

4. Luyện câu

– HS xác định yêu cầu của BT 4, quan sát câu mẫu.

– HS đặt câu theo yêu cầu BT trong nhóm đôi.

– HS nói trước lớp câu đặt theo yêu cầu.

– HS nghe bạn và GV nhận xét câu.

– HS viết vào VBT 2 câu có chứa từ ngữ tìm được ở BT 3, một câu về hoạt động, một câu về tính nết.

– HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.

5. Nói và nghe

5.1. Nói lời bày tỏ sự ngạc nhiên, thích thú

– HS xác định yêu cầu của BT 5a, quan sát tranh và lời nói của bạn nhỏ trong tranh.

– Một vài HS nhắc lại lời bạn nhỏ.

– HS trả lời một số câu hỏi:

+ Lời nói của bạn nhỏ thể hiện cảm xúc gì? Vì sao?

+ Khi nào em cần nói lời thể hiện cảm xúc ngạc nhiên, thích thú?

+ Khi nói lời thể hiện cảm xúc ngạc nhiên, thích thú, cần chú ý điều gì? (giọng, nét mặt, ánh mắt, cử chỉ, điệu bộ,...)

– HS nhắc lại lời của bạn nhỏ trong nhóm đôi, một số HS nhắc lại lời của bạn nhỏ trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

5.2. Nói và đáp lời bày tỏ sự ngạc nhiên, khen ngợi

– HS xác định yêu cầu của BT 5b, đọc các tình huống.

– Một nhóm HS nói và đáp trước lớp.

– HS trả lời một số câu hỏi:

+ Ta thường nói lời khen ngợi khi nào?

+ Khi nhận được lời khen ngợi, em cần đáp lại với thái độ thế nào? Vì sao?

+ Khi nói và đáp lời khen ngợi, cần chú ý điều gì? (giọng, nét mặt, ánh mắt, cử chỉ, điệu bộ, ...)

– HS phân vai bố, mẹ và Mai để nói và đáp lời bày tỏ sự ngạc nhiên, khen ngợi phù hợp với mỗi tình huống trong nhóm ba.

– Một số nhóm HS nói và đáp trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 5, 6

6. Tự giới thiệu

6.1. Phân tích mẫu

– HS xác định yêu cầu của BT 6a, quan sát tranh và trả lời câu hỏi trong nhóm đôi.

– Một vài HS nói trước lớp.

– HS nhận xét về cách bạn Lê Đình Anh viết lời tự giới thiệu.

6.2. Nói lời tự giới thiệu

– HS xác định yêu cầu của BT 6b, nói lời tự giới thiệu trong nhóm đôi.

– Một vài HS nói trước lớp kết hợp với ảnh chụp (nếu có).

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

6.3. Viết lời giới thiệu

– HS xác định yêu cầu của BT 6c, viết 2 – 3 câu tự giới thiệu vào VBT. Khuyến khích HS sáng tạo trong cách viết lời tự giới thiệu. Dán ảnh vào bài viết (nếu có).

– Một vài HS đọc bài trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

C. Vận dụng

1. Đọc mở rộng

1.1. Chia sẻ một truyện đã đọc về trẻ em

– HS xác định yêu cầu của BT 1a.

– HS chia sẻ với bạn trong nhóm nhỏ về tên truyện, tên tác giả, nhân vật, ...

– Một vài HS chia sẻ trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

1.2. Viết Phiếu đọc sách (trong VBT)

– HS viết vào Phiếu đọc sách tên truyện, tác giả và nhân vật.

- Một vài HS chia sẻ *Phiếu đọc sách* trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2. Chơi trò chơi *Mỗi người một vẽ*

- HS nghe GV hướng dẫn cách chơi: HS làm quản trò sẽ nói những đặc điểm về một bạn trong lớp cho HS cả lớp đoán tên. HS nào đoán được tên bạn sẽ tiếp tục làm quản trò.
- HS chơi trò chơi và bước đầu nhận ra được đặc điểm riêng của mỗi bạn trong lớp.

BÀI 3: NGÀY HÔM QUA ĐÂU RỒI? (tiết 11 – 14, SHS, tr.18 – 20)

I. MỤC TIÊU

1. Biết xem lịch và nói được ích lợi của lịch; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài qua tên bài và tranh minh họa.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng nhịp, dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; phân biệt được lời của các nhân vật và lời người dẫn chuyện; hiểu nội dung bài đọc: *Chúng ta cần làm những việc có ích để không lãng phí thời gian*; biết liên hệ bản thân: *chăm chỉ học hành, không để lãng phí thời gian*; tìm được 3 – 5 từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động có trong bài thơ.
3. Viết đúng chữ *Ă, Ẻ* hoa và câu ứng dụng.
4. Bước đầu làm quen với từ chỉ sự vật và câu giới thiệu. Tìm và đặt được câu giới thiệu một bạn cùng lớp.
5. Trao đổi được những việc em cần làm để không lãng phí thời gian cuối tuần.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Tờ lịch ngày hôm trước buổi học.
- Mẫu chữ viết hoa *Ă, Ẻ*.
- Bảng phụ ghi hai khổ thơ đầu.
- Thẻ từ để HS ghi các từ ngữ ở BT 3.
- Ảnh hoặc tranh vẽ các bạn trong lớp để chơi trò chơi.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1, 2

A. Khởi động

- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, nói với bạn về những nội dung có trên tờ lịch và ích lợi của lịch (*có thể sử dụng tờ lịch ngày hôm trước để dễ kết nối*): thứ, ngày, tháng, năm,...

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Ngày hôm qua đâu rồi?*

– HS đọc tên bài kết hợp với quan sát tranh minh hoạ để phán đoán nội dung bài đọc: nhân vật, việc làm của các nhân vật,...

B. Khám phá và luyện tập

1. Đọc

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: đọc phân biệt giọng nhân vật: giọng bạn nhỏ thể hiện sự ngạc nhiên; giọng ba vui vẻ, thể hiện sự ân cần.)

– HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *toả hương, ước mong, ...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ hơi sau các dòng thơ, khổ thơ.

– HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp.

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó, VD: *gặt hái* (thu hoạch), *ước mong* (mong muốn, ước ao),...

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

– HS nêu nội dung bài đọc: *Cần làm những việc có ích để không lãng phí thời gian.*

– HS liên hệ bản thân: *chăm chỉ học hành, không để lãng phí thời gian.*

1.3. Luyện đọc lại

– HS nêu cách hiểu của em về nội dung bài. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc của từng nhân vật và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV đọc lại hai khổ thơ đầu.

– HS luyện đọc câu hỏi của bạn nhỏ trước lớp, luyện đọc trong nhóm hai khổ thơ đầu.

– HS luyện đọc thuộc lòng khổ thơ thứ nhất theo cách GV hướng dẫn (Phương pháp xoá dần).

– HS luyện đọc thuộc lòng hai khổ thơ em thích trong nhóm đôi.

– Một vài HS thi đọc thuộc lòng hai khổ thơ em thích trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

1.4. Luyện tập mở rộng

– HS xác định yêu cầu của hoạt động *Cùng sáng tạo – Trang vở hồng của em.*

– HS đọc lại bài thơ, trao đổi trong nhóm đôi, tìm từ ngữ chỉ đồ vật (*lịch, vở* - HS có thể nói *tờ lịch/ quyển lịch, quyển vở*); chỉ cây cối (*hồng, lúa* - HS có thể nói *cây hoa/ bông hồng, cây lúa*); chỉ hoạt động (*cắm, ra, hái, trồng, gặt hái, học hành*).

- HS nghe một vài nhóm trình bày trước lớp và nghe GV nhận xét kết quả.

TIẾT 3, 4

2. Viết

2.1. Luyện viết chữ Ă, Ẻ hoa

- HS quan sát mẫu chữ Ẻ hoa, xác định chiều cao, độ rộng, cấu tạo nét chữ của con chữ Ẻ hoa.
- HS quan sát GV viết mẫu và nêu quy trình viết chữ Ẻ hoa.
- HS quan sát và so sánh chữ Ẻ hoa và chữ Ẻ hoa.
- HS quan sát GV viết mẫu và nêu quy trình viết chữ Ẻ hoa.
- HS viết chữ Ẻ, Ẻ hoa vào bảng con.
- HS tô và viết chữ Ẻ, Ẻ hoa vào VTV.

2.2. Luyện viết câu ứng dụng

- HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu ứng dụng “Ăn chậm nhai kỹ.”.
- HS nghe GV nhắc lại quy trình viết chữ Ẻ hoa và cách nối từ chữ Ẻ hoa sang chữ n.
- HS quan sát cách GV viết chữ Ăn.
- HS viết chữ Ăn và câu ứng dụng “Ăn chậm nhai kỹ.” vào VTV.

2.3. Luyện viết thêm

- HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu ca dao:

Ăn quả nhớ kẻ trồng cây

Ăn khoai nhớ kẻ cho dây mà trồng.

Ca dao

- HS viết chữ Ẻ hoa, chữ Ăn và câu ca dao vào VTV.

2.4. Đánh giá bài viết

- HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn.
- HS nghe GV nhận xét một số bài viết.

3. Luyện từ

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS quan sát tranh, đọc mẫu, thảo luận nhóm nhỏ để tìm từ ngữ phù hợp với từng tranh. Chia sẻ kết quả trước lớp. Mỗi tranh HS có thể nói các từ ngữ khác nhau. VD: Tranh 2: *bạn nam, bạn nữ/ đôi bạn, ...*

- HS nghe GV nhận xét kết quả.
- HS tìm thêm một số từ ngữ chỉ người, đồ vật, con vật, cây cối.

4. Luyện câu

4.1. Nhận diện câu giới thiệu

- HS xác định yêu cầu của BT 4a, quan sát các đáp án (GV có thể giải thích thêm: Câu giới thiệu là câu được dùng để cho biết một vài điều cần thiết, như họ tên, nghề nghiệp, chức vụ, quan hệ, ... của bản thân hoặc một người nào đó.).
- HS thảo luận nhóm đôi, chọn đáp án đúng (*Em là học sinh lớp Hai.*).
- HS nêu và giải thích lí do chọn đáp án thứ nhất.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

4.2. Đặt câu giới thiệu

- HS xác định yêu cầu của BT 4b, quan sát câu mẫu.
- HS đặt câu theo yêu cầu BT trong nhóm nhỏ.
- HS chơi trò chơi **Truyền hoa** để nói miệng câu vừa đặt.
- HS nghe bạn và GV nhận xét câu.
- HS viết vào VBT 1 – 2 câu giới thiệu một bạn cùng lớp.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.

C. Vận dụng

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Trao đổi với bạn hoặc người thân những việc em cần làm để không lãng phí thời gian cuối tuần.*
- HS nghe GV hướng dẫn những nội dung có thể trao đổi với bạn bè hoặc người thân:
 - + *Những việc em thường làm vào cuối tuần và thời gian em làm mỗi việc.*
 - + *Những khoảng thời gian trống.*
 - + *Những việc em nên làm vào những khoảng thời gian trống.*
 - + ...
- GV có thể tổ chức cho HS thực hiện hoạt động theo nhóm nhỏ ở lớp hoặc trao đổi với người thân ở nhà.
- HS nói trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét cách em sử dụng thời gian cuối tuần.

BÀI 4: ÚT TIN (tiết 15 – 20, SHS, tr.21 – 25)

I. MỤC TIÊU

1. Nói được những điểm đáng yêu ở một người bạn của em; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài qua tên bài và tranh minh hoạ.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: *Nét đáng yêu của Út Tin sau khi cắt tóc*; biết liên hệ bản thân: *tôn trọng nét đáng yêu của mỗi người; giữ gìn những nét đẹp đáng yêu*.
3. Nhìn – viết đúng đoạn thơ; làm quen với tên gọi của một số chữ cái; phân biệt *g/gh*.
4. Mở rộng được vốn từ về trẻ em (từ ngữ có tiếng *sách, học*); đặt được câu với từ ngữ tìm được.
5. Nghe – kể được từng đoạn của câu chuyện *Thử tài* theo tranh và câu gợi ý; kể lại được toàn bộ câu chuyện.
6. Lập được thời gian biểu một buổi trong ngày.
7. Chia sẻ được một bài đã đọc về trẻ em.
8. Trang trí được thời gian biểu và nói với bạn một việc làm em viết trong thời gian biểu.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Bài viết đoạn từ *Quanh hai tai đến trong mắt em* để hướng dẫn HS luyện đọc.
- Bài viết chính tả để HS nhìn – viết.
- Tranh ảnh, audio, video clip truyện *Thử tài* (nếu có).
- Thẻ từ ghi sẵn các chữ cái, tên các chữ cái ở BT 2b để tổ chức cho HS chơi trò chơi. Bảng tên chữ cái hoàn thiện.
- HS mang tới lớp bài đọc đã đọc.
- HS chuẩn bị bút màu và vật dụng để trang trí thời gian biểu.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1, 2

A. Khởi động

- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, nói với bạn về những điểm đáng yêu ở một người bạn (có thể chọn bạn cùng lớp hoặc bạn ở nhà).
- HS đọc tên bài kết hợp với quan sát tranh minh hoạ để phán đoán nội dung bài đọc: nhân vật, tên gọi, điểm đáng yêu của nhân vật,...
- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Út Tin*.

B. Khám phá và luyện tập

1. Đọc

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: giọng thông thả, vui tươi, nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ đặc điểm riêng của Út Tin sau khi cắt tóc. Hai câu cuối giọng vui, tự hào vì Út Tin đã lớn hơn.).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *xén, lém lỉnh, trêu, ...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ và luyện đọc một số câu dài: *Tôi thấy như/ có trăm vì sao bé tí/ cùng trốn trong mắt em. //; Hai má phúng phính/ bỗng thành cái bánh sữa/ có rắc thêm mấy hạt mè. //; ...*

– HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp.

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó, VD: *vết* (hình dài nổi rõ trên bề mặt một vật, do tác động của một vật khác đi qua, ...), *dô* (lồi cao lên hoặc nhô ra phía trước quá mức bình thường), *lém lỉnh* (tỏ ra tinh khôn), *hếch* (chếch lên phía trên), *hệt* (giống đến mức trông không khác một chút nào), *phúng phính* (béo, căng tròn (thường dùng gọi tả mặt, má của trẻ em)), *béo* (véo), ...

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

– HS nêu nội dung bài đọc: *Nét đáng yêu của Út Tin sau khi cắt tóc.*

– HS liên hệ bản thân: *cần tôn trọng nét đáng yêu của mỗi người; giữ gìn những nét đẹp đáng yêu.*

1.3. Luyện đọc lại

– HS nêu cách hiểu của các em về nội dung bài. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV đọc lại đoạn từ *Quanh hai tai đến trong mắt em.*

– HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn từ *Quanh hai tai đến trong mắt em.*

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

2. Viết

2.1. Nhìn – viết

– HS đọc đoạn thơ, trả lời câu hỏi về nội dung của đoạn thơ.

– HS đánh vần một số tiếng/ từ khó đọc, dễ viết sai do cấu tạo hoặc do ảnh hưởng của phương ngữ, VD: *gắt hái, ước mong, ...*

– HS nhìn viết từng dòng thơ vào VBT. (GV hướng dẫn HS: lùi vào 3 – 4 ô đầu mỗi dòng thơ. Không bắt buộc HS viết những chữ hoa chưa học.)

– HS đổi bài viết cho bạn bên cạnh, giúp bạn soát lỗi.

– HS nghe bạn nhận xét bài viết.

– HS nghe GV nhận xét một số bài viết.

2.2. Làm quen với tên gọi một số chữ cái

– HS đọc yêu cầu BT và bảng tên chữ cái tr.22 SHS.

– HS tìm chữ cái phù hợp với tên trong nhóm nhỏ.

– HS chơi trò **Tiếp sức** ghép thẻ từ ghi chữ cái phù hợp với thẻ từ ghi tên chữ cái.

– HS đọc lại bảng tên chữ cái đã hoàn thành.

– HS học thuộc bảng chữ cái.

2.3. Luyện tập chính tả – Phân biệt g/gh

– HS xác định yêu cầu của BT 2(c).

– HS quan sát tranh, thực hiện BT vào VBT.

– HS nêu kết quả và nói thời gian bạn nữ làm mỗi việc trong ngày.

TIẾT 3, 4

3. Luyện từ

– HS xác định yêu cầu của BT 3, quan sát mẫu.

– HS tìm từ ngữ theo yêu cầu trong nhóm nhỏ bằng kỹ thuật *Khăn trải bàn*, mỗi HS tìm 2 từ cho mỗi nhóm, ghi vào thẻ từ. Chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS giải nghĩa các từ ngữ tìm được (nếu cần).

– HS nghe GV nhận xét kết quả.

4. Luyện câu

– HS xác định yêu cầu của BT 4.

– HS đặt câu theo yêu cầu BT trong nhóm đôi.

– HS nói trước lớp câu đặt theo yêu cầu.

– HS nghe bạn và GV nhận xét câu.

– HS viết vào VBT một câu có chứa từ ngữ tìm được ở BT 3.

– HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.

5. Kể chuyện (Nghe – kể)

THỬ TÀI

1. Ngày xưa có một cậu bé rất thông minh. Nhà vua muốn thử tài, bèn cho gọi cậu đến, bảo:

– Người hãy về lấy tro bếp bện cho ta một sợi dây thừng. Nếu làm được, ta sẽ thưởng.

2. Cậu bé về nhờ mẹ chặt cây tre trong vườn, chẻ nhỏ rồi bện thành một sợi dây thừng. Bện xong, cậu cuộn tròn sợi dây, đặt trên chiếc mâm đồng, phơi cho khô rồi đốt thành tro. Khi lửa tắt, đám tro hiện rõ hình cuộn dây. Cậu đem dâng vua.

3. Vua mừng lắm nhưng vẫn muốn thử tài lần nữa. Lần này, vua đưa cho cậu bé chiếc sừng trâu cong như vòng thúng, bảo:

– Người hãy nắn thẳng chiếc sừng này cho ta. Nếu được, ta sẽ thưởng to.

4. Cậu bé về nhà, bỏ sừng trâu vào cái chảo lớn, đổ đầy nước rồi ninh kĩ. Sừng trâu mềm ra và dễ uốn. Cậu lấy đoạn tre vót nhọn thọc vào sừng trâu rồi đem phơi khô. Khi rút đoạn tre, chiếc sừng trâu đã được uốn thẳng. Thấy cậu bé thực sự thông minh, nhà vua bèn thưởng rất hậu và đưa cậu vào trường học để nuôi dạy thành tài.

Theo Truyện cổ dân tộc Dao

5.1. Nghe GV kể chuyện *Thử tài*

– HS quan sát tranh, đọc tên truyện và phán đoán nội dung câu chuyện.

– HS nghe GV kể chuyện lần thứ nhất (có thể dùng tệp ghi âm giọng kể) để kiểm tra phán đoán. GV vừa kể vừa dùng các câu hỏi kích thích sự phỏng đoán, trí tò mò nhằm thu hút sự tập trung chú ý của HS.

– HS trao đổi về phán đoán của mình sau khi nghe câu chuyện.

– HS nghe GV kể chuyện lần thứ hai (có thể dùng tệp ghi âm và ghi hình giọng kể phối hợp với tranh, hình ảnh động minh họa) kết hợp quan sát từng tranh minh họa để ghi nhớ nội dung từng đoạn của câu chuyện.

5.2. Kể từng đoạn của câu chuyện

– HS quan sát tranh và câu gợi ý để kể lại từng đoạn, 2 đoạn của câu chuyện trước lớp.

– HS kể từng đoạn của câu chuyện trong nhóm nhỏ. (GV hướng dẫn HS sử dụng ánh mắt, cử chỉ khi kể; phân biệt giọng các nhân vật.)

– Nhóm HS kể nối tiếp từng đoạn của câu chuyện trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét phần kể chuyện.

5.3. Kể toàn bộ câu chuyện

– HS kể toàn bộ câu chuyện trong nhóm đôi.

- Một vài HS kể toàn bộ câu chuyện trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét phần kể chuyện.
- HS nói về nhân vật em thích, giải thích lí do. Trao đổi về nội dung câu chuyện.

TIẾT 5, 6

6. Viết thời gian biểu

6.1. Phân tích mẫu

- HS xác định yêu cầu của BT 6a, đọc lại bài *Thời gian biểu* và trả lời câu hỏi trong nhóm đôi.
- Một vài HS nói trước lớp.
- HS nhận xét về cách bạn Đình Anh trình bày thời gian biểu.

6.2. Viết thời gian biểu

- HS xác định yêu cầu của BT 6b, nói với bạn những việc em làm của một buổi trong ngày và thời gian làm mỗi việc.
- HS viết thời gian biểu một buổi trong ngày.
- Một vài HS đọc bài trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

C. Vận dụng

1. Đọc mở rộng

1.1. Chia sẻ một bài đã đọc về trẻ em

- HS xác định yêu cầu của BT 1a.
- HS chia sẻ với bạn trong nhóm nhỏ về tên bài đọc, tên tác giả, thông tin em biết,...
- Một vài HS chia sẻ trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

1.2. Viết Phiếu đọc sách (trong VBT)

- HS viết vào *Phiếu đọc sách* tên bài đọc, tác giả, thông tin em biết.
- Một vài HS chia sẻ *Phiếu đọc sách* trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2. Chơi trò chơi *Hoạ sĩ nhí*.

2.1. Trang trí thời gian biểu

- HS xác định yêu cầu của BT 2a.

– HS trang trí thời gian biểu một buổi trong ngày và chia sẻ với bạn cách trang trí của em.

– HS nghe bạn và GV nhận xét về cách trang trí thời gian biểu.

2.2. Nói với bạn một việc làm em viết trong thời gian biểu

– HS xác định yêu cầu của BT 2b.

– HS trao đổi trong nhóm đôi.

– HS nghe bạn nhận xét.

CHỦ ĐIỂM 2: MỖI NGƯỜI MỘT VẼ (TUẦN 3 – 4)

Chủ điểm *Mỗi người một vẽ* hướng đến việc bồi dưỡng cho HS phẩm chất *nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm*; giúp HS nhận thức được xung quanh ta, mỗi người, mỗi vật đều có những đặc điểm riêng, đều có những nét đáng yêu; bước đầu biết tự tin và quý trọng bản thân, biết làm những việc có ích.

BÀI 1: TÓC XOĂN VÀ TÓC THẲNG (tiết 1 – 4, SHS, tr.26 – 28)

I. MỤC TIÊU

1. Chia sẻ được điều em thích ở mỗi bạn trong nhóm; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài qua tên bài và tranh minh họa.

2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; phân biệt được lời của các nhân vật và lời người dẫn chuyện; hiểu nội dung bài đọc: *Mỗi người đều có những đặc điểm riêng đáng yêu*; biết liên hệ bản thân: *tôn trọng nét riêng của bạn, rèn luyện để nét riêng của mình đáng yêu hơn*; biết thể hiện tình cảm tôn trọng, quý mến bạn qua việc thực hiện vẽ bạn và đặt tên cho bức vẽ.

3. Viết đúng chữ *B* hoa và câu ứng dụng.

4. Tìm và đặt được câu với từ ngữ chỉ hoạt động của người, con vật.

5. Đặt được tên cho các kiểu tóc và nói về kiểu tóc em thích.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

– Mẫu chữ viết hoa *B*.

– Bảng phụ ghi đoạn từ *Mẹ xoa đầu Lam* đến *như con không?*

– Ảnh chụp của HS.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1, 2

A. Khởi động

- HS nghe GV giới thiệu tên chủ điểm và nêu cách hiểu hoặc suy nghĩ của em về tên chủ điểm *Mỗi người một vẻ*.
- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, chia sẻ với bạn điều em thích ở mỗi bạn trong nhóm: tên, mái tóc, đôi mắt,...
- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Tóc xoăn và tóc thẳng*.
- HS đọc tên bài kết hợp với quan sát tranh minh hoạ để phán đoán nội dung bài đọc: nhân vật, lời nói, việc làm của các nhân vật,...

B. Khám phá và luyện tập

1. Đọc

1.1. Luyện đọc thành tiếng

- HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: đọc phân biệt giọng nhân vật: người dẫn chuyện giọng kể thông thả, nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ suy nghĩ, hành động của Lam và các bạn; giọng các bạn bông đùa; giọng Lam phụng phịu; giọng mẹ: vỗ về, thể hiện niềm vui, tự hào; giọng thầy hiệu trưởng: thân thiện, gần gũi).
- HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *bồng bênh, phụng phịu, âu yếm, ...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ và luyện đọc một số câu dài: *Khi trao giải, thầy hiệu trưởng khen: // “Không chỉ Lam biết nhảy / mà mái tóc của Lam cũng biết nhảy.” //*; *Sáng nào, Lam cũng dậy sớm / để chải tóc thật đẹp / trước khi đến trường.//; ...*
- HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp.

1.2. Luyện đọc hiểu

- HS giải thích nghĩa của một số từ khó, VD: *nổi bật* (nổi lên rất rõ khiến dễ dàng nhận thấy ngay), *bồng bênh* (dáng chuyển động lên xuống nhẹ nhàng như làn sóng, làn gió), *phụng phịu* (vẻ mặt xỉ xuống tỏ ý hờn dỗi, không bằng lòng),...

Lưu ý: Khi dạy chi tiết này, GV lưu ý nhắc nhở HS hờn dỗi là hành vi không đẹp, khi không bằng lòng điều gì đó em phải nói ra cho người khác hiểu,...

- HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.
- HS nêu nội dung bài đọc: *Mỗi người đều có những đặc điểm riêng đáng yêu.*
- HS liên hệ bản thân: *tôn trọng nét riêng của bạn, rèn luyện để nét riêng của mình đáng yêu hơn.*

1.3. Luyện đọc lại

- HS nêu cách hiểu của các em về nội dung bài. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc của từng nhân vật và một số từ ngữ cần nhấn giọng.
- HS nghe GV đọc lại đoạn từ *Mẹ xoa đầu Lam đến như con không?*
- HS luyện đọc lời nói của mẹ, của Lam và luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn từ *Mẹ xoa đầu Lam đến như con không?*
- HS khá, giỏi đọc cả bài.

1.4. Luyện tập mở rộng

- HS xác định yêu cầu của hoạt động *Cùng sáng tạo – Ai cũng đáng yêu.*
- HS nói với một bạn trong lớp về bức ảnh của mình (ảnh chụp cá nhân hoặc chụp cùng bạn bè, người thân) và đặt tên cho bức ảnh đó (GV gợi ý HS có thể nói và đặt tên theo chi tiết mà em cảm thấy đáng yêu.).
- HS nghe một vài bạn trình bày kết quả trước lớp và nghe GV nhận xét kết quả.

TIẾT 3, 4

2. Viết

2.1. Luyện viết chữ B hoa

- HS quan sát mẫu chữ B hoa, xác định chiều cao, độ rộng, cấu tạo nét chữ của con chữ B hoa.
- HS quan sát GV viết mẫu và nêu quy trình viết chữ B hoa.
- HS viết chữ B hoa vào bảng con.
- HS tô và viết chữ B hoa vào VTV.

2.2. Luyện viết câu ứng dụng

- HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu ứng dụng “*Bạn bè sum họp.*”
- HS nghe GV nhắc lại quy trình viết chữ B hoa và cách nối từ chữ B hoa sang chữ a.
- HS quan sát cách GV viết chữ *Bạn*.
- HS viết chữ *Bạn* và câu ứng dụng “*Bạn bè sum họp.*” vào VTV.

2.3. Luyện viết thêm

- HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu thơ:

Bạn bè riu rít tìm nhau

Qua con đường đất rực màu rom phơi.

Hà Sơn

- HS viết chữ B hoa, chữ *Bạn* và câu thơ vào VTV.

2.4. Đánh giá bài viết

- HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn.
- HS nghe GV nhận xét một số bài viết.

3. Luyện từ

- HS xác định yêu cầu của BT 3, quan sát mẫu.
- HS quan sát tranh, tìm từ ngữ phù hợp chỉ người, con vật và hoạt động tương ứng; chia sẻ kết quả trong nhóm đôi/ nhóm nhỏ. (Đáp án: *mẹ – giặt quần áo, bạn nhỏ – tưới cây, bố – cuốc đất, gà trống – gáy, gà mái và gà con – mổ thóc, chó – sủa, chim – hót*)
- HS chơi tiếp sức viết từ ngữ chỉ người, con vật và hoạt động tương ứng.
- HS nghe GV nhận xét kết quả.
- HS tìm thêm một số từ ngữ chỉ người, vật và từ ngữ chỉ hoạt động của người, vật.

4. Luyện câu

- HS xác định yêu cầu của BT 4, quan sát câu mẫu.
- HS đặt và trả lời câu hỏi theo yêu cầu BT trong nhóm đôi.
- HS chơi trò chơi **Đôi bạn** (bạn hỏi được chọn một bạn trả lời) để đặt và trả lời câu hỏi.
- HS nghe bạn và GV nhận xét câu.
- HS viết vào VBT một cặp câu hỏi và trả lời theo mẫu.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.

C. Vận dụng

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Chơi trò chơi Nhà tạo mẫu nhí.*
- Nhóm nhỏ quan sát các kiểu tóc trong hình; đặt tên cho từng kiểu tóc.
- Lưu ý:** GV khơi gợi để HS gọi tên kiểu tóc theo tưởng tượng của các em, tránh gò ép.
- HS nói trước lớp về cách đặt tên từng kiểu tóc và chia sẻ về kiểu tóc em thích.

BÀI 2: LÀM VIỆC THẬT LÀ VUI (tiết 5 – 10, SHS, tr.29 – 33)

I. MỤC TIÊU

1. Nói được những việc em thích làm; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài qua tên bài và tranh minh họa.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: *Xung quanh ta, mọi người, mọi vật đều làm việc. Công việc đem lại niềm vui cho mọi người, mọi vật, biết liên hệ bản thân: chăm chỉ học tập, rèn luyện sẽ có nhiều niềm vui.*

3. Nghe – viết đúng đoạn văn; làm quen với tên gọi một số chữ cái; phân biệt *s/x*, *en/eng*.

4. Mở rộng được vốn từ về trẻ em (từ ngữ chỉ trẻ em, hoạt động của trẻ em); chọn đúng từ ngữ phù hợp điền vào chỗ trống để hoàn chỉnh đoạn văn.

5. Nói và đáp được lời khen ngợi, chúc mừng.

6. Nói, viết được lời cảm ơn.

7. Chia sẻ được một bài thơ đã đọc về trẻ em.

8. Đặt được tên cho một bức tranh tự vẽ.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

– Tranh ảnh, video clip một số hoạt động của trẻ em (nếu có).

– Thẻ từ ghi sẵn các chữ cái, tên các chữ cái ở BT 2b để tổ chức cho HS chơi trò chơi. Bảng tên chữ cái hoàn thiện.

– HS mang tới lớp bài thơ đã tìm đọc.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1, 2

A. Khởi động

- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, nói với bạn về những việc em thích làm.
- HS đọc tên bài kết hợp với quan sát tranh minh hoạ để phán đoán nội dung bài đọc.
- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Làm việc thật là vui*.

B. Khám phá và luyện tập

1. Đọc

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: giọng thông thả, chậm rãi, rõ tên và việc làm của mỗi người, mỗi vật).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *tích tắc, rục rờ, tung bồng, bận rộn, nhộn nhịp*,...

– HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp.

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó, VD: *mùa màng* (cây trồng trong vụ sản xuất nông nghiệp), *sắc xuân* (cảnh sắc tươi đẹp, đầy sức sống của mùa xuân), *tung bồng* (nhộn nhịp, vui vẻ (thường nói về quang cảnh),...

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

– HS nêu nội dung bài đọc: *Xung quanh ta, mọi người, mọi vật đều làm việc. Công việc đem lại niềm vui cho mọi người, mọi vật.*

– HS liên hệ bản thân: *chăm chỉ học tập, rèn luyện sẽ có nhiều niềm vui.*

1.3. Luyện đọc lại

– HS luyện đọc đoạn cuối của bài trong nhóm, trước lớp.

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

2. Viết

2.1. Nghe – viết

– HS đọc đoạn văn, trả lời câu hỏi về nội dung của đoạn văn.

– HS đánh vần một số tiếng/ từ khó đọc, dễ viết sai do cấu tạo hoặc do ảnh hưởng của phương ngữ, VD: *quét nhà, bận rộn, nhộn nhịp,...*

– HS nghe GV đọc từng cụm từ ngữ và viết đoạn văn vào VBT. (GV hướng dẫn HS: lùi vào một ô khi bắt đầu viết đoạn văn. Viết dấu chấm cuối câu. Không bắt buộc HS viết những chữ hoa chưa học.)

– HS nghe GV đọc lại bài viết, tự đánh giá phần viết của mình và của bạn.

– HS nghe GV nhận xét một số bài viết.

2.2. Làm quen với tên gọi một số chữ cái

– HS đọc yêu cầu BT và bảng tên chữ cái tr. 30 SHS.

– HS tìm chữ cái phù hợp với tên trong nhóm nhỏ.

– HS chơi trò **Tìm bạn** ghép thẻ từ ghi chữ cái phù hợp với thẻ từ ghi tên chữ cái.

– HS đọc lại bảng tên chữ cái đã hoàn thành.

– HS học thuộc bảng chữ cái.

2.3. Luyện tập chính tả – Phân biệt s/x và en/eng

– HS xác định yêu cầu của BT 2(c).

– HS quan sát tranh, cá nhân thực hiện BT vào VBT.

– HS chơi tiếp sức thực hiện BT trên bảng lớp.

– HS nhận xét kết quả và đặt câu với các từ tìm được.

– HS nghe GV nhận xét kết quả.

TIẾT 3, 4

3. Luyện từ

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS tìm từ ngữ theo yêu cầu; chia sẻ kết quả trong nhóm.
- HS giải nghĩa các từ ngữ tìm được (nếu cần).
- HS nghe GV nhận xét kết quả.

4. Luyện câu

4.1. Chọn từ ngữ phù hợp để hoàn thành đoạn văn

- HS xác định yêu cầu của BT 4a, đọc lại các từ ngữ ở BT 3.
- HS thảo luận, chọn từ ngữ phù hợp thay cho ☼ trong nhóm đôi.

(Đáp án: *bạn thân – chạy bộ – bơi lội*)

- HS làm bài vào VBT.
- HS đọc lại đoạn văn sau khi đã điền từ ngữ.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.

4.2. Đặt câu nói về một hoạt động

- HS xác định yêu cầu của BT 4b.
- HS đặt câu trong nhóm nhỏ nói về việc em thích làm trong ngày nghỉ.
- HS viết 1 – 2 câu đã đặt được vào VBT.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.

5. Nói và nghe

5.1. Nói và đáp lời khen ngợi

- HS xác định yêu cầu của BT 5a.
- HS trả lời một số câu hỏi:

+ *Khi nào em cần nói lời khen ngợi?*

+ *Khi nói lời khen ngợi, cần chú ý điều gì? (giọng, nét mặt, ánh mắt, cử chỉ, điệu bộ, ...)*

+ *Khi nhận được lời khen ngợi, em cần đáp lại thế nào?*

- HS đóng vai để nói và đáp lời khen ngợi theo yêu cầu BT.
- Một số nhóm HS đóng vai trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

5.2. Nói và đáp lời khen về món quà

- HS xác định yêu cầu của BT 5b, quan sát tranh.
- HS đóng vai để nói và đáp lời khen về món quà trong nhóm đôi.
- Một số nhóm HS nói và đáp trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 5, 6

6. Nói, viết lời cảm ơn

6.1. Phân tích mẫu

- HS xác định yêu cầu của BT 6a, quan sát tranh và đọc lời nhân vật trong nhóm đôi.
- Một vài HS nói trước lớp.
- HS nhận xét về cách bạn nhỏ nói lời cảm ơn.

6.2. Nói và đáp lời cảm ơn

- HS xác định yêu cầu của BT 6b, đọc các tình huống cho trước.
- HS thảo luận trong nhóm đôi để nói lời đáp phù hợp với mỗi tình huống.
- Một vài nhóm HS nói lời cảm ơn trước lớp. Lưu ý chọn các nhóm có các cách nói lời cảm ơn khác nhau giúp HS phát triển kỹ năng giao tiếp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

6.3. Viết lời cảm ơn

- HS xác định yêu cầu của BT 6c, viết 1 – 2 câu cảm ơn phù hợp với một trong hai tình huống ở BT 6b vào VBT. Khuyến khích HS sáng tạo trong cách viết lời cảm ơn.
- Một vài HS đọc bài trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

C. Vận dụng

1. Đọc mở rộng

1.1. Chia sẻ về một bài thơ về trẻ em

- HS xác định yêu cầu của BT 1a.
- HS chia sẻ với bạn trong nhóm nhỏ về tên bài thơ, tên tác giả, khổ thơ em thích, nhân vật... và tên cuốn sách, tờ báo có bài thơ đó (nếu em đọc bài thơ trong sách, báo).
- Một vài HS chia sẻ trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

1.2. Viết Phiếu đọc sách (trong VBT)

- HS viết vào *Phiếu đọc sách* tên bài thơ em đã đọc, tác giả, khổ thơ em thích.
- Một vài HS chia sẻ *Phiếu đọc sách* trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2. Chơi trò chơi *Hoạ sĩ nhí*.

2.1. Vẽ tranh

- HS đọc yêu cầu của BT 2a, đọc lại bài *Làm việc thật là vui* và chọn một đồ vật hoặc con vật được nhắc đến trong bài.
- HS vẽ đồ vật hoặc con vật đó theo trí tưởng tượng của em.

2.2. Đặt tên cho bức vẽ

- HS đặt tên cho bức vẽ, chia sẻ trong nhóm nhỏ về bức vẽ và tên em đặt.
- HS giới thiệu bức vẽ và tên bức vẽ trước lớp.
- HS nghe bạn và thầy cô nhận xét.

BÀI 3: NHỮNG CÁI TÊN (tiết 11 – 14, SHS, tr.34 – 36)

I. MỤC TIÊU

1. Nói được với bạn về tên của em; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài qua tên bài và tranh minh hoạ.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng nhịp, dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: *Mỗi cái tên đều có ý nghĩa, gửi gắm những điều đẹp để mẹ cha mong ước cho em*; biết liên hệ bản thân: *chăm chỉ rèn luyện để xứng với tên mình – mong ước mà cha mẹ gửi gắm*; biết viết tên riêng đúng chính tả và trang trí bằng tên riêng của mình.
3. Viết đúng chữ *C* hoa và câu ứng dụng.
4. Viết hoa đúng tên riêng của người.
5. Nói được với người thân về tên các bạn trong lớp.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Những tờ giấy viết tên HS (có thể viết cách điệu, sáng tạo).
- Mẫu chữ viết hoa *C*.
- Bảng phụ ghi khổ thơ thứ hai và ba.
- Thẻ từ để HS ghi các từ ngữ ở BT 3.
- Ảnh HS trong lớp (nếu được) để làm BT.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1, 2

A. Khởi động

- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, nói với bạn về tên của em: tên em là gì, ý nghĩa của tên, điều mong ước của cha mẹ khi đặt tên cho em,...
- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Những cái tên*.
- HS đọc tên bài kết hợp với quan sát tranh minh hoạ để phán đoán nội dung bài đọc: nhân vật, việc làm của các nhân vật,...

B. Khám phá và luyện tập

1. Đọc

1.1. Luyện đọc thành tiếng

- HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: giọng đọc thông thả, trong sáng, vui tươi).
- HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *bao nhiêu, bấy nhiêu, ước, ...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ hơi sau các dòng thơ, khổ thơ.
- HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài thơ trong nhóm nhỏ và trước lớp.

1.2. Luyện đọc hiểu

- HS giải thích nghĩa của một số từ khó, VD: *vô hình* (không có hình thể, không nhìn thấy được),...
- HS đọc thầm bài đọc, thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.
- HS nêu nội dung bài đọc: *Mỗi cái tên đều có ý nghĩa, gửi gắm những điều đẹp để mẹ cha mong ước cho em.*
- HS liên hệ bản thân: *chăm chỉ rèn luyện để xứng đáng với tên mình – với mong ước mà cha mẹ gửi gắm.*

1.3. Luyện đọc lại

- HS nêu cách hiểu của các em về nội dung bài. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc toàn bài và một số từ ngữ cần nhấn giọng.
- HS nghe GV đọc lại khổ thơ thứ hai và ba.
- HS luyện đọc trong nhóm khổ thơ thứ hai và ba.
- HS luyện đọc thuộc lòng khổ thơ thứ hai theo cách GV hướng dẫn (Phương pháp xoá dần).
- HS luyện đọc thuộc lòng 2 khổ thơ em thích trong nhóm đôi.
- Một vài HS thi đọc thuộc lòng 2 khổ thơ em thích trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

1.4. Luyện tập mở rộng

- HS xác định yêu cầu của hoạt động *Cùng sáng tạo – Tên ai cũng đẹp*.
- HS viết và trang trí bảng tên của mình (VBT).
- HS nghe một vài bạn trình bày kết quả trước lớp và nghe GV nhận xét kết quả.

TIẾT 3, 4

2. Viết

2.1. Luyện viết chữ C hoa

- HS quan sát mẫu chữ C hoa, xác định chiều cao, độ rộng, cấu tạo nét chữ của con chữ C hoa.
- HS quan sát GV viết mẫu và nêu quy trình viết chữ C hoa.
- HS viết chữ C hoa vào bảng con.
- HS tô và viết chữ C hoa vào VTV.

2.2. Luyện viết câu ứng dụng

- HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu ứng dụng “*Có chí thì nên.*”.
- HS nghe GV nhắc lại quy trình viết chữ C hoa và cách nối từ chữ C hoa sang chữ o.
- HS quan sát cách GV viết chữ Có.
- HS viết chữ Có và câu ứng dụng “*Có chí thì nên.*” vào VTV.

2.3. Luyện viết thêm

- HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu thơ:

Tre già ôm lấy măng non

Chắt chiu như mẹ yêu con tháng ngày.

Tố Hữu

- HS viết chữ C hoa, chữ Chắt và câu thơ vào VTV.

2.4. Đánh giá bài viết

- HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn.
- HS nghe GV nhận xét một số bài viết.

3. Luyện từ

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS quan sát các từ ngữ ở trong các thẻ màu xanh và các thẻ màu hồng, thảo luận nhóm nhỏ để nhận xét cách viết các từ ngữ thuộc mỗi nhóm và giải thích. Chia sẻ kết quả trước lớp.

- HS nghe GV nhận xét kết quả.
- HS rút ra nhận xét: *Khi viết tên riêng của người, em cần viết hoa chữ cái đầu mỗi tiếng tạo thành tên riêng đó.*

4. Luyện câu

4.1. Nhận diện tên riêng của người

- HS xác định yêu cầu của BT 4a, quan sát tranh, đọc lại bài thơ *Những cái tên*.
- HS thảo luận nhóm đôi, xác định các tên riêng được nhắc đến trong bài thơ.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

4.2. Viết tên riêng các bạn trong lớp

- HS xác định yêu cầu của BT 4b.
- HS mỗi nhóm nhận ảnh 2 bạn trong lớp có tên riêng bắt đầu bằng chữ cái A, Ă, Â, B, C.
- HS viết tên hai bạn trong ảnh và chia sẻ trong nhóm cách em viết tên riêng của các bạn trong ảnh.
- HS nghe bạn và GV nhận xét cách viết.
- HS viết vào VBT tên các bạn trong ảnh.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.

C. Vận dụng

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Nói với người thân về tên của các bạn trong lớp.*
- HS nghe GV hướng dẫn những nội dung có thể nói với người thân:
 - + *Em được nghe những bạn nào trong lớp chia sẻ về tên mình?*
 - + *Lí do bố mẹ đặt tên cho bạn như thế?*
 - + *Em thích tên bạn nào? Vì sao?*
 - + ...
- Nếu còn thời gian, GV có thể tổ chức cho HS thực hiện hoạt động theo nhóm nhỏ ở lớp trước khi trao đổi với người thân ở nhà.
- HS nói trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét cách em nói về tên các bạn.

BÀI 4: CÔ GIÓ (tiết 15 – 20, SHS, tr.37 – 41)

I. MỤC TIÊU

1. Nói được về lợi ích của gió đối với người và vật; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài qua tên bài và tranh minh họa.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: *Ai cũng yêu quý cô gió vì cô luôn đi khắp đó đây để làm những việc có ích*; biết liên hệ bản thân: *yêu mến cuộc sống, luôn vui tươi, làm việc có ích*.
3. Nghe – viết đúng đoạn thơ; phân biệt ai/ay.
4. Mở rộng được vốn từ về trẻ em (từ ngữ chỉ phẩm chất); đặt được câu với từ ngữ tìm được.
5. Nghe – kể được từng đoạn của câu chuyện *Chuyện ở phố Cây Xanh* theo tranh và câu gợi ý; kể lại được toàn bộ câu chuyện.
6. Đặt được tên cho bức tranh em chọn.
7. Chia sẻ được một bài văn đã đọc về trẻ em.
8. Thực hiện được trò chơi **Gió thổi** để nói về những đặc điểm riêng/ nét đáng yêu của các bạn trong lớp.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Một số chong chóng nhiều màu sắc (nếu có) để tổ chức hoạt động khởi động.
- Đoạn viết từ *Cô không có hình dáng đến không bao giờ nghỉ* để hướng dẫn luyện đọc.
- Tranh ảnh, audio, video clip truyện *Chuyện ở phố Cây Xanh* (nếu có).
- Thẻ từ (hoặc thẻ hoa, lá như SHS (tr.39) ghi sẵn các tiếng ở BT 3 để tổ chức cho HS chơi trò chơi.
- HS mang tới lớp bức tranh em thích, truyện về thiếu nhi đã đọc.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1, 2

A. Khởi động

- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, nói với bạn về lợi ích của gió đối với người và vật. Một vài HS cầm chong chóng chạy và trả lời câu hỏi: *Nhờ đâu chong chóng quay được?*
- HS đọc tên bài kết hợp với quan sát tranh minh họa để phán đoán nội dung bài đọc: nhân vật, tên gọi, điểm đáng yêu của nhân vật,...
- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Cô gió*.

B. Khám phá và luyện tập

1. Đọc

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: giọng thông thả, vui tươi, nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ đặc điểm, hoạt động của cô gió. Câu cảm đọc giọng ngạc nhiên, tươi vui; lời hát của cô gió đọc vui, nhẹ nhàng.).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *miền đất, hình dáng, quay, ...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ và luyện đọc một số câu dài: *Vì tính cô hay giúp người / nên ai cũng yêu cô. //, Hình dáng của cô / là ở những việc có ích / mà cô làm cho người khác. //; ...*

– HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp.

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó, VD: *khô hạn* (khô, không có nước), *dáng hình* (hình của một vật làm thành vẽ riêng bên ngoài của nó),...

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

– HS nêu nội dung bài đọc: *Ai cũng yêu quý cô gió vì cô luôn đi khắp đó đây để làm những việc có ích.*

– HS liên hệ bản thân: *yêu mến cuộc sống, luôn vui tươi, làm việc có ích.*

1.3. Luyện đọc lại

– HS nêu cách hiểu của các em về nội dung bài. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV đọc lại đoạn từ *Cô không có hình dáng đến không bao giờ nghỉ.*

– HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn *Cô không có hình dáng đến không bao giờ nghỉ.*

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

2. Viết

2.1. Nghe – viết

– HS đọc đoạn thơ, trả lời câu hỏi về nội dung của đoạn thơ: *Điều gì chờ đón những người dậy sớm?*

– HS đánh vần một số tiếng/ từ khó đọc, dễ viết sai do cấu tạo hoặc do ảnh hưởng của phương ngữ, VD: *bước, vùng đông, ...*; hoặc do ngữ nghĩa, VD: *dậy*.

– HS nhìn nghe GV đọc từng dòng thơ để viết vào VBT. (GV hướng dẫn HS: lùi vào 3 – 4 ô đầu mỗi dòng thơ. Không bắt buộc HS viết những chữ hoa chưa học.)

- HS đổi bài viết cho bạn bên cạnh, nghe GV đọc lại bài viết, giúp bạn soát lỗi.
- HS nghe bạn nhận xét bài viết.
- HS nghe GV nhận xét một số bài viết.

2.2. Luyện tập chính tả – Phân biệt ai/ay

- HS đọc yêu cầu BT và đọc lại bài viết.
- HS tìm trong bài viết các tiếng có vần *ai* hoặc vần *ay* và chia sẻ trong nhóm nhỏ.
- HS so sánh vần *ai* và vần *ay*.

2.3. Luyện tập chính tả – Phân biệt ai/ay

- HS xác định yêu cầu của BT 2(c).
- HS quan sát tranh, nói với bạn các từ ngữ chứa tiếng có vần *ai* hoặc vần *ay* phù hợp với hình. (Lưu ý: HS có thể đưa ra nhiều từ ngữ khác nhau, chỉ cần có đúng tiếng chứa vần cần tìm: cành mai/ nhành mai/ hoa mai/ mai vàng/ bông mai – quả vải/ trái vải/ chùm vải – bao tay/ găng tay/ tất tay – váy đầm/ váy dài)
- HS viết các từ ngữ tìm được vào VBT (Lưu ý: GV có thể cho HS đặt câu (nói) có từ ngữ chứa *ai/ay* đã tìm được).
- HS nghe bạn nhận xét và GV nhận xét bài làm.

TIẾT 3, 4

3. Luyện từ

- HS xác định yêu cầu của BT 3, quan sát các tiếng trong bông hoa, cành lá.
- HS chọn tiếng trong bông hoa ghép được với tiếng trong cành lá để tạo thành từ ngữ.
- HS chơi tiếp sức để ghép các từ ngữ.
- HS giải nghĩa các từ ngữ tìm được (nếu cần).
- HS nghe GV nhận xét kết quả.

4. Luyện câu

- HS xác định yêu cầu của BT 4.
- HS đặt câu theo yêu cầu BT trong nhóm đôi.
- HS nói trước lớp câu đặt theo yêu cầu.
- HS nghe bạn và GV nhận xét câu.

- HS viết vào VBT 1 – 2 câu có chứa từ ngữ tìm được ở BT 3.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.

5. Kể chuyện (Nghe – kể)

CHUYỆN Ở PHỐ CÂY XANH

1. Dê con là một họa sĩ nổi tiếng, sống ở phố Cây Xanh. Dê con treo các ả trà trong khu vườn của mình. Thấy khu vườn đẹp quá, cư dân xung quanh đều làm theo. Từ đó, phố Cây Xanh còn được gọi là *phố ả Trà*.

2. Khi hươu con chuyển đến phố Cây Xanh, cậu nhìn khắp phố rồi trang trí những ngôi sao cho khu vườn của mình. Cún con nhìn thấy bèn góp ý:

– Cậu làm không đúng rồi. Vườn nhà ở phố chúng ta chỉ treo ả trà thôi.

Hươu con đáp:

– Mình biết, nhưng mình có ý tưởng riêng. Mình trang trí vườn theo cách mình yêu thích.

3. Trở về nhà sau cuộc nói chuyện với hươu con, cún con suy nghĩ mãi. Rồi cậu quyết định thay đổi cách trang trí khu vườn nhà mình. Cậu sơn hàng rào cho khu vườn bằng màu xanh mà cậu yêu thích.

4. Mọi người nhìn thấy hươu con và cún con làm liên thích thú về trang trí lại khu vườn theo sở thích của mình. Bây giờ, phố Cây Xanh có nhiều ngôi nhà có những khu vườn được trang trí khác nhau.

Theo Trần Linh Linh, Hà Giang dịch

5.1. Nghe GV kể chuyện *Chuyện ở phố Cây Xanh*

- HS quan sát tranh, đọc tên truyện và phán đoán nội dung câu chuyện.
- HS nghe GV kể chuyện lần thứ nhất (có thể dùng tệp ghi âm giọng kể) để kiểm tra phán đoán. GV vừa kể vừa dùng các câu hỏi kích thích sự phỏng đoán, trí tò mò nhằm thu hút sự tập trung chú ý của HS.
- HS trao đổi về phán đoán của mình sau khi nghe câu chuyện.
- HS nghe GV kể chuyện lần thứ hai (có thể dùng tệp ghi âm và ghi hình giọng kể phối hợp với tranh, hình ảnh động minh họa) kết hợp quan sát từng tranh minh họa để ghi nhớ nội dung từng đoạn của câu chuyện.

5.2. Kể từng đoạn của câu chuyện

- HS quan sát tranh và câu gợi ý để kể lại từng đoạn, hai đoạn của câu chuyện trước lớp.

- HS kể từng đoạn của câu chuyện trong nhóm nhỏ. (GV hướng dẫn HS sử dụng ánh mắt, cử chỉ khi kể; phân biệt giọng các nhân vật.)
- Nhóm HS kể nối tiếp từng đoạn của câu chuyện trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét phần kể chuyện.

5.3. Kể toàn bộ câu chuyện

- HS kể toàn bộ câu chuyện trong nhóm đôi.
- Một vài HS kể toàn bộ câu chuyện trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét phần kể chuyện.
- HS nói về nhân vật em thích, giải thích lí do. Trao đổi về nội dung câu chuyện.

TIẾT 5, 6

6. Đặt tên cho bức tranh

6.1. Phân tích mẫu

- HS xác định yêu cầu của BT 6a, quan sát, đọc tên bức tranh, trả lời câu hỏi trong nhóm.
- Một vài nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nhận xét về cách đặt tên bức tranh.

6.2. Đặt tên cho bức tranh em thích

- HS xác định yêu cầu của BT 6b.
- HS nói với bạn về bức tranh của em:
 - + *Tranh vẽ gì?*
 - + *Người, vật trong tranh có gì đặc biệt?*
 - + *Em đặt tên bức tranh là gì?*
- HS viết tên tranh vào VBT.
- HS có thể dán tranh và tên vào *Góc sản phẩm* của lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

C. Vận dụng

1. Đọc mở rộng

1.1. Chia sẻ một bài văn đã đọc về trẻ em

- HS xác định yêu cầu của BT 1a.
- HS chia sẻ với bạn trong nhóm nhỏ về tên bài văn, tên tác giả, từ ngữ em thích,...

- Một vài HS chia sẻ trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

1.2. *Viết Phiếu đọc sách (trong VBT)*

- HS viết vào *Phiếu đọc sách* tên bài văn, tác giả và từ ngữ em thích.
- Một vài HS chia sẻ *Phiếu đọc sách* trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2. *Chơi trò chơi Gió thổi*

- HS nghe GV hướng dẫn cách chơi trò chơi.
- HS chơi trò chơi *Gió thổi* để nói về đặc điểm riêng/ nét đáng yêu của các bạn trong lớp.

+ *Quản trò: Gió thổi! Gió thổi!*

+ *Cả lớp: Thổi gì? Thổi gì?*

+ *Quản trò: Gió thổi bay mái tóc bồng bênh của bạn Lam.*

(Các bạn đứng gần Lam hoặc Lam hát tung mái tóc của Lam.)

+ ...

- HS nêu cảm nghĩ sau khi chơi trò chơi hoặc nói về đặc điểm riêng hoặc nét đáng yêu của một bạn trong lớp mà em thích.

CHỦ ĐIỂM 3: BỐ MẸ YÊU THƯƠNG (TUẦN 5 – 6)

Chủ điểm *Bố mẹ yêu thương* hướng đến việc bồi dưỡng phẩm chất *nhân ái, trách nhiệm* cho HS; giúp HS nhận thức được tình cảm của mình đối với bố mẹ và người thân trong gia đình; bước đầu thể hiện trách nhiệm với bố mẹ và người thân bằng các việc làm cụ thể.

BÀI 1: BỌ RỪA TÌM MẸ (tiết 1 – 4, SHS, tr.42 – 44)

I. MỤC TIÊU

1. Chia sẻ được với bạn về các hình ảnh em thấy trong bức tranh, nêu được phỏng đoán của bản thân về nhân vật chính qua tên bài học, tên bài đọc và tranh minh họa.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; phân biệt được lượt lời của các nhân vật, lời người dẫn chuyện; hiểu nội dung bài đọc: *Mọi người cần quan tâm, chia sẻ, yêu thương, giúp đỡ người khác*; biết liên hệ với bản thân: *cần quan tâm, giúp đỡ bạn bè*; bước đầu biết đọc phân vai.

3. Viết đúng chữ *D*, *Đ* hoa và câu ứng dụng.

4. Nhận diện được từ chỉ màu sắc, hình dáng, tính tình; câu kể và câu miêu tả đặc điểm (màu sắc); đặt được 1 – 2 câu miêu tả màu sắc.

5. Thực hiện được trò chơi *Tìm đường về nhà*, nói được 1 – 2 câu có sử dụng từ ngữ tìm được trên đường về nhà của bộ rùa.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Tranh, ảnh các con vật: bộ rùa, rái cá,... (nếu có).
- Mẫu chữ viết hoa *D*, *Đ*.
- Bảng phụ ghi đoạn từ đầu đến *Mẹ em rất đẹp ạ*.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1, 2

A. Khởi động

- HS nghe GV giới thiệu tên chủ điểm.
- HS nêu cách hiểu hoặc suy nghĩ về tên chủ điểm *Bố mẹ yêu thương*.
- HS quan sát tranh, chia sẻ với bạn về các hình ảnh em thấy trong tranh và phỏng đoán nội dung câu chuyện *Bộ rùa tìm mẹ*.
- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Bộ rùa tìm mẹ*.

B. Khám phá và luyện tập

1. Đọc

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: lời của nhân vật bộ rùa: giọng và thái độ lo lắng; lời của nhân vật kiến: ôn tồn, cảm thông; lời của bộ rùa mẹ: trìu mến; lời người dẫn chuyện: từ tốn, chậm rãi có thay đổi nhịp điệu, tốc độ theo diễn tiến của câu chuyện, nhấn mạnh ở những từ ngữ, câu biểu thị ý chính của bài đọc, VD: *Mẹ em / rất đẹp / ạ.*; *Bộ rùa / lấy bút / vẽ mẹ, kiến / xem rồi / bảo,...*).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc và đọc một số từ khó do ảnh hưởng của biến thể phương ngữ, như: *rùa, rất, vẽ, quay, lạc, lao,...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ theo logic ngữ nghĩa, như *Chờ / một lúc lâu //*, *một quả //*, *bộ rùa / ngồi phịch xuống /*, *khóc.*; *Bộ rùa / chạy ào tới, mẹ / ôm chặt / bộ rùa / và bảo;...*

– HS đọc thành tiếng bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp.

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó, VD: *bộ rùa, rái cá,...*

– HS nghe GV hướng dẫn đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời các câu hỏi trong SHS.

– HS đọc thầm lại bài đọc, thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

– HS nêu nội dung: *Mọi người cần quan tâm, chia sẻ, yêu thương, giúp đỡ người khác.*

– HS liên hệ với bản thân: *cần quan tâm, giúp đỡ bạn bè.*

1.3. Luyện đọc lại

– HS nêu cách hiểu của các em về nội dung bài. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc của nhân vật và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV đọc lại đoạn từ đầu đến *Mẹ em rất đẹp ạ*, nghe GV hướng dẫn luyện đọc lại.

– HS luyện đọc lời người dẫn chuyện, lời bộ rùa, lời anh kiến và luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn từ đầu đến *Mẹ em rất đẹp ạ*.

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

1.4. Luyện tập mở rộng

– HS xác định yêu cầu của hoạt động *Cùng sáng tạo – Giọng ai cũng hay*.

– HS đọc phân vai trong nhóm bốn (HS có thể đổi vai, lưu ý: HS khá giỏi đọc theo vai người dẫn chuyện; không yêu cầu đọc diễn cảm; phân lời dẫn gián tiếp “Bộ rùa bèn cảm bức vẽ, đứng bên đường. Con vật nào đi qua, nó cũng hỏi: “Có thấy mẹ em ở đâu không?”. Các con vật đều trả lời không thấy và bảo nó đứng chờ” để HS đóng vai người dẫn chuyện đọc, riêng câu trong ngoặc kép, để HS đóng vai bộ rùa đọc. Có thể cho 2 HS đọc vai người dẫn chuyện).

– HS nghe một vài nhóm đọc phân vai trước lớp và nghe GV nhận xét kết quả.

TIẾT 3, 4

2. Viết

2.1. Luyện viết chữ D, Đ hoa

– HS quan sát mẫu chữ *D* hoa, xác định chiều cao, độ rộng, cấu tạo nét chữ của con chữ *D* hoa.

– HS quan sát GV viết mẫu và nêu quy trình viết chữ *D* hoa.

– HS quan sát và so sánh chữ *D* hoa và chữ *Đ* hoa.

– HS quan sát GV viết mẫu và nêu quy trình viết chữ *Đ* hoa.

– HS viết chữ *D, Đ* hoa vào bảng con.

– HS tô và viết chữ *D, Đ* hoa vào VTV.

2.2. Luyện viết câu ứng dụng

- HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu ứng dụng “*Đi hỏi về chào.*”.
- HS nghe GV nhắc lại quy trình viết chữ Đ hoa và cách nối từ chữ Đ hoa sang chữ i.
- HS quan sát cách GV viết chữ *Đi*.
- HS viết chữ *Đi* và câu ứng dụng “*Đi hỏi về chào.*” vào VTV.

2.3. Luyện viết thêm

- HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu thơ:

*Đêm nay con ngủ giấc tròn
Mẹ là ngọn gió của con suốt đời.*

Trần Quốc Minh

Lưu ý: *ngủ giấc tròn*: ngủ ngon giấc không thức dậy giữa chừng.

- HS viết chữ Đ hoa, chữ *Đêm* và câu thơ vào VTV.

2.4. Đánh giá bài viết

- HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn.
- HS nghe GV nhận xét một số bài viết.

3. Luyện từ

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS xếp từ ngữ đã cho và chia thành ba nhóm; chia sẻ kết quả trong nhóm đôi/ nhóm nhỏ (từ chỉ màu sắc: *vàng, xanh, tím*; từ chỉ hình dáng: *cao, tròn, vuông*; từ chỉ tính tình: *hiền, ngoan*).

- HS chơi tiếp sức viết từ ngữ chỉ màu sắc, hình dáng, tính tình.
- HS nghe GV nhận xét kết quả.
- HS tìm thêm một số từ ngữ chỉ màu sắc, hình dáng, tính tình.

4. Luyện câu

4.1. Nhận diện câu chỉ đặc điểm (chỉ màu sắc)

- HS xác định yêu cầu của BT 4a, đọc các đáp án cho trước.
- HS chia sẻ đáp án với bạn trong nhóm nhỏ và trình bày trước lớp câu chỉ màu sắc:
Bông hoa cúc vàng tươi.

4.2. Luyện tập đặt câu chỉ đặc điểm (chỉ màu sắc)

- HS xác định yêu cầu của BT 4b.

- HS đặt câu đề nghị theo yêu cầu BT trong nhóm đôi.
- HS nghe bạn và GV nhận xét câu.
- HS viết vào VBT 2 câu chỉ màu sắc.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.

C. Vận dụng

- HS xác định yêu cầu: *Chơi trò chơi Tìm đường về nhà.*
- HS tìm hiểu cách thực hiện trò chơi: chia nhóm nhỏ, hoặc nhóm đôi, thi tìm, nói câu có từ ngữ tìm được trên đường bộ về nhà.
- HS thực hiện trò chơi:
 - + *Thi tìm nhanh đường về nhà.*
 - + *Thi nói câu có từ ngữ đã tìm được, VD: nói câu có từ xanh biếc, chăm chỉ, dịu dàng, chăm chỉ, v.v..*
- HS khá giỏi có thể viết 1 – 2 câu đã nói vào VBT → trình bày trong nhóm → trước lớp → nghe các bạn và GV nhận xét.

BÀI 2: CÁNH ĐỒNG CỦA BỐ (tiết 5 – 10, SHS, tr.45 – 49)

I. MỤC TIÊU

1. Giới thiệu được với bạn về gia đình mình, nêu được được phỏng đoán về nội dung bài qua tên bài đọc và tranh minh hoạ.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: *tình cảm yêu thương, triu mến vô bờ của bố dành cho con*; biết liên hệ bản thân: *yêu quý, kính trọng, biết ơn bố.*
3. Nghe – viết đúng đoạn văn; phân biệt *ng/ngh; l/n, hỏi/ngã.*
4. Mở rộng được vốn từ về gia đình (từ ngữ chỉ người trong gia đình); đặt và trả lời được câu hỏi về từ chỉ người thân – câu giới thiệu *Ai là gì?*
5. Biết nói lời chia tay và đáp lời không đồng ý.
6. Viết được tin nhắn cho người thân theo gợi ý và tình huống đã cho.
7. Chia sẻ được một truyện đã đọc về gia đình.
8. Nói được 1 – 2 câu thể hiện tình cảm với bố mẹ hoặc người thân.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Video/ băng có bài hát *Bố là tất cả* của Nguyễn Thập Nhất, Đỗ Văn Khoái.
- Thẻ từ cho HS thực hiện các BT 2(c), 3 và 4.

– HS mang tới lớp tranh/ ảnh gia đình, người thân; sách/ báo có bài thơ về gia đình đã tìm đọc.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1, 2

A. Khởi động

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, sử dụng ảnh (nếu có) giới thiệu với bạn về gia đình em (bố, mẹ, anh, chị, ông bà,...).

– HS nghe/ hát bài ***Bố là tất cả*** của Nguyễn Thập Nhất, Đỗ Văn Khoái (**Lưu ý:** GV có thể tổ chức hoặc không tổ chức hoạt động này, tùy điều kiện lớp học).

– HS đọc tên bài kết hợp với quan sát tranh minh hoạ để phán đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc *Cánh đồng của bố*.

B. Khám phá và luyện tập

1. Đọc

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: giọng thông thả, chậm rãi, trù mến, nhấn giọng các từ ngữ chỉ tình cảm yêu thương bố dành cho con: *nhớ mãi, thốt lên, chưa bao giờ, vì tôi, để được nhìn thấy, cánh đồng của bố*).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ ngữ khó (do ảnh hưởng phương ngữ/ do cấu tạo âm tiết): *vẫn nhớ mãi, thốt lên sung sướng, khoẻ,...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ và luyện đọc một số câu có bộ phận giải thích: *Bố tôi / vẫn nhớ mãi / cái ngày tôi khóc, / tức cái ngày tôi chào đời.* (nhấn giọng các từ ngữ *nhớ mãi, cái ngày tôi chào đời*); *Đêm, / bố thức / để được nhìn thấy tôi ngủ / – cánh đồng của bố.*; *Khi nghe tiếng tôi khóc, / bố / thốt lên sung sướng.*; hướng dẫn đọc câu cảm (thể hiện sự xúc động, mừng rỡ: *Trời ơi, // con tôi!*”).

– HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp.

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó, VD: *thốt* (bật ra thành tiếng, thành lời một cách đột ngột), *cực kì* (mức độ rất cao, không thể cao hơn được nữa), *cánh đồng* (khoảng đất rộng và bằng phẳng để cày cấy, trồng trọt),...

– HS nghe GV hướng dẫn cách đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời các câu hỏi trong SHS.

– HS đọc thầm lại bài đọc, thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

- HS nêu nội dung bài đọc: *tình cảm yêu thương, triu mến vô bờ của bố dành cho con.*
- HS liên hệ bản thân: *yêu quý, kính trọng, biết ơn bố.*

1.3. Luyện đọc lại

- HS nghe GV đọc lại đoạn đầu; nghe GV hướng dẫn luyện đọc lại.
- HS luyện đọc đoạn đầu của bài trong nhóm, trước lớp.
- HS khá, giỏi đọc cả bài.

2. Viết

2.1. Nghe – viết

- HS đọc đoạn văn, trả lời câu hỏi về nội dung của đoạn văn.
- HS đánh vần một số tiếng/ từ khó đọc, dễ viết sai do cấu tạo hoặc do ảnh hưởng của phương ngữ, VD: *rùa, rất, vẽ, bỏ, nhảy, quay, lạc,...*
- HS nghe GV đọc từng cụm từ ngữ và viết đoạn văn vào VBT. (GV hướng dẫn HS: lùi vào một ô khi viết chữ đầu tiên của đoạn văn; viết dấu chấm cuối câu; không bắt buộc HS viết hoa chữ H, Q.).

- HS nghe GV đọc lại bài viết, tự đánh giá phần viết của mình và của bạn.
- HS nghe GV nhận xét một số bài viết.

2.2. Luyện tập chính tả – Phân biệt ng/ngh

- HS xác định yêu cầu của BT 2b, quan sát tranh, đọc thầm đoạn văn.
- HS thực hiện BT vào VBT.
- HS chia sẻ kết quả trong nhóm đôi và trình bày trước lớp.
- HS đọc lại đoạn văn đã điền *ng/ngh*.
- HS nghe GV nhận xét kết quả.

2.3. Luyện tập chính tả – Phân biệt l/n, hồi/ngã

- HS xác định yêu cầu của BT 2(c), đọc thầm bài ca dao.
- HS thực hiện BT vào VBT.
- HS chơi tiếp sức thực hiện BT trên bảng lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.

TIẾT 3, 4

3. Luyện từ

3.1. Tìm từ ngữ tương ứng với nghĩa đã cho

– HS xác định yêu cầu của BT 3a.

– HS tìm từ ngữ theo yêu cầu trong nhóm ba theo hình thức mảnh ghép, mỗi HS tìm 2 từ ngữ thuộc một nhóm ghi vào thẻ từ. Thống nhất kết quả trong nhóm.

– Một số nhóm HS chữa bài bằng hình thức chữa/ bổ sung thẻ ghi từ ngữ trên bảng.

– HS nghe GV nhận xét kết quả.

3.2. Tìm từ (đơn tiết) chỉ người trong gia đình

– HS xác định yêu cầu của BT 3b.

– HS Tìm thêm 3 – 5 từ chỉ người trong gia đình dựa theo mẫu (bố/ ba/ cha; mẹ/ má/ bầm/ u/ vú, anh, chị, em, con, cháu, ông, bà,...).

– HS viết các từ tìm được vào VBT.

– Vài HS đọc các từ tìm được trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.

4. Luyện câu

– HS xác định yêu cầu của BT 4, quan sát mẫu.

– HS thảo luận, dựa vào từ ngữ đã tìm được ở BT 3 để đặt và trả lời câu giới thiệu về người thân *Ai là gì?* trong nhóm đôi.

– HS làm bài vào VBT.

– HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.

5. Nói và nghe

5.1. Nói lời chia tay

– HS xác định yêu cầu của BT 5a.

– HS nói lời chia tay trong nhóm đôi theo yêu cầu BT.

– Một số nhóm HS nói trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

5.2. Đáp lời từ chối

– HS xác định yêu cầu của BT 5b, đọc lời của các nhân vật trong tình huống.

– HS đóng vai để nói và đáp lời từ chối trong nhóm đôi.

– Một số nhóm HS nói và đáp trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 5, 6

6. Viết tin nhắn

6.1. Nói theo gợi ý

- HS xác định yêu cầu của BT 6a, quan sát mẫu.
- HS thảo luận trong nhóm đôi theo nội dung các câu hỏi (*nhắn tin cho ai, nhắn những nội dung gì?*).
- HS trả lời câu hỏi gợi ý của GV về các phần của tin nhắn: ngày tháng → từ ngữ xưng hô (với người mình sẽ gửi tin nhắn) → nội dung tin nhắn → tên của mình (người nhắn tin).
- Một số HS nói trước lớp về nội dung và trình tự các phần của một tin nhắn.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

6.2. Viết tin nhắn

- HS xác định yêu cầu của BT 6b, nhớ lại nội dung đã nói ở BT 6a.
- HS viết bài vào VBT.
- Một số HS đọc bài viết trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

C. Vận dụng

1. Đọc mở rộng

1.1. Chia sẻ một truyện đã đọc về gia đình

- HS xác định yêu cầu của BT 1a.
- HS chia sẻ trong nhóm nhỏ một truyện về gia đình mà mình đã tìm đọc: tên truyện, tên tác giả, tên sách/ báo có truyện đó; tên nhân vật,...
- Một vài HS chia sẻ trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

1.2. Viết Phiếu đọc sách (trong VBT)

- HS viết vào *Phiếu đọc sách* tên truyện, nhân vật, đặc điểm.
- Một vài HS chia sẻ *Phiếu đọc sách* trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2. Nói câu thể hiện tình cảm của em với bố mẹ hoặc người thân

- HS nghe GV hướng dẫn một vài điều em có thể chia sẻ với người thân:
 - + *Từ ngữ xưng hô theo đẳng vai.*
 - + *Từ ngữ chỉ tình cảm của em với người thân.*

- + Những việc mà người thân đã làm cho em khiến em cảm động.
- + ...
- HS thực hành ở nhà.

BÀI 3: MẸ (tiết 11 – 14, SHS, tr.50 – 52)

I. MỤC TIÊU

1. Nói được việc người thân thường làm để chăm sóc em; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài thơ qua tên bài và tranh minh hoạ.
2. Đọc trôi chảy bài thơ, ngắt nghỉ đúng nhịp, dấu câu, dòng thơ; đúng logic ngữ nghĩa; hiểu được nội dung bài thơ: *Nỗi vất vả, cực nhọc của mẹ khi nuôi con và tình yêu thương vô bờ của mẹ dành cho con*; biết liên hệ với bản thân: *biết ơn, kính yêu mẹ*; học thuộc lòng 6 dòng thơ cuối; nói được 1 – 2 câu về mẹ/ người thân theo mẫu.
3. Viết đúng chữ E, Ê hoa và câu ứng dụng.
4. Nhận diện được: từ ngữ chỉ người trong gia đình, câu kể – dấu chấm.
5. Thực hiện được trò chơi *Bàn tay diệu kì* theo lệnh của quản trò; nói được 1 – 2 câu điều mình thích nhất ở trò chơi.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Video/ băng có bài hát *Bàn tay mẹ* của nhạc sĩ Bùi Đình Thảo.
- Hình ảnh mẹ chăm sóc con.
- Mẫu chữ viết hoa E, Ê.
- Bảng phụ ghi 6 dòng thơ cuối.
- HS mang tới lớp hình ảnh mẹ con (nếu có).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1, 2

A. Khởi động

- HS hoạt động nhóm nhỏ nói được việc người thân thường làm để chăm sóc em.
- HS nghe/ hát bài *Bàn tay mẹ* của nhạc sĩ Bùi Đình Thảo (Lưu ý: GV có thể tổ chức hoặc không tổ chức hoạt động này, tùy điều kiện lớp học).
- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài mới *Mẹ*.

B. Khám phá và luyện tập

1. Đọc

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: giọng đọc nhẹ nhàng, chậm rãi; chú ý việc ngắt nghỉ cuối câu bát – câu 8 chữ, nhấn mạnh ở những từ ngữ, câu biểu thị ý chính của bài thơ, VD: *Những ngôi sao / thức ngoài kia // Chẳng bằng mẹ / đã thức / vì chúng con. // Me / là ngọn gió / của con suốt đời.*)

– HS nghe GV hướng dẫn đọc một số từ khó trong bài do ảnh hưởng biến thể ngữ âm phương ngữ, như: *lặng rồi, mệt, nắng, quạt, suốt, ...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ theo logic ngữ nghĩa, như: *Kéo cà tiếng vọng / mẹ ngồi / mẹ ru. // Lời ru / có gió mùa thu. Bàn tay / mẹ / quạt / mẹ / đưa gió về, ...*

– HS đọc thành tiếng bài thơ trong nhóm nhỏ và trước lớp.

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó, VD: *ngủ giấc tròn* (ngủ ngon, không tỉnh dậy giữa chừng).

– HS nghe GV hướng dẫn cách đọc thầm lại bài thơ và thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời các câu hỏi trong SHS.

– HS đọc thầm lại bài thơ, thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

1.3. Luyện đọc lại

– HS nêu cách hiểu của các em về nội dung bài. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc toàn bài và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV đọc lại toàn bài.

– HS luyện đọc sáu dòng thơ đầu.

– HS luyện đọc thuộc lòng sáu dòng thơ cuối bài theo cách GV hướng dẫn (Phương pháp xoá dần).

– HS luyện học thuộc lòng sáu dòng thơ cuối bài trong nhóm đôi.

– Một vài HS thi đọc thuộc lòng sáu dòng thơ cuối bài trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

– HS nêu nội dung bài thơ: *Nỗi vất vả, cực nhọc của mẹ khi nuôi con và tình yêu thương vô bờ của mẹ dành cho con.*

– HS liên hệ với bản thân: *biết ơn, kính yêu mẹ.*

1.4. Luyện tập mở rộng

– HS xác định yêu cầu của hoạt động *Cùng sáng tạo – Lời hay ý đẹp.*

– HS chia sẻ trong nhóm nhỏ nói về người thân theo mẫu *Mẹ là ngọn gió của con suốt đời*. (HS có thể nói về cha, mẹ, ông, bà, anh, chị, em; không buộc HS nói đúng y mẫu, VD HS có thể nói: *Mẹ là người con yêu quý nhất trên đời.*; *Mẹ là người đẹp nhất.*; ...).

– HS trình bày kết quả trước lớp và nghe GV nhận xét kết quả.

TIẾT 3, 4

2. Viết

2.1. Luyện viết chữ E, Ê hoa

– HS quan sát mẫu chữ E hoa, xác định chiều cao, độ rộng, cấu tạo nét chữ của con chữ E hoa.

– HS quan sát GV viết mẫu và nêu quy trình viết chữ E hoa.

– HS quan sát và so sánh chữ E hoa và chữ Ê hoa.

– HS quan sát GV viết mẫu và nêu quy trình viết chữ Ê hoa.

– HS viết chữ E, Ê hoa vào bảng con.

– HS tô và viết chữ E, Ê hoa vào VTV.

2.2. Luyện viết câu ứng dụng

– HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu ứng dụng “*Em là con ngoan.*”.

– HS nghe GV nhắc lại quy trình viết chữ E hoa và cách nối từ chữ E hoa sang chữ m.

– HS quan sát cách GV viết chữ Em.

– HS viết chữ Em và câu ứng dụng “*Em là con ngoan.*” vào VTV.

2.3. Luyện viết thêm

– HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu thơ:

Mái chèo nghe vọng sông xa

Êm êm như tiếng của bà năm xưa.

Trần Đăng Khoa

– HS viết chữ Ê hoa, chữ Êm và câu thơ vào VTV.

2.4. Đánh giá bài viết

– HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn.

– HS nghe GV nhận xét một số bài viết.

3. Luyện từ

– HS xác định yêu cầu của BT 3, đọc khổ thơ.

– HS tìm từ theo nhóm 4 bằng kĩ thuật *Khăn trải bàn*, mỗi HS tìm từ ngữ chỉ người trong một dòng thơ. Thống nhất kết quả trong nhóm (Đáp án: dòng 1: *con – mẹ*; dòng 2: *cháu – bà*; dòng 3: *ông*; dòng 4: *cháu*. GV lưu ý từ *ông* trong lời chào “Chào ông ạ!” là từ xưng hô, để phân biệt GV có thể hỏi và dẫn dắt *Từ ngữ nào chỉ việc làm của bạn nhỏ?/ Từ ngữ nào là lời chào của bạn nhỏ?*). Chia sẻ kết quả trước lớp.

- Một số nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe GV nhận xét kết quả.

4. Luyện câu

4.1. Nhận diện câu kể

- HS xác định yêu cầu của BT 4a.
- HS nghe GV hướng dẫn cách tìm câu kể (GV gợi ý cho HS: “Câu kể là câu nhằm mục đích kể, tả hoặc giới thiệu về sự vật, sự việc, VD: *Em đến trường vào buổi sáng.*”).
- HS thảo luận trong nhóm nhỏ để tìm câu kể.
- HS chia sẻ đáp án với bạn trong nhóm nhỏ và trình bày trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

4.2. Dấu chấm

- HS xác định yêu cầu của BT 4b.
- HS thảo luận trong nhóm đôi để tìm dấu câu kết thúc câu kể.
- HS chia sẻ đáp án với bạn trong nhóm nhỏ và trình bày trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

C. Vận dụng

1. Chơi trò chơi *Bàn tay diệu kì*

- HS xác định yêu cầu: *Chơi trò chơi Bàn tay diệu kì.*
- HS tìm hiểu cách thực hiện trò chơi: một HS đóng vai quản trò nói câu có nội dung chỉ các việc mẹ làm cho con, các HS còn lại thực hiện theo yêu cầu của quản trò. (Quản trò nói: *Bàn tay mẹ quạt cho con*, các HS còn lại đưa bàn tay thực hiện hoạt động như đang quạt và nói: *Bàn tay mẹ quạt cho con*; Quản trò nói: *Bàn tay mẹ bế bồng con*, các HS còn lại đưa bàn tay thực hiện hoạt động như đang bế bồng và nói: *Bàn tay mẹ bế bồng con,...*)
- HS thực hiện theo nhóm nhỏ.
- Một số nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe GV nhận xét kết quả.

2. Nói điều thích nhất ở trò chơi *Bàn tay diệu kì*

- HS xác định yêu cầu BT 2.
- HS thực hiện theo nhóm nhỏ.
- Một số nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe GV nhận xét kết quả.

BÀI 4: CON LỢN ĐẤT (tiết 15 – 20, SHS, tr.53 – 57)

I. MỤC TIÊU

1. Chia sẻ được với bạn cách em đã làm để thực hiện tiết kiệm; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài qua tên bài và tranh minh hoạ.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: *Lời khuyên về cách tiết kiệm tiền và sử dụng tiền tiết kiệm qua bài văn tả con lợn (heo) đất của nhân vật – bạn nhỏ trong bài văn*; biết liên hệ bản thân: *biết tiết kiệm*.
3. Nhìn – viết đúng đoạn thơ; phân biệt đúng *c/k; iu/iu; d/v*.
4. Mở rộng được vốn từ về gia đình (từ ngữ chỉ người thân trong gia đình); chọn đúng từ phù hợp điền vào chỗ trống để hoàn chỉnh đoạn văn; ngắt đúng đoạn văn.
5. Nghe – kể được từng đoạn của câu chuyện *Sự tích hoa cúc trắng* theo tranh và câu hỏi gợi ý; kể lại được toàn bộ câu chuyện.
6. Đặt được tên cho bức tranh.
7. Chia sẻ được một bài đã đọc về gia đình.
8. Vẽ được con lợn đất và nói với bạn về bức vẽ của em.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Bảng phụ ghi đoạn từ *Con lợn dài đến bằng hai đốt ngón tay*.
- Tranh ảnh, audio, video, clip cảnh nuôi lợn đất, “đập lợn đất” của lớp để tham gia phong trào *Kế hoạch nhỏ – giúp bạn vùng sâu vùng xa* (nếu có).
- Băng hình bài hát *Con heo đất*, nhạc sĩ Ngọc Lễ.
- Bài viết chính tả để HS nhìn – viết.
- Thẻ từ để tổ chức cho HS chơi trò chơi.
- HS mang tới lớp con lợn đất/ nhựa, bút màu để vẽ trang trí cho lợn đất/ nhựa; sách/ báo có bài đọc về gia đình đã tìm đọc.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1, 2

A. Khởi động

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, chia sẻ với bạn cách em đã làm để thực hiện tiết kiệm.

– HS đọc tên bài kết hợp với quan sát tranh minh hoạ để phán đoán nội dung bài đọc: *tả về con lợn đất, qua đó giới thiệu một cách tiết kiệm tiền và sử dụng tiền.*

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Con lợn đất.*

B. Khám phá và luyện tập

1. Đọc

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: giọng nhẹ nhàng, chậm rãi, vui, nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ màu sắc, hoạt động. Lời nói của mẹ đọc giọng vui vẻ, trìu mến.).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *con lợn đất, béo tròn trùng trục, đen lay láy, thỉnh thoảng, lắc lắc, ...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ và luyện đọc một số câu dài: *Thỉnh thoảng, / em / lại nhắc lợn đất lên, / lắc lắc / xem nó đã no chưa. // Em / mong đến cuối năm, / lợn đất / sẽ giúp em / mua được những cuốn sách yêu thích.*

– HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp.

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó, VD: *tiết kiệm* (sử dụng tiền một cách đúng mức, không phí phạm), *béo tròn trùng trục* (dáng vẻ to, tròn, mũm mĩm), *xanh lá mạ* (màu xanh như màu của lá cây lúa non), *mồm* (miệng có hình dáng nhô ra ở một số loài thú), *dùi* (hành động thọc mồm xuống rồi đẩy ngược lên để tìm thức ăn), *lấy may* (làm cho mình có được điều tốt lành bằng một hoạt động),...

– HS nghe GV hướng dẫn cách đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời các câu hỏi trong SHS.

– HS đọc thầm lại bài đọc, thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

– HS nêu nội dung bài đọc: *Lời khuyên về cách tiết kiệm tiền và sử dụng tiền tiết kiệm qua bài văn tả con lợn (heo) đất của nhân vật – bạn nhỏ trong bài văn.*

– HS biết liên hệ bản thân: *biết tiết kiệm tiền bạc, điện, nước, thời gian, công sức, ...*

1.3. Luyện đọc lại

– HS nêu cách hiểu của các em về nội dung bài. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV đọc lại đoạn từ *Con lợn dài đến bằng hai đốt ngón tay*; nghe GV hướng dẫn luyện đọc lại.

– HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn từ *Con lợn dài đến bằng hai đốt ngón tay*.

– HS khá, giỏi đọc cả bài. (HS nghe hát/ hát bài *Con heo đất*, nhạc và lời Ngọc Lễ.)

2. Viết

2.1. Nhìn – viết

– HS đọc đoạn thơ, trả lời câu hỏi về nội dung của đoạn thơ.

– HS đánh vần một số tiếng/ từ khó đọc, dễ viết sai do cấu tạo hoặc do ảnh hưởng của phương ngữ, VD: *lời ru, bàn tay, quạt, sao, nay, ...*; hoặc do ngữ nghĩa, VD: *giấc, gió*.

– HS nhìn viết từng dòng thơ vào VBT. (GV hướng dẫn HS: lùi vào 3 – 4 ô đầu mỗi dòng thơ. Không bắt buộc HS viết những chữ hoa chưa học *L, N, M*.)

– HS đổi bài viết cho bạn bên cạnh, giúp bạn soát lỗi.

– HS nghe bạn nhận xét bài viết.

– HS nghe GV nhận xét một số bài viết.

2.2. Luyện tập chính tả – Phân biệt c/k

– HS xác định yêu cầu của BT 2b.

– HS thực hiện BT vào VBT.

– HS chia sẻ kết quả trong nhóm đôi và trình bày trước lớp.

– HS đọc lại từ ngữ tìm thêm, giải nghĩa hoặc đặt câu với từ ngữ đó (nếu cần).

– HS nghe GV nhận xét kết quả.

2.3. Luyện tập chính tả – Phân biệt iu/ưu, d/v

– HS xác định yêu cầu của BT 2(c), đọc thầm BT.

– HS thực hiện BT vào VBT.

– HS chơi tiếp sức thực hiện BT trên bảng lớp.

– HS giải nghĩa hoặc đặt câu với từ ngữ đã cho (nếu cần).

– HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.

TIẾT 3, 4

3. Luyện từ

– HS xác định yêu cầu của BT 3.

– HS tìm từ ngữ theo yêu cầu trong nhóm 3 theo hình thức mảnh ghép, mỗi HS tìm 2 từ ngữ ghi vào thẻ từ. Thống nhất kết quả trong nhóm.

- Một số nhóm HS chữa bài bằng hình thức chữa/ bổ sung thẻ ghi từ ngữ trên bảng.
- HS nghe GV nhận xét kết quả.

4. Luyện câu

- HS xác định yêu cầu của BT 4a, đọc và tìm hiểu nghĩa của từ ngữ trong khung và đọc đoạn văn, tìm hiểu nội dung của đoạn văn.
- HS tìm từ ngữ phù hợp thay cho ☼ và làm bài vào VBT (*bố mẹ, chị em, ông bà*).
- HS đọc lại đoạn văn sau khi đã tìm từ ngữ và chia sẻ đáp án với bạn.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.
- HS xác định yêu cầu của BT 4b: ngắt đoạn thành ba câu, viết hoa chữ đầu câu.
- HS đọc đoạn văn, thảo luận trong nhóm nhỏ, ngắt câu phù hợp.
- HS làm bài vào VBT (*Ông tôi năm nay đã ngoài sáu mươi tuổi. Ông thường kể cho anh em tôi nghe những câu chuyện thú vị. Chúng tôi rất yêu quý ông.*).
- HS đọc lại đoạn văn sau khi đã ngắt câu; chia sẻ kết quả trong nhóm và trước lớp.
- HS nghe bạn và GV đánh giá bài làm của mình và của bạn.

5. Kể chuyện (Nghe – kể)

SỰ TÍCH HOA CÚC TRẮNG

- Ngày xưa có một cô bé sống với mẹ trong ngôi nhà nhỏ ven rừng. Một hôm, mẹ bị bệnh nặng, cô đi tìm thầy thuốc.
- Trên đường đi, cô gặp một ông cụ. Ông hỏi:
 - Cháu đi đâu vội thế?
 - Cháu đi tìm thầy thuốc cho mẹ ạ.
 Ông bảo:
 - Ta là thầy thuốc đây. Cháu hãy vào rừng tìm bông hoa màu trắng. Bông hoa có bao nhiêu cánh, mẹ cháu sẽ sống được bấy nhiêu ngày.
- Đi mãi, cô bé mới tìm được bông hoa màu trắng. Cô hái rồi đếm:
 - Một, hai,... Trời ơi! Mẹ chỉ sống được chừng này ngày nữa sao? Cô bé nghĩ ngợi rồi ngồi xuống, xé từng cánh hoa thành nhiều sợi. Mỗi sợi bông biến thành một cánh hoa. Cứ thế, bông hoa cô tìm được có thêm rất nhiều cánh.
- Cầm bông hoa, cô chạy nhanh về nhà. Mẹ tươi cười, khỏe mạnh, đón cô từ ngoài ngõ. Từ đó, người ta gọi bông hoa đó là hoa cúc trắng, biểu tượng của lòng hiếu thảo.

Theo Truyện cổ tích Nhật Bản, SGK Tiếng Việt 1, 2006

5.1. Nghe GV kể chuyện Sự tích hoa cúc trắng

- HS quan sát tranh, đọc tên truyện và phán đoán nội dung câu chuyện.
- HS nghe GV kể chuyện lần thứ nhất (có thể dùng tệp ghi âm giọng kể) để kiểm tra phán đoán. GV vừa kể vừa dùng các câu hỏi kích thích sự phỏng đoán, trí tò mò nhằm thu hút sự tập trung chú ý của HS.
- HS trao đổi về phán đoán của mình sau khi nghe câu chuyện.
- HS nghe GV kể chuyện lần thứ hai (có thể dùng tệp ghi âm và ghi hình giọng kể phối hợp với tranh, hình ảnh động minh hoạ) kết hợp quan sát từng tranh minh hoạ để ghi nhớ nội dung từng đoạn của câu chuyện.

5.2. Kể từng đoạn của câu chuyện

- HS quan sát tranh, câu hỏi gợi ý để kể lại từng đoạn câu chuyện trước lớp.
- HS kể từng đoạn của câu chuyện trong nhóm nhỏ. (GV hướng dẫn HS sử dụng ánh mắt, cử chỉ khi kể; phân biệt giọng các nhân vật.).
- Nhóm HS kể nối tiếp từng đoạn của câu chuyện trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét phần kể chuyện.

5.3. Kể toàn bộ câu chuyện

- HS kể toàn bộ câu chuyện trong nhóm đôi.
- Một vài HS kể toàn bộ câu chuyện trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét phần kể chuyện.
- HS trao đổi với bạn về nội dung câu chuyện.

TIẾT 5, 6

6. Luyện tập đặt tên cho bức tranh

6.1. Nói về tranh/ ảnh chụp gia đình em theo gợi ý

- HS xác định yêu cầu của BT 6a.
- HS quan sát bức tranh/ ảnh chụp và đọc các gợi ý.
- HS nói trong nhóm đôi dựa theo các câu hỏi gợi ý.
- HS nói trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét về nội dung nói.

6.2. Viết tên bức tranh/ ảnh gia đình

- HS xác định yêu cầu của BT 6b.
- HS viết tên đã đặt cho tranh/ ảnh vào VBT.

- HS đọc bài trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

C. Vận dụng

1. Đọc mở rộng

1.1. Chia sẻ một bài đọc về gia đình

- HS xác định yêu cầu của BT 1a.
- HS chia sẻ với bạn trong nhóm nhỏ về tên bài đọc, tên tác giả, tờ báo hay quyển sách có bài đọc, thông tin em thích,...
- Một vài HS chia sẻ trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

1.2. Viết Phiếu đọc sách (trong VBT)

- HS viết vào *Phiếu đọc sách* tên bài đọc, tên tác giả, thông tin em thích.
- Một vài HS chia sẻ *Phiếu đọc sách* trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2. Chơi trò chơi Hoạ sĩ nhí

2.1. Vẽ con lợn đất

- HS đọc yêu cầu BT 2a.
- HS vẽ và có thể trang trí con lợn đất của mình (nếu có).

2.2. Nói với bạn về bức vẽ của em

- HS xác định yêu cầu của BT 2b.
- HS chia sẻ với bạn về bức vẽ của em.
- Một vài HS chia sẻ trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

CHỦ ĐIỂM 4: ÔNG BÀ YÊU QUÝ (TUẦN 7 – 8)

Chủ điểm *Ông bà yêu quý* hướng đến việc: Bồi dưỡng phẩm chất *nhân ái, trách nhiệm* cho HS; giúp HS nhận thức được tình cảm của mình đối với ông bà và người thân trong gia đình, bước đầu thể hiện trách nhiệm với ông bà và người thân bằng các việc làm cụ thể.

BÀI 1: CÔ CHỦ NHÀ TÍ HON (tiết 1 – 4, SHS, tr.58 – 60)

I. MỤC TIÊU

1. Ghép được chữ cái và thêm dấu thanh (nếu cần) thành những từ ngữ chỉ người trong gia đình; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài qua tên bài và tranh minh hoạ.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; phân biệt được lời của các nhân vật và lời người dẫn chuyện; hiểu nội dung bài đọc: *Tình cảm yêu thương ông ngoại dành cho bạn nhỏ thể hiện qua những bài học đơn giản trong cuộc sống hằng ngày*; biết liên hệ bản thân: *yêu thương, kính trọng, biết ơn ông bà, bố mẹ*; kể được một số việc làm thể hiện sự kính trọng, lễ phép với ông bà, cha mẹ.
3. Viết đúng chữ *G* hoa và câu ứng dụng.
4. Tìm và đặt được câu với từ ngữ chỉ hoạt động.
5. Biết tưởng tượng là bạn nhỏ trong bài đọc, viết được lời cảm ơn ông.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Mẫu chữ viết hoa *G*.
- Bảng phụ ghi đoạn từ *Ông nhìn Vân đến cười khích lệ*.
- Thẻ từ ghi sẵn các từ ngữ ở BT 3 để học sinh chơi trò chơi.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1, 2

A. Khởi động

- HS nghe GV giới thiệu tên chủ điểm và nêu cách hiểu hoặc suy nghĩ của mình về tên chủ điểm *Ông bà yêu quý*.
- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, thảo luận ghép chữ cái và thêm dấu thanh (nếu cần) thành những từ ngữ chỉ người trong gia đình (ba, bà, ông ngoại,...).
- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Cô chủ nhà tí hon*.
- HS đọc tên bài kết hợp với quan sát tranh minh hoạ để phán đoán nội dung bài đọc: nhân vật, việc làm của các nhân vật,...

B. Khám phá và luyện tập

1. Đọc

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (đọc với giọng kể thông thả, tình cảm, tự hào, nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ hoạt động và tình cảm của ông đối với bạn nhỏ; cảm xúc của bạn nhỏ đối với ông).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *ngoại, bẽn lễn, bỗng, quan trọng, ...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ và luyện đọc một số câu dài: *Chỉ ra chơi mấy hôm, / ông đã mang đến cho Vân / biết bao điều thú vị.//; Vân cảm thấy / mình ra dáng một cô chủ nhà tí hon, / đáng như lời ông nói.//, ...*

– HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp.

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó, VD: *hấp dẫn* (lôi cuốn, làm cho người ta thích), *bẽn lễn* (có dáng điệu rụt rè, thiếu tự nhiên vì e thẹn và chưa quen), *thú vị* (có tác dụng làm cho người ta hào hứng, vui thích),...

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

– HS nêu nội dung bài đọc: *Tình cảm yêu thương ông ngoại dành cho bạn nhỏ thể hiện qua những bài học đơn giản trong cuộc sống hằng ngày.*

– HS liên hệ bản thân: yêu thương, kính trọng, biết ơn ông bà, bố mẹ.

1.3. Luyện đọc lại

– HS nêu cách hiểu của các em về nội dung bài. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc của toàn bài và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV đọc lại đoạn từ *Ông nhìn Vân* đến *cười khích lệ*.

– HS luyện đọc đoạn từ *Ông nhìn Vân* đến *cười khích lệ* trong nhóm và trước lớp.

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

1.4. Luyện tập mở rộng

– HS xác định yêu cầu của hoạt động *Cùng sáng tạo – Hoa lễ phép*.

– HS thực hiện đóng vai trong nhóm nhỏ để nói và đáp lời chào khi đi học, khi về nhà với người thân và thầy cô.

– HS nghe một vài nhóm trình bày kết quả trước lớp và nghe GV nhận xét kết quả.

TIẾT 3, 4

2. Viết

2.1. Luyện viết chữ G hoa

- HS quan sát mẫu chữ G hoa, xác định chiều cao, độ rộng, cấu tạo nét chữ của con chữ G hoa.
- HS quan sát GV viết mẫu và nêu quy trình viết chữ G hoa.
- HS viết chữ G hoa vào bảng con.
- HS tô và viết chữ G hoa vào VTV.

2.2. Luyện viết câu ứng dụng

- HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu ứng dụng “Gọi dạ bảo vâng.”.
- HS nghe GV nhắc lại quy trình viết chữ G hoa và cách nối từ chữ G hoa sang chữ o.
- HS quan sát cách GV viết chữ Gọi.
- HS viết chữ Gọi và câu ứng dụng “Gọi dạ bảo vâng.” vào VTV.

2.3. Luyện viết thêm

- HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu thơ:

*Em về quê ngoại nghỉ hè,
Gặp đầm sen nở mà mê hương trời.
Hà Sơn*

- HS viết chữ G hoa, chữ Gặp và câu thơ vào VTV.

2.4. Đánh giá bài viết

- HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn.
- HS nghe GV nhận xét một số bài viết.

3. Luyện từ

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS quan sát tranh, tìm từ ngữ chỉ hoạt động của những người trong tranh; chia sẻ kết quả trong nhóm đôi/ nhóm nhỏ. (Đáp án: *bố – tía lá, mẹ – hái hoa, bà – bê rổ, ông và bé gái – ngắt hoa, bé trai – nhìn và chỉ tay vào con bướm*; lưu ý: cần khuyến khích, động viên HS chủ động nói câu theo cách nhìn của các em, tránh áp đặt, VD: *bà – ngoài cổ nhìn cháu, bạn nhỏ chỉ tay vào phía chú bướm nhỏ, ...*)
- HS chơi tiếp sức gắn từ ngữ phù hợp dưới hình.
- HS nghe GV nhận xét kết quả.
- HS tìm thêm một số từ ngữ chỉ hoạt động của người, vật.

4. Luyện câu

- HS xác định yêu cầu của BT 4, quan sát câu mẫu.
- HS đặt câu theo yêu cầu BT trong nhóm đôi.
- HS chơi trò chơi đóng vai để nói câu vừa đặt.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.
- HS viết vào VBT 1 – 2 câu có chứa một từ ngữ tìm được ở BT 3.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.

C. Vận dụng

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Tưởng tượng mình là bạn nhỏ trong bài Cô chủ nhà tí hon, viết lời cảm ơn ông.*
- 1 – 2 HS nói trước lớp để bạn và GV nhận xét, định hướng cho hoạt động viết.
- HS thực hiện hoạt động viết lời cảm ơn ông.
- HS chia sẻ kết quả viết của mình trong nhóm nhỏ.
- Một vài HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

BÀI 2: BƯU THIẾP (tiết 5 – 10, SHS, tr.61 – 65)

I. MỤC TIÊU

1. Nói được với bạn về những điều em thấy trong tấm bưu thiếp; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài qua tên bài và tranh minh hoạ.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: *Công dụng của bưu thiếp và cách làm bưu thiếp*; biết liên hệ bản thân: *sẽ học làm bưu thiếp, làm thiệp chúc mừng bạn bè, người thân.*
3. Nhìn – viết đúng đoạn văn; phân biệt *ng/ngh; iu/iu; g/r*.
4. Mở rộng được vốn từ về gia đình (từ ngữ chỉ người thân: họ nội và họ ngoại); đặt được câu với từ ngữ tìm được.
5. Nói và đáp được lời chào.
6. Viết được lời xin lỗi.
7. Chia sẻ được một bài thơ đã đọc về gia đình.
8. Chia sẻ được với bạn nhưng điều em sẽ viết trong bưu thiếp tặng người thân.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Tranh ảnh, video clip một số hoạt động làm bưu thiếp (nếu có).

- Bảng phụ ghi đoạn từ *Cách làm* đến hết.
- Bài viết chính tả để HS nhìn – viết.
- HS mang tới lớp bài thơ về gia đình đã tìm đọc.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1, 2

A. Khởi động

– HS hoạt động nhóm đôi/ nhóm nhỏ, nói với bạn về những điều thấy được trong bưu thiếp.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Bưu thiếp*.

– HS đọc tên bài kết hợp với quan sát tranh minh hoạ để phán đoán nội dung bài đọc: bưu thiếp dùng để làm gì, cách làm bưu thiếp,...

Lưu ý: Hiện nay *bưu thiếp* được hiểu như *thiệp/ thiệp* (tấm giấy nhỏ dùng để báo tin, chúc mừng, mời khách,... có nội dung ngắn gọn và thường được in sẵn).

B. Khám phá và luyện tập

1. Đọc

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: giọng thông thả, chậm rãi, rõ những từ ngữ nói về công dụng, các bước làm bưu thiếp).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *bưu thiếp, bưu điện, hình dạng*,...

– HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp.

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó, VD: *bưu thiếp* (là tấm giấy nhỏ dùng để báo tin, chúc mừng, mời khách, thường được in sẵn, gửi qua đường bưu điện), *bưu điện* (cơ quan chuyên việc chuyển thư từ, báo chí, hàng, tiền,...).

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

– HS nêu nội dung bài đọc: *Công dụng của bưu thiếp và cách làm bưu thiếp*.

– HS liên hệ bản thân: *sẽ học làm bưu thiếp, làm thiệp chúc mừng bạn bè, người thân*.

1.3. Luyện đọc lại

– HS nêu cách hiểu về nội dung bài. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc của toàn bài và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

- HS nghe GV đọc lại đoạn từ *Cách làm* đến hết.
- HS luyện đọc đoạn từ *Cách làm* đến hết trong nhóm, trước lớp.
- HS khá, giỏi đọc cả bài.

2. Viết

2.1. Nhìn – viết

- HS đọc đoạn văn, trả lời câu hỏi về nội dung của đoạn văn.
- HS đánh vần một số tiếng/ từ khó đọc, dễ viết sai do cấu tạo hoặc do ảnh hưởng của phương ngữ, VD: *đã, quên, vẫn, nước, sao, ...*; hoặc do ngữ nghĩa, VD: *già, giúp*.
- HS nhìn viết từng câu văn vào VBT. (GV hướng dẫn HS: lùi vào một ô khi bắt đầu viết đoạn văn. Viết dấu chấm cuối câu. Không bắt buộc HS viết những chữ hoa chưa học.)
- HS đổi bài viết cho bạn bên cạnh, giúp bạn soát lỗi.
- HS nghe bạn nhận xét bài viết.
- HS nghe GV nhận xét một số bài viết.

2.2. Luyện tập chính tả – Phân biệt ng/ngh

- HS xác định yêu cầu của BT 2b, đọc thầm các câu đố đã cho.
- HS thực hiện BT vào VBT.
- HS chia sẻ lời giải câu đố trong nhóm đôi, trình bày trước lớp. (*ngựa, nghe, ngỗng*)
- HS nghe GV nhận xét kết quả.

2.3. Luyện tập chính tả – Phân biệt iu/ưu, g/r

- HS xác định yêu cầu của BT 2(c), chọn BT phân biệt *iu/ưu* hoặc *g/r*.
- HS thực hiện BT vào VBT (*triu mến, dịu dàng, ưu điểm / rõ ràng, gọn ghẽ, riu rít*).
- HS chia sẻ kết quả trong nhóm đôi và trình bày trước lớp.
- HS giải nghĩa hoặc đặt câu có từ ngữ đã điền.
- HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.

TIẾT 3, 4

3. Luyện từ

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS tìm từ ngữ theo yêu cầu trong nhóm bằng kỹ thuật *Khăn trải bàn*, mỗi HS tìm 1 từ cho mỗi nhóm, ghi vào thẻ từ. Chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS giải thích thêm các từ ngữ chỉ người thân mà địa phương mình dùng (nếu cần).
- HS nghe GV nhận xét kết quả.

4. Luyện câu

- HS xác định yêu cầu của BT 4.
- HS đặt câu theo yêu cầu BT trong nhóm đôi.
- HS nói trước lớp câu đặt theo yêu cầu.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.
- HS viết vào VBT 2 câu có chứa từ ngữ tìm được ở BT 3, một câu về người thân họ nội, một câu về người thân họ ngoại.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.

5. Nói và nghe

- HS xác định yêu cầu của BT 5, quan sát tranh để thảo luận về các tình huống trong tranh:

+ *Tranh vẽ những ai?*

+ *Mọi người đang làm gì?*

+ ...

- HS đóng vai, nói trong nhóm và trước lớp về từng tình huống.

- HS trả lời một số câu hỏi:

+ *Em nói lời chào trong hoàn cảnh nào? (ông bà ra cổng đón khi em về quê, em gặp chị gái khi vừa đi học về, bố vừa đi làm về)*

+ *Khi nói và đáp lời chào hỏi, cần chú ý điều gì? (giọng, nét mặt, ánh mắt, cử chỉ, điệu bộ, ...)*

- HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 5, 6

6. Nói và viết lời xin lỗi

6.1. Phân tích mẫu

- HS xác định yêu cầu của BT 6a, quan sát tranh và đọc lời nhân vật trong nhóm đôi.
- Một vài HS nói trước lớp.
- HS nhận xét về cách bạn nhỏ nói lời xin lỗi.

6.2. Nói lời xin lỗi

- HS xác định yêu cầu của BT 6b, nói lời xin lỗi trong nhóm đôi theo các tình huống cụ thể.
- Một vài nhóm HS nói trước lớp về từng tình huống.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

6.3. Viết lời xin lỗi

- HS xác định yêu cầu của BT 6c, viết 2 – 3 câu xin lỗi vào VBT. Khuyến khích HS sáng tạo trong cách viết.
- Một vài HS đọc bài trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

C. Vận dụng

1. Đọc mở rộng

1.1. Chia sẻ một bài thơ đã đọc về gia đình

- HS xác định yêu cầu của BT 1a.
- HS chia sẻ với bạn trong nhóm nhỏ về tên bài thơ, tên tác giả, hình ảnh em thích, ...
- Một vài HS chia sẻ trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

1.2. Viết Phiếu đọc sách (trong VBT)

- HS viết vào *Phiếu đọc sách* tên bài thơ và tên tác giả, hình ảnh em thích.
- Một vài HS chia sẻ *Phiếu đọc sách* trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2. Chia sẻ bưu thiếp tặng người thân.

- Chia sẻ với bạn những điều em sẽ viết trong bưu thiếp tặng người thân.
- HS trao đổi trong nhóm nhỏ về những điều sẽ viết trong bưu thiếp (*báo tin/ chúc mừng/ mời, ...*).
- Một vài HS chia sẻ trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

BÀI 3: BÀ NỘI, BÀ NGOẠI (tiết 11 – 14, SHS, tr.66 – 68)

I. MỤC TIÊU

1. Nói được với bạn vài điều em biết về ông bà hoặc người thân; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài qua tên bài và tranh minh hoạ.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng nhịp, dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: *Tình cảm yêu thương, quý mến của bạn nhỏ đối với bà nội, bà ngoại và tình cảm của bà nội, bà ngoại đối với bạn nhỏ*; biết liên hệ bản thân: *yêu quý, kính trọng, biết ơn ông bà*; kể được một số việc làm mà người thân đã chăm sóc, giúp đỡ em và một số việc em làm để giúp đỡ, chăm sóc người thân.

3. Viết đúng chữ *H* hoa và câu ứng dụng.

4. Phân nhóm được từ ngữ chỉ hoạt động và từ ngữ chỉ tình cảm; tạo được câu mới từ từ ngữ đã cho; đặt được 1 – 2 câu nói về tình cảm gia đình.

5. Nói và viết đúng tên những người thân trong gia đình.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Mẫu chữ viết hoa *H*.
- Bảng phụ ghi hai khổ thơ đầu.
- Thẻ từ ghi các từ ngữ ở BT 3.
- Tranh hoặc mô hình viên gạch để chơi trò chơi viết tên người thân.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1, 2

A. Khởi động

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, nói với bạn vài điều biết được về ông bà hoặc người thân trong gia đình (tên, thường làm gì cho em, những điều em thích về họ,...).

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Bà nội, bà ngoại*.

– HS đọc tên bài kết hợp với quan sát tranh minh họa để phán đoán nội dung bài đọc: nhân vật, việc làm của các nhân vật,...

B. Khám phá và luyện tập

1. Đọc

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: tình cảm, chậm rãi, nhấn giọng các từ ngữ chỉ tình cảm: *yêu cháu, lại thương, thiết tha,...*).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *chui, trồng, nguồn sông, thiết tha,...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ hơi sau các dòng thơ, khổ thơ.

– HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp.

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó, VD: *nguồn sông* (nơi bắt đầu của dòng sông),...

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

– HS nêu nội dung bài đọc: *Tình cảm yêu thương, quý mến của bạn nhỏ đối với bà nội, bà ngoại và tình cảm của bà nội, bà ngoại đối với bạn nhỏ.*

– HS liên hệ bản thân: *yêu quý, kính trọng, biết ơn ông bà.*

1.3. Luyện đọc lại

– HS nêu cách hiểu của các em về nội dung bài. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc của bài và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV đọc lại 2 khổ thơ đầu.

– HS luyện đọc trong nhóm 2 khổ thơ đầu.

– HS luyện đọc thuộc lòng khổ thơ thứ nhất theo cách GV hướng dẫn (Phương pháp xoá dần).

– HS luyện đọc thuộc lòng 2 khổ thơ em thích trong nhóm đôi.

– Một vài HS thi đọc thuộc lòng 2 khổ thơ em thích trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

1.4. Luyện tập mở rộng

– HS xác định yêu cầu của hoạt động *Cùng sáng tạo – Hoa yêu thương.*

– HS trao đổi trong nhóm nhỏ: kể những việc làm thể hiện sự quan tâm, chăm sóc của người thân với em (nấu ăn, giặt giũ, chở đi học, đi khám bệnh,...); của em với người thân (lấy nước, lấy quạt, bật quạt, múa, hát, kể chuyện,...).

– HS nghe một vài nhóm trình bày kết quả trước lớp và nghe GV nhận xét kết quả.

TIẾT 3, 4

2. Viết

2.1. Luyện viết chữ H hoa

– HS quan sát mẫu chữ H hoa, xác định chiều cao, độ rộng, cấu tạo nét chữ của con chữ H hoa.

– HS quan sát GV viết mẫu và nêu quy trình viết chữ H hoa.

– HS viết chữ H hoa vào bảng con.

– HS tô và viết chữ H hoa vào VTV.

2.2. Luyện viết câu ứng dụng

– HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu ứng dụng “*Học thầy, học bạn.*”.

– HS nghe GV nhắc lại quy trình viết chữ H hoa và cách nối từ chữ H hoa sang chữ o.

– HS quan sát cách GV viết chữ Học.

– HS viết chữ Học và câu ứng dụng “*Học thầy, học bạn.*” vào VTV.

2.3. Luyện viết thêm

- HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu ca dao:

Hoa thơm ai chẳng nâng niu

Người thơm ai chẳng mến yêu mọi bề.

Ca dao

- HS viết chữ *H* hoa, chữ *Hoa* và câu ca dao vào VTV.

2.4. Đánh giá bài viết

- HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn.
- HS nghe GV nhận xét một số bài viết.

3. Luyện từ

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
 - HS quan sát từ ngữ ở BT 3 thảo luận nhóm nhỏ để tìm từ ngữ không cùng nhóm.
- Chia sẻ kết quả trước lớp.

- HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.
- HS tìm thêm một số từ ngữ chỉ hoạt động, tình cảm.

4. Luyện câu

- HS xác định yêu cầu của BT 4a, quan sát câu mẫu.
- HS thảo luận nhóm đôi: sắp xếp các từ ngữ để tạo thành câu mới.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.
- HS xác định yêu cầu của BT 4b.
- HS đặt câu trong nhóm nhỏ và chia sẻ trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.
- HS viết 1 – 2 câu vào VBT.

C. Vận dụng

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Nói và viết tên những người thân trong gia đình em.*
- HS thực hiện hoạt động theo nhóm đôi.
- HS chia sẻ kết quả trong nhóm đôi và trình bày trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

BÀI 4: BÀ TÔI (tiết 15 – 20, SHS, tr.69 – 73)

I. MỤC TIÊU

1. Trao đổi được với bạn về những điều em thấy trong bức tranh; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài qua tên bài và tranh minh hoạ.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: *Tình cảm, sự quan tâm, chăm sóc của bà đối với cháu qua những việc làm quen thuộc mỗi ngày*; biết liên hệ: *quý trọng, kính yêu ông bà*.
3. Nghe – viết đúng đoạn văn; viết tên người thân theo thứ tự bảng chữ cái; phân biệt l/n, uôn/uông.
4. Mở rộng được vốn từ về gia đình (từ ngữ chỉ tình cảm, hoạt động thể hiện tình cảm); sắp xếp được từ thành câu.
5. Nói được 1 – 2 câu về nội dung từng tranh của câu chuyện *Những quả đào*; kể được từng đoạn của câu chuyện theo tranh và câu gợi ý; kể lại được toàn bộ câu chuyện.
6. Viết được bưu thiếp.
7. Chia sẻ được một bài văn đã đọc về gia đình.
8. Hát được bài hát về ông bà, nói được 1 – 2 câu về bài hát.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Bài viết đoạn từ *Tối nào, bà cũng kể chuyện* đến *trên lưng* để hướng dẫn HS luyện đọc.
- Tranh ảnh, audio, video clip truyện *Những quả đào* (nếu có).
- Thẻ từ ghi sẵn từ ở BT 4 để tổ chức cho HS chơi trò chơi.
- HS mang tới lớp bài văn về gia đình đã tìm đọc.
- HS chuẩn bị bút màu và vật dụng để trang trí bưu thiếp.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1, 2

A. Khởi động

- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, nói với bạn về bức tranh (trong tranh có ai, đang làm gì, nét mặt, cử chỉ thế nào,...).
- HS đọc tên bài kết hợp với quan sát tranh minh hoạ để phán đoán nội dung bài đọc: nhân vật, tên gọi,...
- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Bà tôi*.

B. Khám phá và luyện tập

1. Đọc

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: giọng thông thả, tình cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ đặc điểm của bà về mái tóc, giọng nói, đôi mắt, nụ cười, lúc bà kể chuyện).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *xoã, giản dị, thấp thoáng, chuyện, ram ráp, ...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ và luyện đọc một số câu dài, nhấn giọng ở một số từ ngữ: *Trông bà thật giản dị/ trong bộ đồ bà ba/ và chiếc nón lá quen thuộc.//; Bà nở nụ cười hiền hậu, nheo đôi mắt đã có vết chân chim/ âu yếm nhìn tôi.//; Trong lúc mơ màng/ tôi vẫn cảm nhận được/ bàn tay ram ráp của bà/ xoa nhẹ trên lưng.//*

– HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp.

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó, VD: *xoã* (buông toả xuống), *lùa* (luồn vào hay luồn qua nơi có chỗ trống hẹp), *tóc sâu* (tóc trắng hoặc nửa đen, nửa trắng, mọc lẻ tẻ trên đầu, cứng và gây ngứa), *giản dị* (đơn giản một cách tự nhiên, trong phong cách sống), *âu yếm* (biểu lộ tình thương yêu, trìu mến bằng dáng điệu, cử chỉ, giọng nói), *thấp thoáng* (thoảng hiện rồi lại mất, lúc rõ lúc không), *ram ráp* (có nhiều đường hoặc nốt rất nhỏ lồi lên trên bề mặt, sờ vào không thấy mịn với mức độ ít).

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

– HS nêu nội dung bài đọc: *Tình cảm, sự quan tâm, chăm sóc của bà đối với cháu qua những việc làm quen thuộc mỗi ngày.*

– HS biết liên hệ bản thân: *quý trọng, kính yêu ông bà.*

1.3. Luyện đọc lại

– HS nêu cách hiểu của các em về nội dung bài. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV đọc lại đoạn từ *Tối nào, bà cũng kể chuyện* đến *trên lưng*.

– HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn từ *Tối nào, bà cũng kể chuyện* đến *trên lưng*.

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

2. Viết

2.1. Nghe – viết

– HS đọc đoạn văn, trả lời câu hỏi về nội dung của đoạn văn.

– HS đánh vần một số tiếng/ từ khó đọc, dễ viết sai do cấu tạo hoặc do ảnh hưởng của phương ngữ, VD: *chuyện, ẩm áp, bàn tay, ram ráp, xoa,...*

– HS nghe GV đọc từng cụm từ ngữ và viết đoạn văn vào VBT. (GV hướng dẫn HS: lùi vào một ô khi viết chữ đầu tiên của đoạn văn; viết dấu chấm cuối câu; không bắt buộc HS viết hoa chữ T.)

– HS nghe GV đọc lại bài viết, tự đánh giá phần viết của mình và của bạn.

– HS nghe GV nhận xét một số bài viết.

2.2. Luyện tập chính tả – Viết tên người thân

– HS xác định yêu cầu của BT 2b.

– HS quan sát, thực hiện BT vào VBT.

– HS nêu kết quả.

– HS nghe GV nhận xét.

2.3. Luyện tập chính tả – Phân biệt /n, uôn/uông

– HS xác định yêu cầu của BT 2(c).

– HS thực hiện BT vào VBT.

– HS chơi tiếp sức thực hiện BT trên bảng lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.

TIẾT 3, 4

3. Luyện từ

– HS xác định yêu cầu của BT 3, quan sát mẫu.

– HS quan sát mẫu, tìm từ ngữ theo yêu cầu trong nhóm nhỏ bằng kỹ thuật *Khăn trải bàn*, mỗi HS tìm 2 - 3 từ cho mỗi nhóm, ghi vào thẻ từ. Chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS giải nghĩa các từ ngữ tìm được (nếu cần).

– HS nghe GV nhận xét kết quả.

4. Luyện câu

4.1. Xếp từ ngữ cho trước thành câu

– HS xác định yêu cầu của BT 4a, đọc các từ ngữ cho trước.

– HS thực hiện BT vào VBT.

– HS chia sẻ kết quả trong nhóm đôi và trình bày trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

4.2. Luyện tập đặt câu nói về tình cảm gia đình

- HS xác định yêu cầu của BT 4b.
- HS đặt câu theo yêu cầu BT trong nhóm đôi.
- HS nói trước lớp câu đặt theo yêu cầu.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.
- HS viết 1 – 2 câu vào VBT.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.

5. Kể chuyện (Xem – kể)

NHỮNG QUẢ ĐÀO

1. Sau một chuyến đi xa, ông mang về bốn quả đào cho bà và ba cháu nhỏ.
2. Bữa cơm chiều hôm ấy, ông hỏi các cháu:
 - Các cháu thấy đào có ngon không?Cậu bé Xuân nói:
 - Đào ngon và thật là thơm. Cháu đã đem hạt đi trồng. Chẳng bao lâu, nó sẽ mọc thành một cây đào to, ông nhỉ?
 - Mai sau, cháu sẽ làm vườn giỏi. – Ông hài lòng nhận xét.
3. Cô bé Vân thưa:
 - Đào ngon quá, cháu cảm ơn ông. Ăn xong, cháu bỏ hạt vào thùng rác rồi ạ.
 - Ô, cháu biết bảo vệ môi trường đấy!
4. Thấy Việt chỉ chăm chú nhìn vào tấm khăn trải bàn, ông ngạc nhiên hỏi:
 - Còn Việt, sao cháu chẳng nói gì?
 - Dạ, cháu mang đào cho Sơn ạ. Bạn ấy bị ốm. Nhưng bạn ấy không muốn nhận. Cháu đặt quả đào lên trên giường rồi trốn về.
 - Cháu là người có tấm lòng nhân hậu!
 - Ông thốt lên và xoa đầu Việt.

Phỏng theo Lép Tôn-xtôi (Lev Tolstoy)

5.1. Phân đoán nội dung truyện Những quả đào

HS quan sát tranh, đọc tên truyện và phân đoán nội dung câu chuyện.

5.2. Nói về nội dung mỗi bức tranh

- HS quan sát từng tranh, đọc câu gợi ý dưới tranh và đọc lời nhân vật (nếu có).
- HS nói về nội dung mỗi tranh từ 1 – 2 câu. HS khá, giỏi có thể nói nội dung 2 tranh.

5.3. Kể từng đoạn của câu chuyện

– HS quan sát tranh và dựa vào kết quả hoạt động 5.2 để kể lại từng đoạn của câu chuyện trong nhóm nhỏ. (GV hướng dẫn HS sử dụng ánh mắt, cử chỉ; phân biệt giọng các nhân vật.)

- Nhóm HS kể nối tiếp từng đoạn của câu chuyện trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét phần kể chuyện.

5.4. Kể toàn bộ câu chuyện

- HS kể toàn bộ câu chuyện trong nhóm đôi.
- Một vài HS kể toàn bộ câu chuyện trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét phần kể chuyện.
- HS nói về nhân vật em thích và giải thích lí do. Trao đổi với bạn về nội dung câu chuyện.

Lưu ý: HS có thể thích các nhân vật khác (ngoài nhân vật Việt). GV hướng dẫn, khơi gợi để HS thể hiện ý kiến, không ép buộc.

TIẾT 5, 6

6. Viết bưu thiếp

6.1. Phân tích mẫu

- HS xác định yêu cầu của BT 6a: đọc và trả lời câu hỏi trong nhóm đôi.
- Một vài HS nói trước lớp.
- HS nhận xét về cách bạn Việt Tùng viết nội dung và trình bày bưu thiếp.

6.2. Viết bưu thiếp

- HS xác định yêu cầu của BT 6b, nói những điều em sẽ viết trong bưu thiếp chúc mừng sinh nhật một người thân.
- HS viết bưu thiếp.
- Một vài HS đọc bài trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

C. Vận dụng

1. Đọc mở rộng

1.1. Chia sẻ một bài văn đã đọc về gia đình

- HS xác định yêu cầu của BT 1a.
- HS chia sẻ với bạn trong nhóm nhỏ về tên bài văn, tên tác giả, từ ngữ, hình ảnh em thích,...
- Một vài HS chia sẻ trước lớp.

- HS nghe bạn và GV nhận xét.

1.2. Viết Phiếu đọc sách (trong VBT)

- HS viết vào *Phiếu đọc sách* tên bài văn, tên tác giả và hình ảnh đẹp.
- Một vài HS chia sẻ *Phiếu đọc sách* trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2. Trò chơi *Ca sĩ nhí*

- HS hát bài hát về ông bà trong nhóm, hát trước lớp.
- HS nói về bài hát.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I (TUẦN 9)

Tuần *Ôn tập giữa học kì I* tiếp tục hướng đến việc bồi dưỡng phẩm chất *nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm* cho HS thông qua việc ôn lại các bài học ở các chủ điểm *Em đã lớn hơn, Mỗi người một vẻ, Bố mẹ yêu thương, Ông bà yêu quý*; giúp HS hiểu được tình cảm gia đình, biết thể hiện trách nhiệm với người thân bằng các việc làm cụ thể.

ÔN TẬP 1 (tiết 1 – 2, SHS, tr.74 – 75)

I. MỤC TIÊU

1. Nêu đúng tên bài (văn bản truyện); đọc trôi chảy một đoạn trong bài và trả lời được câu hỏi về nội dung đoạn đọc hoặc nội dung bài; trao đổi được với bạn về một nhân vật mình thích.
2. Viết đúng các chữ *Â, B, C, D, Ê, G, H* hoa và viết đúng tên riêng địa danh.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Phiếu cho HS bắt thăm đoạn đọc và câu hỏi (nếu có).
- Mẫu chữ viết hoa *Â, B, C, D, Ê, G, H*.
- Bản đồ hành chính Việt Nam.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Nhớ lại tên bài đọc

- HS đọc yêu cầu BT 1, quan sát tranh, trao đổi, thực hiện yêu cầu của BT trong nhóm nhỏ.

- HS chơi tiếp sức: Dựa vào hình ảnh nhân vật gợi ý viết tên bài đọc.

2. Ôn đọc thành tiếng và trả lời câu hỏi

- HS đọc yêu cầu BT 2.
- Nhóm 4 HS đọc thành tiếng một đoạn văn em yêu thích trong bài đọc ở BT 1 và trả lời câu hỏi về nội dung đoạn đọc hoặc nội dung bài.
- Một số HS đọc bài trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

3. Nói về nhân vật yêu thích

- HS đọc yêu cầu BT 3.
- HS trao đổi trong nhóm đôi về nhân vật em thích, lí do em thích nhân vật đó.
- HS viết vào *Phiếu đọc sách* tên nhân vật, tên câu chuyện, điều em thích nhất ở nhân vật.

TIẾT 2

1. Ôn viết chữ *Â, B, C, D, Ê, G, H* hoa

- HS quan sát mẫu chữ *Â, B, C, D, Ê, G, H* hoa, xác định chiều cao, độ rộng các chữ (có thể làm theo nhóm chữ).
- HS quan sát GV viết mẫu và nêu quy trình viết 1 – 2 chữ hoa.
- HS viết chữ *Â, B, C, D, Ê, G, H* hoa vào VTV.

2. Luyện viết tên riêng địa danh

- HS đọc và xác định vị trí các tỉnh *An Giang, Cao Bằng, Điện Biên, Hải Dương* trên bản đồ Việt Nam.
- HS quan sát và nhận xét cách viết các tên riêng địa danh *An Giang, Cao Bằng, Điện Biên, Hải Dương*.
- HS xác định độ cao các con chữ, vị trí đặt dấu thanh, khoảng cách giữa các tiếng,...
- HS quan sát cách GV viết từ *An Giang*.
- HS viết các tên riêng địa danh *An Giang, Cao Bằng, Điện Biên, Hải Dương* vào VTV.

3. Luyện viết thêm

- HS đọc và tìm hiểu nghĩa của bài ca dao:

*Công cha như núi ngất trời
Nghĩa mẹ như nước ở ngoài biển Đông.*

*Núi cao biển rộng mênh mông
Cù lao chín chữ¹ ghi lòng con ơi!*

Ca dao

- HS viết chữ *Â, B, C, D, Ê, G, H* hoa và câu ca dao vào VTV.

4. Đánh giá bài viết

- HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn.
- HS nghe GV nhận xét một số bài viết.

ÔN TẬP 2 (tiết 3 – 4, SHS, tr.75 – 77)

I. MỤC TIÊU

1. Nêu đúng tên bài (văn bản thông tin) đã đọc; đọc trôi chảy một đoạn trong bài và trả lời được các câu hỏi về nội dung đoạn đọc hoặc nội dung bài; trao đổi được với bạn về một thông tin thú vị.
2. Nghe – viết được đoạn trích của bài đồng dao; phân biệt được các trường hợp chính tả *ng/ngh; ch/tr, dấu hỏi/ dấu ngã*.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Phiếu cho HS bắt thăm đoạn đọc và câu hỏi (nếu có).
- Thẻ ghi từ ngữ ở BT 4b cho HS chơi tiếp sức.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Nhớ lại tên bài đọc

- HS đọc yêu cầu BT 1, quan sát tranh kết hợp đọc các thông tin, trao đổi và thực hiện yêu cầu của BT trong nhóm nhỏ.
- HS chơi tiếp sức: Dựa vào hình ảnh và thông tin gợi ý viết tên bài đọc.

2. Ôn đọc thành tiếng và trả lời câu hỏi

- HS đọc yêu cầu BT 2.
- Nhóm 4 HS đọc thành tiếng một đoạn văn em yêu thích trong bài đọc ở BT 1 và trả lời câu hỏi về nội dung đoạn đọc hoặc nội dung bài.
- Một số HS đọc bài trước lớp.

¹ *Cù lao chín chữ*: nói về công lao cha mẹ nuôi con vất vả nhiều bề; cù: siêng năng, lao: khó nhọc; chín chữ cù lao gồm: 1. Sinh: cha mẹ đẻ ra. 2. Cúc: nâng đỡ con. 3. Phủ: vỗ về vuốt ve. 4. Súc: cho ăn bú mớm. 5. Trưởng: nuôi dưỡng thể xác cho con. 6. Dục: giáo dục con về tinh thần. 7. Cố: trông (xem, ngắm, nhìn). 8. Phục: quần quýt, săn sóc không rời tay. 9. Phức: âm bóng, gìn giữ, lo cho con đầy đủ.

- HS nghe bạn và GV nhận xét.

3. Nói về thông tin trong bài đọc

- HS đọc yêu cầu BT 3.
- HS trao đổi trong nhóm đôi về thông tin em thấy thú vị, lí do em thấy thú vị.
- HS viết vào *Phiếu đọc sách* tên bài đọc, tên tác giả, thông tin thú vị.

TIẾT 2

1. Nghe – viết

– HS đọc bài đồng dao, trả lời câu hỏi về nội dung bài viết: *Bé chia cơm nếp cho những ai?*

– HS đánh vần một số tiếng/ từ khó đọc, dễ viết sai do cấu tạo hoặc do ảnh hưởng của phương ngữ, VD: *gánh, gồng, nếp,...*

– HS nghe GV đọc từng dòng và viết bài đồng dao vào VBT. (GV hướng dẫn HS: đầu mỗi dòng lùi vào 3 – 4 ô. Viết dấu chấm ở câu cuối. Không bắt buộc HS viết những chữ hoa chưa học.)

- HS nghe GV đọc lại bài viết, tự đánh giá phần viết của mình và của bạn.
- HS nghe GV nhận xét một số bài viết.

2. Luyện tập chính tả phương ngữ

2.1. Phân biệt ng/ngh

- HS xác định yêu cầu của BT 4b.
- HS thực hiện BT vào VBT.
- HS chia sẻ kết quả trong nhóm đôi và trình bày trước lớp (GV có thể cho HS đặt câu (nói) có từ ngữ đã điền *ng/ngh*).
- HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.

2.2. Phân biệt ch/tr, dấu hỏi/ dấu ngã

- HS xác định yêu cầu của BT 4(c).
- HS thực hiện BT vào VBT.
- HS chơi tiếp sức để chữa BT.
- HS giải nghĩa (nếu cần) và đặt câu với từ ngữ vừa điền.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

ÔN TẬP 3 (tiết 5 – 6, SHS, tr.77 – 78)

I. MỤC TIÊU

1. Thay thế được hình ảnh bằng từ ngữ để hoàn chỉnh đoạn thơ, nêu tên bài đọc dựa vào đoạn thơ; đọc thuộc lòng một đoạn trong bài và trả lời được các câu hỏi về nội dung đoạn đọc hoặc nội dung bài; trao đổi được với bạn về một hình ảnh mình thích.

2. Nói được 1 – 2 câu về nội dung từng tranh của câu chuyện *Vai diễn của Mít*, kể được từng đoạn của câu chuyện theo tranh và câu hỏi gợi ý; kể lại được toàn bộ câu chuyện.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Phiếu cho HS bắt thăm đoạn đọc và câu hỏi (nếu có).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Nhớ lại tên bài đọc

1.1. Tìm từ ngữ phù hợp với hình

– HS đọc yêu cầu BT 1a, đọc nội dung các đoạn thơ, trao đổi và thực hiện yêu cầu của BT trong nhóm nhỏ.

- HS chơi tiếp sức: Thay hình ảnh bằng từ ngữ phù hợp

1.2. Viết tên bài đọc

- HS dựa vào kết quả BT 1a, viết tên bài đọc phù hợp mỗi đoạn thơ.
- HS chia sẻ kết quả với bạn trong nhóm đôi và trình bày trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2. Ôn đọc thuộc lòng và trả lời câu hỏi

- HS đọc yêu cầu BT 2.
- Nhóm 4 HS đọc thuộc lòng một đoạn em thích trong bài thơ ở BT 1 và trả lời câu hỏi về nội dung đoạn đọc hoặc nội dung bài.

- Một số HS đọc thuộc lòng đoạn thơ em thích trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

3. Nói về hình ảnh em thích

- HS đọc yêu cầu BT 3.
- HS trao đổi trong nhóm đôi về hình ảnh em thích, lí do em thích hình ảnh đó.
- HS viết vào *Phiếu đọc sách* tên bài thơ, hình ảnh đẹp và cảm xúc của em khi đọc bài.

TIẾT 2

4. Kể chuyện (Xem – kể)

VAI DIỄN CỦA MÍT

1. Lớp của Mít biểu diễn kịch. Cả nhà đến và háo hức chờ xem vai diễn của cậu. Cảnh màn sân khấu mở ra. Các vai diễn lần lượt xuất hiện. Nhưng ba mẹ vẫn chưa thấy Mít.

2. Vở kịch đổi sang màn khác. Ngoài các nhân vật chính, còn có một cây cỏ thụ đứng sát góc phải của sân khấu. Cái cây vươn tay cầm tấm bảng có chữ “rừng rậm”. Tuy chỉ là vai cảnh, nhưng cái cây rất nghiêm túc đứng im, làm tròn vai diễn của mình.

3. Bỗng bà Tám cất tiếng:

– Hình như Mít là cái cây đó.

– Tôi cũng thích đóng vai cái cây. Không phải học lời thoại. – Ba cười nói. Ông đã nhận ra Mít từ trước, khi nhìn thấy mái tóc bông bênh của cậu.

– Nhưng đó chỉ là vai cảnh thôi. – Bà Tám chặc lưỡi.

– Thì sao chứ? Vai cảnh cũng quan trọng lắm.

4. Khi vở kịch kết thúc, Mít chạy xuống, rồi rít khoe:

– Ba mẹ thấy con đóng có hay không? Cô giáo khen con đứng rất im.

Ba mẹ ôm Mít vào lòng thì thầm:

– Hay lắm! Ba mẹ rất tự hào về con.

Theo Phương Tô Trân, Tuệ Như dịch

4.1. Phán đoán nội dung truyện Vai diễn của Mít

HS quan sát tranh, đọc tên truyện và phán đoán nội dung câu chuyện.

4.2. Nói về nội dung mỗi bức tranh

– HS quan sát từng tranh, đọc câu hỏi gợi ý dưới tranh và đọc lời nhân vật (nếu có).

– HS nói về nội dung mỗi tranh từ 1 – 2 câu. HS khá, giỏi có thể nói nội dung 2 tranh.

4.3. Kể từng đoạn của câu chuyện

– HS quan sát tranh và dựa vào kết quả hoạt động 4.2 để kể lại từng đoạn của câu chuyện trong nhóm nhỏ. (GV hướng dẫn HS sử dụng ánh mắt, cử chỉ khi kể, phân biệt giọng các nhân vật.)

– Nhóm HS kể nối tiếp từng đoạn của câu chuyện trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét phần kể chuyện.

4.4. Kể toàn bộ câu chuyện

– HS kể toàn bộ câu chuyện trong nhóm đôi.

- Một vài HS kể toàn bộ câu chuyện trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét phần kể chuyện.
- HS nói về nhân vật em thích, giải thích lí do. Trao đổi về nội dung câu chuyện.

ÔN TẬP 4 (tiết 7 – 8, SHS, tr.79)

I. MỤC TIÊU

1. Nêu đúng tên bài đọc; đọc trôi chảy một đoạn trong bài và trả lời được các câu hỏi về nội dung đoạn đọc hoặc nội dung bài; trao đổi được với bạn về một đặc điểm của một người, vật có trong bài đọc.

2. Tìm được ba từ ngữ cho từng loại: chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm; đặt được 1 – 2 câu có từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm; phân biệt được câu *Ai là gì?* và *Ai làm gì?*; đặt được 1 – 2 câu giới thiệu về một người thân và nói về hoạt động của người đó.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Thẻ từ ghi tên bài đọc và từ ngữ ở BT 1 cho HS chơi tiếp sức.
- Phiếu cho HS bắt thăm đoạn đọc và câu hỏi (nếu có).
- Bảng nhóm cho HS tìm từ ngữ.
- Bảng phụ chép các câu ở BT 6a.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Nhớ lại tên bài đọc

– HS đọc yêu cầu BT 1; đọc từ ngữ chỉ đặc điểm của người, vật; trao đổi và thực hiện yêu cầu của BT trong nhóm nhỏ.

- HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2. Ôn đọc thành tiếng và trả lời câu hỏi

- HS đọc yêu cầu BT 2.
- Nhóm 4 HS đọc thành tiếng một đoạn trong bài đọc ở BT 1 và trả lời câu hỏi về nội dung đoạn đọc hoặc nội dung bài.
- Một số HS đọc bài trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

3. Nói về một đặc điểm ở nhân vật em thích

- HS đọc yêu cầu BT 3.
- HS trao đổi trong nhóm đôi về một đặc điểm em thích ở *cô giáo, con lợn đất, Út Tìn* hoặc *bà*, lí do em thích đặc điểm đó.
- HS viết vào *Phiếu đọc sách* tên bài đọc, tên người hoặc vật, từ ngữ chỉ đặc điểm em thích ở người, vật.

TIẾT 2

1. Ôn từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm

- HS xác định yêu cầu của BT 4.
- HS tìm từ ngữ theo yêu cầu trong nhóm nhỏ bằng kỹ thuật mảnh ghép (thực hiện giai đoạn một trong nhóm, giai đoạn hai trước lớp), 1/4 số nhóm thực hiện một yêu cầu, ghi vào thẻ từ. Chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS giải nghĩa các từ ngữ tìm được (nếu cần).
- HS nghe GV nhận xét kết quả.

2. Ôn câu có từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm – Câu Ai là gì? và Ai làm gì?

2.1. Ôn câu có từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm

- HS xác định yêu cầu của BT 5.
- HS đặt câu theo yêu cầu BT trong nhóm đôi.
- HS nói trước lớp câu đặt theo yêu cầu.
- HS nghe bạn và GV nhận xét câu.
- HS viết vào VBT 1 – 2 câu có chứa từ ngữ tìm được ở BT 4.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.

2.2. Nhận diện câu Ai là gì? và Ai làm gì?

- HS xác định yêu cầu của BT 6a.
- HS tìm câu giới thiệu, câu chỉ hoạt động trong nhóm đôi.
- HS nói trước lớp câu tìm được theo yêu cầu.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.3. Đặt câu Ai là gì? và Ai làm gì?

- HS xác định yêu cầu của BT 6b.
- HS viết 2 – 3 câu giới thiệu theo yêu cầu vào VBT.

- HS nói trước lớp các câu viết được theo yêu cầu.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

ÔN TẬP 5 (tiết 9 – 10, SHS, tr.80 – 81)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc và trả lời được các câu hỏi về nội dung bài *Điều ước*.
2. Viết được bưu thiếp gửi người thân theo gợi ý.
3. Chia sẻ được một truyện đã đọc theo gợi ý.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Một số bìa màu và hoạ tiết trang trí cho HS viết bưu thiếp.
- HS mang tới lớp bút màu để trang trí bưu thiếp, truyện đã đọc để chia sẻ với bạn.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Đọc

- HS đọc yêu cầu BT 1, quan sát tranh, phán đoán nội dung bài đọc trong nhóm nhỏ.
- HS nghe GV giới thiệu bài đọc *Điều ước*.
- HS đọc nối tiếp đoạn trong nhóm nhỏ, đọc cả bài trong nhóm đôi.

2. Trả lời câu hỏi

- HS đọc yêu cầu BT 2.
- HS làm bài vào VBT.
- Một số HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS giải nghĩa một số từ khó (nếu có).
- HS đọc phân vai toàn bài.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

3. Đặt tên khác cho bài đọc

- HS đọc yêu cầu BT 3.
- Trao đổi theo nhóm đôi về tên bài đọc.
- HS chia sẻ trước lớp về tên mới của bài đọc.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 2

4. Viết bưu thiếp

- HS đọc yêu cầu BT 3 và các câu hỏi gợi ý.
- HS chia sẻ với bạn:
 - + *Em viết bưu thiếp cho ai?*
 - + *Em viết bưu thiếp để làm gì?*
 - + *Em sẽ viết những gì trong bưu thiếp?*
 - + ...
- HS viết và trang trí bưu thiếp.
- Một vài HS đọc nội dung bưu thiếp trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.
- HS trưng bày bưu thiếp ở *Góc sản phẩm Tiếng Việt* của lớp.
- HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn.
- HS nghe GV nhận xét một số bài viết.

5. Đọc mở rộng

5.1. Chia sẻ về một truyện đã đọc

- HS xác định yêu cầu của BT 4.
- HS chia sẻ với bạn trong nhóm nhỏ về tên truyện, tên tác giả và nhân vật em thích, lí do em thích.
 - Một vài HS chia sẻ trước lớp.
 - HS nghe bạn và GV nhận xét.

5.2. Viết Phiếu đọc sách (trong VBT)

- HS viết vào *Phiếu đọc sách* tên truyện, tên tác giả, nhân vật và lí do em thích.
- Một vài HS chia sẻ *Phiếu đọc sách* trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

CHỦ ĐIỂM 5: NHỮNG NGƯỜI BẠN NHỎ (TUẦN 10 – 11)

Chủ điểm *Những người bạn nhỏ* bồi dưỡng cho HS tình cảm thương yêu, quý mến bạn bè, lòng tri ân người khác: biết quý trọng tình bạn, đoàn kết, giúp đỡ bạn bè; biết giữ gìn những đồ vật gần gũi, quen thuộc ở xung quanh mình; biết ơn những người đã vất vả, khó nhọc làm ra những vật dụng cần thiết cho học tập, sinh hoạt, vui chơi,... của các em.

BÀI 1: CÔ CHỦ KHÔNG BIẾT QUÝ TÌNH BẠN (tiết 1 – 4, SHS, tr.82 – 84)

I. MỤC TIÊU

1. Chia sẻ được với bạn về một con vật nuôi; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung câu chuyện qua tên bài và tranh minh hoạ.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; phân biệt được lời của các nhân vật và lời người dẫn chuyện; hiểu nội dung bài đọc: *Ai cũng cần phải biết quý trọng, gìn giữ tình bạn*; biết liên hệ bản thân: *cần biết quý trọng bạn bè, giữ gìn tình bạn*; giải được câu đố, tìm thêm được câu đố về vật nuôi/ đồ vật trong nhà; nói được 1 – 2 câu về con vật.
3. Viết đúng chữ *I* hoa và câu ứng dụng.
4. Tìm được từ chỉ màu sắc của đồ vật đã cho; nhận diện đúng câu hỏi, sử dụng đúng dấu chấm hỏi cuối câu hỏi, dấu chấm cuối câu kể.
5. Vẽ được một con vật nuôi mà mình thích và nói được 1 – 2 câu về bức vẽ của mình.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Mẫu chữ viết hoa *I*.
- Tranh ảnh, video clip về thú cưng, gia súc, gia cầm (nếu có).
- Bảng phụ ghi đoạn từ *Không lâu sau* đến hết.
- Các tờ giấy A4 để HS vẽ tranh.
- HS chuẩn bị bút màu để vẽ tranh.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1, 2

A. Khởi động

- HS nghe GV giới thiệu tên chủ điểm và nêu cách hiểu hoặc suy nghĩ của em về tên chủ điểm *Những người bạn nhỏ*.
- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, nói về một con vật nuôi (tên loài, của nhà nào, đặc điểm, ích lợi, có gì đáng yêu,...).

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Cô chủ không biết quý tình bạn*.

– HS đọc tên bài kết hợp với quan sát tranh minh hoạ để phán đoán nội dung bài đọc: nhân vật, việc làm của các nhân vật,...

B. Khám phá và luyện tập

1. Đọc

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: đọc phân biệt giọng của các nhân vật: giọng người dẫn chuyện thông thả, nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ sự đổi bạn liên tục của cô chủ; giọng cô chủ vô tâm, kênh kiệu; giọng gà trống vui vẻ; giọng chú chó mạnh mẽ, dứt khoát).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *quên, trỉnh, sông, ...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ và luyện đọc một số câu dài, cách nhấn giọng ở một số từ ngữ biểu thị nội dung chính, hoặc biểu thị cảm xúc: *Một hôm / nhìn thấy gà mái của bà hàng xóm / có lớp lông tơ dày, / ấm áp, / cô bé / liền đòi đòi gà trống / lấy gà mái. // Chẳng ngày nào / gà mái / quên để một quả trứng hồng.*

– HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp.

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó, VD: *tí hon* (rất bé), *nài nỉ* (nài xin rất tha thiết), *kể lể* (kể lại một cách tỉ mỉ, dài dòng để mong có sự cảm thông), *kết thân* (gắn bó, thân thiết với nhau),...

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

– HS nêu nội dung bài đọc: *Ai cũng cần phải biết quý trọng, gìn giữ tình bạn.*

– HS liên hệ bản thân: *cần biết quý trọng bạn bè, giữ gìn tình bạn.*

1.3. Luyện đọc lại

– HS nêu cách hiểu của mình về nội dung bài. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc của nhân vật, của người dẫn chuyện và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV đọc lại đoạn từ *Không lâu sau* đến hết.

– HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn từ *Không lâu sau* đến hết. (GV có thể tổ chức cho HS đọc phân vai theo nhóm nhỏ; 1 – 2 nhóm đọc phân vai trước lớp.)

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

1.4. Luyện tập mở rộng

– HS xác định yêu cầu của hoạt động *Cùng sáng tạo – Đố, giải đố về những người bạn nhỏ* (GV giải thích thêm: đố và giải đố về vật nuôi, đồ vật trong nhà).

– HS trao đổi trong nhóm nhỏ: đặt 1 - 2 câu về con vật em tìm được ở lời giải đố (HS khá giỏi có thể viết 2 – 3 câu đã đặt vào VBT).

– HS trao đổi trong nhóm nhỏ: đọc câu đố, giải đố (con thỏ, con mèo); HS tìm và giải đố thêm một vài câu đố khác, VD: “Thường nằm đầu hè/ Giữ cho nhà chủ/ Người lạ nó sủa/ Người quen nó mừng” (con chó); “Cái gì sừng sừng/ Đứng ở góc nhà/ Bé mở cửa ra/ Lấy quần áo đẹp” (cái tủ đựng quần áo),...

– HS nghe một vài nhóm trình bày kết quả trước lớp và nghe GV nhận xét kết quả.

TIẾT 3, 4

2. Viết

2.1. Luyện viết chữ I hoa

- HS quan sát mẫu chữ I hoa, xác định chiều cao, độ rộng, cấu tạo nét của con chữ I hoa.
- HS quan sát GV viết mẫu và nêu quy trình viết chữ I hoa.
- HS viết chữ I hoa vào bảng con.
- HS tô và viết chữ I hoa vào VTV.

2.2. Luyện viết câu ứng dụng

- HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu ứng dụng “Im lặng lắng nghe.”.
- HS nghe GV nhắc lại quy trình viết chữ I hoa và cách nối từ chữ I hoa sang chữ m.
- HS quan sát cách GV viết chữ Im.
- HS viết chữ Im và câu ứng dụng “Im lặng lắng nghe.” vào VTV.

2.3. Luyện viết thêm

- HS đọc và tìm hiểu nghĩa của hai câu thơ:

*Im lìm là cái ngõ trưa
Nắng rơi nhẹ nhẹ như vừa chạm hương.*

Nguyễn Lãm Thắng

- HS viết chữ I hoa, chữ Im và câu thơ vào VTV.

2.4. Đánh giá bài viết

- HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn.
- HS nghe GV nhận xét một số bài viết.

3. Luyện từ

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS tìm từ ngữ theo yêu cầu trong nhóm bốn theo hình thức *Mảnh ghép*, mỗi HS tìm từ ngữ chỉ màu sắc của một bức tranh, ghi vào thẻ từ. (Lưu ý: HS có thể nêu màu chủ

đạo, VD: gấu – nâu, xe – vàng; khuyến khích HS nêu màu của từng bức tranh theo thứ tự màu chính nêu trước, màu phụ nêu sau, hoặc nêu theo màu của từng bộ phận; VD: gấu có mắt – đen, má – hồng, đầu và thân – nâu, nơ – đỏ, ...). Thống nhất kết quả trong nhóm.

- Một vài nhóm HS chơi tiếp sức gắn từ ngữ phù hợp dưới từng bức tranh.
- HS nghe GV nhận xét kết quả.
- HS tìm thêm một số từ ngữ chỉ đồ vật và từ ngữ chỉ đặc điểm về màu sắc của đồ vật.

4. Luyện câu

4.1. Nhận diện câu hỏi

- HS xác định yêu cầu của BT 4a.
- HS nghe GV hướng dẫn cách tìm câu hỏi (GV gợi ý: “Câu hỏi là câu có mục đích nêu điều mình chưa rõ, chưa biết để người nghe trả lời làm rõ, VD: *Ai tặng bạn chiếc bút này?*”).

- HS thảo luận trong nhóm nhỏ để tìm câu hỏi.
- HS chia sẻ đáp án với bạn trong nhóm nhỏ và trình bày trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

4.2. Dấu chấm hỏi

- HS xác định yêu cầu của BT 4b.
- HS thảo luận trong nhóm đôi để tìm dấu câu kết thúc mỗi câu.
- HS chia sẻ đáp án với bạn trong nhóm nhỏ và trình bày trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

C. Vận dụng

Chơi trò chơi *Họa sĩ nhí*

1. Vẽ một con vật nuôi mà em thích

- HS xác định yêu cầu của hoạt động.
- HS thực hiện yêu cầu vào VBT.

2. Nói về bức vẽ của em

- HS xác định yêu cầu của hoạt động.
- HS trao đổi trong nhóm đôi về bức vẽ của mình.
- Một vài HS nói trước lớp về bức vẽ của mình.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.

BÀI 2: ĐỒNG HỒ BÁO THỨC (tiết 5 – 10, SHS, tr.85 – 89)

I. MỤC TIÊU

1. Giới thiệu được một đồ vật trong nhà; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài qua tên bài và tranh minh hoạ.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: *Các bộ phận chính của chiếc đồng hồ báo thức và công dụng của nó*; biết liên hệ bản thân: *giữ gìn, bảo vệ đồ dùng; học hành, làm việc đúng giờ*.
3. Nghe – viết đúng đoạn văn; phân biệt *c/k, ay/ây, âc/ât*.
4. Mở rộng được vốn từ về đồ vật (từ ngữ chỉ đồ dùng gia đình, đồ chơi); đặt, trả lời được câu hỏi *Để làm gì?*
5. Nói và đáp được lời xin lỗi, lời từ chối.
6. Giới thiệu được đồ vật quen thuộc.
7. Chia sẻ được một truyện đã đọc về đồ vật hoặc con vật.
8. Chia sẻ được cách giữ gìn đồ vật trong nhà.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Tranh ảnh, video clip về một số hoạt động của trẻ em gắn với giờ giấc (nếu có).
- Bảng phụ ghi đoạn 1.
- HS mang tới lớp sách/ báo có bài đọc về đồ vật hoặc con vật đã đọc.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1, 2

A. Khởi động

- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, nói với bạn về một đồ vật có trong nhà (tên gọi, hình dáng, ích lợi,...).
- HS đọc tên bài kết hợp với quan sát tranh minh hoạ để phán đoán nội dung bài đọc: tên đồ vật, công dụng của đồ vật,...
- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Đồng hồ báo thức*.

B. Khám phá và luyện tập

1. Đọc

1.1. Luyện đọc thành tiếng

- HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: giọng giới thiệu, rõ ràng, nhấn giọng ở những từ ngữ nêu bật nội dung; câu kết thúc bài văn đọc với giọng thân mật, tươi vui).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *hối hả, xoay, điều chỉnh, trong suốt, ...*; ngắt giọng một số câu dài, ngưng nghỉ đúng logic ngữ nghĩa, VD: *Cái mít tròn / bên thân tôi / có thể xoay được / để điều chỉnh giờ báo thức. // Gương mặt / cũng chỉnh là thân tôi.// Người ta / thường chú ý những con số có khoảng cách đều nhau / ở trên đó. // Thân tôi / được bảo vệ / bằng một tấm kính trong suốt, / nhìn rõ / từng chiếc kim / đang chạy.*

– HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp.

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó, VD: *hối hả* (rất vội vã), *điều chỉnh* (đặt lại, sửa lại cho đúng),...

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

– HS nêu nội dung bài đọc: *Các bộ phận chính của chiếc đồng hồ báo thức và công dụng của nó.*

– HS liên hệ bản thân: *giữ gìn, bảo vệ đồ dùng; học hành, làm việc đúng giờ.*

1.3. Luyện đọc lại

– HS nêu cách hiểu của mình về nội dung bài. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc của toàn bài và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV đọc lại đoạn một.

– HS luyện đọc đoạn một trong nhóm, trước lớp.

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

2. Viết

2.1. Nghe – viết

– HS đọc đoạn văn, trả lời câu hỏi về nội dung của đoạn văn.

– HS đánh vần một số tiếng/ từ khó đọc, dễ viết sai do cấu tạo hoặc do ảnh hưởng của phương ngữ, VD: *kiểu dáng, chậm rãi, ...*; hoặc do ngữ nghĩa, VD: *dáng, giờ, ...*

– HS nghe GV đọc từng cụm từ ngữ và viết đoạn văn vào VBT. (GV hướng dẫn HS: lùi vào một ô khi bắt đầu viết đoạn văn. Viết dấu chấm cuối câu. Không bắt buộc HS viết hoa chữ chưa học – chữ *T, K*).

– HS nghe GV đọc lại bài viết, tự đánh giá phần viết của mình và của bạn.

– HS nghe GV nhận xét một số bài viết.

2.2. Luyện tập chính tả – Phân biệt c/k

- HS xác định yêu cầu của BT 2b, quan sát tranh và đọc từ ngữ.
- HS điền c/k vào VBT để hoàn chỉnh các từ.
- HS chia sẻ kết quả, giải nghĩa từ ngữ và đặt câu (nếu cần).
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.

2.3. Luyện tập chính tả – Phân biệt ay/ây, âc/ât

- HS xác định yêu cầu của BT 2(c), đọc thầm các từ ngữ.
- HS thảo luận, chọn tiếng phù hợp thay cho ☹ trong nhóm đôi.
- HS thực hiện BT vào VBT.
- HS chia sẻ kết quả, giải nghĩa từ ngữ và đặt câu (nếu cần).
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 3, 4

3. Luyện từ

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS tô màu các đồ vật vào tranh trong VBT, tìm từ ngữ gọi tên đồ vật và chia sẻ trong nhóm. Nhóm trưởng sẽ tổng hợp đáp án của các thành viên và ghi lại từ ngữ cần tìm (*ti vi, ly, búp bê, lọ hoa, rô bốt, nôi, xe đồ chơi, chậu hoa, quả bóng, đồng hồ*).
- HS nghe GV nhận xét kết quả.
- Một vài nhóm HS chơi tiếp sức gắn từ ngữ phù hợp dưới từng bức tranh.

4. Luyện câu

4.1 Đặt và trả lời câu hỏi Để làm gì?

- HS xác định yêu cầu của BT 4a, quan sát câu mẫu.
- HS đặt và trả lời câu hỏi theo yêu cầu BT trong nhóm đôi.
- HS nói trước lớp câu đặt theo yêu cầu.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

4.2 Viết câu có sử dụng dấu chấm hỏi

- HS xác định yêu cầu của BT 4b.
- HS viết 1 – 2 câu đặt được vào VBT.
- HS nói trước lớp câu đặt theo yêu cầu.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

5. Nói và nghe

5.1. Nói lời xin lỗi

- HS xác định yêu cầu của BT 5a.
- HS trả lời một số câu hỏi:
 - + *Vì sao chủ chó bỏ đi?*
 - + *Khi chủ chó bỏ đi, cô chủ cảm thấy thế nào?*
 - + *Cô chủ sẽ nói gì nếu gặp lại chủ chó?*
- HS thảo luận nhóm đôi để nói lời của cô chủ nhỏ.
- Một vài HS nói trước lớp.
- HS trả lời một số câu hỏi:
 - + *Khi nào ta cần nói lời xin lỗi?*
 - + *Khi nói lời xin lỗi, cần chú ý điều gì? (giọng, nét mặt, ánh mắt, cử chỉ, điệu bộ,...)*
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

5.2. Nói và đáp lời đề nghị

- HS xác định yêu cầu của BT 5b, đọc tình huống.
- HS trả lời một số câu hỏi:
 - + *Cậu bé muốn xin bố mẹ điều gì?*
 - + *Bố mẹ có đồng ý với đề nghị của cậu bé không? Theo em vì sao?*
 - + *Cậu bé sẽ nói gì khi bố mẹ từ chối đề nghị của mình?*
- HS phân vai bố, mẹ và cậu bé để nói và đáp lời đề nghị, lời từ chối trong nhóm nhỏ.
- Một số nhóm HS nói và đáp trước lớp.
- HS trả lời một số câu hỏi:
 - + *Khi nói lời đề nghị và từ chối đề nghị của người khác, cần chú ý điều gì? (giọng, nét mặt, ánh mắt, cử chỉ, điệu bộ,...)*
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 5, 6

6. Giới thiệu về đồ vật quen thuộc

6.1. Phân tích mẫu

- HS xác định yêu cầu của BT 6a, đọc đoạn văn, quan sát tranh, trả lời câu hỏi trong nhóm đôi.

- Một vài HS nói trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

6.2. Giới thiệu đồ vật

- HS xác định yêu cầu của BT 6b.
- HS viết vào VBT 3 – 4 câu giới thiệu về chiếc đèn bàn dựa vào gợi ý.
- Một vài HS đọc các câu đã viết trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

C. Vận dụng

1. Đọc mở rộng

1.1. Chia sẻ một truyện đã đọc về đồ vật hoặc con vật

- HS xác định yêu cầu của BT 1a.
- HS chia sẻ trong nhóm nhỏ về tên truyện, tên tác giả, tên đồ vật hoặc con vật, hoạt động, đặc điểm của đồ vật hoặc con vật đó,...
- Một vài HS chia sẻ trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

1.2. Viết Phiếu đọc sách (trong VBT)

- HS viết vào *Phiếu đọc sách* tên truyện, tên đồ vật hoặc con vật, hoạt động và đặc điểm của đồ vật hoặc con vật đó.
- Một vài HS chia sẻ *Phiếu đọc sách* trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2. Chia sẻ về cách giữ gìn đồ vật trong nhà

- HS nghe GV hướng dẫn cách chia sẻ.
- HS thực hiện yêu cầu trong nhóm.
- Một vài HS chia sẻ trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

BÀI 3: ĐỒ ĐẠC TRONG NHÀ (tiết 11 – 14, SHS, tr.90 – 92)

I. MỤC TIÊU

1. Hát được bài hát có nhắc đến tên đồ vật; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài qua tên bài và tranh minh hoạ.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng nhịp, dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: *Mọi đồ đạc trong nhà đều có ích lợi và gần gũi, thân quen với con người người*, biết liên hệ bản thân: *cần yêu quý, bảo quản, giữ gìn mọi đồ vật*; biết gọi tên một số đồ dùng quen thuộc và nơi để đồ vật đó.
3. Viết đúng chữ hoa K và câu ứng dụng.
4. Tìm được từ ngữ chỉ đặc điểm của đồ vật (màu sắc, hình dáng); đặt được 1 – 2 câu về đồ vật theo mẫu.
5. Thực hiện được trò chơi *Tìm đường đi*; nói được tên những đồ vật thấy trên đường đi.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SHS, VTV, VBT, SGV.
- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to (nếu được).
- Mẫu chữ viết hoa K.
- Tranh ảnh, video clip một số vật dụng quen thuộc trong gia đình (nếu có).
- Bảng phụ ghi đoạn thơ từ đầu đến *trời mau*.
- Sơ đồ của trò chơi *Tìm đường đi* phóng to (nếu có).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1, 2

A. Khởi động

- HS hát một bài hát có nhắc đến (các) đồ vật; sau đó nói với bạn về công dụng của (các) đồ vật có trong bài hát.
- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Đồ đạc trong nhà*.
- HS đọc tên bài kết hợp với quan sát tranh minh hoạ để phán đoán nội dung bài đọc: các đồ vật có trong tranh, ích lợi của từng đồ vật,...

B. Khám phá và luyện tập

1. Đọc

1.1. Luyện đọc thành tiếng

- HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: giọng thông thả, chậm rãi, rõ tên từng đồ vật và công dụng của mỗi đồ vật đó).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc, luyện đọc một số từ khó: *thiết tha, trôi mau, trời khuya, ...*

– HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp.

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó, VD: *đồ đạc* (đồ vật nói chung), *thiết tha* (có tình cảm gắn bó hết lòng, luôn luôn nghĩ đến, quan tâm đến), ...

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

– HS nêu nội dung bài đọc: *Mọi đồ đạc trong nhà đều có ích lợi và gần gũi, thân quen với con người.*

– HS liên hệ bản thân: *cần yêu quý, bảo quản, giữ gìn mọi đồ vật.*

1.3. Luyện đọc lại

– HS nêu cách hiểu của các em về nội dung bài. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc chung cho toàn bài và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV đọc lại đoạn thơ từ đầu đến *trôi mau*.

– HS luyện đọc đoạn thơ từ đầu đến *trôi mau* trong nhóm và trước lớp.

– Một vài HS thi đọc thuộc lòng đoạn thơ trước lớp.

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

– HS luyện đọc thuộc lòng sáu câu thơ cuối (theo phương pháp xóa dần).

– Một vài HS thi đọc thuộc lòng đoạn thơ trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

1.4. Luyện tập mở rộng

– HS xác định yêu cầu của hoạt động *Cùng sáng tạo – Thi kể tên các đồ vật trong nhà chứa tiếng bắt đầu bằng chữ ch*.

– HS trao đổi trong nhóm đôi: quan sát tranh, gọi tên đồ vật, gọi tên những đồ vật đó (chăn – miền Nam gọi là “mền”/ “tấm đắp”, chiếu, chậu, chõng, chạn – tủ nhỏ đựng chén bát, ...).

– Đặt 1 – 2 câu nói về một đồ vật em vừa kể tên.

– HS nghe một vài nhóm trình bày kết quả trước lớp và nghe GV nhận xét kết quả.

TIẾT 3, 4

2. Viết

2.1. Luyện viết chữ K hoa

– HS quan sát mẫu chữ K hoa, xác định chiều cao, độ rộng, cấu tạo nét chữ của con chữ K hoa.

- HS quan sát GV viết mẫu và nêu quy trình viết chữ *K* hoa.
- HS viết chữ *K* hoa vào bảng con.
- HS tô và viết chữ *K* hoa vào VTV.

2.2. Luyện viết câu ứng dụng

- HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu ứng dụng “*Kính thầy yêu bạn.*”.
- HS nghe GV nhắc lại quy trình viết chữ *K* hoa và cách nối từ chữ *K* hoa sang chữ *i*.
- HS quan sát cách GV viết chữ *Kính*.
- HS viết chữ *Kính* và câu ứng dụng “*Kính thầy yêu bạn.*” vào VTV.

2.3. Luyện viết thêm

- HS đọc câu đồng dao:

*Cái bóng là cái bóng bang
Khéo sây khéo sàng cho mẹ nấu cơm.*

Đồng dao

- HS viết chữ *K* hoa, chữ *Khéo* và bài đồng dao vào VTV.

2.4. Đánh giá bài viết

- HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn.
- HS nghe GV nhận xét một số bài viết.

3. Luyện từ

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS tìm từ ngữ theo yêu cầu trong nhóm bằng kỹ thuật *Khăn trải bàn* hoặc *Mảnh ghép*, mỗi HS tìm 1 từ cho mỗi nhóm, ghi vào thẻ từ. Chia sẻ kết quả trước lớp.

(Đáp án: *tam giác – xanh lá – tròn – đỏ sẫm – vuông – xanh lơ – chữ nhật – vàng tươi*)

- HS giải nghĩa các từ ngữ tìm được (nếu cần).
- HS nghe GV nhận xét kết quả.

4. Luyện câu

- HS xác định yêu cầu của BT 4, quan sát câu mẫu.
- HS đặt câu theo yêu cầu BT trong nhóm đôi.
- HS nói trước lớp câu đặt theo yêu cầu.
- HS nghe bạn và GV nhận xét câu.

- HS viết vào VBT câu đã đặt.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.

C. Vận dụng

Chơi trò chơi *Tim đường đi*

- HS xác định yêu cầu vận dụng.
- HS nghe GV phổ biến luật chơi: *Vẽ đường về nhà theo sơ đồ, vừa vẽ vừa nói tên những đồ vật nhìn thấy trên đường đi.*
- HS thực hiện vừa vẽ đường về nhà vào VBT vừa nói về đồ vật em thấy trên đường trong nhóm đôi.
- Một vài HS trình bày trước lớp (có thể vẽ vào sơ đồ trên bảng mà GV đã chuẩn bị).
- HS nghe các bạn và GV nhận xét.

BÀI 4: CÁI BÀN HỌC CỦA TÔI (tiết 15 – 20, SHS, tr.93 – 97)

I. MỤC TIÊU

1. Nói được với bạn về cái bàn học của em; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài qua tên bài và tranh minh hoạ.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: *Hình dáng, công dụng của cái bàn học, tình cảm của bạn nhỏ đối với bàn học và bố mình*; biết liên hệ bản thân: *yêu quý, bảo quản, giữ gìn, sắp xếp bàn học gọn gàng, sạch sẽ, ngăn nắp.*
3. Nghe – viết đúng đoạn văn; phân biệt *c/k; r/d; ai/ay.*
4. Mở rộng được vốn từ về đồ vật (đồ dùng học tập, đồ chơi, đồ đạc trong nhà); đặt được câu hỏi cho bộ phận câu được in đậm; đặt được 1 - 2 câu về đồ dùng học tập theo mẫu.
5. Nói được 1 – 2 câu về nội dung từng tranh của câu chuyện *Con chó nhà hàng xóm*; kể được từng đoạn của câu chuyện theo tranh và từ ngữ gợi ý; kể lại được toàn bộ câu chuyện.
6. Giới thiệu được đồ vật quen thuộc.
7. Chia sẻ được một bài đã đọc về đồ vật hoặc con vật.
8. Thực hiện được trò chơi *Đi tìm kho báu*, nói được về đồ vật có trong kho báu đã tìm.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Bảng phụ viết đoạn từ *Bên dưới đến ngồi một* để hướng dẫn HS luyện đọc.
- Tranh ảnh truyện *Con chó nhà hàng xóm.*

- Chuẩn bị một số đồ vật để làm “kho báu” cho HS chơi trò chơi.
- HS mang tới lớp cuốn sách/ báo có bài thơ về đồ vật hoặc con vật đã đọc.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1, 2

A. Khởi động

- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, nói với bạn về cái bàn học của em: hình dáng, chất liệu, các bộ phận chính, công dụng,...
- HS đọc tên bài kết hợp với quan sát tranh minh họa để phán đoán nội dung bài đọc: *Cái bàn học là món quà quý giá, có ý nghĩa đặc biệt đối với bạn nhỏ.*
- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Cái bàn học của tôi.*

B. Khám phá và luyện tập

1. Đọc

1.1. Luyện đọc thành tiếng

- HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: giọng nhẹ nhàng, tình cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ sự đặc biệt của cái bàn học. Chú ý nhấn mạnh hai câu: “Tặng con trai yêu thương!”, “Với tôi, đây là cái bàn đẹp nhất trên đời!”).
- HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *chuẩn bị, nhấn, nhất trên đời...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ và luyện đọc một số câu dài: *Cái bàn không quá rộng/ nhưng đủ để tôi đặt/ một chiếc đèn học/ và những quyển sách.// Bỏ khắc dòng chữ// Tặng con trai yêu thương!//; ...*
- HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp.

1.2. Luyện đọc hiểu

- HS giải thích nghĩa của một số từ khó, VD: *thợ mộc* (thợ đóng đồ gỗ), *nhấn* (bề mặt trơn, láng), *kho báu* (khối lượng lớn những thứ quý giá do tập trung tích góp lại), *đẹp nhất trên đời* (rất đẹp, không có gì sánh bằng),...
- HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.
- HS nêu nội dung bài đọc: *Hình dáng, công dụng của cái bàn học, tình cảm của bạn nhỏ đối với bàn học và bố mình.*
- HS liên hệ bản thân: *yêu quý, bảo quản, giữ gìn, sắp xếp bàn học gọn gàng, sạch sẽ, ngăn nắp.*

1.3. Luyện đọc lại

- HS nêu cách hiểu của các em về nội dung bài. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc và một số từ ngữ cần nhấn giọng.
- HS nghe GV đọc lại đoạn từ *Bên dưới* đến *ngồi mệt*.
- HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn từ *Bên dưới* đến *ngồi mệt*.
- HS khá, giỏi đọc cả bài.

2. Viết

2.1. Nghe – viết

- HS đọc đoạn văn, trả lời câu hỏi về nội dung của đoạn văn.
- HS đánh vần một số từ ngữ khó đọc, dễ viết sai do cấu tạo hoặc do ảnh hưởng của phương ngữ, VD: *dãy núi, vắng mặt trời, toả, tấy, ...*; hoặc do ngữ nghĩa.
- HS nghe GV đọc từng cụm từ ngữ và viết đoạn văn vào VBT. (GV hướng dẫn HS: lùi vào một ô khi bắt đầu viết đoạn văn. Viết dấu chấm cuối câu. Không bắt buộc HS viết những chữ hoa chưa học).
- HS nghe GV đọc lại bài viết, tự đánh giá phần viết của mình và của bạn.
- HS nghe GV nhận xét một số bài viết.

2.2. Luyện tập chính tả – Phân biệt c/k

- HS xác định yêu cầu của BT 2b.
- HS quan sát tranh, tìm từ ngữ bắt đầu bằng chữ c/k phù hợp với tranh viết vào VBT.
- HS chia sẻ với bạn trong nhóm đôi và trình bày trước lớp
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.3. Luyện tập chính tả – Phân biệt d/r; ai/ay

- HS xác định yêu cầu của BT 2(c), chọn BT phân biệt *d/r* hoặc *ai/ay*.
- HS quan sát từ, thực hiện BT vào VBT.
(Đáp án: *mũ da – dễ chịu – rẽ cây – rom rạ; bay lượn – lượng sức – vươn vai – vương vãi*)
- HS nêu kết quả và đặt câu với các từ tìm được.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 3, 4

3. Luyện từ

- HS xác định yêu cầu của BT 3, quan sát ô chữ. (Đáp án: 1. đàn, 2. nổi, 3. ca, 4. chổi, 5. nơ, 6. còi; Từ khoá: đồ chơi)

- HS chia đội thi giải ô chữ dựa vào gợi ý.
- HS giải nghĩa và đặt câu với các từ ngữ tìm được (nếu cần).
- HS nghe GV nhận xét kết quả.

4. Luyện câu

4.1. Đặt câu hỏi cho các từ ngữ in đậm

- HS xác định yêu cầu của BT 4a.
- HS thực hiện yêu cầu BT trong VBT (Cái gì đỏ thắm?, Cái gì nhẵn bóng và thơm mùi gỗ mới?).
- HS chia sẻ kết quả trong nhóm và trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.

4.2. Đặt 1 – 2 câu về đồ dùng học tập theo mẫu

- HS xác định yêu cầu của BT 4b.
- HS trao đổi trong nhóm nhỏ và thực hiện yêu cầu BT vào VBT (theo mẫu).
- HS chia sẻ kết quả trong nhóm và trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.

5. Kể chuyện (Xem – kể)

CON CHÓ NHÀ HÀNG XÓM

1. Bé rất thích chó nhưng nhà bé không nuôi con nào. Bé đành chơi với cún bông, con chó của hàng xóm. Bé và cún thường nhảy nhót tung tăng khắp vườn.

2. Một hôm, mãi chạy theo cún, bé vấp phải một khúc gỗ và ngã đau, không đứng dậy được. Bé khóc. Cún nhìn bé rồi chạy đi tìm người giúp. Mắt cá chân của bé sưng to, vết thương khá nặng nên bé phải bó bột, nằm bất động trên giường.

Bè bạn thay nhau đến thăm, kể chuyện, mang quà cho bé. Nhưng khi các bạn về, bé lại buồn. Thấy vậy, mẹ lo lắng hỏi:

- Con muốn mẹ giúp gì nào?
- Con nhớ cún, mẹ ạ!

3. Ngày hôm sau, bác hàng xóm dẫn cún sang với bé. Bé và cún càng thân thiết. Cún mang cho bé khi thì tờ báo hay cái bút chì, khi thì con búp bê... Bé cười, cún sung sướng vẫy đuôi rồi rít. Thình thoảng, cún muốn chạy nhảy và nô đùa cùng bé. Nhưng con vật thông minh hiểu rằng chưa đến lúc làm như vậy được.

4. Ngày tháo bột đã đến. Bác sĩ rất hài lòng vì vết thương của bé đã lành hẳn. Nhìn bé vuốt ve cún, bác sĩ hiểu chính cún đã giúp bé mau lành.

Theo Thuý Hà

5.1. Phân đoán nội dung truyện Con chó nhà hàng xóm

HS quan sát tranh, đọc tên truyện và phân đoán nội dung câu chuyện.

5.2. Nói về nội dung mỗi bức tranh

- HS quan sát từng tranh, đọc từ ngữ gợi ý dưới tranh và đọc lời nhân vật (nếu có).
- HS nói về nội dung mỗi tranh từ 1 – 2 câu. HS khá, giỏi có thể nói nội dung hai tranh.

5.3. Kể từng đoạn của câu chuyện

– HS quan sát tranh và dựa vào kết quả hoạt động 5.2 để kể lại từng đoạn của câu chuyện trong nhóm nhỏ. (GV hướng dẫn HS sử dụng ánh mắt, cử chỉ khi kể; phân biệt giọng các nhân vật.)

- Nhóm HS kể nối tiếp từng đoạn của câu chuyện trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét phần kể chuyện.

5.4. Kể toàn bộ câu chuyện

- HS kể toàn bộ câu chuyện trong nhóm đôi.
- Một vài HS kể toàn bộ câu chuyện trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét phần kể chuyện.
- HS nói về nhân vật em thích và giải thích lí do; trao đổi về nội dung câu chuyện.

TIẾT 5, 6

6. Luyện tập giới thiệu đồ vật quen thuộc

6.1. Phân tích gợi ý

- HS xác định yêu cầu của BT 6a.
- HS nói trong nhóm nhỏ 3 – 4 câu giới thiệu một đồ dùng quen thuộc dựa vào gợi ý.
- Một vài HS nói trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

6.2. Viết câu giới thiệu

- HS xác định yêu cầu của BT 6b.
- HS viết 3 – 4 câu giới thiệu một đồ dùng quen thuộc trong nhà vào VBT.
- Một vài HS đọc bài trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

C. Vận dụng

1. Đọc mở rộng

1.1. Chia sẻ một bài đọc đã đọc về đồ vật hoặc con vật

- HS xác định yêu cầu của BT 1a.
- HS chia sẻ với bạn trong nhóm nhỏ về tên bài đọc, tên tác giả, từ ngữ chỉ đặc điểm của đồ vật, con vật; ích lợi hoặc công dụng,...
- HS tìm được ít nhất 2 từ ngữ nói về (các) con vật, đồ vật có trong bài đọc.
- Một vài HS chia sẻ trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

1.2. Viết Phiếu đọc sách (trong VBT)

- HS viết vào *Phiếu đọc sách* tên bài đọc, tên đồ vật hoặc con vật, từ ngữ chỉ đặc điểm của đồ vật, con vật; ích lợi hoặc công dụng.
- Một vài HS chia sẻ *Phiếu đọc sách* trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2. Chơi trò chơi Đi tìm kho báu

- HS xác định yêu cầu BT 2.
- HS nghe GV phổ biến luật chơi: Chia nhóm, tìm kho báu được giấu trong lớp dựa vào sơ đồ hoặc câu gợi ý GV đã chuẩn bị sẵn. Phần thưởng là các đồ vật trong kho báu đã tìm được.
- HS thực hiện trò chơi theo nhóm.
- HS nói về những đồ vật em tìm được, có thể nói dựa vào gợi ý:
 - + Đó là món đồ gì?
 - + Món đồ đó có màu sắc, hình dáng, kích thước, ... như thế nào?
 - + Em có thể dùng món đồ đó để làm gì?
 - ...
- HS thi nói về đồ vật trong kho báu đã tìm được để giành phần thưởng phụ.
- HS nghe bạn và GV nhận xét về những câu đã nói.

CHỦ ĐIỂM 6: NGÔI NHÀ THỨ HAI (TUẦN 12 – 13)

Chủ điểm *Ngôi nhà thứ hai* hướng đến việc bồi dưỡng cho HS phẩm chất *nhân ái, chăm chỉ*; biết yêu quý thầy cô, bạn bè, quan tâm, động viên, khích lệ bạn bè; ham học hỏi, yêu thích đọc sách.

BÀI 1: BÀN TAY DỊU DÀNG (Tiết 1 – 4, SHS, tr.98 – 100)

I. MỤC TIÊU

1. Nêu được việc làm của từng người trong tranh, dự đoán được cảm xúc của các nhân vật trong tranh.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; phân biệt được lời của các nhân vật và lời người dẫn chuyện; hiểu được nội dung bài: *Thái độ trìu mến, thương yêu học sinh và sự chia sẻ của thầy giáo đã động viên An, giúp bạn cố gắng hơn trong học tập; biết liên hệ với bản thân: cần biết chia sẻ, động viên, an ủi bạn bè khi bạn gặp chuyện buồn*; viết được 1 – 2 câu an ủi, động viên (chia buồn).
3. Viết đúng chữ *L* hoa và câu ứng dụng.
4. Tìm được từ ngữ có nghĩa trái ngược nhau theo mẫu; nhận diện được câu cảm sử dụng đúng dấu chấm than cuối câu cảm, dấu chấm cuối câu kể.
5. Thực hiện được trò chơi *Bàn tay dịu dàng*, nói một vài việc người thân chăm sóc em.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Mẫu chữ viết hoa *L*.
- Bảng phụ ghi sẵn đoạn từ *Khi thầy đến gần đến Thầy khẽ nói với An* để HS luyện đọc lại.
- Tranh BT 3 để sửa bài cho HS (nếu có).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1, 2

A. Khởi động

- HS nghe GV giới thiệu tên chủ điểm và nêu cách hiểu hoặc suy nghĩ của em về tên chủ điểm *Ngôi nhà thứ hai*.
- HS nghe giáo viên hướng dẫn quan sát tranh, nhận diện bức tranh và suy đoán: bối cảnh ở đâu, có những ai, họ đang làm việc gì, chú ý gương mặt và hành động của các bạn nhỏ trong tranh.
- HS làm việc theo nhóm đôi để nói về việc làm của mỗi người trong tranh.

- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Bàn tay dịu dàng*.
- HS đọc tên bài kết hợp tranh minh hoạ để phán đoán nội dung bài đọc.

B. Khám phá và luyện tập

1. Đọc

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: đọc phân biệt giọng nhân vật: giọng người dẫn chuyện với giọng kể thông thả, nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ cảm xúc của An; giọng thầy giáo nhẹ nhàng, chậm rãi; giọng An: nói thấp giọng, thể hiện sự buồn bã, câu cuối có thể cao giọng để thể hiện quyết tâm sẽ làm bài vào sáng hôm sau).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *nặng trĩu, dịu dàng, ...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ và luyện đọc một số câu dài: *Thế là / chẳng bao giờ An còn được / nghe bà kể chuyện cổ tích, // chẳng bao giờ An còn được / bà âu yếm, / vuốt ve...*

– HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp.

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó, VD: *nặng trĩu* (rất buồn), *âu yếm* (thể hiện sự yêu thương),...

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

– HS nêu nội dung bài: *Thái độ trù mến, thương yêu học sinh và sự chia sẻ của thầy giáo đã động viên An, giúp bạn cố gắng hơn trong học tập.*

– HS liên hệ với bản thân: *biết chia sẻ, động viên, an ủi bạn bè khi bạn gặp chuyện buồn.*

1.3. Luyện đọc lại

– HS nêu cách hiểu của các em về nội dung bài. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc của từng nhân vật và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV đọc lại đoạn từ *Khi thầy đến gần đến Thầy khẽ nói với An.*

– HS luyện đọc lời động viên của thầy với An và luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn từ *Khi thầy đến gần đến Thầy khẽ nói với An.*

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

1.4. Luyện tập mở rộng

– HS xác định yêu cầu của hoạt động *Cùng sáng tạo – Kết nối yêu thương.*

– HS trao đổi trong nhóm đôi, đóng vai bạn cùng lớp với nhân vật An, viết lời an ủi, động viên An (HS thực hiện vào VBT – chia sẻ kết quả với bạn).

– HS nghe một vài HS trình bày kết quả trước lớp và nghe GV nhận xét kết quả.

TIẾT 3, 4

2. Viết

2.1. Luyện viết chữ L hoa

– HS quan sát mẫu chữ L hoa, xác định chiều cao, độ rộng, cấu tạo nét chữ của con chữ L hoa.

– HS quan sát GV viết mẫu và nêu quy trình viết chữ L hoa.

– HS viết chữ L hoa vào bảng con.

– HS tô và viết chữ L hoa vào VTV.

2.2. Luyện viết câu ứng dụng

– HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu ứng dụng “*Lên rừng, xuống biển.*”.

– HS nghe GV nhắc lại quy trình viết chữ L hoa và cách nối từ chữ L hoa sang chữ ê.

– HS quan sát cách GV viết chữ *Lên*.

– HS viết chữ *Lên* và câu ứng dụng “*Lên rừng, xuống biển.*” vào VTV.

2.3. Luyện viết thêm

– HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu tục ngữ:

*Lời nói chẳng mất tiền mua
Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau.*

Tục ngữ

– HS viết chữ L hoa, chữ *Lời* và câu tục ngữ vào VTV.

2.4. Đánh giá bài viết

– HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn.

– HS nghe GV nhận xét một số bài viết.

3. Luyện từ

– HS xác định yêu cầu của BT 3.

– HS quan sát tranh, tìm cặp từ phù hợp, chia sẻ kết quả trong nhóm đôi/ nhóm nhỏ.

(Đáp án: *dày – mỏng, to – nhỏ, mới – cũ*)

– Một vài HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe GV nhận xét kết quả.

– HS viết các cặp từ tìm được vào VBT.

– HS tìm thêm một số cặp từ tương tự, giải nghĩa và đặt câu.

4. Luyện câu

4.1. Nhận diện câu thể hiện cảm xúc

- HS xác định yêu cầu của BT 4a.
- HS nghe GV hướng dẫn cách tìm câu thể hiện cảm xúc (GV gợi ý cho HS: “Câu thể hiện cảm xúc là câu dùng để bộc lộ trạng thái, cảm xúc một cách trực tiếp như vui vẻ, phấn khích, buồn bã, đau xót, ngạc nhiên,... của người nói đối với sự vật, hiện tượng nào đó, VD: *A, mẹ đã về!*”).
- HS thảo luận trong nhóm nhỏ để tìm câu thể hiện cảm xúc.
- HS chia sẻ đáp án với bạn trong nhóm nhỏ và trình bày trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

4.2. Dấu chấm than

- HS xác định yêu cầu của BT 4b.
- HS thảo luận trong nhóm đôi để tìm dấu câu phù hợp với mỗi ô vuông.
- HS nhận biết dấu câu kết thúc câu thể hiện cảm xúc – dấu chấm than.
- HS chia sẻ đáp án với bạn trong nhóm nhỏ và trình bày trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

4.3. Viết câu thể hiện cảm xúc

- HS xác định yêu cầu của BT 4c.
- HS viết câu thể hiện cảm xúc ở BT 4b vào VBT.
- HS nói trước lớp câu đặt theo yêu cầu.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

C. Vận dụng

Chơi trò chơi Bàn tay dịu dàng

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: Chơi nói nối tiếp trong nhóm nhỏ những việc người thân làm cho em theo hướng dẫn của GV:
 - + HS thứ nhất hỏi: *Tay mẹ dịu dàng*
 - + HS thứ hai: *Chải tóc cho em.*
 - + HS thứ 3: *Tay bà dịu dàng*
 - + ...
- Một vài nhóm HS thực hiện trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

BÀI 2: DANH SÁCH TỔ EM (Tiết 5 – 10, SHS, tr.101 – 105)

I. MỤC TIÊU

1. Giới thiệu được về các thành viên trong tổ em.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: *Danh sách tổ để biết thông tin về các thành viên và câu lạc bộ các bạn tham gia; biết liên hệ bản thân: hiểu biết thông tin về bạn bè để có thể chia sẻ, giúp đỡ nhau.*
3. Nghe – viết đúng đoạn văn; luyện tập viết hoa tên người; phân biệt *ch/tr*, *ăc/ăt*.
4. Mở rộng được vốn từ về trường học (từ ngữ chỉ khu vực học tập, làm việc ở trường, người làm việc ở trường); đặt được 1 – 2 câu giới thiệu theo mẫu.
5. Nói và đáp được lời chia buồn, lời chào trước khi ra về.
6. Giới thiệu được đồ vật quen thuộc.
7. Chia sẻ được một bài thơ đã đọc về trường học.
8. Lập được danh sách nhóm hoặc tổ.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SHS, VTV, VBT, SGV.
- Ti vi/ máy chiếu/ bảng đa phương tiện để trình chiếu hình ảnh (nếu có).
- Bảng phụ ghi mẫu danh sách tổ.
- Thẻ từ ghi sẵn một số từ ngữ chỉ về nơi chốn, con người trong trường học để chơi trò chơi.
- HS mang tới lớp truyện về trường học đã đọc.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1, 2

A. Khởi động

– HS nghe GV hướng trò chơi *Ai nhớ mình?* (Hướng dẫn: Cho phép HS đổi chỗ tự do. Sau đó, GV bắt đầu chỉ nhanh một HS. HS khác phải nói chính xác bạn ở *tổ nào, tổ có bao nhiêu thành viên, ai là tổ trưởng*. Thời gian suy nghĩ và trả lời là 5 giây. HS trả lời đúng có quyền gọi một HS khác tiếp tục trả lời.)

– Nếu không tổ chức được trò chơi, GV có thể mời ngẫu nhiên một vài HS giới thiệu tên của các bạn trong tổ mình.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Danh sách tổ em*.

– HS đọc tên bài kết hợp với quan sát tranh để phán đoán nội dung bài đọc.

B. Khám phá và luyện tập

1. Đọc

1.1. Luyện đọc thành tiếng

- HS nghe GV đọc mẫu với giọng đọc phù hợp kiểu văn bản thông tin. Gợi ý: đọc chậm rãi, từ tốn.
- HS nghe GV hướng dẫn đọc.
- HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp.

1.2. Luyện đọc hiểu

- HS giải thích Câu lạc bộ “*Cây cọ nhĩ*” và “*Chim sơn ca*” là những câu lạc bộ sinh hoạt nội dung nào.
- GV có thể giải thích nghĩa từ “*cột*” bằng cách chỉ vào trang sách.
- HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.
- HS nêu nội dung bài đọc: *Danh sách tổ để biết thông tin về các thành viên và câu lạc bộ các bạn tham gia.*
- HS biết liên hệ bản thân: *hiểu biết thông tin về bạn bè để có thể chia sẻ, giúp đỡ nhau.*

1.3. Luyện đọc lại

- HS nghe GV đọc lại bản danh sách; nghe GV hướng dẫn luyện đọc lại.
- HS luyện tập theo cặp đôi, mỗi HS đọc một hàng, sau đó đổi ngược lại.
- HS khá, giỏi đọc cả bài.

2. Viết

2.1. Nghe – viết

- HS đọc lại đoạn văn bài *Bàn tay dịu dàng* (từ *Khi thầy đến gần đến thương yêu*).
- HS đánh vần một số tiếng/ từ khó đọc, dễ viết sai do cấu tạo hoặc do ảnh hưởng của phương ngữ, VD: *nặng trĩu, kể chuyện, vô nhẹ, triu mến, ...*; hoặc do ngữ nghĩa, VD: *dịu dàng*.
- HS nghe GV đọc từng cụm từ ngữ và viết đoạn văn vào VBT. (GV hướng dẫn HS: lười vào một ô khi bắt đầu viết đoạn văn, viết dấu chấm cuối câu, không bắt buộc HS viết những chữ hoa chưa học.)
- HS nghe GV đọc lại bài viết, tự đánh giá phần viết của mình và của bạn.
- HS nghe GV nhận xét một số bài viết.

2.2. Ôn tập viết hoa tên người

- HS xác định yêu cầu của BT 2b.
- HS chọn tên ba bạn trong nhóm hoặc tổ và viết tên các bạn theo thứ tự bảng chữ cái (có thể tìm tên bạn trong lớp hoặc tên bạn ngoài lớp) trong nhóm nhỏ.
- Vài HS đọc tên tìm được và thứ tự sắp xếp trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.
- HS viết tên ba bạn đã tìm được theo yêu cầu vào VBT.
- HS nghe GV nhận xét một số bài viết.

2.3. Luyện tập chính tả – Phân biệt ch/tr, ăc/ăt

- HS xác định yêu cầu của BT 2(c).
- HS đọc các từ, cụm từ ngữ, thực hiện BT vào VBT.
- HS nêu kết quả và trao đổi kết quả với bạn, đặt câu với từ vừa giải nghĩa.
- HS nghe GV sửa bài.

TIẾT 3, 4

3. Luyện từ

- HS xác định yêu cầu của BT 3a, đọc đoạn văn.
- HS tìm từ ngữ theo yêu cầu trong VBT. Chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe GV nhận xét kết quả.
- HS xác định yêu cầu của BT 3b.
- HS tìm từ ngữ theo yêu cầu trong nhóm bằng kỹ thuật *Khăn trải bàn*, mỗi HS tìm một từ cho mỗi nhóm, ghi vào thẻ từ. Chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS giải nghĩa các từ ngữ tìm được (nếu cần).
- HS nghe GV nhận xét kết quả.

4. Luyện câu

- HS xác định yêu cầu của BT 4, quan sát câu mẫu.
- HS đặt câu theo yêu cầu BT trong nhóm đôi.
- HS nói trước lớp câu đặt theo yêu cầu.
- HS nghe bạn và GV nhận xét câu.
- HS viết vào VBT một câu để giới thiệu về khu vực học tập ở trường mà em thích, một câu giới thiệu về môn học em yêu thích, một câu giới thiệu về một bạn cùng tổ với em.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.

5. Nói và nghe

5.1. Nói và đáp lời chia buồn

- HS xác định yêu cầu của BT 5a, quan sát tranh và hành động của thầy giáo, các bạn nhỏ trong tranh.
- HS phân vai An, thầy giáo và các bạn, luyện tập trong nhóm đôi/ nhóm nhỏ.
- Một vài nhóm HS nói và đáp trước lớp.
- HS nghe GV hướng dẫn:
 - + *Khi nào em cần nói lời chia buồn?*
 - + *Em cần nói lời chia buồn với giọng điệu, cử chỉ, ... thế nào?*
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

5.2. Nói và đáp lời chào trước khi ra về

- HS xác định yêu cầu của BT 5b.
- HS phân vai theo từng trường hợp (thầy cô – HS hoặc HS – HS) nói và đáp lời chào trước khi ra về.
- Một vài nhóm HS nói và đáp trước lớp.
- HS nghe GV gợi ý:
 - + *Trước khi ra về các em chào thầy cô thế nào?*
 - + *Nếu em là thầy cô, khi HS chào, em sẽ chào lại như thế nào?*
 - + *Em chào thầy cô có khác với chào bạn của em không?*
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 5, 6

6. Luyện tập giới thiệu đồ vật quen thuộc

6.1. Phân tích mẫu

- HS xác định yêu cầu của BT 6a.
- HS đọc và sắp xếp lại các câu theo thứ tự hợp lí để tạo thành đoạn văn trong nhóm đôi.
- Một vài HS đọc đoạn văn sau khi sắp xếp.
- HS nghe các bạn và GV nhận xét.
- HS viết số thứ tự đúng vào VBT.
- HS đọc lại đoạn văn hoàn chỉnh, xác định yêu cầu BT 6b, trả lời câu hỏi trong nhóm đôi.
- Một vài HS nói câu trả lời trước lớp.

- HS nghe GV và các bạn nhận xét câu trả lời.

6.2. Viết đoạn giới thiệu đồ vật quen thuộc

- HS xác định yêu cầu của BT 6c, quan sát tranh, đọc các từ ngữ gợi ý, viết 4 – 5 câu giới thiệu về chiếc thước kẻ.
- Một vài HS nói trước lớp bài viết của mình kết hợp với ảnh chiếu chiếc thước kẻ (nếu có).
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

C. Vận dụng

1. Đọc mở rộng

1.1. Chia sẻ một bài thơ đã đọc về trường học

- HS xác định yêu cầu của BT 1a.
- HS chia sẻ với bạn trong nhóm nhỏ về tên bài thơ, tên tác giả, vần thơ, từ ngữ hay, chọn từ ngữ phù hợp để nói lên cảm xúc của em sau khi đọc bài thơ,...
- Một vài HS chia sẻ trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

1.2. Viết Phiếu đọc sách (trong VBT)

- HS viết vào *Phiếu đọc sách* tên bài thơ, tên tác giả, vần thơ, từ ngữ hay.
- Một vài HS chia sẻ *Phiếu đọc sách* trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2. Lập danh sách

- Lập danh sách nhóm hoặc tổ em.
- HS nghe GV hướng dẫn cách lập danh sách theo mẫu (*tên bản danh sách, các cột: số thứ tự, họ và tên, giới tính, ngày sinh,...*).
- HS viết danh sách vào VBT.

BÀI 3: YÊU LẮM TRƯỜNG ƠI! (tiết 11 – 14, SHS, tr.106 – 108)

I. MỤC TIÊU

1. Chia sẻ được với bạn một trò chơi ở trường. Quan sát tranh, nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài qua tên bài và tranh minh hoạ.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng nhịp, dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: *Tình cảm yêu quý ngôi trường của bạn nhỏ*; biết liên hệ bản thân: *cần biết yêu quý ngôi trường của mình*; nói viết được 1 – 2 câu thể hiện tình cảm yêu quý, biết ơn thầy cô và các cô bác làm việc ở trường.
3. Viết đúng chữ *M* hoa và câu ứng dụng.
4. Tìm được từ ngữ chỉ đặc điểm của sự vật và câu hỏi về đặc điểm của sự vật; tìm và đặt được câu hỏi về đặc điểm của sự vật.
5. Hát được một bài hát về trường học và nói được 1 – 2 câu về bài hát.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Video/Audio bài hát về trường học.
- Bảng hình, video clip, tranh ảnh về một số khu vực trong trường học (nếu có).
- Mẫu chữ viết hoa *M*.
- Bảng phụ ghi hai khổ thơ đầu.
- Thẻ từ để HS ghi các từ ngữ ở BT 3.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1, 2

A. Khởi động

- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, nói với bạn về trò chơi ở trường.
- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Yêu lắm trường ơi!*.
- HS đọc tên bài kết hợp với quan sát tranh minh hoạ để phán đoán nội dung bài đọc: các hoạt động ở trường, các sự vật ở trường,...

B. Khám phá và luyện tập

1. Đọc

1.1. Luyện đọc thành tiếng

- HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: giọng đọc nhẹ nhàng, tươi vui, thể hiện sự yêu mến).
- HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *xôn xao, nhộn nhịp, khung cửa, ...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ hơi sau các dòng thơ, khổ thơ.
- HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp.

1.2. Luyện đọc hiểu

- HS giải thích nghĩa của một số từ khó, VD: *xôn xao* (âm thanh rộn lên từ nhiều phía, xen lẫn với nhau), *nhộn nhịp* (nhiều người đang hoạt động),...
- HS đọc thâm lại bài đọc và thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.
- HS nêu nội dung bài đọc: *Tình cảm yêu quý ngôi trường của bạn nhỏ.*
- HS liên hệ bản thân: *biết yêu quý ngôi trường của mình.*

1.3. Luyện đọc lại

- HS nêu cách hiểu của các em về nội dung bài. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc phù hợp cho bài thơ và một số từ ngữ cần nhấn giọng.
- HS nghe GV đọc lại hai khổ thơ đầu.
- HS luyện đọc trước lớp, luyện đọc trong nhóm hai khổ thơ đầu.
- HS luyện đọc thuộc lòng khổ thơ thứ nhất theo cách GV hướng dẫn (Phương pháp xoá dần).
- HS luyện đọc thuộc lòng hai khổ thơ em thích trong nhóm đôi.
- Một vài HS thi đọc thuộc lòng hai khổ thơ em thích trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

1.4. Luyện tập mở rộng

- HS xác định yêu cầu của hoạt động *Cùng sáng tạo – Điều em muốn nói.*
- HS trao đổi trong nhóm nhỏ: nói – viết câu thể hiện tình cảm yêu quý, kính trọng biết ơn thầy cô giáo, các cô chú bác làm việc ở trường.
- HS nghe một vài nhóm trình bày kết quả trước lớp và nghe GV nhận xét kết quả (GV tôn trọng, khuyến khích HS; chỉ nhắc nhở những lời nói/ câu viết ảnh hưởng đến giáo dục đạo đức, thuần phong mỹ tục.).

TIẾT 3, 4

2. Viết

2.1. Luyện viết chữ M hoa

- HS quan sát mẫu chữ *M* hoa, xác định chiều cao, độ rộng, cấu tạo nét chữ của con chữ *M* hoa.
- HS quan sát GV viết mẫu và nêu quy trình viết chữ *M* hoa.
- HS viết chữ *M* hoa vào bảng con.
- HS tô và viết chữ *M* hoa vào VTV.

2.2. Luyện viết câu ứng dụng

- HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu ứng dụng “*Mỗi người một vẻ.*”.
- HS nghe GV nhắc lại quy trình viết chữ *M* hoa và cách nối từ chữ *M* hoa sang chữ *ô*.
- HS quan sát cách GV viết chữ *Mỗi*.
- HS viết chữ *Mỗi* và câu ứng dụng “*Mỗi người một vẻ.*” vào VTV.

2.3. Luyện viết thêm

- HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu thơ:

Mùa thu đến tự buổi nào

Mà nghe tiếng lá xôn xao khắp vườn.

Nguyễn Thị Hồng Ngát

- HS viết chữ hoa *M* hoa, chữ *Mùa* và câu thơ vào VTV.

2.4. Đánh giá bài viết

- HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn.
- HS nghe GV nhận xét một số bài viết.

3. Luyện từ

3.1. Tìm từ ngữ chỉ đặc điểm có trong đoạn văn

- HS tìm từ ngữ theo yêu cầu BT 3a, viết vào VBT (*mới, cũ, xa, vàng, đỏ*; lưu ý: *lấp ló* là từ chỉ trạng thái, tuy nhiên nếu HS nào nêu *lấp ló* thì cũng nên ghi nhận, vì nhiều khi từ chỉ đặc điểm và trạng thái rất khó phân biệt).
- Một vài HS trình bày kết quả.
- HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.

3.2. Tìm từ ngữ chỉ đặc điểm của trường em

- HS tìm từ ngữ theo yêu cầu BT 3b trong nhóm 4 theo hình thức *Khăn trải bàn* hoặc *Mảnh ghép* (mỗi HS chọn một khu vực: lớp học (rộng, sạch, thoáng,...)/ thư viện (rộng, sạch, thoáng, nhiều sách báo, ngăn nắp, gọn gàng,...)/ vườn trường (rộng, mát, đẹp, nhiều cây,...)/... và tìm 1 – 2 từ chỉ đặc điểm của khu vực đó); thống nhất kết quả trong nhóm.
- HS ghi kết quả vào VBT.
- Một vài nhóm HS trình bày kết quả (gợi ý: Trò chơi *Tiếp sức/ Truyền điện*).
- HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.
- HS tìm thêm một số từ ngữ chỉ đặc điểm của một vài khu vực học tập của trường.

4. Luyện câu

- HS xác định yêu cầu của BT 4.
- HS đặt câu theo yêu cầu BT trong nhóm nhỏ.
- HS viết vào VBT hai câu đã đặt.
- Một vài HS trình bày kết quả trước lớp.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.

C. Vận dụng

Chơi trò chơi *Ca sĩ nhí*

- HS xác định yêu cầu của hoạt động.
- HS hát/ nghe hát bài hát về mái trường.
- HS thảo luận trong nhóm nhỏ, nói về bài hát.
- Một vài nhóm HS nói trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

BÀI 4: GÓC NHỎ YÊU THƯƠNG (tiết 15 – 20, SHS, tr.109 – 113)

I. MỤC TIÊU

1. Giới thiệu được về nơi em thường đọc sách; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài qua tên bài và tranh minh hoạ.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: *Thư viện xanh là thư viện ngoài trời, có nhiều góc đọc sách thú vị, là góc nhỏ yêu thương của các bạn học sinh trong trường*; biết liên hệ bản thân: *yêu quý thư viện*.
3. Nghe – viết đúng đoạn văn; phân biệt *g/gh, au/âu, ac/at*.
4. Mở rộng được vốn từ về trường học (từ ngữ chỉ đặc điểm); câu *Ai thế nào?*
5. Nghe – kể được từng đoạn của câu chuyện *Loài chim học xây tổ* theo tranh và từ ngữ gợi ý; kể lại được toàn bộ câu chuyện.
6. Giới thiệu được đồ vật quen thuộc.
7. Chia sẻ được một bài văn đã đọc về trường học.
8. Trao đổi được về cách bảo quản sách.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Tranh ảnh, audio, video clip truyện *Loài chim học xây tổ* (nếu có).
- HS mang tới lớp sách/ báo có bài văn về trường học đã đọc.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1, 2

A. Khởi động

- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, nói với bạn về nơi em thường đến đọc sách.
- HS đọc tên bài kết hợp với quan sát tranh minh hoạ để phán đoán nội dung bài đọc: nhân vật, hoạt động của nhân vật, nơi nhân vật đang xuất hiện.
- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Góc nhỏ yêu thương*.

B. Khám phá và luyện tập

1. Đọc

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: giọng thông thả, vui tươi, nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ đặc điểm của thư viện xanh và các đồ vật ở thư viện như *rop mát, bắt mắt, hay và đẹp*, các hoạt động của học sinh ở thư viện như *chia sẻ câu chuyện, ngồi đọc sách trên xích đu, nằm đọc thoải mái*).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *rop mát, chia sẻ, xích đu, thánh thót, ...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ và luyện đọc một số câu dài: *Giờ ra chơi, // chúng em chạy ùa đến đây để gặp lại // những người bạn bước ra từ trang sách; Có rất nhiều loại sách hay và đẹp // để chúng em chọn đọc như // Truyện cổ tích, // Những câu hỏi vì sao, // Vũ trụ kì thú, ...*

– HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp.

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó, VD: *rop mát* (nhiều cây che bóng mát), *thánh thót* (hót vang lên), *truyện cổ tích* (truyện kể dân gian thể hiện tình cảm, đạo đức, mơ ước của nhân dân, mang yếu tố thần kì); *vũ trụ* (khoảng không gian vô cùng tận, chứa các thiên hà); *kì thú* (có tác dụng gây hứng thú đặc biệt).

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

– HS trao đổi với cả lớp, lắng nghe bổ sung của GV.

– HS nêu nội dung bài đọc: *Thư viện xanh là thư viện ngoài trời, có nhiều góc đọc sách thú vị, là góc nhỏ yêu thương của các bạn học sinh trong trường.*

– HS liên hệ bản thân: *yêu quý thư viện.*

1.3. Luyện đọc lại

- HS nêu cách hiểu của các em về nội dung bài. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc và một số từ ngữ cần nhấn giọng.
- HS nghe GV đọc lại đoạn từ đầu đến *trang sách*.
- HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn từ đầu đến *trang sách*.
- HS khá, giỏi đọc cả bài.

2. Viết

2.1. Nghe – viết

- HS đọc đoạn văn, trả lời câu hỏi về nội dung của đoạn văn.
- HS đánh vần một số tiếng/ từ khó đọc, dễ viết sai do cấu tạo hoặc do ảnh hưởng của phương ngữ, VD: *bõ ngỗ, trắng, ...*; hoặc do ngữ nghĩa và tìm hiểu nghĩa một số từ ngữ: *gỗ xoan đào* (loại gỗ lấy từ cây xoan đào - một loại cây thân gỗ), *vân* (những đường cong lượn song song hình thành tự nhiên trên mặt gỗ, trên mặt đá hay đầu ngón tay).
- HS nghe GV đọc từng cụm từ, câu và viết đoạn văn vào VBT (GV không bắt buộc HS viết hoa chữ chưa học).
- HS nghe GV đọc lại bài viết, tự đánh giá phần viết của mình và của bạn.
- HS nghe GV nhận xét một số bài viết.

2.2. Luyện tập chính tả – Phân biệt g/gh

- HS xác định yêu cầu của BT 2b.
- HS quan sát tranh, trao đổi trong nhóm đôi, viết câu trả lời vào VBT.
- HS nêu kết quả trước lớp và lắng nghe GV nhận xét kết quả, xem tranh GV đưa ra (nếu có) (*gương, gối, ghế, ngựa gỗ, ghép hình*).
- HS xem lại câu trả lời của mình.

2.3. Luyện tập chính tả – Phân biệt au/âu, ac/at

- HS xác định yêu cầu của BT 2(c).
- HS trao đổi trong nhóm đôi, điền tiếng phù hợp vào VBT.
- Một vài nhóm nêu kết quả trước lớp.
- HS nghe GV nhận xét kết quả và xem lại câu trả lời của mình.

TIẾT 3, 4

3. Luyện từ

- HS xác định yêu cầu của BT 3.

- HS tìm từ ngữ theo yêu cầu trong nhóm nhỏ, viết từ ngữ tìm được lên bảng con.
- HS nói trước lớp các từ vừa tìm được.
- HS nghe GV nhận xét kết quả.

4. Luyện câu

- HS xác định yêu cầu của BT 4a, đặt 1 – 2 câu có từ ngữ ở BT 3 trong nhóm nhỏ.
- HS nói trước lớp câu đặt theo yêu cầu.
- HS nghe bạn và GV nhận xét câu.
- HS viết vào VBT 1 – 2 câu vừa nói.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.
- HS đặt câu hỏi theo yêu cầu BT 4b trong nhóm đôi.
- HS nói trước lớp câu đặt theo yêu cầu.
- HS nghe bạn và GV nhận xét câu.

5. Kể chuyện (Nghe – kể)

LOÀI CHIM HỌC XÂY TỔ

- Phượng hoàng mở lớp học dạy các loài chim về cách làm tổ. Nó nói:
 - Làm tổ không dễ.
 Gà mới nghe đã ngủ gà ngủ gật.
- Phượng hoàng tiếp tục hướng dẫn:
 - Trước hết phải tìm trên cây chỗ có chạc ba. Rồi tìm những cành dẻo, uốn cong lại, đan thành một cái ổ con...
 Vừa nghe đến đây, cú nghĩ xây tổ dễ ợt. Nó liền bay đi.
- Phượng hoàng vẫn tiếp tục hướng dẫn cách làm tổ. Én vẫn say sưa lắng nghe và làm theo chỉ dẫn của phượng hoàng. Sau khi tổ đã bện xong, én dùng đất sét trát lại, rải bên trong một ít rom mềm. Nó cảm ơn phượng hoàng, cúi đầu chào rồi bay vút lên trời xanh.
- Thế là các loài chim bắt đầu làm tổ.

Vì ngủ gật, gà không học được bài học xây tổ, con người phải làm tổ sẵn cho nó. Cú không nghe giảng đầy đủ, nên cũng chẳng có tổ. Cú phải sống trong những hốc cây tối tăm. Chỉ có én, một học sinh chăm chỉ, đã làm nhà mình theo đúng cách. Nhờ đó, tổ én luôn luôn xinh xắn, ấm áp.

Theo Truyện cổ tích Ấn Độ, Thái Bình kể

5.1. Nghe GV kể chuyện Loài chim học xây tổ

- HS quan sát tranh, đọc tên truyện và phán đoán nội dung câu chuyện.

– HS nghe GV kể chuyện lần thứ nhất (có thể dùng tệp ghi âm giọng kể) để kiểm tra phán đoán. GV vừa kể vừa dùng các câu hỏi kích thích sự phỏng đoán, trí tò mò nhằm thu hút sự tập trung chú ý của HS.

– HS trao đổi về phán đoán của mình sau khi nghe câu chuyện.

– HS nghe GV kể chuyện lần thứ hai (có thể dùng tệp ghi âm và ghi hình giọng kể phối hợp với tranh, hình ảnh động minh hoạ) kết hợp quan sát từng tranh minh hoạ để ghi nhớ nội dung từng đoạn của câu chuyện.

*** Lưu ý:** Trước khi kể, GV giải thích cho HS:

- Gà thuộc bộ chim, chiếm số lượng lớn nhất trong bộ chim.
- Gà rừng không phải lúc nào cũng làm tổ. Chỉ khi đến mùa sinh sản, gà mái mới làm tổ hết sức đơn giản để sinh và nuôi con non.

5.2. Kể từng đoạn của câu chuyện

– HS quan sát tranh và câu hỏi gợi ý để kể lại từng đoạn, hai đoạn truyện trước lớp.

– HS kể từng đoạn của câu chuyện trong nhóm nhỏ. (GV hướng dẫn HS sử dụng ánh mắt, cử chỉ khi kể; phân biệt giọng các nhân vật.)

– Nhóm HS kể nối tiếp từng đoạn của câu chuyện trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét phần kể chuyện.

5.3. Kể toàn bộ câu chuyện

– HS kể toàn bộ câu chuyện trong nhóm đôi.

– Một vài HS kể toàn bộ câu chuyện trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét phần kể chuyện.

– HS trao đổi với bạn về nội dung câu chuyện.

TIẾT 5, 6

6. Luyện tập giới thiệu đồ vật quen thuộc

6.1. Luyện tập nói

– HS xác định yêu cầu của BT 6a, quan sát tranh và trả lời các câu hỏi gợi ý.

– HS nói toàn bộ phần giới thiệu (4 – 5 câu) về một quyển sách lớp Hai.

– Một vài HS nói trước lớp.

– HS nhận xét cách các bạn giới thiệu về một quyển sách lớp Hai.

– HS nghe bạn và GV nhận xét phần nói của mình.

6.2. Viết vào vở nội dung vừa nói

- HS xác định yêu cầu của BT 6b, viết vào VBT.
- HS trao đổi bài viết với bạn.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

C. Vận dụng

1. Đọc mở rộng

1.1. Chia sẻ về một bài văn đã đọc về trường học

- HS xác định yêu cầu của BT 1a.
- HS chia sẻ với bạn trong nhóm nhỏ về tên bài văn, tên tác giả, hình ảnh đẹp em thích trong bài văn,...
- Một vài HS chia sẻ trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

1.2. Viết Phiếu đọc sách (trong VBT)

- HS viết vào *Phiếu đọc sách* tên bài văn, tên tác giả và hình ảnh đẹp.
- Một vài HS chia sẻ *Phiếu đọc sách* trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2. Trao đổi cách bảo quản sách

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS nghe GV gợi ý như: *làm thế nào để sách luôn sạch sẽ, không lám bẩn, có nên viết bút mực vào sách không,...*
- HS trao đổi trong nhóm đôi về cách mình bảo quản sách.
- HS nghe bạn nhận xét.

CHỦ ĐIỂM 7: BẠN THÂN Ở TRƯỜNG (TUẦN 14 – 15)

Chủ điểm *Bạn thân ở trường* hướng đến việc bồi dưỡng phẩm chất *nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm*: nhận ra được ích lợi, yêu quý, biết giữ gìn những đồ dùng học tập quen thuộc; biết tôn trọng, quan tâm, chia sẻ với bạn bè.

BÀI 1: CHUYỆN CỦA THƯỚC KẼ (tiết 1 – 4, SHS, tr.114 – 116)

I. MỤC TIÊU

1. Giới thiệu được với bạn về một đồ dùng học tập mà em thích; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài qua tên bài và tranh minh hoạ.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; phân biệt được lời của các nhân vật và lời người dẫn chuyện; hiểu nội dung bài đọc: *Mỗi đồ vật đều có ích, không nên kiêu căng, chỉ nghĩ đến ích lợi của bản thân, coi thường người khác; biết liên hệ bản thân: không kiêu căng, tự phụ, biết quan tâm người khác*. Biết đọc phân vai cùng với bạn.
3. Viết đúng chữ *N* hoa và câu ứng dụng.
4. Giải được câu đố, tìm được từ ngữ chỉ đồ vật và màu sắc của nó; đặt và trả lời được câu hỏi *Ai thế nào?* theo mẫu.
5. Vẽ được đồ dùng học tập, đặt được tên cho bức vẽ và giới thiệu được về bức vẽ với người thân.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Mẫu chữ viết hoa *N*.
- Tranh ảnh minh hoạ thước kẻ, bút mực và bút chì (nếu có).
- Bảng phụ ghi đoạn từ *Nhưng ít lâu sau* đến *cho thẳng*.
- Thẻ từ ghi sẵn các từ ngữ ở BT 3 để tổ chức cho HS chơi trò chơi.
- HS mang bút màu để vẽ đồ dùng học tập em thích.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1, 2

A. Khởi động

- HS nghe GV giới thiệu tên chủ điểm và nêu cách hiểu hoặc suy nghĩ của em về tên chủ điểm *Bạn thân ở trường*.
- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, giới thiệu với bạn về một đồ dùng học tập mình thích: tên đồ dùng, miêu tả hình dáng, công dụng,...

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Chuyện của thước kẻ*.

– HS đọc tên bài kết hợp với quan sát tranh minh hoạ để phán đoán nội dung bài đọc: nhân vật, lời nói của các nhân vật,...

B. Khám phá và luyện tập

1. Đọc

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: đọc phân biệt giọng nhân vật: giọng người dẫn chuyện với giọng kẻ thông thả, nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ đặc điểm của đồ vật; giọng bút mực: nhẹ nhàng, chân thành; giọng thước kẻ: kiêu căng).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *cặp sách, uốn, uốn...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ và luyện đọc một số câu dài: *Mỗi hình vẽ đẹp,/ mỗi đường kẻ thẳng tắp/ là niềm vui chung của cả ba, //; Nhưng ít lâu sau,/ thước kẻ nghĩ/ bút mực và bút chì/ phải nhờ đến mình mới làm được việc. //;...*

– HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp.

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó, VD: *uốn* (làm cho ngực hay bụng nhô ra phía trước bằng cách hơi ngửa người về đằng sau), *uốn* (làm cho một vật từ thẳng thành cong hoặc ngược lại), *thẳng tắp* (thẳng thành một đường dài),...

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

– HS nêu nội dung bài đọc: *Mỗi đồ vật đều có ích, không nên kiêu căng, chỉ nghĩ đến ích lợi của bản thân, coi thường người khác.*

– HS liên hệ bản thân: *không kiêu căng, tự phụ, biết quan tâm người khác.*

1.3. Luyện đọc lại

– HS nêu cách hiểu của các em về nội dung bài. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc của từng nhân vật và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV đọc lại đoạn từ *Nhưng ít lâu sau* đến *cho thẳng*.

– HS luyện đọc giọng của bút mực, thước kẻ và luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn từ *Nhưng ít lâu sau* đến *cho thẳng*.

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

1.4. Luyện tập mở rộng

– HS xác định yêu cầu của hoạt động *Cùng sáng tạo – Giọng ai cũng hay*.

– HS đọc phân vai theo nhóm nhỏ (HS luân phiên đổi vai đọc).

- HS nghe một vài nhóm đọc phân vai trước lớp và nghe GV nhận xét.

TIẾT 3, 4

2. Viết

2.1. Luyện viết chữ N hoa

- HS quan sát mẫu chữ N hoa, xác định chiều cao, độ rộng, cấu tạo nét chữ của con chữ N hoa.
- HS quan sát GV viết mẫu và nêu quy trình viết chữ N hoa.
- HS viết chữ N hoa vào bảng con.
- HS tô và viết chữ N hoa vào VTV.

2.2. Luyện viết câu ứng dụng

- HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu ứng dụng “Nói hay, làm tốt.”.
- HS nghe GV nhắc lại quy trình viết chữ N hoa, cách viết nối tiếp từ chữ N hoa sang chữ o.
- HS quan sát cách GV viết chữ Nói.
- HS viết chữ Nói và câu ứng dụng “Nói hay, làm tốt.” vào VTV.

2.3. Luyện viết thêm

- HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu ca dao:

*Nhiều điều phải lấy giá gương
Người trong một nước phải thương nhau cùng.*
Ca dao

- HS viết chữ N hoa, chữ Nhiều và câu ca dao vào VTV.

2.4. Đánh giá bài viết

- HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn.
- HS nghe GV nhận xét một số bài viết.

3. Luyện từ

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS đọc thầm câu đố, giải câu đố và tìm 3 – 4 từ ngữ chỉ đồ vật và màu sắc của đồ vật đó (bảng – đen/ xanh/ trắng, viên phấn – trắng/ xanh/ đỏ/ vàng, bút – xanh/ đen, giá sách – hồng/ xám/ nâu,...) Lưu ý: không hạn chế phạm vi đồ vật); chia sẻ kết quả trong nhóm đôi/ nhóm nhỏ.
- HS chơi tiếp sức viết tên và chất liệu của đồ vật.

- HS nghe GV nhận xét kết quả.

4. Luyện câu

- HS xác định yêu cầu của BT 4a, đặt 2 – 3 câu có từ ngữ ở BT 3 trong nhóm nhỏ.
- HS nói trước lớp câu đặt theo yêu cầu.
- HS nghe bạn và GV nhận xét câu.
- HS viết vào VBT 2 – 3 câu vừa nói.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.
- HS đặt câu hỏi theo yêu cầu BT 4b trong nhóm đôi.
- HS nói trước lớp câu đặt theo yêu cầu.
- HS nghe bạn và GV nhận xét câu.

C. Vận dụng

Chơi trò chơi *Họa sĩ nhí*

1. Vẽ một đồ dùng học tập em thích

- HS xác định yêu cầu của hoạt động.
- HS vẽ một đồ dùng học tập em thích.

2. Đặt tên và giới thiệu bức vẽ với người thân.

- HS tự đặt tên và chia sẻ bức vẽ, tên em đặt với bạn.
- HS chia sẻ bức vẽ, tên em đặt với người thân.

BÀI 2: THỜI KHOÁ BIỂU (tiết 5 – 10, SHS, tr.117 – 121)

I. MỤC TIÊU

1. Kể được tên các môn em học ở lớp Hai; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài qua tên bài.
2. Đọc được thời khoá biểu theo hai cách; hiểu nội dung bài đọc: *Thời khoá biểu giúp em biết được các môn học trong ngày, trong tuần học*; liên hệ bản thân: biết học và làm việc theo thời khoá biểu.
3. Nghe – viết đúng đoạn văn; phân biệt *g/gh; ch/tr; ao/au*.
4. Mở rộng được vốn từ về đồ dùng học tập (giải ô chữ về đồ dùng học tập); đặt và trả lời được câu hỏi *Để làm gì?*
5. Nói và đáp được lời chào, nói được lời khuyên bảo.
6. Tả được đồ vật quen thuộc.

7. Chia sẻ được một truyện đã đọc về bạn bè.
8. Chia sẻ được với bạn cách em chuẩn bị sách vở hàng ngày, trang trí thời khoá biểu.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Tranh ảnh, video clip một số đồ vật quen thuộc như bút máy, bút chì (nếu có).
- HS chuẩn bị bút màu và vật dụng để trang trí thời khoá biểu.
- HS mang tới lớp sách/ báo có bài đọc về đồ dùng học tập đã đọc.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1, 2

A. Khởi động

- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, cùng bạn kể tên các môn em học ở lớp Hai.
- HS đọc tên bài và kết hợp với nội dung khởi động để phán đoán nội dung bài đọc.
- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Thời khoá biểu*.

B. Khám phá và luyện tập

1. Đọc

1.1. Luyện đọc thành tiếng

- HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: đọc theo từng ngày và theo buổi).
- HS nghe GV hướng dẫn cách đọc bảng.
- HS đọc thành tiếng trong nhóm nhỏ và trước lớp.

1.2. Luyện đọc hiểu

- HS giải thích nghĩa của một số từ khó, VD: *thời khoá biểu* (bảng kê thời gian lên lớp các môn học khác nhau của từng ngày trong tuần),...
- HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.
- HS nêu nội dung bài đọc: *Thời khoá biểu giúp em biết được các môn học trong ngày, trong tuần học.*
- HS liên hệ bản thân: *biết học và làm việc theo thời khoá biểu.*

1.3. Luyện đọc lại

- HS luyện đọc thời khoá biểu một buổi trong nhóm, trước lớp.
- HS đọc nối tiếp thời khoá biểu theo buổi.

2. Viết

2.1. Nghe – viết

- HS đọc đoạn văn, trả lời câu hỏi về nội dung của đoạn văn.
- HS đánh vần một số tiếng/ từ khó đọc, dễ viết sai do cấu tạo hoặc do ảnh hưởng của phương ngữ, VD: *cặp sách, thẳng tắp, ...*
- HS nghe GV đọc từng cụm từ ngữ và viết đoạn văn vào VBT. (GV hướng dẫn HS: lùi vào một ô khi bắt đầu viết đoạn văn. Viết dấu chấm cuối câu. Không bắt buộc HS viết những chữ hoa chưa học.)
- HS nghe GV đọc lại bài viết, tự đánh giá phần viết của mình và của bạn.
- HS nghe GV nhận xét một số bài viết.

2.2. Luyện tập chính tả – Phân biệt g/gh

- HS xác định yêu cầu của BT 2b.
- HS tìm từ ngữ bắt đầu *g/gh* phù hợp gợi ý đã cho trong nhóm đôi.
- HS chia sẻ kết quả.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.3. Luyện tập chính tả – Phân biệt ch/tr, ao/au

- HS xác định yêu cầu của BT 2(c).
- HS thực hiện BT vào VBT (điền *ch/tr*, giải đố: gương/ điền *ao/au*, giải đố: đôi dép/ đôi giày).
- HS chia sẻ kết quả trong nhóm đôi.
- HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 3, 4

3. Luyện từ

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS trao đổi trong nhóm đôi tìm từ ngữ theo gợi ý. Chia sẻ kết quả trước lớp.
(Đáp án: 1. *thời khoá biểu*, 2. *chạy*, 3. *phấn*, 4. *bút*, 5. *đèn*; Từ khoá: *bạn bè*)
- HS viết các từ ngữ tìm được vào ô chữ ở VBT.
- HS chia sẻ kết quả.
- HS nghe GV nhận xét kết quả.

4. Luyện câu

- HS xác định yêu cầu của BT 4.
- HS đặt câu theo yêu cầu BT trong nhóm đôi.
- HS nói trước lớp câu đặt theo yêu cầu.
- HS nghe bạn và GV nhận xét câu.
- HS viết vào VBT 1 – 2 câu có chứa từ ngữ tìm được ở BT 3.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.
- HS đặt câu hỏi theo yêu cầu BT 4b trong nhóm đôi.
- HS nói trước lớp câu đặt theo yêu cầu.
- HS nghe bạn và GV nhận xét câu.

5. Nói và nghe

5.1. Nói và đáp lời chào

- HS xác định yêu cầu của BT 5a.
- HS thực hiện nhóm đôi nói và đáp lời chào để làm quen với một người bạn mới, khi gặp bạn cùng lớp.
- HS nói và nghe bạn đáp, đổi vai cho nhau.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

5.2. Nói lời khuyên bảo

- HS xác định yêu cầu của BT 5b.
- HS đọc thầm lời của thước kẻ để suy nghĩ lời khuyên bảo của một đồ dùng học tập khác.
- HS đóng vai một đồ dùng học tập để nói lời khuyên bảo thước kẻ phù hợp với tình huống đã đọc.
- HS nói trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 5, 6

6. Tả đồ vật quen thuộc

6.1. Phân tích mẫu

- HS xác định yêu cầu của BT 6a, quan sát tranh và trả lời câu hỏi trong nhóm đôi.
- Một vài HS nói trước lớp.
- HS tìm thêm những từ ngữ để tả mỗi bộ phận của chiếc bút.

– HS nói về những nội dung cần lưu ý khi tả một đồ dùng học tập (những ý chọn tả, cách sắp xếp ý, cách dùng từ ngữ, ...).

6.2. Viết câu

- HS xác định yêu cầu của BT 6b.
- HS quan sát hình vẽ và các từ ngữ gợi ý.
- HS thực hành viết 4 – 5 câu vào VBT.
- Một vài HS đọc bài trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

C. Vận dụng

1. Đọc mở rộng

1.1. Chia sẻ một truyện đã đọc về bạn bè

- HS xác định yêu cầu của BT 1a.
- HS chia sẻ trong nhóm nhỏ về tên truyện, tên tác giả, nhân vật, đặc điểm, điều em thích.
- Một vài HS chia sẻ trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

1.2. Viết Phiếu đọc sách (trong VBT)

- HS viết vào *Phiếu đọc sách* tên truyện, nhân vật, đặc điểm, điều em thích.
- Một vài HS chia sẻ *Phiếu đọc sách* trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2. Hoạt động mở rộng

1. Chia sẻ với bạn cách chuẩn bị sách vở

- HS xác định yêu cầu của BT 2a.
- HS chia sẻ với bạn về cách chuẩn bị sách vở hàng ngày.

2. Trang trí thời khoá biểu

- HS xác định yêu cầu của BT 2b.
- HS xem lại thời khoá biểu, trang trí thời khoá biểu theo cách em thích.
- HS chia sẻ với bạn và GV cách trang trí thời khoá biểu của em.
- HS dán thời khoá biểu vào góc học tập cá nhân.

BÀI 3: KHI TRANG SÁCH MỞ RA (tiết 11 – 14, SHS, tr.122 – 124)

I. MỤC TIÊU

1. Chia sẻ được với bạn một vài điều thú vị em đọc được từ sách; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài qua tên bài và tranh minh hoạ.
2. Đọc trôi chảy bài thơ, ngắt nghỉ đúng nhịp, dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; giọng đọc vui tươi, hồn nhiên, thể hiện cảm xúc thú vị khi đọc bài; hiểu nội dung bài đọc: *Sách là người bạn đem lại cho em những hiểu biết mới mẻ, thú vị; biết liên hệ bản thân: yêu quý, bảo quản giữ gìn sách, chăm đọc sách*; nêu được nội dung về sách, báo theo mẫu.
3. Viết đúng chữ O hoa và câu ứng dụng.
4. Tìm được từ ngữ chỉ đồ vật; đặt và trả lời được câu hỏi về công dụng của đồ dùng học tập theo mẫu
5. Trao đổi được về lợi ích của việc đọc sách.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Tranh ảnh hoặc video clip cảnh đẹp có biển, rừng, cánh chim,...
- Mẫu chữ viết hoa O.
- Bảng phụ ghi hai khổ thơ cuối.
- Thẻ từ để HS ghi các từ ngữ ở BT 3.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1, 2

A. Khởi động

- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, chia sẻ với bạn một vài điều thú vị em đọc được từ sách.
- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Khi trang sách mở ra*.
- HS đọc tên bài kết hợp với quan sát tranh minh hoạ để phán đoán nội dung bài đọc: cảnh đẹp, cuộc sống yên bình, những điều mới lạ, ... từ sách.

B. Khám phá và luyện tập

1. Đọc

1.1. Luyện đọc thành tiếng

- HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: giọng vui tươi, thể hiện sự ngạc nhiên).
- HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *cánh bướm, ướt, dạt dào, sóng vỗ, ...*; hướng dẫn đọc đúng nhịp của dòng thơ, khổ thơ.

- HS đọc thành tiếng từng dòng, khổ thơ, bài thơ trong nhóm nhỏ và trước lớp.

1.2. Luyện đọc hiểu

- HS giải thích nghĩa của một số từ khó, VD: *chân trời* (đường giới hạn của tầm mắt ở nơi xa tít, trông tưởng như bầu trời tiếp xúc với mặt đất hay mặt biển), *đạt dào* (tràn đầy, tràn ngập, do dâng lên, nhiều và liên tục),...
- HS đọc thầm lại bài thơ và thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.
- HS nêu nội dung bài đọc: *Sách là người bạn đem lại những hiểu biết mới mẻ, thú vị.*
- HS liên hệ bản thân: *yêu quý, bảo quản giữ gìn sách, chăm đọc sách.*

1.3. Luyện đọc lại

- HS nêu cách hiểu của các em về nội dung bài. Từ đó, xác định giọng đọc của bài và một số từ ngữ cần nhấn giọng.
- HS nghe GV đọc lại hai khổ thơ cuối.
- HS luyện đọc trong nhóm hai khổ thơ cuối.
- HS học thuộc lòng khổ thơ thứ nhất theo cách GV hướng dẫn (Phương pháp xoá dần).
- HS đọc thuộc lòng hai khổ thơ em thích trong nhóm đôi.
- Một vài HS thi đọc thuộc lòng hai khổ thơ em thích trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

1.4. Luyện tập mở rộng

- HS xác định yêu cầu của hoạt động *Cùng sáng tạo – Vui cùng sách báo.*
- HS trao đổi trong nhóm nhỏ và thực hiện BT vào VBT (lưu ý không gò ép HS, chấp nhận những cách nói: “Trong sách toán có nhiều bài khó quá.”, GV chỉ chỉnh sửa nếu cách nói của HS ảnh hưởng đến thuần phong mỹ tục, đạo đức hoặc sai ngữ pháp/ viết sai chính tả).
- HS nghe một vài HS trình bày kết quả trước lớp và nghe GV nhận xét kết quả.

TIẾT 3, 4

2. Viết

2.1. Luyện viết chữ O hoa

- HS quan sát mẫu chữ O hoa, xác định chiều cao, độ rộng, cấu tạo nét chữ của con chữ O hoa.
- HS quan sát GV viết mẫu và nêu quy trình viết chữ O hoa.
- HS viết chữ O hoa vào bảng con.
- HS tô và viết chữ O hoa vào VTV.

2.2. Luyện viết câu ứng dụng

- HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu ứng dụng “*Ong chăm làm mật.*”.
- HS nghe GV nhắc lại quy trình viết chữ *O* hoa và cách nối từ chữ *O* hoa sang chữ *n*.
- HS quan sát cách GV viết chữ *Ong*.
- HS viết chữ *Ong* và câu ứng dụng “*Ong chăm làm mật.*” vào VTV.

2.3. Luyện viết thêm

- HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu thơ:

*Ong bay qua những cánh đồng
Mang theo hương lúa thơm nồng trên lưng.*

Trà Ngân

- HS viết chữ *O* hoa, chữ *Ong* và câu thơ vào VTV.

2.4. Đánh giá bài viết

- HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn.
- HS nghe GV nhận xét một số bài viết.

3. Luyện từ

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS quan sát tranh, đọc các khổ thơ, thảo luận nhóm nhỏ để tìm từ ngữ chỉ đồ vật có trong khổ thơ. Chia sẻ kết quả trước lớp. (HS có thể tìm từ hoặc từ ngữ: *cặp/ chiếc cặp – thước/ cây thước – gồm/ thôi gồm – sách/ quyển sách/ sách – bút/ cây bút – vở/ quyển vở – bàn ghế/ – mực – phấn – bảng*.)
- HS nghe GV nhận xét kết quả.
- HS tìm thêm một số từ ngữ chỉ đồ vật (ngoài hai khổ thơ).

4. Luyện câu

- HS xác định yêu cầu của BT 4, quan sát câu mẫu.
- HS đặt câu hỏi theo yêu cầu BT trong nhóm đôi.
- HS nghe bạn và GV nhận xét câu.
- HS viết vào VBT câu hỏi đã đặt được.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.

C. Vận dụng

- HS đọc yêu cầu của hoạt động.
- HS nêu các lợi ích của việc đọc sách.
- HS trao đổi với người thân về lợi ích của việc đọc sách.

BÀI 4: BẠN MỚI (tiết 15 – 20, SHS, tr.125 – 129)

I. MỤC TIÊU

1. Nói được với bạn những điều em học được ở các bạn trong lớp; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài qua tên bài và tranh minh hoạ.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: *Những điều thú vị khi được làm quen với những người bạn mới*; biết liên hệ bản thân: *quý mến, tôn trọng bạn bè*.
3. Nghe – viết đúng đoạn thơ; phân biệt *g/gh, ay/ây, an/ang*.
4. Tìm được từ ngữ chỉ hoạt động; đặt và trả lời được câu hỏi *Làm gì?*
5. Kể được truyện *Chuyện của thước kẻ* đã đọc và đặt được tên khác cho truyện.
6. Tả được đồ vật quen thuộc.
7. Chia sẻ được một bài đã đọc về bạn bè.
8. Giới thiệu được với bạn về trang phục em thích.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Bài viết đoạn từ *Bạn thứ hai* đến *hàng khuy vải xinh xinh* để hướng dẫn HS luyện đọc.
- Tranh ảnh, audio, video clip truyện *Chuyện của thước kẻ* (nếu có).
- HS mang tới lớp sách/ báo có bài thơ về tình cảm bạn bè đã đọc.
- HS chuẩn bị hình ảnh về trang phục em thích (nếu có).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1, 2

A. Khởi động

- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, nói với bạn về những điều em thấy thú vị ở một bạn trong lớp.
- HS đọc tên bài kết hợp với quan sát tranh minh hoạ để phán đoán nội dung bài đọc: nhân vật, trang phục dân tộc, điểm thú vị của nhân vật,...
- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Bạn mới*.

B. Khám phá và luyện tập

1. Đọc

1.1. Luyện đọc thành tiếng

- HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: giọng thông thả, nhấn giọng ở một số từ ngữ chỉ đặc điểm hình dáng, trang phục của bạn Sa Li và bạn Vừ).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *làn da, dày rộp, xéch, hàng khuy, ...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ và luyện đọc một số câu dài: *Bạn mặc chiếc áo dài màu hồng phấn, / nhưng không xẻ tà / như áo dài của cô giáo. //*; *Sa Li nói / chiếc áo dài này / là trang phục truyền thống của dân tộc Chăm. //*;...

– HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp.

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó, VD: *dày rộp* (nhiều đến mức phủ xuống), *truyền thống* (thói quen hình thành đã lâu đời trong lối sống và nếp nghĩ, được truyền lại từ thế hệ này sang thế hệ khác), *xéch* (không ngay ngắn, có một bên như bị kéo ngược lên), *màu chàm* (màu lam sẫm, giữa màu tím và màu lam), *khuy* (cúc áo),...

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

– HS nêu nội dung bài đọc: *Những điều thú vị khi được làm quen với những người bạn mới.*

– HS liên hệ bản thân: *quý mến, tôn trọng bạn bè.*

1.3. Luyện đọc lại

– HS nêu cách hiểu của các em về nội dung bài. Từ đó xác định được giọng đọc và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV đọc lại đoạn từ *Bạn thứ hai* đến *hàng khuy vải xinh xinh*.

– HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp.

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

2. Viết

2.1. Nghe – viết

– HS nghe đọc bài thơ, trả lời câu hỏi về nội dung của bài thơ.

– HS đánh vần một số tiếng/ từ khó đọc, dễ viết sai do cấu tạo hoặc do ảnh hưởng của phương ngữ, VD: *răng khểnh, lúm, rặng rờ, lung la lung linh, ...*; do ngữ nghĩa, VD: *dịu*.

– HS nghe GV đọc từng cụm từ ngữ và viết bài thơ vào VBT. (GV hướng dẫn HS: lùi vào bốn ô khi bắt đầu viết mỗi dòng thơ. Không bắt buộc HS viết những chữ hoa chưa học).

– HS đổi bài viết cho bạn bên cạnh, giúp bạn soát lỗi.

– HS nghe bạn nhận xét bài viết.

– HS nghe GV nhận xét một số bài viết.

2.2. Luyện tập chính tả – Phân biệt g/gh

- HS xác định yêu cầu của BT 2b.
- HS đọc thầm câu đố, tìm lời giải đố trong nhóm nhỏ (*ghế, gương*), viết vào VBT.
- HS nêu kết quả trong nhóm đôi và trước lớp.
- HS nghe GV nhận xét.

2.3. Luyện tập chính tả – Phân biệt ay/ây, an/ang

- HS xác định yêu cầu của BT 2(c).
- HS đọc đoạn thơ, điền *ay/ây* (*bay, cây, đầy*)/ điền *an/ ang* (*dàng, lang, tràn*).
- HS chia sẻ kết quả trong nhóm nhỏ và trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 3, 4

3. Luyện từ

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS tìm từ ngữ theo yêu cầu trong nhóm nhỏ bằng kỹ thuật *Khăn trải bàn*, mỗi HS tìm 2 – 3 từ ngữ (tập hát, tập đọc, tập đàn, tập bơi,...; đọc bài, đọc thuộc lòng, đọc đồng thanh, đọc thầm,...; hát hò, hát nhạc, hát bè, hát đẽm,...). Chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS giải nghĩa các từ ngữ tìm được (nếu cần).
- HS nghe GV nhận xét kết quả.

4. Luyện câu

4.1. Đặt câu

- HS xác định yêu cầu của BT 4a.
- HS đặt câu theo yêu cầu BT trong nhóm đôi.
- HS nói trước lớp câu đặt theo yêu cầu.
- HS nghe bạn và GV nhận xét câu.
- HS viết vào VBT 1 – 2 câu có chứa từ ngữ tìm được ở BT 3.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.

4.2. Câu hỏi “làm gì?”

- HS xác định yêu cầu của BT 4b.
- HS tìm từ ngữ trả lời câu hỏi làm gì theo yêu cầu BT trong nhóm đôi (*Kim làm gì?; Thước kẻ làm gì?*).

- HS nói trước lớp kết quả.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

5. Kể chuyện (Đọc – kể)

5.1. Đọc lại truyện *Chuyện của thước kẻ*

HS đọc lại truyện *Chuyện của thước kẻ* để nhớ lại nội dung truyện: nhân vật, sự việc,...

5.2. Sắp xếp các bức tranh theo đúng trình tự sự việc

- HS quan sát từng tranh, nói về nội dung từng tranh và đọc lời nhân vật (nếu có).
- HS trao đổi trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để sắp xếp các bức tranh theo đúng trình tự sự việc trong truyện.

5.3. Kể từng đoạn của câu chuyện theo tranh

- HS quan sát tranh, kể lại từng đoạn của câu chuyện trước lớp. (GV hướng dẫn HS sử dụng ánh mắt, cử chỉ khi kể; phân biệt giọng các nhân vật.)
- HS sử dụng tranh, kể lại từng đoạn của câu chuyện trong nhóm nhỏ.
- Nhóm HS kể nối tiếp từng đoạn của câu chuyện trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét phần kể chuyện.

5.4. Kể toàn bộ câu chuyện

- HS kể toàn bộ câu chuyện trong nhóm nhỏ.
- Một vài nhóm HS kể toàn bộ câu chuyện trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét phần kể chuyện.
- HS trao đổi với bạn về ý nghĩa câu chuyện.

5.5. Đặt tên khác cho câu chuyện

- HS trao đổi trong nhóm để đặt tên khác cho câu chuyện.
- HS nêu tên mới mình đặt và giải thích lí do đặt tên.
- HS nhận xét tên truyện của bạn, GV nhận xét chung.

TIẾT 5, 6

6. Luyện tập tả đồ vật quen thuộc

6.1. Luyện tập nói câu

- HS xác định yêu cầu của BT 6a, đọc gợi ý.
- HS nói 3 – 4 câu theo nhóm đôi về một đồ dùng học tập em chọn dựa vào gợi ý.

- Một vài HS nói trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

6.2. Luyện tập viết câu

- HS xác định yêu cầu của BT 6b.
- HS viết 3 – 4 câu về nội dung đã nói vào VBT.
- Một vài HS đọc bài trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

C. Vận dụng

1. Đọc mở rộng

1.1. Chia sẻ một bài đọc đã đọc về bạn bè

- HS xác định yêu cầu của BT 1a.
- HS chia sẻ trong nhóm nhỏ về tên bài đọc, tên tác giả và tên bạn, thông tin thú vị,...
- HS chọn từ ngữ (có thể chọn gợi ý có sẵn) để nói về bài thơ.
- Một vài HS chia sẻ trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

1.2. Viết Phiếu đọc sách (trong VBT)

- HS viết vào *Phiếu đọc sách* tên bài đọc, tên cuốn sách, tên bạn, thông tin thú vị.
- Một vài HS chia sẻ *Phiếu đọc sách* trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2. Giới thiệu trang phục em thích

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS chọn trang phục mình thích để giới thiệu với bạn (sử dụng ảnh nếu có).

CHỦ ĐIỂM 8: NGHỀ NÀO CŨNG QUÝ (TUẦN 16 – 17)

Chủ điểm *Nghề nào cũng quý* hướng đến việc bồi dưỡng cho HS phẩm chất *nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm*: giúp các em hiểu nghề nào cũng đáng quý, đáng trân trọng; bước đầu thể hiện trách nhiệm với bản thân và gia đình bằng cách tham gia làm những việc vừa sức; biết yêu thương bố mẹ, tự hào về nghề nghiệp của bố mẹ, người thân.

BÀI 1: MẸ CỦA OANH (tiết 1 – 4, SHS, tr.130 – 132)

I. MỤC TIÊU

1. Chia sẻ được với bạn về công việc của một người thân trong gia đình; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài qua tên bài và tranh minh hoạ.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; phân biệt được lời của các nhân vật và lời người dẫn chuyện; hiểu nội dung bài đọc: *Người làm nghề nào cũng đáng quý*; biết liên hệ bản thân: *kính trọng, biết ơn người lao động*; giải được câu đố, nói được câu về nghề đã giải đố và tìm thêm được câu đố về nghề nghiệp.
3. Viết đúng chữ *Ô, O* hoa và câu ứng dụng.
4. Tìm được từ ngữ chỉ hoạt động; đặt được 2 – 3 câu có từ ngữ đã tìm được, đặt được câu hỏi *Ở đâu?* theo mẫu.
5. Nói được 1 – 2 câu về một người trong trường không làm công tác dạy học theo gợi ý.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Mẫu chữ viết hoa *Ô* và *O*.
- Tranh ảnh, video nghề nghiệp của bố mẹ hoặc hình ảnh HS giúp đỡ bố mẹ làm việc (nếu có).
- Bảng phụ ghi đoạn từ *Sau vài giây sững lại đến Em thật đáng khen!*

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1, 2

A. Khởi động

- HS nghe GV giới thiệu tên chủ điểm và nêu cách hiểu hoặc suy nghĩ của em về tên chủ điểm *Nghề nào cũng quý*.
- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, nói với bạn về công việc của người thân trong gia đình: tên công việc, nội dung công việc, thời gian làm việc,...
- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Mẹ của Oanh*.
- HS đọc tên bài kết hợp với quan sát tranh minh hoạ để phán đoán nội dung bài đọc: nhân vật, việc làm của các nhân vật,...

B. Khám phá và luyện tập

1. Đọc

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: đọc phân biệt giọng nhân vật: giọng người dẫn chuyện với giọng kể thông thả, nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ nghề nghiệp, thái độ với công việc, nghề nghiệp; giọng cô giáo nhẹ nhàng, trêu mến; giọng Oanh ban đầu rụt rè, sau tự tin,...).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc, luyện đọc một số từ khó: *bác sĩ, say sưa, cỗ máy, trêu mến, sống lại, sạch sẽ, giúp đỡ, ...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ và luyện đọc một số câu dài: *Tuần say sưa kể / về những cỗ máy / mà bố cậu chế tạo. //*; *Cô giáo cảm ơn Quân / rồi trêu mến / nhìn về phía Oanh. //*,...

– HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp.

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó, VD: *say sưa* (trạng thái bị tập trung, cuốn hút hoàn toàn vào một công việc hứng thú nào đó), *lúng túng* (trạng thái không biết nói năng, hành động như thế nào, do không làm chủ được tình thế), *trêu mến* (biểu lộ tình yêu thương tha thiết),...

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

– HS nêu nội dung bài đọc: *Người làm nghề nào cũng đáng quý.*

– HS liên hệ bản thân: *kính trọng, biết ơn người lao động.*

1.3. Luyện đọc lại

– HS nêu cách hiểu của các em về nội dung bài. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc của từng nhân vật và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV đọc lại đoạn từ *Sau vài giây sống lại* đến *Em thật đáng khen!*

– HS luyện đọc lời khen của cô giáo với Oanh và luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn từ *Sau vài giây sống lại* đến *Em thật đáng khen!*

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

1.4. Luyện tập mở rộng

– HS xác định yêu cầu của hoạt động *Cùng sáng tạo –Đố, giải đố về nghề nghiệp.*

– HS trao đổi trong nhóm nhỏ: đọc câu đố, giải đố (nghề thợ xây, chữa bệnh); HS tìm và giải đố thêm một vài câu đố khác, VD: “Thợ gì biển cạn, sông sâu đã từng?” (thợ lặn); “Nghề gì diu dặt tuổi xanh/ Ra sức học hành, mai sẽ lớn khôn?” (dạy học); v.v...

– HS nghe một vài nhóm trình bày kết quả trước lớp và nghe GV nhận xét kết quả.

TIẾT 3, 4

2. Viết

2.1. Luyện viết chữ Ô, Ơ hoa

– HS quan sát mẫu chữ Ô hoa, xác định chiều cao, độ rộng, cấu tạo nét chữ của con chữ Ô hoa.

– HS quan sát GV viết mẫu và nêu quy trình viết chữ Ô hoa.

– HS viết chữ Ô, Ơ hoa vào bảng con.

– HS tô và viết chữ Ô, Ơ hoa vào VTV.

2.2. Luyện viết câu ứng dụng

– HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu ứng dụng “Ở hiền gặp lành.”.

– HS nghe GV nhắc lại quy trình viết chữ Ơ hoa.

– HS quan sát cách GV viết chữ Ơ và cách đặt dấu thanh.

– HS viết chữ Ở và câu ứng dụng “Ở hiền gặp lành.” vào VTV.

2.3. Luyện viết thêm

– HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu thơ:

Đêm nay bên bến Ô Lâu

Cháu ngồi cháu nhớ chòm râu Bác Hồ.

Thanh Hải

– HS viết chữ Ô hoa và câu thơ vào VTV.

2.4. Đánh giá bài viết

– HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn.

– HS nghe GV nhận xét một số bài viết.

3. Luyện từ

– HS xác định yêu cầu của BT 3.

– HS quan sát tranh, tìm từ ngữ phù hợp với từng tranh, chia sẻ kết quả trong nhóm đôi/ nhóm nhỏ. (Đáp án: lau bảng – bọc vở/ bao tập – quét sân – sắp xếp sách vở/ xếp sách lên kệ – tưới cây – trồng cây)

– HS chơi tiếp sức viết từ ngữ phù hợp dưới tranh.

– HS nghe GV nhận xét kết quả.

– HS tìm thêm một số từ ngữ chỉ hoạt động của người, vật.

4. Luyện câu

- HS xác định yêu cầu của BT 4a, đặt 2 – 3 câu với từ ngữ tìm được ở BT 3 trong nhóm nhỏ.
- HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét câu.
- HS xác định yêu cầu của BT 4b, quan sát câu mẫu.
- HS đặt câu hỏi theo yêu cầu BT trong nhóm đôi.
- HS đặt câu hỏi trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét câu.
- HS viết vào VBT 2 câu hỏi *Ở đâu?* vừa đặt.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.

C. Vận dụng

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Nói về một người làm việc ở trường.*
- 1 – 2 HS nói kể trước lớp về một người làm việc ở trường để bạn và GV nhận xét, định hướng cho hoạt động nhóm.
- HS thực hiện hoạt động theo nhóm nhỏ.
- HS nói trước lớp và chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc về một người làm việc ở trường.

BÀI 2: MỤC LỤC SÁCH (tiết 5 – 10, SHS, tr.133 – 137)

I. MỤC TIÊU

1. Chia sẻ được với bạn cách em tìm bài cần đọc trong một cuốn sách; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài qua tên bài và tranh minh họa.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: *Mục lục sách giúp em tìm bài cần đọc một cách dễ dàng*; biết liên hệ bản thân: *chú ý cách tìm kiếm nhanh, gọn, hiệu quả*.
3. Nghe – viết đúng đoạn văn; phân biệt *eo/oeo*; *d/r* và *ăc/ất*.
4. Mở rộng được vốn từ về nghề nghiệp (từ ngữ chỉ nghề nghiệp và từ ngữ chỉ hoạt động tương ứng); đặt được câu *Ai làm gì?* theo mẫu.
5. Nói và đáp được lời cảm ơn.
6. Tả được đồ vật quen thuộc.
7. Chia sẻ được một bài thơ đã đọc về nghề nghiệp.
8. Nói được cách tìm một bài thơ và một truyện ở mục lục sách.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Thẻ từ ghi sẵn các tên trên nhãn vở ở BT 2b để tổ chức cho HS chơi trò chơi.
- Thẻ từ cho HS ghi tên nghề nghiệp ở BT 3 để tổ chức cho HS chơi trò chơi.
- HS mang tới lớp sách/ báo có bài đọc về công việc, nghề nghiệp đã đọc.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1, 2

A. Khởi động

- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, chia sẻ với bạn về cách em tìm bài cần đọc trong một cuốn sách.
- HS đọc tên bài kết hợp với quan sát tranh minh hoạ để phán đoán nội dung bài đọc: nhân vật, hoạt động,...
- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Mục lục sách*.

B. Khám phá và luyện tập

1. Đọc

1.1. Luyện đọc thành tiếng

- HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: giọng thông thả, chậm rãi; giọng bác thủ thư ân cần, giọng Hà mừng rỡ, biết ơn).
- HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *dã ngoại, sẵn sàng, kế hoạch, lưu giữ,...*
- HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp.

1.2. Luyện đọc hiểu

- HS giải thích nghĩa của một số từ khó, VD: *mục lục* (bản ghi các đề mục với số trang, theo trình tự trình bày trong sách, tạp chí được để ở đầu hoặc cuối sách, tạp chí), *cẩm nang* (sách ghi những điều hướng dẫn cần thiết), *vật dụng* (đồ dùng thường ngày), *ứng phó* (chủ động đối phó một cách kịp thời),...
- HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.
- HS nêu nội dung bài đọc: *Mục lục sách giúp em tìm bài cần đọc một cách dễ dàng.*
- HS liên hệ bản thân: *chú ý cách tìm kiếm nhanh, gọn, hiệu quả.*

1.3. Luyện đọc lại

- HS luyện đọc phần mục lục sách trong nhóm, trước lớp.
- HS khá, giỏi đọc cả bài.

2. Viết

2.1. Nghe – viết

- HS đọc đoạn văn, trả lời câu hỏi về nội dung của đoạn văn.
- HS đánh vần một số tiếng/ từ khó đọc, dễ viết sai do cấu tạo hoặc do ảnh hưởng của phương ngữ, VD: *Việt, giới thiệu, việc, bác sĩ, cổ máy,...*; do ngữ nghĩa, VD: *giờ, giới, diện*.
- HS nghe GV đọc từng cụm từ ngữ và viết đoạn văn vào VBT. (GV hướng dẫn HS: lùi vào một ô khi bắt đầu viết đoạn văn. Viết dấu chấm cuối câu. Không bắt buộc HS viết những chữ hoa chưa học.)
- HS nghe GV đọc lại bài viết, tự đánh giá phần viết của mình và của bạn.
- HS nghe GV nhận xét một số bài viết.

2.2. Luyện tập chính tả – Phân biệt eo/ oeo

- HS đọc yêu cầu BT 2b (Lưu ý: *oeo* là vần khó, GV cho HS đánh vần *o-e-o-oeo*; giải thích nghĩa từ *nằm khoèo*: nằm yên một chỗ, không làm gì).
- HS thực hiện BT vào VBT (*mèo, leo, khéo, khoèo*).
- HS chia sẻ kết quả trong nhóm nhỏ và trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.3. Luyện tập chính tả – Phân biệt d/r, ắc/ất

- HS xác định yêu cầu của BT 2(c).
- HS thực hiện BT vào VBT.
- HS nêu kết quả và giải nghĩa (nếu cần), đặt câu với các từ tìm được.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 3, 4

3. Luyện từ

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS quan sát tranh, thảo luận nhóm nhỏ để tìm từ ngữ chỉ công việc, nghề nghiệp của mỗi người trong tranh. Chia sẻ kết quả trước lớp. Mỗi tranh HS có thể nói các từ ngữ khác nhau, VD: Tranh 3: thợ xây, công nhân xây dựng,... (Đáp án gợi ý: *nông dân – bộ đội/ công an – thợ xây – ngư dân – bác sĩ – phi công*)
- HS chia sẻ thêm về các từ ngữ chỉ công việc, nghề nghiệp.
- HS nghe GV nhận xét kết quả.

4. Luyện câu

- HS xác định yêu cầu của BT 4, quan sát câu mẫu.
- HS đặt câu theo yêu cầu BT trong nhóm đôi.
- HS nói trước lớp câu đặt theo yêu cầu.
- HS nghe bạn và GV nhận xét câu.
- HS viết vào VBT 2 câu về công việc của một người tìm được ở BT 3.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.

5. Nói và nghe:

- HS xác định yêu cầu của BT 5, quan sát tranh.
- HS phân vai nói và đáp lời cảm ơn phù hợp với mỗi tình huống trong nhóm nhỏ.
- Một vài nhóm HS nói và đáp lời cảm ơn trước lớp.
- HS trả lời một số câu hỏi:
 - + *Khi nào em cần nói lời cảm ơn?*
 - + *Khi nói lời cảm ơn, cần chú ý điều gì? (giọng, nét mặt, ánh mắt, cử chỉ, điệu bộ,...)*
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 5, 6

6. Luyện tập tả đồ vật quen thuộc

6.1. Phân tích mẫu

- HS xác định yêu cầu của BT 6a, quan sát tranh và trả lời câu hỏi trong nhóm nhỏ.
- Một vài nhóm nói trước lớp.
- HS nhận xét về các chi tiết của đồ chơi được bạn nhỏ chọn tả. Có thể nói điều em học tập được từ đoạn văn của bạn.

6.2. Viết đoạn văn tả đồ vật

- HS xác định yêu cầu của BT 6b, quan sát tranh.
- HS viết 4 – 5 câu tả chú gấu bông vào VBT. Khuyến khích HS sáng tạo trong cách viết.
- Một vài HS đọc bài trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

C. Vận dụng

1. Đọc mở rộng

1.1. Chia sẻ bài thơ đã đọc về nghề nghiệp

- HS xác định yêu cầu của BT 1a.
- HS chia sẻ với bạn trong nhóm nhỏ về tên bài thơ, tên tác giả hoặc tập thơ, nghề nghiệp, hình ảnh đẹp,...
- Một vài HS chia sẻ trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

1.2. Viết Phiếu đọc sách (trong VBT)

- HS viết vào *Phiếu đọc sách* tên bài thơ, tên tác giả, tập thơ, nghề nghiệp, hình ảnh đẹp.
- Một vài HS chia sẻ *Phiếu đọc sách* trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2. Chia sẻ cách tìm bài thơ, truyện dựa vào mục lục sách

- HS đọc yêu cầu BT 2.
- HS chia sẻ với bạn tên một bài thơ và một truyện đã học ở sách *Tiếng Việt 2, tập một* mà em thích.
- HS tìm bài thơ và truyện ở mục lục sách.
- HS nghe GV hướng dẫn cách chia sẻ cách em tìm bài đọc em:
 - + *Tên bài đọc*
 - + *Vị trí bài đọc trong sách hoặc cách em tìm bài đọc*
 - + *Điều em thích về bài đọc*
 - + ...

BÀI 3: CÔ GIÁO LỚP EM (tiết 11 – 14, SHS, tr.138 – 140)

I. MỤC TIÊU

1. Trao đổi được với bạn về một vài công việc ở trường của thầy cô giáo lớp em; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài qua tên bài và tranh minh hoạ.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng nhịp, dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: *Cô giáo yêu thương và dạy em nhiều điều hay*; biết liên hệ bản thân: *yêu quý thầy cô, chăm chỉ học hành*; viết được bưu thiếp chúc mừng/ cảm ơn thầy cô giáo.
3. Viết đúng chữ *P* hoa và câu ứng dụng.
4. Tìm được từ chỉ người và hoạt động của người; đặt được câu chỉ hoạt động; đặt được câu hỏi cho bộ phận câu chỉ nơi chốn.
5. Hát được bài hát về thầy cô giáo và nói được 1 – 2 câu về bài vừa hát.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Mẫu chữ viết hoa *P*.
- Bảng phụ ghi hai khổ thơ đầu.
- Thẻ từ để HS ghi các từ ngữ ở BT 3.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1, 2

A. Khởi động

- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, trao đổi với bạn về những công việc ở trường của thầy cô giáo lớp em.
- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Cô giáo lớp em*.
- HS đọc tên bài kết hợp với quan sát tranh minh hoạ để phán đoán nội dung bài đọc: nhân vật, việc làm của các nhân vật,...

B. Khám phá và luyện tập

1. Đọc

1.1. Luyện đọc thành tiếng

- HS nghe GV đọc mẫu.
- HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *thoảng, ngắm mãi, ...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ hơi sau các dòng thơ, khổ thơ.
- HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp.

1.2. Luyện đọc hiểu

- HS giải thích nghĩa của một số từ khó, VD: *thoảng* (thoảng qua), *ghé* (tạm dừng lại một thời gian ở nơi nào đó, nhằm mục đích nhất định, trên đường đi),...
- HS đọc thâm lại bài đọc và thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.
- HS nêu nội dung bài đọc: *Cô giáo yêu thương và dạy em nhiều điều hay.*
- HS liên hệ bản thân: *yêu quý thầy cô, chăm chỉ học hành.*

1.3. Luyện đọc lại

- HS nêu cách hiểu của các em về nội dung bài. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc của từng khổ thơ và một số từ ngữ cần nhấn giọng.
- HS nghe GV đọc lại hai khổ thơ cuối.
- HS luyện đọc trong nhóm hai khổ thơ cuối.
- HS luyện đọc thuộc lòng khổ thơ cuối theo cách GV hướng dẫn (Phương pháp xoá dần).
- HS luyện đọc thuộc lòng hai khổ thơ em thích trong nhóm đôi.
- Một vài HS thi đọc thuộc lòng hai khổ thơ em thích trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

1.4. Luyện tập mở rộng

- HS xác định yêu cầu của hoạt động *Cùng sáng tạo – Lời yêu thương.*
- HS thực hiện BT: viết bưu thiếp để chúc mừng/ cảm ơn thầy cô vào VBT.
- HS nghe một vài bạn trình bày kết quả trước lớp và nghe GV nhận xét kết quả.

TIẾT 3, 4

2. Viết

2.1. Luyện viết chữ P hoa

- HS quan sát mẫu chữ *P* hoa, xác định chiều cao, độ rộng, cấu tạo nét chữ của con chữ *P* hoa.
- HS quan sát GV viết mẫu và nêu quy trình viết chữ *P* hoa.
- HS viết chữ *P* hoa vào bảng con.
- HS tô và viết chữ *P* hoa vào VTV.

2.2. Luyện viết câu ứng dụng

- HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu ứng dụng “*Phổ xá nhộn nhịp.*”.
- HS nghe GV nhắc lại quy trình viết chữ *P* hoa và cách nối từ chữ *P* hoa sang chữ *h*.

- HS quan sát cách GV viết chữ *Phổ*.
- HS viết chữ *Phổ* và câu ứng dụng “*Phổ xá nhộn nhíp.*” vào VTV.

2.3. Luyện viết thêm

- HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu ca dao:

*Quảng Bình có động Phong Nha
Có đèo Mụ Giạ, có phà sông Gianh.*

Ca dao

- HS viết chữ *P* hoa, chữ *Phong* và câu ca dao vào VTV.

2.4. Đánh giá bài viết

- HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn.
- HS nghe GV nhận xét một số bài viết.

3. Luyện từ

- HS xác định yêu cầu của BT 3, đọc bài thơ.
- HS tìm từ ngữ trong nhóm nhỏ. Chia sẻ kết quả trước lớp.
(Đáp án: a. bé – thợ nề – thợ mỏ – thợ hàn – thầy thuốc,
b. chơi – xây – đào – nổi – chữa bệnh)
- HS giải nghĩa các từ ngữ tìm được (nếu cần).
- HS nghe GV nhận xét kết quả.

4. Luyện câu

4.1. Câu chỉ hoạt động

- HS xác định yêu cầu của BT 4a.
- HS đặt câu theo yêu cầu BT trong nhóm đôi.
- HS nói trước lớp câu đặt theo yêu cầu.
- HS nghe bạn và GV nhận xét câu.

4.2. Đặt và trả lời câu hỏi Ở đâu?

- HS xác định yêu cầu của BT 4b.
- HS đặt câu hỏi theo yêu cầu BT trong nhóm nhỏ.
- HS đặt và trả lời câu hỏi trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét câu.

- HS viết vào VBT các câu hỏi vừa đặt.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.

C. Vận dụng

1. Trò chơi *Ca sĩ nhí*

- HS xác định yêu cầu của hoạt động.
- HS hát/ nghe hát bài hát về thầy cô giáo.

2. Nói 1 – 2 câu về bài hát

- HS xác định yêu cầu của hoạt động.
- HS thảo luận trong nhóm nhỏ nói về bài hát.
- Một vài nhóm HS nói trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

BÀI 4: NGƯỜI NẶN TÒ HE (tiết 15 – 20, SHS, tr.141 – 145)

I. MỤC TIÊU

1. Chia sẻ được với bạn một đồ chơi em thích; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài qua tên bài và tranh minh hoạ.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: *Đôi bàn tay khéo léo của bác Huấn tạo nên những món đồ chơi dân gian thật sinh động*; biết liên hệ bản thân: *kính trọng người lao động, yêu quý các sản phẩm họ làm ra*.
3. Nghe – viết đúng đoạn văn; phân biệt *ng/ngh, s/x và uôc/uôt*.
4. Mở rộng được vốn từ về nghề nghiệp (từ ngữ chỉ người lao động, chỉ hoạt động lao động của người, chỉ vật dụng dùng khi lao động và nơi lao động); điền từ ngữ đúng, phù hợp vào chỗ trống.
5. Kể lại được truyện *Mẹ của Oanh* đã đọc.
6. Tả được đồ vật quen thuộc.
7. Chia sẻ được một bài văn đã đọc về nghề nghiệp.
8. Tham gia được trò chơi *Đoán nghề nghiệp qua hoạt động*.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Bảng phụ viết đoạn từ *Thoắt cái đến sắc xanh* để hướng dẫn HS luyện đọc.
- Tranh ảnh phóng to truyện *Mẹ của Oanh* (nếu có).
- Thẻ từ phân loại các nhóm từ về lao động.
- HS mang tới lớp một truyện về công việc, nghề nghiệp đã đọc.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1, 2

A. Khởi động

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, nói với bạn cách em tự làm một đồ chơi hoặc giới thiệu một đồ chơi em thích.

– HS đọc tên bài kết hợp với quan sát tranh minh hoạ để phán đoán nội dung bài đọc: nhân vật, tên gọi, điểm đáng yêu của nhân vật,...

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Người nặn tò he*.

B. Khám phá và luyện tập

1. Đọc

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: giọng thông thả, vui tươi, nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ đặc điểm riêng của bác Huân khi làm tò he, từ ngữ tả những con tò he. Câu cuối giọng vui, thể hiện tình cảm và niềm tự hào với công việc của bác Huân.)

– HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *nhuộm màu, vắt bột, nhỏ nôi, lá riêng, met, chìm chìm, lặn, ...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ và luyện đọc một số câu dài: *Thỉnh thoảng, / bác Huân nặn riêng cho tôi / một chú lính áo vàng, áo đỏ / hay vài anh chim bói cá / lấp lánh sắc xanh. //; Tôi cứ thế mê mẩn ngắm / cả thế giới đồ chơi / mở ra trước mắt / và càng thấy yêu hơn / đôi bàn tay của bác hàng xóm thân thương. //; ...*

– HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp.

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó, VD: *hàng xóm (người ở cùng một xóm), vắt bột (lượng bột được vắt thành nắm nhỏ), chắt (lấy riêng ra ít chất lỏng ở trong hỗn hợp có ít chất lỏng), nhỏ nôi (cây nhỏ thuộc họ cúc, mọc hoang, thân có nhiều lông, hoa trắng, lá dùng làm thuốc), chen chúc (chen nhau lộn xộn), mê mẩn (say sưa thích thú đến mức như không còn biết gì cả),...*

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

– HS nêu nội dung bài đọc: *Đôi bàn tay khéo léo của bác Huân tạo nên những món đồ chơi dân gian thật sinh động.*

– HS liên hệ bản thân: *kính trọng người lao động, yêu quý các sản phẩm họ làm ra.*

1.3. Luyện đọc lại

– HS nêu cách hiểu của các em về nội dung bài. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

- HS nghe GV đọc lại đoạn từ *Thoắt cái* đến *sắc xanh*.
- HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn từ *Thoắt cái* đến *sắc xanh*.
- HS khá, giỏi đọc cả bài.

2. Viết

2.1. Nghe – viết

- HS đọc đoạn văn, trả lời câu hỏi về nội dung của đoạn văn.
- HS đánh vần một số tiếng/ từ khó đọc, dễ viết sai do cấu tạo hoặc do ảnh hưởng của phương ngữ, VD: *vẫn, gào thét, từng con, lẫn lộn, chỉ huy,...*; hoặc do ngữ nghĩa, VD: *đỡ, gió, giữa*.
- HS nghe GV đọc từng cụm từ ngữ và viết đoạn văn vào VBT. (GV hướng dẫn HS: lùi vào một ô khi bắt đầu viết đoạn văn. Viết dấu chấm cuối câu. Không bắt buộc HS viết những chữ hoa chưa học.)
- HS nghe GV đọc lại bài viết, tự đánh giá phần viết của mình và của bạn.
- HS nghe GV nhận xét một số bài viết.

2.2. Luyện tập chính tả – Phân biệt ng/ngh

- HS xác định yêu cầu của BT 2b.
- HS tìm trong bài viết và ngoài những từ ngữ chứa tiếng bắt đầu bằng *ng/ngh*, viết vào VBT.
- HS nêu kết quả và đặt câu với các từ tìm được.

2.3. Luyện tập chính tả – Phân biệt s/x và uôc/uôt

- HS xác định yêu cầu của BT 2(c), đọc gợi ý.
- HS thảo luận nhóm đôi, tìm từ ngữ bắt đầu bằng *s/x* và từ ngữ chứa vần *uôc/uôt* phù hợp với yêu cầu.
- HS thực hiện BT vào VBT.
- HS nêu kết quả và đặt câu với các từ tìm được.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 3, 4

3. Luyện từ

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS quan sát và đọc từ, chọn từ xếp vào từng nhóm.

(Đáp án: *a. công nhân – nông dân – bác sĩ, b. cày ruộng – lái tàu – khám bệnh, c. máy khoan – máy cày – ống nghe, d. công trường – bệnh viện – đồng ruộng*)

- HS chơi tiếp sức gắn từ ngữ phù hợp vào từng nhóm.
- HS nghe GV nhận xét kết quả.
- HS tìm thêm một số từ ngữ thuộc mỗi nhóm.

4. Luyện câu

- HS xác định yêu cầu của BT 4.
- HS lựa chọn từ ngữ theo yêu cầu BT trong nhóm nhỏ.
- HS làm bài vào VBT.
- HS đọc lại đoạn văn đã điền từ.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.

5. Kể chuyện (Đọc – kể)

5.1. Đọc lại truyện *Mẹ của Oanh*

HS đọc lại truyện *Mẹ của Oanh* để nhớ lại nội dung truyện: nhân vật, sự việc,...

5.2. Sắp xếp các tranh theo đúng trình tự sự việc

- HS quan sát từng tranh, nói về nội dung từng tranh và đọc lời nhân vật (nếu có).
- HS trao đổi trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để sắp xếp các tranh theo đúng trình tự sự việc trong truyện.

5.3. Kể từng đoạn của câu chuyện theo tranh

- HS quan sát tranh, kể lại từng đoạn của câu chuyện trước lớp. (GV hướng dẫn HS sử dụng ánh mắt, cử chỉ khi kể; phân biệt giọng các nhân vật.)
- HS sử dụng tranh, kể lại từng đoạn của câu chuyện trong nhóm nhỏ.
- Nhóm HS kể nối tiếp từng đoạn của câu chuyện trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét phần kể chuyện.

5.4. Kể toàn bộ câu chuyện

- HS phân vai kể toàn bộ câu chuyện trong nhóm nhỏ.
- Một vài nhóm HS kể toàn bộ câu chuyện trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét phần kể chuyện.
- HS trao đổi với bạn về ý nghĩa câu chuyện.

TIẾT 5, 6

6. Luyện tập tả đồ vật quen thuộc

6.1. Nói về một đồ chơi em thích

- HS xác định yêu cầu của BT 6a, quan sát tranh và gợi ý.
- HS nói 4 – 5 câu về món đồ chơi của em trong nhóm nhỏ.
- Một vài HS nói trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

6.2. Viết về một đồ chơi em thích

- HS xác định yêu cầu của BT 6b.
- HS viết nội dung vừa nói vào VBT. Khuyến khích HS sáng tạo trong cách viết.
- Một vài HS đọc bài trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

C. Vận dụng

1. Đọc mở rộng

1.1. Chia sẻ một bài văn đã học về nghề nghiệp

- HS xác định yêu cầu của BT 1a.
- HS chia sẻ với bạn trong nhóm nhỏ về tên bài văn, tên tác giả, thông tin em thích, lí do em thích và chọn câu văn nói về công việc, nghề nghiệp của nhân vật.
- Một vài HS chia sẻ trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

1.2. Viết Phiếu đọc sách (trong VBT)

- HS viết vào *Phiếu đọc sách* tên bài văn, tác giả, câu văn hay và thông tin em thích.
- Một vài HS chia sẻ *Phiếu đọc sách* trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2. Chơi trò chơi Đoán nghề nghiệp qua hoạt động

- HS nghe GV hướng dẫn cách chơi: HS làm quản trò thực hiện hoạt động gắn với một nghề nghiệp cho HS cả lớp đoán tên. HS đoán được tên nghề nghiệp sẽ tiếp tục làm quản trò.
- HS chơi trò chơi và ghi nhớ được những hoạt động chính của một số nghề nghiệp.

ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I (TUẦN 18)

Tuần *Ôn tập cuối học kì I* tiếp tục hướng đến việc bồi dưỡng phẩm chất *nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm, trung thực* ở HS; rèn luyện và phát triển năng lực *tự chủ và tự học; giao tiếp và hợp tác; giải quyết vấn đề và sáng tạo* thông qua việc ôn lại các bài học ở các chủ điểm *Những người bạn nhỏ, Ngôi nhà thứ hai, Bạn thân ở trường, Nghề nào cũng quý*.

ÔN TẬP 1 (tiết 1 – 3, SHS, tr.146 – 148)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc đúng và trả lời được các câu hỏi về nội dung bài đọc *Những người giữ lửa trên biển*.
2. Viết được các chữ *I, K, L, M, N, P, O* hoa và viết đúng tên người.
3. Tìm được từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động; đặt được 1 – 2 câu chỉ sự vật, hoạt động.
4. Biết nói và đáp lời cảm ơn, lời khen ngợi.
5. Chia sẻ được một bài đã đọc về người lao động.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Tranh, ảnh, băng hình về đảo Trường Sa, trạm hải đăng Sơn Ca (nếu có).
- Mẫu chữ viết hoa *I, K, L, M, N, P, O*.
- Ảnh/ tranh Bác Hồ, Cù Chính Lan, Nguyễn Bá Ngọc, Ông Ích Khiêm.
- HS mang tới lớp sách/ báo có bài đọc về người lao động đã đọc.
- Bảng phụ ghi nội dung cần chú ý luyện đọc và một số BT (nếu được).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Đọc

1.1. Luyện đọc thành tiếng

- HS đọc tên bài, quan sát tranh, phán đoán nội dung bài đọc trong nhóm nhỏ.
- HS nghe GV giới thiệu bài đọc *Những người giữ lửa trên biển*.
- HS đọc nối tiếp đoạn trong nhóm nhỏ, đọc cả bài trong nhóm đôi và trước lớp.

1.2. Luyện đọc hiểu

- HS giải thích nghĩa của một số từ khó, VD: *dập dềnh* (lên xuống nhịp nhàng trên mặt nước), *sừng sững* (có dáng vững chãi, cao lớn như chắn ngang phía trước), *chứng kiến* (nhìn thấy tận mắt),...

– HS nghe GV hướng dẫn đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời các câu hỏi trong SHS.

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

TIẾT 2

2. Viết

2.1. Ôn viết chữ I, K, L, M, N, P, O hoa

– HS quan sát mẫu chữ I, K, L, M, N, P, O hoa, xác định chiều cao, độ rộng các chữ (có thể làm theo nhóm chữ).

– HS quan sát GV viết mẫu và nhắc lại quy trình viết chữ 1 – 2 chữ hoa.

– HS viết chữ I, K, L, M, N, P, O hoa vào VTV.

2.2. Luyện viết tên người (tên nhân vật lịch sử)

– HS quan sát tranh/ ảnh, nghe GV giới thiệu ngắn gọn về các nhân vật lịch sử (*Hồ Chí Minh*: Bác Hồ, *Cù Chính Lan*: Anh hùng Lực lượng vũ trang; *Nguyễn Bá Ngọc*: anh hùng thiếu nhi; *Ông Ích Khiêm*: một vị tướng giỏi, thời nhà Nguyễn)¹.

– HS quan sát và nhận xét cách viết các tên riêng chỉ người *Hồ Chí Minh*, *Cù Chính Lan*, *Nguyễn Bá Ngọc*, *Ông Ích Khiêm*.

– HS xác định độ cao các con chữ, vị trí đặt dấu thanh, khoảng cách giữa các tiếng,...

– HS quan sát cách GV viết từ *Hồ Chí Minh*.

– HS viết các tên riêng địa danh *Hồ Chí Minh*, *Cù Chính Lan*, *Nguyễn Bá Ngọc*, *Ông Ích Khiêm* vào VTV.

2.3. Luyện viết thêm

– HS đọc và tìm hiểu nghĩa của bài thơ:

Ngõ trưa

Im lìm đàn kiến dung dăng

Kiếp con đê lửa đi băng qua rào

Ngõ trưa ngơ ngẩn thế nào

Mà cơn gió lén chui vào chẳng hay.

Nguyễn Lãm Thắng

– HS viết chữ I, K, L, M, N, P, O hoa và bài thơ vào VTV.

¹ Hoạt động này chỉ dừng ở mức độ như vừa nêu, tránh sa đà vào giới thiệu tiểu sử nhân vật, vì mục tiêu của bài là luyện tập viết hoa tên riêng.

2.4. Đánh giá bài viết

- HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn.
- HS nghe GV nhận xét một số bài viết.

TIẾT 3

3. Luyện tập từ

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS tìm từ ngữ theo yêu cầu trong nhóm đôi.
- HS giải nghĩa các từ ngữ tìm được (nếu cần).
- HS nghe GV nhận xét kết quả (từ ngữ chỉ sự vật: *đỉnh tháp (tháp), người thợ (thợ), hệ thống đèn (đèn)*; từ ngữ chỉ hoạt động: *lau chùi, kiểm tra*).

4. Luyện tập câu

- HS xác định yêu cầu của BT 4.
- HS đặt câu theo yêu cầu BT trong nhóm đôi.
- HS nói trước lớp câu đặt theo yêu cầu.
- HS nghe bạn và GV nhận xét câu.
- HS viết vào VBT 1 – 2 câu có chứa từ ngữ tìm được ở BT 3.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.

5. Luyện tập nói và nghe

5.1. Nói và đáp lời cảm ơn thầy cô, bác thủ thư

- HS xác định yêu cầu của BT 5a.
- HS đóng vai nói và đáp lời cảm ơn trong nhóm đôi.
- Một vài nhóm HS nói và đáp trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

5.2. Nói và đáp lời khen ngợi bạn khi bạn đạt thành tích cao trong học tập

- HS xác định yêu cầu của BT 5b.
- HS đóng vai nói và đáp lời khen ngợi trong nhóm đôi.
- Một vài nhóm HS nói và đáp trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

6. Đọc mở rộng

6.1. Chia sẻ một bài đọc đã đọc về người lao động

- HS chia sẻ với bạn trong nhóm nhỏ về tên bài đọc, tên tác giả, tên sách báo có bài đọc, từ ngữ chỉ công việc, nghề nghiệp, điều em biết thêm từ bài đọc.

- Một vài HS chia sẻ trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

6.2. Viết Phiếu đọc sách (trong VBT)

- HS viết vào *Phiếu đọc sách* tên bài đọc, từ ngữ chỉ nghề nghiệp, công việc, điều em biết thêm từ bài đọc.
- Một vài HS chia sẻ *Phiếu đọc sách* trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

ÔN TẬP 2 (tiết 4 – 6, SHS, tr.148 – 150)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc đúng và trả lời được các câu hỏi về nội dung bài đọc *Cánh cửa nhớ bà*.
2. Nghe – viết đúng hai khổ thơ; phân biệt được các trường hợp chính tả: *c/k, g/gh, ng/ngh, im/iêm, an/ang, ch/tr, ui/uôi*.
3. Điền đúng dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than.
4. Viết được 4 – 5 câu tả một đồ vật trong nhà theo gợi ý¹.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Tranh, ảnh, băng hình về bà cháu (nếu có).
- Tranh, ảnh một số đồ dùng gia đình.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Đọc

1.1. Luyện đọc thành tiếng

- HS đọc tên bài, quan sát tranh, phán đoán nội dung bài đọc trong nhóm nhỏ.
- HS nghe GV giới thiệu bài đọc *Cánh cửa nhớ bà*.
- HS đọc nối tiếp các khổ thơ trong nhóm nhỏ, đọc cả bài trong nhóm đôi và trước lớp.

1.2. Luyện đọc hiểu

- HS nghe GV hướng dẫn đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời các câu hỏi trong SHS.
- HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

¹ Như đã trình bày ở phần *Hướng dẫn chung*, tr.20, số lượng câu yêu cầu HS viết được có thể chỉ 3 – 4 câu.

TIẾT 2

2. Viết

2.1. Nghe – viết: *Cánh cửa nhờ bà (2 khổ thơ cuối)*

- HS đọc 2 khổ thơ cuối, trả lời câu hỏi về nội dung đoạn viết.
- HS đánh vần một số tiếng/ từ khó đọc do cấu tạo hoặc do ảnh hưởng của phương ngữ, VD: *mỗi năm, lớn lên, lưng, trên, nay, trời, ngươì,...*; hoặc do ngữ nghĩa, VD: *dưới*.
- HS nghe GV đọc từng dòng thơ, viết vào VBT. (GV hướng dẫn HS: đầu dòng lùi vào 3 ô).
- HS đổi bài viết cho bạn bên cạnh, nghe GV đọc lại bài viết, giúp bạn soát lỗi.
- HS nghe bạn nhận xét bài viết.
- HS nghe GV nhận xét một số bài viết.

2.2. Luyện tập chính tả – Phân biệt *c/k, g/gh, ng/ngh, im/ iêm, an/ ang, ch/tr, ui/uôi*

- HS xác định yêu cầu của BT 2b, nhắc lại quy tắc chính tả đối với các chữ *c/k, g/gh, ng/ngh*.
- HS thực hiện BT vào VBT, chia sẻ kết quả trong nhóm nhỏ.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.
- HS xác định yêu cầu của BT 2(c).
- HS thực hiện BT vào VBT.
- HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS giải nghĩa (nếu cần) và đặt câu với từ ngữ vừa điền.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

3. Luyện tập câu và dấu câu

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS đọc đoạn văn, thảo luận trong nhóm đôi thực hiện yêu cầu BT.
(Đáp án: *dấu chấm – dấu chấm – dấu chấm than – dấu chấm hỏi – dấu chấm hỏi – dấu chấm*)
- HS chơi tiếp sức điền dấu câu thích hợp vào ô trống vào VBT.
- HS đọc lại đoạn văn đã điền dấu câu và nêu tác dụng của dấu chấm (kết thúc câu kể), dấu chấm hỏi (kết thúc câu hỏi), dấu chấm than (kết thúc câu bộc lộ cảm xúc)¹.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 3

4. Luyện tập viết 4 – 5 câu

- HS đọc yêu cầu BT 4 và các câu hỏi gợi ý.

¹ Việc thực hiện BT này không nhằm mục đích dạy lí thuyết mà chỉ nhằm mục đích thực hành – hướng dẫn sử dụng câu và dấu câu, nên việc nhắc lại văn tắt chỉ có ý nghĩa như vừa nêu.

- HS chia sẻ với bạn:
 - + *Em sẽ tả đồ vật gì?*
 - + *Đồ vật đó có những đặc điểm gì nổi bật về hình dáng, kích thước, màu sắc, chất liệu?*
 - + *Tình cảm của em với đồ vật đó?*
- HS viết 4 – 5 câu tả đồ vật trong nhà vào VBT¹.
- Một vài HS đọc bài viết trước lớp.
- HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn.
- HS nghe GV nhận xét một số bài viết.

ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ I (tiết 7 – 10, SHS, tr.151 – 154)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc đúng đoạn, bài *Cá chuồn tập bay*; tốc độ đọc khoảng 40 – 50 tiếng/ 1 phút.
2. Đọc thầm và trả lời được các câu hỏi về nội dung bài *Bữa tiệc ba mươi sáu món*.
3. Nghe – viết được đoạn văn với tốc độ khoảng 40 – 45 chữ/ 15 phút; viết hoa đúng các chữ đầu câu; phân biệt được một số trường hợp chính tả *d/gi* thường gặp.
4. Viết được 4 – 5 câu giới thiệu một đồ dùng học tập theo gợi ý².
5. Nghe và trả lời được các câu hỏi về nội dung câu chuyện *Dòng suối và viên nước đá*; nói được điều học được từ câu chuyện vừa nghe.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Tranh, ảnh của một số đồ dùng học tập.
- Một số tờ thăm ghi các đoạn dùng kiểm tra đọc thành tiếng.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 – 2

A. Đọc thành tiếng

- HS nghe GV hướng dẫn cách thực hiện nội dung kiểm tra đọc thành tiếng bài *Cá chuồn tập bay*.

Lưu ý: cá chuồn (cá biển có vây ngực phát triển, có thể bay được trên mặt nước), nhẹ bồng (nhẹ đến mức gây cảm giác như không có trọng lượng, dễ dàng nhấc lên cao).

- HS bắt thăm đoạn đọc.
- HS đọc đoạn mình đã bắt thăm.
- HS nghe GV nhận xét, đánh giá.

¹ Như đã trình bày ở phần *Hướng dẫn chung*, tr.20, số lượng câu yêu cầu HS viết được có thể chỉ 3 – 4 câu.

² Như đã trình bày ở phần *Hướng dẫn chung*, tr.20, số lượng câu yêu cầu HS viết được có thể chỉ 3 – 4 câu.

B. Đọc hiểu

1. Trả lời câu hỏi trắc nghiệm

– HS nghe GV hướng dẫn cách thực hiện nội dung kiểm tra đọc hiểu bài *Bữa tiệc ba mươi sáu món*.

– HS nghe GV đọc bài *Bữa tiệc ba mươi sáu món* và giải thích một số từ khó (nếu cần).

– HS đọc thầm bài *Bữa tiệc ba mươi sáu món*.

– HS xác định yêu cầu của BT 1.

– HS thực hiện vào VBT.

– HS nghe GV nhận xét, đánh giá.

2. Trả lời câu hỏi

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS viết câu trả lời vào VBT. (Đáp án: *Vì cô giáo cũng góp vào một món.*)

– HS nghe GV nhận xét, đánh giá.

TIẾT 3 – 4

C. Viết

1. Nghe – viết

– HS đọc đoạn văn, trả lời câu hỏi về nội dung đoạn viết.

– HS đánh vần một số tiếng/ từ khó đọc, dễ viết sai do cấu tạo hoặc do ảnh hưởng của phương ngữ, VD: *mỗi bạn, lợn, lỗ, rùm, sơn son, ướt, tròn vo, ...*; hoặc do ngữ nghĩa, VD: *da, giòn, ...*

– HS nghe GV đọc từng cụm để viết vào VBT.

– HS đổi bài viết cho bạn bên cạnh, nghe GV đọc lại bài viết, giúp bạn soát lỗi.

– HS nghe bạn nhận xét bài viết.

– HS nghe GV nhận xét một số bài viết.

2. Điền dấu câu vào ô trống, viết hoa chữ đầu câu

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS đọc thầm đoạn văn, thực hiện yêu cầu BT vào VBT.

– HS đọc lại đoạn văn đã điền dấu các dấu câu (dấu chấm than – dấu chấm – dấu chấm) và viết hoa chữ đầu câu (*Cả, Có*).

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

3. Chính tả d/gi

– HS xác định yêu cầu của BT 3.



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH



BỘ SÁCH GIÁO VIÊN LỚP 2 – CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

1. TIẾNG VIỆT 2 – TẬP MỘT
Sách giáo viên
2. TIẾNG VIỆT 2 – TẬP HAI
Sách giáo viên
3. TOÁN 2
Sách giáo viên
4. TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI 2
Sách giáo viên
5. ĐẠO ĐỨC 2
Sách giáo viên
6. ÂM NHẠC 2
Sách giáo viên
7. MĨ THUẬT 2
Sách giáo viên
8. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM 2
Sách giáo viên
9. GIÁO DỤC THỂ CHẤT 2
Sách giáo viên

Các đơn vị đầu mối phát hành

- **Miền Bắc:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc
 - **Miền Trung:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Trung
 - **Miền Nam:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Nam
 - **Cửu Long:** CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long
- Sách điện tử:** <http://hanhtrangso.nxbgd.vn>

Kích hoạt để mở học liệu điện tử: Cào lớp nhũ trên tem để nhận mã số. Truy cập <http://hanhtrangso.nxbgd.vn> và nhập mã số tại biểu tượng chia khóa.



ISBN 978-604-0-25604-1



9 786040 256041

Giá: 57.000 đ